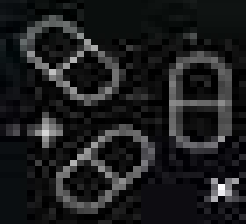


ELLERY QUEEN

ĐIỀU TRƯỞNG MỸ LINH DUY

BÍ

TH



PERFORMANCE
PIECES

KỊCH

CUỐI

3 H 5 M

CÙNG



NHÀ SÁCH XUẤT BẢN VĂN HỌC

BI KỊCH CUỐI CÙNG



Nguyên tác: Drury Lane's Last Case (1933)

Tác giả: Barnaby Ross

Người dịch: Đinh Trọng Nhân

Nhà xuất bản Văn Học

ebook©vctvegroup

11-09-2018

LỜI TÁC GIẢ

Như nhà ẩm thực mới tìm lại được vị giác, sau một thời gian dài găng gượng nhai nuốt những món ăn tồi tệ, tôi bỗng được hưởng một hương vị độc đáo và thơm ngon vô cùng - mà tôi ghi lại dưới đây: *Vụ án cuối cùng mà quý ông vĩ đại của sân khấu kịch Shakespeare, ngài Drury Lane đã cống hiến tất cả nỗ lực phi thường của mình.*

Đây là vinh hạnh dành cho tôi dưới danh nghĩa người ghi chép thầm lặng những khám phá của ngài Lane; và chắc chắn không ai có thể nghi ngờ - trừ khi có mâu thuẫn với cá nhân Lane - sự linh hoạt đáng ngưỡng mộ trong tư duy mà ông thể hiện trong những vụ điều tra mà tôi đặt tên là *Tấn Bi Kịch X*, *Tấn Bi Kịch Y* và *Tấn Bi Kịch Z*. Không chỉ là vinh dự mà đây cũng là trọng trách của tôi - ghi lại lại cuộc điều tra cuối cùng của con người phi thường này, trong cuốn sách mà tôi đã đặt tên là *Bi Kịch 1599*, bởi một lí do sẽ được làm sáng tỏ ngay sau đây. Tôi nói đây là một ‘trọng trách’, vì Lane không chỉ làm công chúng ở thời đại mình ngưỡng mộ nhờ sự cao ngạo trong cách tư duy suốt ba vụ án đã khám phá trước đó mà còn làm họ bất ngờ và thích thú bởi những khám phá đã khẳng định tên tuổi ông như một người bảo vệ công lý xuất sắc. Bởi vậy, nếu tôi ngăn cản độc giả - những người đã kiên nhẫn, hào hứng, đầy nhiệt huyết theo sát tất cả những cuộc phiêu lưu khác của Lane - tiếp cận với vụ án đỉnh cao này, đó sẽ là một tội lỗi không thể tha thứ.

Đây chỉ là ý kiến của riêng tôi về một sự vụ kì lạ và đặc biệt bậc nhất không hề có tiền lệ trong lịch sử tội phạm học, sẽ xảy ra trong cuốn truyện này.

ELLERY QUEEN

NHÂN VẬT

- THUMM, cựu thanh tra của sở cảnh sát New York, giờ đã nghỉ hưu và mở văn phòng thám tử.
- PATIENCE THUMM, con gái của thanh tra Thumm, yêu văn học và có khả năng suy đoán thông minh.
- DRURY LANE, nghệ sĩ kịch đã nghỉ hưu, đã cùng sát cánh với thanh tra Thumm giải quyết nhiều vụ án.
- TIẾN SĨ ALONZO CHOATE, nguyên quản lý của Bảo tàng Britannic.
- TIẾN SĨ HAMNET SEDLAR, người quản lý mới của Bảo tàng Britannic.
- LYDIA SAXON, người bảo trợ các tác phẩm nghệ thuật.
- CRABBE, thủ thư của thư viện Saxon.
- GORDON ROWE, học giả trẻ tuổi, thực tập sinh tại Bảo tàng Britannic.
- TIẾN SĨ ALES, một học giả đam mê sách.
- MAXWELL, người giúp việc của Tiến sĩ Ales.
- DONOGHUE, bảo vệ đặc biệt tại Bảo tàng Britannic.
- JOE VILLA, tên ăn trộm.
- GEORGE FISHER, tài xế thuộc Công ty xe buýt Rivoli.
- BOLLING, cảnh sát trưởng ở Tarrytown.
- Các nhân vật khác:
 - QUACEY (người hóa trang và bạn thân của Drury Lane);
 - FALLSTAFF (quản gia của Drury Lane);

- BRODIE (thư kí của Văn phòng thám tử); SAMUEL SAXON (nhà sưu tầm quá cố);
- JOHN HUMPHREY BOND (nhà sưu tầm quá cố người Anh);
- JAMES WYETH (nhà sưu tầm nổi tiếng người Mỹ);
- các nhân viên của viện bảo tàng, cảnh sát, luật sư quận, nhân viên của Công ty xe buýt Rivoli;
- mười bảy giáo viên đến từ Indiana...

MỞ ĐẦU

Bộ Râu Của Joseph

Đó là một bộ râu kì cục, khác người, nhìn khá khôi hài. Được tạo hình giống một chiếc khiên cách điệu, nó được uốn cong phình ra từ phần cằm đã bị che phủ hoàn toàn xuống và phủ lên luôn cả phần cổ áo. Có nét gì đó vừa mềm mại vừa cao quý trong những lọn râu hoàn hảo đó, giống như chòm râu uy nghiêm của thần Zeus. Nhưng, vẻ đẹp thu hút mọi ánh nhìn lại không nằm ở cái phần cong phình ra hai bên ấy; mà điều kì diệu thực sự nằm ở màu sắc của bộ râu.

Đó thực sự là bộ râu của Joseph*, được nhuộm sắc đen, xanh da trời và xanh lá cây theo từng vệt cũng giống chiếc áo của Joseph mà ta thường thấy trong tranh vẽ. Phải chăng nó đã phai màu dưới ánh mặt trời rực rỡ? Hay nó nhạt màu vì những lí do bí hiểm, giả như ông đã dành hàng giờ bên bàn thí nghiệm, chải chuốt bộ râu của mình trong một chậu hóa chất? Một bộ râu như của một vị thần như thế không thể có một xuất thân tầm thường. Bộ râu đó phải được ghi vào lịch sử; dứt khoát phải cho vào viện bảo tàng để gìn giữ đến muôn đời sau.

Bây giờ thì thám tử Thumm, từng làm việc ở Sở cảnh sát New York, đã nghỉ hưu, nhưng vốn quen bạn rộng, đang đắm chìm trong công việc tại phòng thám tử tư, sau bốn mươi năm quá quen thuộc với những điều bất ngờ trong xã hội loài người. Nhưng kể cả như vậy thì ông cũng phát hoảng lên, sau đó thực tâm thích thú với bộ râu phi thường trên cằm của vị khách đến vào một buổi sáng thứ Hai dịu nhẹ đầu tháng Năm. Ông chưa bao giờ nhìn thấy một bộ sưu tập gồm những sợi tơ sặc sỡ đến vậy. Thumm nhìn chăm chăm, rồi nhìn chăm chăm, như thể dù nhìn bao nhiêu lâu vẫn thấy không đủ.

Cuối cùng ngài cũng nói: “Mời ngồi,” bằng giọng nhỏ nhẹ, liếc mắt qua lịch để bàn, hi vọng nhờ một điều kì diệu nào đó, hôm nay trở thành ngày *Cá tháng Tư*, để ngài có thể ngồi tụt sâu vào ghế, cào nhẹ lên bộ hàm rộng của mình và nhìn vị khách kia một cách sững sờ sững sốt.

Râu Cầu Vòng bình thản ngồi xuống, hoàn toàn thư thái. Ông ấy là một người cao gầy, thám tử Thumm quan sát - ngài không thu được thông tin gì khá khẩm hơn, bởi phần còn lại của ông ta, hết như cái cằm, cũng được gói kỹ trong bộ trang phục cũng bí ẩn và kì quái. Ông ta vận rất nhiều lớp áo, cả cơ thể được phủ lên vài lớp vải dày cộp; nên đôi mắt tinh anh của vị thám tử chỉ phát hiện được đôi cổ tay mảnh dẻ dưới đôi tay mang găng và đôi chân lòng không - những dấu hiệu không che giấu được. Đôi kính mắt màu xanh biển che đi cặp mắt ông ta. Chiếc mũ phớt có vẻ bình thường, nhưng lại toát lên nét thờ ơ quyến rũ không giấu giếm khi ông bước chân vào văn phòng thám tử, che kín phần đầu và màu tóc của ông. Và ông ta ngồi đó, giống thần Zeus, im lặng hoàn toàn.

Thumm húng hắng. “Vâng?” ông cố khích lệ.

Bộ râu hơi lay động, như thể đang cười.

“Vâng? Tôi có thể giúp gì ông?”

Đột nhiên vị khách vất chéo đôi chân mảnh khảnh, đặt bàn tay đeo găng lên đầu gối. “Hẳn ngài thực sự là thám tử Thumm, tôi đoán vậy?” một giọng nói nhừa nhựa vang lên. Thumm giật mình, như thể ông vừa nghe một bức tượng phát ra tiếng nói.

“Là tôi đây.” Thumm ưỡn oải nói. “Còn ông là...?”

Ông ta phẩy tay. “Chuyện này không quan trọng, ngài thám tử à. vấn đề là... tôi phải nói sao nhỉ? Tôi muốn yêu cầu ngài một điều hết sức đặc biệt.”

Hẳn đó là một yêu cầu đặc biệt, vị thám tử nghĩ thầm, nếu như ông không mang bộ dạng kì quặc kia! Thumm nhanh trí giấu đi ánh mắt kinh ngạc. Bàn tay ông nhẹ nhàng gạt một chốt nhỏ dưới ngăn bàn, có tiếng vo vo khe khẽ, mà chắc chắn quý ông với bộ râu sặc sỡ kia không thể nhận ra.

“Những người ngồi trên chiếc ghế đó thường có các yêu cầu như vậy.” Thumm vui vẻ nói.

Một mẩu đầu lưỡi của ông ta nhô ra nơi cánh rừng rậm rạp trên bờ môi, rồi như thể sợ hãi bởi màu sắc kì lạ nơi đó, đã vội vàng rút lại. “Tôi có thể nói với ngài, ngài thám tử ạ. Rằng tôi đang tìm kiếm ngài. Điều làm tôi thấy lí thú là ngài có vẻ không... à, giống một thám tử tư bình thường.”

“Chúng tôi đều cố làm khách hàng hài lòng.”

“Thực vậy. Thực vậy... À, ngài thực sự giữ mọi chuyện riêng tư chứ? Ý tôi là, bây giờ ngài không còn liên quan đến cảnh sát, phải không ngài thám tử?”

Thumm dăm dăm nhìn ông ta. “Ngài thấy đó, tôi cần phải chắc chắn. Chuyện tôi nhờ ngài cần được giữ bí mật tuyệt đối.”

“Tôi cực kì kín tiếng,” Thumm lau bàu, “tôi sẽ không nói với ai, kể cả với bạn thân nhất của tôi. Nếu đó là điều khiến ông lo lắng. Trừ phi đó là một chuyện bẩn thỉu. Tôi căm ghét lũ chuột bọ, thưa ngài. Văn phòng của Thumm không chơi đùa với lũ lừa lọc.”

“Ồ, không, không đâu,” Râu Cầu Vòng nói nhanh, “không phải những chuyện đó, tôi cam đoan. Chỉ là một chuyện nhỏ thôi... chỉ có điều hơi đặc biệt một chút, ngài thám tử ạ.”

“Nếu về chuyện vợ ông và anh bạn giai,” vị thám tử quan sát khách hàng của mình, “thì thôi nhé. Văn phòng tôi cũng không nhận mấy vụ kiểu đó.”

“Không, không đâu, ông bạn thám tử, không phải mấy vụ rắc rối gia đình đâu. Không phải mấy chuyện kiểu đó. Mọi chuyện, thực ra thì, gói gọn trong một từ thôi,” Râu Cầu Vòng nói, hơi thở nhẹ nhẹ lay động bụi cây nho nhỏ trên cằm mình, “tôi muốn ngài giữ một vật cho tôi.”

“Ồ,” Thumm nói, hơi nhúc nhích, “giữ cái gì?”

“Một chiếc phong bì.”

“Một chiếc phong bì?” Vị thám tử cau mày. “Có gì trong đó vậy?”

Râu Cầu Vòng tỏ ra cực kì kiên quyết. Đôi môi ông ta mím chặt. “Không,” ông nói, “tôi sẽ không nói với ông. Như thế chắc cũng không có gì khác biệt?”

Đôi mắt xám lạnh lẽo của viên thám tử chăm chú nhìn vị khách đặc biệt nhưng không dò được gì sau cặp kính xanh. “Tôi hiểu,” Thumm nói, dù rõ ràng là vẫn chưa hiểu mô tê gì. “Nhưng ý ông là gì - giữ nó cho ông?”

“Hãy giữ nó an toàn. Cho đến khi tôi gọi đến. Nguyên vẹn, như lúc ban đầu.”

Thumm ngáp dài. “Chúa ơi, tôi đâu điều hành một cái két sắt. Sao ông không đến ngân hàng? Chắc hẳn nơi đó sẽ rẻ và tốt hơn nhiều.”

“Tôi e là ngài không hiểu chuyện, ngài thám tử,” Râu Cầu Vòng nói một cách dè dặt. “Chuyện đó không giúp gì hết, ngài thấy đó. Tôi cần nó được giữ an toàn trong tay một người, một người đáng tin cậy,” và ông ta dò xét khuôn mặt cứng rắn nghiêm nghị của Thumm một cách cẩn thận, như thể đang dò xét mức độ đáng tin của quý ông can đảm này.

“Tôi nghe rồi,” Thumm nói. “Tôi đã nghe và đã hiểu. Được rồi, hãy xem xét nó đã, quý ông Vô Danh. Hãy cho tôi xem nào, đến lúc rồi!”

Vị khách của ông khựng lại trong giây lát, nhưng khi ông ta bắt đầu, mọi chuyện hết sức trôi chảy, như thể ông ta đã quyết định sau khi cân nhắc kỹ lưỡng. Bàn tay phải đeo găng luôn xuống nếp gấp của chiếc khăn choàng, sau đó rút ra một chiếc phong bì lớn, dài, màu nâu sẫm. Đôi mắt Thumm sáng lấp lánh, rồi ông đưa tay ra. Chiếc phong bì rơi nhẹ vào tay ông.

Đó là một chiếc phong bì màu nâu sẫm hết sức bình thường, có thể dễ dàng tìm thấy ở bất kỳ tiệm tạp hóa nào, cả mặt trước và mặt sau đều không có dấu hiệu gì bất thường. Nó được niêm phong bằng lớp keo sần có; ngoài ra, vị khách của ông còn hết sức cẩn thận đóng kín phong bì lại - chắc để phòng ngừa bản tính tò mò vốn có của con người - bằng sáu mẫu giấy trắng nhỏ rẻ tiền, cắt thành những hình dạng kì dị khác nhau rồi dán lên phần mép giống như dấu niêm phong.

“Khá gọn ghẽ,” Thumm nhận xét, “gọn gàng và không có gì đặc biệt. Hừm.” Ông vuốt ngón tay lên nó một cách vô thức. Mắt nheo lại. Vị khách vẫn ngồi bất động. “Có gì trong đó? Ông không thể mong rằng...”

Hắn phải có một lí do nào đó khiến Râu Cầu Vòng mỉm cười, vì phần râu nơi mép đột nhiên hơi nhích lên phía trên. “Tôi thích sự kiên trì của ngài, ngài thám tử, tôi thực sự ấn tượng đấy. Điều này xác thực những gì tôi đã nghe về ngài. Ngài khá nổi tiếng, ngài biết đấy. Thái độ cẩn trọng của ngài...”

“Được rồi, có gì trong đó vậy?” Thumm căn nhắc.

Người đàn ông - nếu như đó là một người đàn ông, sự nghi ngờ có vẻ phi lý lướt qua tâm trí Thumm - ngả người về phía trước. “Nếu như tôi nói với ngài rằng,” ông ta khàn khàn thì thầm, “giả như tôi nói với ngài rằng, trong cái phong bì tầm thường đang nằm trong tay ngài kia, ngài thám tử, có chứng cứ của một bí mật, một bí mật cực kì quan trọng, vĩ đại, hết sức lớn lao, mà tôi không dám tin bất kì ai trên thế giới này một cách trọn vẹn.”

Thám tử Thumm hấp háy mắt. Có lẽ ngài đã biết. Bộ râu này, cặp mắt kính kia, lớp quần áo giả trang nặng trĩu, trò hề mà vị khách kia đang diễn - tại sao ư, rõ ràng hẳn ta là một tên điên trốn trại! Đây thì bằng chứng. Rồi bí mật. Rồi bất kì ai trên thế giới... Lớp vỏ tồi tàn vỡ toác ra.

“Ồ, hãy bình tĩnh nào,” thám tử nói. “Ngài không cần kích động đến vậy, thưa ngài.” Thumm thấy cần nhanh chóng nắm lấy khẩu tự động nhỏ xíu để trong bao da bên sườn. Thằng điên này có thể mang theo vũ khí!

Rồi Thumm giật mình khi nghe thấy Râu Cầu Vòng cười khùng khục. “Ngài nghĩ tôi bị điên phải không? Tôi không thể trách ngài, ngài thám tử. Tôi cho rằng mọi chuyện có vẻ hơi... ừm, khác thường. Nhưng tôi đảm bảo với ngài rằng,” và giọng nhừa nhựa kì lạ đột nhiên trở nên tỉnh táo lạ thường, “tôi đã nói với ngài toàn bộ sự thực mà không hề phóng đại bất kì điều gì, và ngài cũng không cần đặt tay lên khẩu tự động của mình đâu, ngài thám tử, tôi không cần ngài đâu.” Thumm rút tay ra khỏi áo khoác, mặt đỏ bừng, nhìn chăm chăm vào vị khách của mình. “Thế tốt hơn rồi, thật đấy. Giờ thì hãy nghe thật kĩ nhé, vì tôi không có nhiều thời gian và điều quan trọng là ngài phải hiểu rõ chuyện này. Tôi nhắc lại, rằng chiếc phong bì đó đang chứa một bí mật hết sức vĩ đại. Hay,” ông ta nói một cách điềm tĩnh, “một bí mật trị giá cả triệu.”

“Được thôi, nếu ông không điên,” Thumm gù gù, “thì tôi cũng vậy. Ông phải nói thêm cho tôi biết nếu ông muốn tôi nhận vụ này. Ý ông là sao - bí mật triệu đô? Trong cái phong bì mỏng manh này?”

“Chính xác.”

“Bí mật chính trị hả?”

“Không.”

“Khủng hoảng đầu mỏ? Thư tổng tiền, thư tình? Kho báu? Đá quý? Thôi nào, thưa ngài, hãy rõ ràng nào. Tôi sẽ không nhận thứ gì tôi hãy còn mù mờ như này.”

“Nhưng tôi không thể nói với ngài chuyện đó,” Râu Cầu Vòng lặp lại, lúc này đã trở nên thiếu kiên nhẫn. “Đừng tỏ ra ngu ngốc, ngài thám tử. Tôi đảm bảo với ngài, bằng danh dự của mình, rằng những thứ bên trong phong bì không hề xấu xa. Bí mật này hoàn toàn hợp pháp. Không phải mấy thứ nhằm nhí ngài mới nói. Nó liên quan đến những thứ chắc chắn thú vị hơn và có giá trị hơn nhiều. Xin hãy nhớ, chiếc phong bì này không chứa đựng bí mật, ý tôi là, nó chỉ chứa đựng một manh mối dẫn đến bí mật đó.”

“Ông cũng sẽ làm tôi phát điên mất,” Thumm rên rỉ. “Bí ẩn đó là cái quái gì chứ? Tại sao ông muốn tôi giữ cái thứ chết tiệt đó vậy?”

“Vì một lý do hết sức tốt đẹp.” Râu Cầu Vòng mím môi. “Tôi đang theo sát... được rồi, giả như chúng ta nói rằng *nguyên gốc* của chứng cứ trong phong bì đó, bí mật mà tôi đề cập đến. Ông nên hiểu rằng, tôi vẫn chưa tìm được nó. Nhưng dấu vết hãy còn mới, thực sự nóng hôi hổi! Tôi hoàn toàn tin chắc mình sẽ thành công. Giờ đây, nếu điều gì đó, à, có xảy đến với tôi, ngài thám tử, tôi muốn ông mở chiếc phong bì đó.”

“Ha,” viên thám tử cười.

“Trong trường hợp có chuyện gì đó xảy ra với tôi — và khi ngài mở chiếc phong bì - ngài sẽ tìm được chút manh mối nhỏ bé của tôi. Nó sẽ dẫn ngài đến một manh mối khác rõ ràng hơn nhiều - tới tôi. Hoặc số mệnh của tôi. Tôi không định chống lại sự ngẫu nhiên đến từ bất kì linh hồn báo thù nào, tôi chỉ mong ngài hiểu. Nếu có chuyện gì đó xảy ra, tôi không mong mình được báo thù nhiều bằng việc giữ gìn nguyên gốc bí mật này. Tôi nói đủ rõ chưa?”

“Chưa!”

Râu Cầu Vòng thở dài. “Chứng cứ trong phong bì này chỉ có vậy không hơn; nó nói lên rất ít về chính mình. Nhưng đó chính là điều tôi cần! Sự không hoàn hảo của nó sẽ bảo vệ tôi khỏi - tôi không có ý xúc phạm ngài, ngài thám tử đáng kính! - thậm chí sự tò mò của ngài, hay của bất kì ai

khác có thể thấy nó. Nếu ngài mở nó ra trước thời điểm tôi yêu cầu, tôi đảm bảo rằng những thứ bên trong phong bì là hoàn toàn vô nghĩa đối với ngài.”

“Thôi được rồi!” Thumm cao giọng. Mặt ông đỏ lên. “Ông đang cố biến tôi thành một tên ngốc. Có ai điên mà mắc vào cái trò đùa cợt trẻ con điên khùng này chứ, mẹ kiếp? Tôi không thể lãng phí...”

Một vật gì đó rung rung liên hồi trên bàn thám tử. Vị khách của ngài ngồi yên. Thám tử Thumm tạm dẹp cơn thịnh nộ của mình và túm lấy ống nghe nội bộ. Một giọng nữ vang lên nho nhỏ. Thumm lắng nghe vẻ chua chát trong giây lát, gác má và ngồi xuống.

“Tiếp đi,” ông nói giọng ghèn ghệt. “Tiếp tục đi. Để đó cho tôi. Tôi sẽ cẩn xé. Tôi sẽ nuốt trọn cả mũi câu, dây câu và phao. Gì nữa?”

“Chà, ông bạn của tôi,” Râu Cầu Vòng dè dặt tỏ sự quan tâm. “Thực sự là, ngài thám tử, tôi không có cố ý... Hoàn toàn không phải vậy.”

“Hẳn là không đối với cuộc đời của ông,” Thumm nói giọng cay nghiệt. “Nếu tôi vướng vào vụ này, tôi sẽ xử lý nó ổn thỏa. Phải có chuyện gì khác. Dù nó điên rồ thế nào, nó cũng không thể điên rồ như cách ông bỏ nó lại.”

Ông ta vượt bộ râu kì cục của mình. “Tôi ngày càng thích ngài hơn,” ông lầm bầm. “Đúng vậy, có những chuyện khác nữa. Ngài cần hứa rằng sẽ không bao giờ mở phong bì đó ra trừ khi...” ông ta im lặng.

“Trừ khi sao?” Thumm gầm gừ.

Vị khách liếm môi. “Hôm nay là mùng sáu tháng Năm. Hai tuần sau tính từ ngày này, vào ngày hai mươi, tôi sẽ gọi cho ngài. Tôi dám chắc sẽ gọi cho ngài vào hôm đó. và cũng vào ngày hai mươi tháng Sáu, và hai mươi tháng Bảy - vào ngày hai mươi hàng tháng cho đến khi tôi tìm ra nó. Việc gọi điện đều đặn như vậy sẽ nhắc ngài rằng tôi hãy còn sống, rằng tôi chưa lao vào bất kì nguy hiểm không lường trước nào.” Giọng nhừa nhựa của ông ta vang lên niềm phấn khởi rõ rệt. “Nếu tôi vẫn gọi điện, ngài chỉ cần giữ gìn chiếc phong bì đó trong két an toàn cho đến khi tôi cần nó. Mặt khác, nếu cho đến sau nửa đêm của bất kì ngày hai mươi nào, ngài không nhận được cuộc gọi của tôi, ngài sẽ biết rằng tôi có lẽ sẽ không bao giờ gọi nữa. Khi đó - và chỉ khi đó - ngài mới được mở phong bì ra, đọc những gì

ghi trong đó, và tiếp tục quá trình bởi tôi khá chắc chắn rằng, sự quả quyết của ngài sẽ dẫn đường cho ngài.”

Thumm ngồi đó, mặt nhăn nhúm và chua chát, chìm lút trong chiếc ghế; chiếc mũi gãy của ông nhăn lại, rõ ràng sự bướng bỉnh đang cố làm hòa với tính tò mò. “Ông sẽ gặp cả đồng rắc rối đó, thưa ngài, để giữ bí mật này của ông. Hẳn ai đó đang theo sát nó hả? Ai đó ông tin rằng sẽ đụng đến ông trước hoặc sau khi ông nắm được nó?”

“Không, không đâu,” Râu Cầu Vòng kêu lên. “Ngài đang hiểu lầm rồi. Theo như tôi được biết, không có ai khác đang theo đuổi bí mật này. Nhưng luôn có khả năng rằng có ai đó cũng theo sát nó, ai đó mà tôi không biết cả nhân dạng và động cơ. Tôi chỉ đang thực hiện những biện pháp cần thiết chống lại những rủi ro ngẫu nhiên đó, vậy thôi. Những rủi ro này viễn vông đến mức tôi thậm chí không cần nói với ngài tên mình hay bất cứ gì khác! Bởi sẽ không xảy ra chuyện gì - và tôi cũng không mong có chuyện gì đó xảy ra - tôi không muốn ngài hay bất kì ai khác sở hữu manh mối rõ ràng dẫn đến bí mật của tôi. Tôi chắc mình đã đủ thành thực, ngài thám tử...”

“Chúa ơi,” Thumm rên rỉ, “chuyện đi xa quá rồi đấy. Hãy nghe tôi, thưa ông.” Viên thám tử đập tay lên bàn. “Đầu tiên, tôi nghĩ ông bị điên. Rồi tôi lại nghĩ ai đó xui ông đến trêu chọc tôi. Giờ tôi không biết phải nghĩ gì khác ngoài trừ: chắc chắn tôi sẽ vui hơn rất nhiều nếu ông biến khỏi đây ngay lập tức. Đi đi! Xùy!”

Bộ râu cong xuống trên khuôn mặt xỉ ra vì hoang mang vừa lúc tiếng chuông bộ đàm réo vang lần nữa. Thumm bắt đầu đỏ mặt như một cậu bé bị bắt quả tang hái trộm táo, dấm mạnh nắm tay mình vào túi. “Được rồi, được rồi,” ngài thì thầm vào ống nghe, rồi quay ra nói lớn: “Thứ lỗi cho tôi. Tôi... Sáng nay tôi thấy trong người hơi khó chịu. Thực ra tôi không quen với trường hợp của ông,” ông rên rỉ to hơn, “vụ của ông. Tôi chỉ là một thám tử bình thường, và tôi nghĩ rằng mình không quen với ý tưởng làm bảo mẫu cho một cái phong bì... Ổn thôi, tôi cũng sẽ điên, để cho có đôi có cặp! Khi ông gọi cho tôi vào ngày hai mươi, làm sao tôi biết được đó là ông?”

Vị khách thở phào một cách nhẹ nhõm. “Tôi rất mừng. Hừm. Rất thông minh, ngài thám tử, thực sự rất thông minh. Tôi chưa nghĩ đến chuyện đó.” Ông ta mỉm cười và xoa xoa hai bàn tay đeo găng. “Thực vậy, chuyện này thật thú vị! Giống một chương diên rồ trong *Những cuộc phiêu lưu của Lupin!*”*

“Của ai?” Thumm nói giọng tò mò.

“Arsène bất tử. Hừm. Mật khẩu. Mật khẩu, tất nhiên rồi! Đó là một câu trả lời hợp logic, ngài thám tử. Rất tốt, khi tôi gọi ngài tôi sẽ nói... để tôi xem nào, ha! ‘Đây là người đến từ Hư không. Hàng triệu!’ và khi đó, ngài sẽ biết đó chính là tôi. Ha, Ha!”

“Ha, ha,” Thumm nói. “Đây là người từ...” ông lắc đầu ngán ngẫm. Sau đó, một tia hi vọng lóe lên trong mắt ngài thám tử. “Nhưng chắc chi phí của tôi sẽ không...”

“À, thù lao cho ngài,” Râu Cầu Vòng nói. “Đúng, đúng vậy, tôi hầu như quên bém mắt. Mức thù lao ngài mong muốn là bao nhiêu, ngài thám tử, để có thể nhận vụ việc kì lạ bé nhỏ này của tôi?”

“Chỉ để giữ cái phong bì chết tiệt này trong két sắt của tôi?”

“Vậy thôi.”

“VẬY CHI PHÍ LÀ,” thám tử nói một cách tuyệt vọng, “chỉ năm vé.”

“Vé á?” Râu Cầu Vòng lặp lại, rõ ràng đang không hiểu gì.

“Người thếp. Tiền trong The Sims. Đôla. Năm trăm đô!” Thumm gào lên. Ông tìm kiếm dấu hiệu sừng sốt trên gương mặt thân chủ mình; bộ râu tóc xum xuê kia sẽ sụp xuống, và đó sẽ là một vinh quang an ủi cho ông khi vị khách rút lui không thương tiếc trước lời đề nghị quá sức phi lý này.

“Ồ, đôla hả,” vị khách mỉm cười. Ông ta không có vẻ gì hoảng hốt, ông lần mò trong lớp vải dưới áo, lôi ra một chiếc ví bụi, rút ra một tờ giấy mới cứng, và ném nó lên bàn.

Đó là một tờ ngân phiếu một ngàn đô mới tinh.

“Tôi nghĩ là,” Râu Cầu Vòng tỏ ra phấn khởi, “một ngàn đô đây cũng là một khoản thù lao tương đối xứng đáng, ngài thám tử. Đây là một nhiệm vụ hơi bất thường, chắc chắn rồi, nhưng đối với tôi nó là tất cả. Cảm giác yên tâm, an toàn.”

“Ừ, hử,” Thumm âm ừ, rụt rè chạm tay vào tờ ngân phiếu.

“Chuyện này quyết định thế đi,” vị khách nói tiếp. “Chỉ có thêm hai điều kiện nữa. Tôi cần ngài đảm bảo, ngài thám tử. Thứ nhất, ngài không được bám theo - không biết từ chính xác là gì - theo đuôi tôi khi tôi rời khỏi văn phòng này, và trừ khi tôi không thể gọi cho ngài vào ngày hai mươi ngài không được tìm cách lần ra tôi.”

“Chắc chắn, chắc chắn rồi,” giọng Thumm run run. Cả ngàn đô! Những giọt nước mắt hạnh phúc dâng lên trong đôi mắt hóa đá của ông. Giờ đang là những ngày khó khăn. Những một ngàn đô chỉ để giữ cái phong bì mỏng manh kia an toàn!

“Hai là,” người đàn ông nhẹ nhàng bước ra cửa, “nếu tôi không thể gọi điện cho ngài vào ngày hai mươi, ngài không được mở phong bì trừ khi có mặt ngài Drury Lane.”

Thumm há hốc miệng. Đây chính là cú chốt quyết định. Vở diễn kết thúc. Râu Cầu Vòng cười cầu tài, lui nhanh qua cửa và biến mất.

Cô Patience Thumm - độc thân, da trắng, chừng hai mươi mốt tuổi, tóc màu mật ong, và nói như một thợ làm vườn, thực sự là hạt giống quý trong mắt bố cô* - giật tai nghe ra khỏi đầu và nhanh chóng quăng nó vào ngăn kéo dưới cùng của bàn làm việc trong phòng khách, ngăn kéo đó trở thành điểm đến cuối cùng của “thiết bị đo thái độ thám tử” trong văn phòng vô cùng hiện đại này. Ngay sau đó, cánh cửa phòng thám tử bật mở và một người cao lớn đeo kính xanh với một bộ râu kì lạ xuất hiện. Có vẻ như ông ta không thấy Patience, tiếc cho ông ta, vì ông chỉ chăm chăm duy nhất một việc: giữ cho kính, bộ râu và bản thân ông ta tránh xa khỏi lễ từ biệt của Văn phòng thám tử Thumm mà dẫn thân vào hành trình vĩ đại nhất. Cánh cửa ngoài đóng sập lại sau lưng ông và ngay tức khắc Patience, người ít tò mò hơn phần lớn phụ nữ khác - vì rằng, cô có hứa gì đâu - lao vội ra phía cửa để kịp ngó thấy một góc bộ râu hoành tráng ở góc hành lang vì chủ của nó không đợi thang máy, mà phi như bay xuống thang bộ. Patience lãng phí ba giây quý giá của cuộc đời đứng cản môi; rồi cô lắc đầu, phẩm hạnh cuối cùng đã chiến thắng, cô nhanh chóng quay lại phòng chờ. Cô lao vào thánh đường của bố mình, đôi mắt xanh thẳm của cô đầy phấn khích.

Thám tử Thumm, hãy còn kinh ngạc, ngồi ngả trên ghế, một tay cầm chiếc phong bì nâu dài, tay kia cầm tờ ngân phiếu một ngàn đô.

“Pat,” ông khàn khàn nói. “Pat, con thấy không? Con có nghe thấy không? Gã này kì cục thật? Là ta bị điên, hay là ông ta, hay cái gì thế?”

“Ôi, bố ơi,” cô kêu lên, “đừng ngốc thế nữa.” Cô tóm lấy chiếc phong bì, đôi mắt lấp lánh. Ngón tay cô ấn nhẹ lên nó, và có gì đó lộ sột bên trong. “Hừm. Có một chiếc phong bì khác ở bên trong. Nhưng không cùng cỡ. Có vẻ là hình vuông, bố à. Con tự hỏi...”

“Ôi, không, con đừng,” ông bố nói nhanh, giật lấy phong bì khỏi tay cô. “Bố đã nhận mồi từ con chim đó rồi, hãy nhớ lấy. Pat, đây là một tờ ngân phiếu ba số không, cả ngàn đô đấy!”

“Con nghĩ bố thật ích kỉ,” Patience phàn nàn. “Con không thể tưởng tượng rằng...”

“Nghe này, bồ câu bé bỏng của ta, con sẽ có một bộ váy mới, và chỉ vậy thôi.” Viên thám tử càu nhàu và cất phong bì vào góc xa nhất trong két an toàn. Ông đóng sập cửa thép lại và quay lại bàn làm việc, ngồi xuống và vuốt hàng lông mày nâu của mình.

“Nhẽ ra bố đã đá đít ông ta ra,” ông lầm bầm. “Ta chưa bao giờ làm một vụ điên rồ như này. Và bố hẳn đã làm vậy, đúng, nếu con không nháy bố qua bộ đàm. Bực thật, nếu ai đó đưa đoạn hội thoại ban nãy vào sách, chắc hẳn sẽ không ai tin được!”

Đôi mắt của Patience lộ vẻ mơ mộng. “Đây là một vụ dễ thương. Đáng yêu thật!”

“Cho bác sĩ tâm lý,” thám tử càu nhàu. “Nếu không vì một khìn này, ta sẽ...”

“Không! Ông ta... ồ, ông ta thật kì lạ. Con chưa bao giờ tưởng tượng nổi một người trưởng thành lại có một trí óc rối loạn đến vậy - ông ta không bị điên, bố à! - thích ăn mặc như thế mới bước ra từ chuyện cổ tích và... Con đoán rằng bố cũng ấn tượng với bộ râu đó?” Patience đột nhiên nói.

“Bộ râu đó! Như len nhuộm màu vậy.”

“Một tác phẩm nghệ thuật. Một tác phẩm kì dị. Những vòng xoắn xinh xắn đó! Không, chắc hẳn có điều gì đó kì dị trong chuyện này,” Patience

lầm bầm. “Con có thể hiểu cảm giác của một người cần che giấu thân phận của mình...”

“Vậy con cũng thấy hả? Nó là đồ giả, đúng không,” viên thám tử quạ quọ. “Bộ râu giả kì quặc nhất ta từng thấy.”

“Không còn nghi ngờ gì nữa. Bộ râu, cặp kính, cả đồng quần áo - tất cả chỉ để che giấu vẻ ngoài thực sự của ông ta. Nhưng tại sao bộ râu lại sặc sỡ đến thế?”

”Ông ta bị điên, bố nói con nghe. Bộ râu xanh lục và xanh nước biển.”

“Có thể nào ông ta đang muốn giấu chuyện gì đó?” Patience thở dài. “Nhưng điều này thật phi lý. Nếu bỏ lớp hóa trang bên ngoài ra ông ta sẽ là một người cao, gầy với các đường nét sắc sảo, có lẽ tầm trung niên, nói giọng mũi...”

“Để che giấu giọng thật nữa,” vị thám tử lầm bầm. “Nhưng con nói đúng. Có điều gì đó thực sự đáng ngờ. Ông ta không phải mấy tay đến từ vùng Maine, Patty. Không phải kiểu giọng mũi đó.”

“Tất nhiên là không rồi. Hẳn bố cũng đoán ra? Ông ta là người Anh, bố à.”

Viên thám tử đập mạnh vào bấp vế. “Chúa ơi, Pat, đúng rồi!”

“Ông ta không thể giấu được,” Patience nói. “Và ngôn từ ông ta sử dụng là kiểu Anh. Khẩu âm của ông ta giống ở Oxford hơn là ở Cambridge. Và ông ta không hiểu cách ví von của bố về “đôla”, nhưng đó có thể là cố tình.” Cô nhún vai. “Con nghĩ ông ta là người nắm khá vững về phong tục văn hóa. Nhìn ông ta cũng ra dáng giáo sư phết, bố không thấy vậy sao?”

“Có gì đó kì dị về người đàn ông này,” Thumm cắn nhần. Ông đặt một miếng xì gà lên môi và nhìn mặt nhìn con gái. “Nhưng ông ta có nói một việc,” ông hạ giọng xuống, “khiến bố thấy không ổn. Nếu ông ta không gọi đến vào ngày hai mươi và chúng ta buộc phải mở phong bì đó, chúng ta sẽ phải đến nhờ ông bạn già Drury Lane để giải đáp bí mật. Nhân danh Ceasar bé nhỏ, tại sao chứ?”

“Đúng vậy, tại sao?” Patience lặp lại, cảm thấy khó hiểu. “Con sẽ nói rằng, đó mới là mục đích chính của chuyến viếng thăm này.”

Cả hai ngồi yên lặng, trao đổi cái nhìn đầy ẩn ý. Phần đặc biệt đó trong yêu cầu từ vị khách người Anh giả trang che khuất những bí ẩn khác. Ngài Drury Lane, con người hoa mỹ, một trong những quý ông cao tuổi ít bí ẩn nhất trên thế giới. Đã hơn bảy mươi tuổi, nghỉ hưu đã hơn mười hai năm, đang sống cuộc đời ẩn dật của một nghệ sĩ già giàu có trên vùng thượng Westchester trong một trang viên rộng lớn, có lâu đài, những mảnh vườn và những ngôi làng nhỏ xinh quyến rũ theo kiến trúc thời Elizabeth mà ông hết sức yêu thích. Hamlet, tên ông gọi khu dinh thự của mình, hoàn toàn phù hợp với ông. Trong những năm qua, Drury Lane đã trở thành diễn viên xuất sắc nhất trong các vở kịch của Shakespeare. Khi đến tuổi sáu mươi, ở thời kì đỉnh cao trong sự nghiệp diễn xuất của mình, một bi kịch đã ập đến khiến ông mất đi thính giác. Cực kì tỉnh táo đối phó với bi kịch này, ông đã học cách đọc khẩu hình - một nghệ thuật mà ông hết sức thành thạo - và lui về Hamlet sống dựa vào khoản tài sản cá nhân khổng lồ, và mang đến một nơi trú chân cho những diễn viên bơ vơ và những nghệ sĩ nghèo khổ khác. Hamlet trở thành ngôi đền học vấn; nhà hát nơi đây trở thành sân khấu cho kịch thể nghiệm; và thư viện chứa đầy những cuốn sách thời Elizabeth và của Shakespeare giống như thánh địa Mecca đối với các học giả tham vọng. Như một sở thích đặc biệt, quý ông của sân khấu đó hướng trí tuệ sắc sảo của mình vào việc điều tra tội phạm. Chính vì sở thích đó mà ông đã gặp thanh tra Thumm, rồi sau đó là trong quá trình hoạt động của Văn phòng thanh tra, Sở cảnh sát New York, và tình bạn kì lạ của hai người đã nảy nở từ đó. Cả hai đã hợp tác hiệu quả trong vô số vụ điều tra án mạng cả trước và sau khi Thumm nghỉ hưu ở sở cảnh sát và mở văn phòng thám tử riêng. Con gái của Thumm, Patience, người mới trở về quê hương sau khi du lịch quanh châu Âu cùng một người nữa, đã ngay lập tức hăng hái tham gia vào các vụ án cùng bố cô và người diễn viên già.

Có gì đó đã lọt qua mắt Thumm. Liệu có liên quan gì giữa vị khách bí ẩn, khoa trương với vẻ ngoài giáo sư bác học cùng cái bí mật triệu đô và người bạn già khiếm thính, bệnh tật - Lane những năm cuối đời phải chịu đựng khá nhiều bệnh tật do tuổi già - thẳng thắn, đáng quý và thông minh?

“Con có nên viết thư cho ông ấy không?” Patience thì thầm.

Viên thám tử ném điều xì gà ra xa, tỏ ý không tán đồng. “Không đâu, Patty. Bố đã nói với con vụ này quá kì quặc. Mối liên quan giữa Ông bạn già Drury với chúng ta chỉ hết sức bình thường, và có thể tên hề với bộ cầm đũa râu giả mạo chỉ đang cố dùng tên của Lane để lòe chúng ta. Tay đó định chơi đến cùng đây! Không cần thiết phải làm phiền Lane bây giờ. Chúng ta hãy còn thời gian đến ngày hai mươi. Bố nói với con, đến ngày hai mươi Râu Cầu Vòng sẽ không gọi đến đâu - hẳn không có ý định gọi. Hẳn muốn chúng ta mở phong bì ra. Sẽ có điều gì đó đặc biệt, và ta không thích mùi vị đó... Hãy còn đủ thời gian để Lane tham gia.”

“VẬY cứ theo ý bố đi,” Patience ngoan ngoãn nói; nhưng đôi mắt cô đảo về phía cánh cửa đóng kín của két an toàn, và một vết nhăn sâu xuất hiện giữa đôi lông mày.

Hóa ra vị thám tử của chúng ta là một nhà tiên tri tồi, và ông đã ngạc nhiên cay đắng khi nhận được cuộc gọi vào ngày hai mươi tháng Năm. Giọng Anh nhừa nhựa vang lên: “Ngài thám tử Thumm?”

“Vâng?”

Patience, đang nghe qua một đầu điện thoại khác, tim đập thình thịch.

“Đây là người đến từ Hư không. Hàng triệu!” giọng Anh nhừa nhựa đó cất lời; có một tiếng cười thầm từ đầu dây bên kia và, trước khi viên thám tử hết ngạc nhiên, có một tiếng đập máy và tín hiệu bị ngắt.

Người Đàn Ông Đội Mũ Xanh

Vào ngày hai mươi tám tháng Năm, một ngày thứ Ba, cô Patience Thumm, có thời gian làm việc hết sức thoải mái, bước vào phòng khách của Văn phòng thám tử Thumm lúc mười giờ kém mấy phút, mỉm cười vui vẻ với đôi mắt buồn rầu, mơ mộng của Brodie, nhân viên tốc kí tại văn phòng. Cô lao thẳng vào phòng riêng bên trong và thấy bố mình đang chăm chú nghe một vị khách trình bày hết sức nghiêm trang.

“À, Patty,” ngài thanh tra* nói. “Thật tốt vì con đến sớm vậy. Anh George Fisher đây có một câu chuyện nhỏ thú vị. Còn đây là con gái tôi. Là người trông coi bố cô ấy,” ông mỉm cười. “Và là bộ não của văn phòng này, vậy tốt hơn anh nên trao đổi với con bé.”

Vị khách đẩy ghế ra, vụng về đứng dậy và luống cuống cầm mũ lên. Mũ kẹp, chóp mềm; một mảnh phù hiệu nhỏ gắn vào phần đỉnh ghi: *Công ty xe buýt Rivoli*. Anh ta cao, người to lớn, một thanh niên ưa nhìn với mái tóc đỏ, bộ trang phục xanh xám vừa vặn với cơ thể to lớn; một dây đai đen vắt chéo qua ngực nối với mảnh thắt lưng to bản nơi hông, bấp chân rắn chắc được giấu trong đôi boots da.

“Rất vui được gặp cô, cô Thumm,” anh lầm bầm. “Vụ việc cũng không phức tạp lắm.”

“Mời anh ngồi xuống, anh Fisher,” Patience nói, với một nụ cười dành riêng cho những vị khách trẻ tuổi đẹp trai. “Có chuyện gì rắc rối vậy?”

“Ồ, tôi vừa kể với ngài thanh tra,” Fisher nói, tai đỏ dừ. “Tôi không chắc nó có nghĩa gì không, cô hiểu chứ. Nhưng cũng có thể ngược lại. Có một người tên Donoghue là bạn tôi, vậy đấy, và...”

“Ồ,” ngài thanh tra xen vào. “Chúng ta nên bắt đầu từ đầu, Fisher. Fisher lái một trong những chiếc xe buýt du lịch đạu quanh Quảng Trường Thời Đại, Patty. Công ty xe buýt Rivoli. Anh ấy đang lo lắng về một người bạn của mình; và lí do anh đến đây tìm chúng ta bởi người bạn này, tên Donoghue, thường nhắc đến tên bố với cậu ta. Donoghue là một cựu cảnh sát; bố nhớ anh ta là một cậu trai tốt bụng khỏe mạnh, có thành tích tốt trong lực lượng.”

“Donoghue có làm việc cùng công ty với anh không?” Patience hỏi, thờ dãi nhè nhẹ vì phần khởi đầu quá đông dãi của câu chuyện.

“Không, thưa cô. Ông ấy đã thôi công việc cảnh sát cách đây năm năm và đang làm nhiệm vụ bảo vệ đặc biệt tại một bảo tàng ở góc phố Thứ Năm và phố Thứ Sáu Mười Lăm - Bảo tàng Britannic.”

Patience gật đầu; Bảo tàng Britannic đó tuy nhỏ nhưng được đánh giá khá cao vì đang lưu trữ và trưng bày những bản thảo và sách tiếng Anh cổ. Cô đã đến thăm nơi đó vài lần cùng ngài Drury Lane, một trong những nhà bảo trợ của bảo tàng.

“Donoghue và bố tôi cùng làm việc với nhau, cô hiểu không, và chắc chắn tôi hiểu rõ ông ấy, thưa cô.”

“Thế có chuyện gì đã xảy ra với ông ấy vậy?”

Fisher mân mê chiếc mũ của mình, “ông ấy... thưa cô, ông ấy đã biến mất!”

“À,” Patience nói. “Vâng, thưa bố, việc này có vẻ hợp với chuyên môn của bố hơn. Khi một quý ông trầm tĩnh và đáng kính trọng đã qua tuổi trung niên mà biến mất, thì hẳn lí do thường là do một quý bà, bố nhỉ?”

“Ồ, không đâu, thưa cô,” anh tài xế hốt hoảng, “không phải Donoghue!”

“Anh đã báo lên Cục điều tra mất tích chưa?”

“Chưa, thưa cô. Tôi... tôi không biết có nên làm như vậy không. Donoghue sẽ nhận như khi nếu tôi gây chuyện vì những lí do không đâu. Cô thấy đó, cô Thumm,” Fisher nghiêm trang nói, “có thể không có gì nghiêm trọng hết. Tôi không biết. Nhưng đối với tôi đây là một chuyện kì lạ quái quỷ.”

“Chuyện đúng là lạ,” viên thanh tra nói. “Có những việc kì lạ đã xảy ra, Pat. Hãy tiếp tục kể cho cô Thumm đây những gì anh đã kể với tôi, anh Fisher.”

Fisher kể một câu chuyện kì lạ. Một nhóm giáo viên từ Indianapolis, đang ở New York trong một chuyến tham quan học tập, đã thuê một chiếc xe du lịch của Công ty xe buýt Rivoli để đưa họ vòng quanh thành phố theo kế hoạch định trước. Fisher được yêu cầu chở đoàn đi ngày hôm trước, ngày thứ Hai. Tất cả có mặt đúng giữa trưa tại điểm bắt đầu là trụ sở công ty, phố Thứ Bốn Mười Tư gần Broadway. Điểm đến cuối cùng của ngày hôm đó là Bảo tàng Britannic. Nơi này không nằm trong hành trình du ngoạn thường ngày của công ty vì một lý do hiển nhiên: nơi đây chỉ là một *Tàng thư các**, Fisher nhớ ra nó không chút khó khăn. Phần lớn khách tham quan thường thích thú quan sát phố Tàu, tòa Empire State, Bảo tàng nghệ thuật Metropolitan (vì vẻ ngoài cổ điển của nó), quảng trường âm nhạc Radio City, khu bờ Đông và Đài tưởng niệm quốc gia. Tuy nhiên, đoàn khách tham quan lần này không giống những vị khách hàng ngày; họ là những giáo viên mỹ thuật và tiếng Anh, nói theo kiểu bình dân không chút ngưỡng mộ của Fisher, là “một đám trí thức trí tuệ.” Bảo tàng Britannic từ lâu được ca ngợi là một trong những điểm đến không thể thiếu cho những người yêu nghệ thuật khi du lịch New York. Đầu tiên có vẻ như tất cả sẽ phải thất vọng; vì bảo tàng đã đóng cửa trong vài tuần qua để đại tu và thay thế một số đồ nội thất, và được lên kế hoạch mở cửa lại cho công chúng sau ít nhất hai tháng nữa. Nhưng cuối cùng thì người quản lý bảo tàng và ban điều hành đã đặc biệt cho phép đoàn thăm quan bảo tàng trong thời gian ngắn ngủi ở thành phố.

“Bây giờ mới là phần kì lạ, cô Thumm,” Fisher nói chậm rãi, “khi họ leo lên xe tôi đã đếm số người trong đoàn - việc không bắt buộc, bởi đó là phần việc của nhân viên điều hành ở điểm xuất phát, còn tôi chỉ cần lái xe thôi, nhưng tôi đếm theo thói quen, tôi đoán vậy, và có mười chín người tất cả. Mười chín người bao gồm cả phụ nữ và đàn ông.”

“Cụ thể mỗi bên có bao nhiêu?” Patience hỏi, đôi mắt xanh lơ sáng lên.

“Tôi không biết, thưa cô. Vậy là có mười chín người khi chúng tôi khởi hành. Và cô thử đoán xem chuyện gì đã xảy ra?”

Patience cười. “Tôi không có bất kì ý tưởng nào, dù là nhỏ nhất, anh Fisher à. Thế anh nghĩ sao?”

“Rất nhiều thứ,” người lái xe nói dứt khoát. “Khi chúng tôi quay lại điểm khởi đầu chiều muộn hôm đó - nguyên tắc của công ty: hành trình luôn bắt đầu và kết thúc tại trụ sở công ty trên phố Thứ Bốn Mười Tư, thưa cô - khi chúng tôi quay lại đó và hành khách xuống xe, tôi lại đếm họ và Chúa ơi, lần này chỉ có mười tám người.”

“Tôi hiểu rồi,” Patience nói. “Chắc chắn đây là một chuyện kì lạ. Nhưng chuyện này có liên quan gì đến sự biến mất của bạn anh, Donoghue?”

“Bạn anh ta, Donoghue,” ngài thanh tra nói chen vào, “sẽ xuất hiện sau. Con để ý thấy câu chuyện đang kịch tính hơn. Tiếp tục đi, Fisher.”

Anh ta đang nhìn ra bức tường xám của Quảng Trường Thời Đại qua khung cửa sổ.

“Ai đã biến mất?” Patience hỏi. “Anh có kiểm tra lại với cả đoàn không?”

“Không, thưa cô. Mọi chuyện diễn ra quá nhanh. Nhưng khi suy nghĩ lại, tôi đoán mình biết được chú chim nào đã bay mất không quay lại cùng tôi,” Fisher lặp lại, ưỡn ngực về phía trước. “Tôi nhớ ra ông ta trong chuyến đi bởi ông ta có vẻ ngoài kì quặc. Chừng trung niên, và ông ta đeo một bộ ria mép rậm rạp màu ghi xám - kiểu cô hay thấy trong các bộ phim đó. Kiểu vênh lên điển hình. Người cao. Và ông ta đội một chiếc mũ hết sức buồn cười - kiểu màu xanh biển. Ông ta ngồi yên lặng suốt cả ngày - giờ tôi mới nghĩ đến điều đó - không tán gẫu hay thậm chí nói chuyện với ai. Và giờ ông ta đã biến mất - không đi cùng chúng tôi trên đường về.”

“Kì dị đúng không?” ngài thanh tra nói.

“Hết sức kì dị,” Patience nói. “Thế còn về Donoghue, anh Fisher? Tôi vẫn chưa thấy có liên quan ở đây.”

“Ồ, thưa cô, chuyện là thế này. Khi đến Bảo tàng Britannic, tôi giao hành khách của mình cho Tiến sĩ Choate...”

“À, Tiến sĩ Choate,” Patience vui hẳn lên. “Tôi đã gặp quý ông đó. Người quản lý bảo tàng.”

“Đúng đó, thưa cô. Ông ta đón tiếp và đưa họ đi tham quan. Trong khi chờ đợi chuyến thăm quan kết thúc, tôi đứng ở cửa để tán gẫu với Donoghue. Mấy tuần rồi không gặp nhau, nên chúng tôi hẹn nhau đi xem trận đấu tối qua ở Khu vườn...”

“Đấu võ ấy hả, anh Fisher?”

Fisher có vẻ bối rối. “Vâng, thưa cô, những trận đấu, những trận quyền Anh được tổ chức ở Khu vườn. Bản thân tôi cũng sử dụng đôi găng đấm bốc khá thành thạo, và tôi cũng thích những trận đánh sôi động... Ô, dù sao thì, tôi cũng nói với Donoghue rằng tôi sẽ ghé qua nhà ông ấy vào tối hôm qua sau bữa xế. Ông ấy chưa kết hôn, cô biết đó, và ông sống trong một nhà trọ khu trung tâm Chelsea. Sau đó tôi đi theo hành khách của mình, cùng họ đi vòng quanh, và khi tất cả xong xuôi tôi lại đưa họ về điểm xuất phát.”

“Donoghue còn đứng ở cửa khi anh đưa đoàn mình ra khỏi viện bảo tàng không?” ngài thanh tra hỏi đầy ngụ ý.

“Không, thưa ngài. Tôi cũng không để ý, sau khi xong việc tối qua tôi chỉ ăn được một ít đồ lót dạ. Tôi cũng chưa lập gia đình, thưa cô,” Fisher tranh thủ khoe, “và tôi đã đến nhà trọ của Donoghue. Nhưng ông ấy không có ở đó, và bà chủ nhà nói rằng ông ấy vẫn chưa về nhà sau khi tan làm. Tôi nghĩ chắc ông ấy phải làm thêm giờ, vì vậy tôi quanh quẩn ở đó chừng một tiếng, vẫn không có dấu hiệu gì của Donoghue, nên tôi đã gọi đến một số người bạn của ông. Họ không nhìn thấy hay gặp ông ấy suốt buổi tối. Đến khi đó, tôi bắt đầu thấy hơi sợ.”

“Một tay to lớn như anh ấy hả,” Patience lẩm bẩm, dè dặt nhìn anh ta. “Và...”

Fisher nuốt nước bọt như một đứa trẻ. “Tôi gọi đến bảo tàng. Nói chuyện với người có trách nhiệm - người gác đêm, thưa cô, tên Burch - ông ấy nói với tôi rằng đã thấy Donoghue rời bảo tàng vào chiều hôm đó, trước khi đoàn của tôi rời đi trong khi tôi vẫn ở đó; nhưng Donoghue không trở về

nhà. Tôi không biết phải làm gì, nên tôi đến xem trận quyền Anh một mình.”

“Tôi thật,” Patience nói vẻ thông cảm, và Fisher nhìn cô đắm đuối. “Thế thôi ư?”

Đôi vai to lớn của anh chùng xuống, ánh mắt buồn bã. “Đó là toàn bộ câu chuyện tồi tệ, thưa cô. Sáng nay, trước khi đến đây tôi lại ghé qua nhà ông ấy một lần nữa, nhưng ông không về nhà cả đêm, và khi tôi gọi đến bảo tàng họ nói rằng ông ấy vẫn chưa quay lại làm việc.”

“Nhưng khoan đã,” Patience lặp lại, “việc bạn anh Donoghue biến mất có liên quan gì đến vị hành khách mất tích kia không, anh Fisher? Tôi xin lỗi nhưng sáng nay chắc tôi hơi lẫn lộn.”

Đôi hàm to lớn của Fisher cứng đờ. “Điều này thì tôi không biết. Nhưng,” anh quả quyết, “tay đội mũ xanh đó biến mất, cùng lúc với Donoghue, và tôi không thể ngừng nghĩ rằng có mối liên quan nào đó.” Patience gật đầu đồng tình. “Lí do tôi đến đây, như tôi đã nói từ trước, thưa cô,” Fisher nặng nề nói, “là nếu tôi đến đồn cảnh sát, Donoghue có thể sẽ bực mình. Ông ấy không phải là một đứa trẻ còn non nớt, cô Thumm; ông ấy có thể tự lo liệu cho mình. Nhưng... khốn thật, tôi lo cho ông ấy và tôi nghĩ mình nên hỏi ngài thanh tra xem có thể tìm hiểu chuyện gì đã xảy ra với gã Ai len khỏe mạnh đó.”

“Ồ, ngài thanh tra,” Patience lầm bầm, “ngài có thể từ chối một vụ hấp dẫn thế này sao?”

“Chắc không đâu,” bố cô càu nhàu. “Vụ này không có mùi tiền bạc, Fisher, tuy đang là lúc khó khăn, nhưng tôi nghĩ mình có thể tìm quanh xem.”

Khuôn mặt trẻ con của Fisher sáng rỡ, “Rất tuyệt!” anh hét lên. “Ông thực sự rất tuyệt đó, ngài thanh tra.”

“Ồ, vậy thì,” Thumm phấn khởi, “hãy quay lại vụ án. Anh đã nhìn thấy người đàn ông đội mũ xanh đó bao giờ chưa, Fisher?”

“Chưa, thưa ngài. Một người lạ mặt hoàn toàn. Và hơn nữa,” anh lái xe buýt cau mày, “tôi khá chắc là Donoghue cũng vậy.”

“Sao anh biết điều đó?” Patience sừng sốt.

“Ồ, khi tôi đến bảo tàng với mười chín chú gà công nghiệp đó, Donoghue đã nhìn qua cả đám, từng người một. Ông ấy không nói với tôi rằng có biết bất kì ai trong số đó, và ông ấy chắc chắn sẽ nói nếu nhận ra ai đó.”

“Không liên quan lắm,” ngài thanh tra khô khan nhận xét, “nhưng những gì tôi tưởng tượng cũng khá giống vậy. Giờ anh nên mô tả cho tôi về Donoghue. Tôi không nhớ rõ anh ta lắm - tôi đã không gặp anh ta mười năm nay.”

“Người rắn chắc, khoảng một trăm bảy lăm pao*,” Fisher nhanh chóng nhắc lại, “cao chừng năm bộ* mười in-sơ, sáu mươi tuổi, khỏe như bò mộng, khuôn mặt kiểu Ai len và một vết sẹo do đạn bắn ngay bên phải cằm - ông sẽ không quên được đâu, ngài thanh tra, tôi đoán vậy; ông không thể quên nếu ông nhìn thấy dù chỉ một lần... dáng đi chậm chạp, kiểu...”

“Hơi vênh vang?” Patience gợi ý

“Đúng rồi! Tóc xám và đôi mắt xám sặc bèn.”

“Xuất sắc,” ngài thanh tra đồng tình. “Anh sẽ trở thành một cảnh sát xuất sắc đó, Fisher. Tôi nhớ ra rồi. Anh ta hãy còn hút cái tẩu bốc mùi bằng đất nung đó hả? Một trong những tật xấu tệ nhất của anh ta, như tôi nhớ.”

“Chắc chắn rồi,” Fisher nhăn mày, “khi ông ấy không làm việc. Tôi quên mất chi tiết đó.”

“Ổn rồi.” Ngài thanh tra đột ngột ngắt lời. “Anh quay lại việc của mình đi, Fisher, và để vụ này cho tôi. Tôi sẽ điều tra và nếu thấy gì đó không ổn, tôi sẽ báo cảnh sát. Khi đó sẽ thực sự là việc của cảnh sát.”

“Cảm ơn, ngài thanh tra, xin cảm ơn,” anh lái xe nói, và rụt rè cúi chào Patience khi anh băng qua văn phòng, và khiến trái tim nàng Brodie đập liên hồi khi hai người chạm mặt nhau ở phòng khách, phản ứng của trái tim thiếu nữ trước những múi cơ nam tính của anh.

“Một anh chàng khá đó,” Patience lầm bầm, “nếu anh ta thêm chút học vấn. Bố có chú ý bờ vai đó không, bố yêu? Anh ta sẽ là một tiền vệ công xuất sắc trong đội bóng bầu dục trường đại học nếu chịu khó mài kính sử thay vì học cách đập thẳng khăn cấp!”

Thanh tra Thumm khịt mũi, vươn vai, và tìm kiếm trong danh bạ. Ông quay một số điện thoại. “Chào! Công ty xe buýt Rivoli phải không? Đây là Thumm, văn phòng thám tử Thumm. Ông là giám đốc à? ... À, ra vậy. Tên gì cơ? ... Cái gì? À, Theofel. Ông nghe nhé, ông Theofel, ông có một đô vật hạng nặng nào trong bảng lương tên George Fisher không?”

“Có,” một giọng nói cảnh giác vang lên. “Có chuyện gì vậy?”

“Không, không,” ngài thanh tra thành thật nói. “Tôi chỉ hỏi vậy thôi. Đó là một anh chàng to lớn, tóc đỏ và tính tình trung thực?”

“Tại sao, vâng, vâng. Một trong những tài xế tốt nhất. Tôi chắc không có gì...”

“Chắc chắn rồi. Tôi chỉ muốn kiểm tra, vậy thôi. Hôm qua, anh ta có đưa một đoàn giáo viên các trường đi thăm quan. Ông có thể nói cho tôi nơi họ trú lại không?”

“Chắc chắn rồi. Park Hill, bên ngoài Plaza. Ông chắc là không...”

“Tạm biệt,” ngài thanh tra nói, rồi gác máy. Ông nhóm dậy và với lấy áo khoác. “Con cần trang điểm một tí. Chúng ta có hẹn với mấy người thuộc giới trí... gì ấy nhỉ?”

“Trí thức,” Patience phì cười.

Mười Bảy Giáo Viên

Những người trí thức đó là một nhóm các quý ông và quý bà, tuổi chưa đến bốn mươi; đa số là nữ, chỉ có một vài nam trung niên khô khan và bụi bặm; và tất cả đang ngồi bên bàn ăn sáng tại phòng ăn chính ở Park Hill, chuyện trò ríu rít như bầy én trên những tán lá đầu tiên của mùa xuân.

Trời đã gần trưa, nếu không kể bữa tiệc của mấy giáo viên đó, phòng ăn hoàn toàn trống trơn. *Maitre d'hôtel** hờ hững chỉ tay về phía nhóm quý ông và quý bà đó. Thanh tra Thumm, không chút e dè, dậm mạnh chân vào *salle à manger** (Park Hill sử dụng những từ gốc Pháp đặt cho các phòng bên cạnh việc phục vụ các món ăn Pháp), và hùng hục lao thẳng qua dãy bàn ăn lập lòe ánh sáng, theo sát ông là Patience hơi khúc khích cười.

Kiểu đi của ngài thanh tra làm tắt ngay những tiếng trò chuyện ríu rít. Những cặp mắt vốn buồn rầu trốn sau cặp kính giờ dáo dác như thể một đơn vị bộ binh đang quan sát kẻ địch. Gương mặt của ngài thanh tra chưa bao giờ gợi nên cảm giác dễ chịu trong trái tim những em bé hay những người lớn e dè, tự ti; gương mặt lớn, đỏ, thô ráp, xương gồ lên, và cái mũi gãy nát chỉ tô điểm thêm cho vẻ kinh dị sẵn có.

“Các vị là giáo viên đến từ Indiana hả?” Thumm gầm lên.

Sự run rẩy ngấm lan tỏa dọc theo chiếc bàn; các quý bà đứng tuổi thì nắm chặt mũ, còn các quý ông thì bắt đầu liếm môi.

Một người đàn ông chừng năm mươi tuổi, ăn mặc cầu kì theo kiểu *Beau Brummell** có vẻ như là lãnh đạo của cả nhóm, liền kéo ghế nhõm dậy, tay cào nhẹ lên lưng ghế. Mặt ông ta tái xanh.

“Vâng?” ông run rẩy.

“Tôi là thanh tra Thumm,” ngài lại gầm lên; và trong khoảnh khắc, Patience, đang lấp ló sau bờ lưng rộng của bố, đã nghĩ rằng các quý bà sẽ

sợ chết khiếp.

“Cảnh sát!” người vừa nói giật nảy người. “Cảnh sát ư! Chúng tôi đã làm gì chứ?”

Ngài thanh tra cố giấu một nụ cười nửa miệng. Nếu tay béo này tự kết luận rằng ‘thanh tra’ đồng nghĩa với ‘cảnh sát’ thì càng hay. “Đó là những gì tôi đang điều tra ở đây,” ngài thanh tra nói khô khốc. “Tất cả đều có mặt chứ?”

Đôi mắt của ông béo lướt nhanh dọc theo bàn; rồi quay lên, tròn xoe, hướng về gương mặt nghiêm nghị của viên thanh tra. “Tại sao... vâng, đúng vậy, chắc chắn rồi.”

“Không ai mất tích chứ?”

“Mất tích?” người đàn ông vô thức nhắc lại. “Tất nhiên là không. Tại sao có người mất tích chứ?”

Những cái đầu gật gù; hai quý bà đang rúm ró vì sợ, khẽ gây ra những tiếng động nhỏ.

“Chỉ hỏi vậy thôi,” ngài thanh tra trả lời. Đôi mắt lạnh lẽo của ông quét dọc theo bàn ăn, bắn ra những tia nhìn sắc như dao. “Chiều qua mọi người đã có một chuyến đi vui vẻ bằng xe buýt du lịch của Công ty Rivoli hả?”

“Đúng vậy, thưa ngài. Đúng là như vậy!”

“Tất cả cùng đi với nhau chứ?”

“Ồ, vâng!”

“Rồi tất cả cùng trở về à?”

Ông béo ngồi thụt xuống ghế, như thể bị áp đảo bởi một tai họa đột ngột rơi xuống đầu. “Tôi... tôi nghĩ vậy,” ông ta thì thầm thảm hại. “Ngài F... Frick, có phải chúng ta cùng về với nhau không?”

Nghe nhắc đến tên mình, một người nhỏ bé gầy gò mặc áo cao cổ có đôi mắt ướm màu nâu, trước tiên nắm chặt khăn tay của mình, rồi nhìn xung quanh như thể kiếm tìm lời khuyên, rồi mấp máy: “Vâng, đúng vậy, ngài Onderdonk. Chúng ta cùng về với nhau.”

“Nào nào,” ngài thanh tra nói. “Thôi nào, các vị đang che giấu cho ai đó. Ai đã mất tích?”

“Điều này rất khó xảy ra,” Patience lăm bằm trong bầu không khí câm lặng đáng sợ, chỉ còn tiếng tim đập thình thịch, “những người tốt bụng này đang nói thật, bố à.”

Thumm giận dữ lườm con gái, nhưng cô mỉm cười ngọt ngào và tiếp tục: “Bố thấy đó, bố à, con đang đếm họ.”

“Ồ?” ông giật mình, quay lại nhìn lướt cả bàn.

”Ở đây có mười bảy người.”

“Chúng ta đang vướng vào chuyện quái quỷ gì thế này?” ngài thanh tra lăm bằm, trong khoảnh khắc quên mất vai diễn quái thú ông đang đóng trước đám đông trí thức. “Fisher nói rằng có mười chín người... Lại đây, anh,” ngài thanh tra gào vào tai ông Onderdonk, “các vị lúc nào cũng chỉ có mười bảy người hả?”

Ngài Onderdonk, dù đã hít một hơi lấy can đảm, cũng chỉ dám gật đầu.

“Này, anh bồi!” Thumm gầm lên, vang cả phòng ăn tới tai người quản lý. Ông ta bỏ tờ thực đơn, ngược nhìn lên một cách khó chịu. “Đến đây ngay, ông đó!”

Người quản lý khựng người. Ông nhìn ngài thanh tra với vẻ không hài lòng. Rồi ông bước về phía ngài thanh tra như một tay lính ném lựu đạn đang bị làm phiền.

“Vâng?” ông vừa nói vừa huýt sáo theo một giai điệu nào đó.

“Hãy nhìn đám ngốc này xem.” Viên quản lý lắng nghe, gật đầu nhàm chán. “Đây là tất cả đúng không?”

“*Mais oui, m’sieu.*”*

“Nói tiếng Mỹ đi,” ngài thanh tra gắt. “Mười bảy người đúng không?”

“Mười bảy là con số chính xác, thưa ngài.”

“Họ vẫn là mười bảy người từ khi nhận phòng khách sạn hả?”

“Ha,” viên quản lý nói, hơi nhướn đôi mày mỏng. “Một cảnh sát. Tôi nghĩ tôi nên gọi giám đốc ra đây.”

“Trả lời câu hỏi của ta, đồ ngốc!”

“Mười bảy,” người quản lý nói một cách cứng rắn. Ông ta quay về phía các quý bà và quý ông lúc này đã hết tiệc tùng. “Đừng lo lắng, *mesdames**. Tôi đảm bảo rằng đây chỉ là một hiểu lầm, không có gì cả; chắc chắn đây là

một sơ suất.” Các giáo viên thở phào nhẹ nhõm. Ông ta đối mặt với thanh tra Thumm đầy can đảm, như một anh chẵn cừu thấu hiểu đầy đủ trọng trách của mình. “Hãy ngắn gọn thôi, thưa ngài. Điều này quá bất lịch sự. Chúng tôi không thể để khách của mình...”

“Nghe này, Lafayette*!” Thumm gầm lên giận dữ, khi ông nắm lấy áo của viên quản lý. “Những người này đã ở đây bao lâu rồi?”

Viên quản lý run lên vì giận dữ, rồi đông cứng vì hoảng sợ. Các quý bà tái mặt, còn các quý ông đều lo lắng và thì thầm nhỏ to. Gương mặt nhỏ xinh của Patience liên tục nhăn nhó.

“Từ... thứ Sáu,” viên quản lý nấc nghẹn rồi trả lời.

“Tốt hơn rồi đấy,” ngài thanh tra gầm ghè, thả tay ra khỏi vạt áo nhàu nát. “Biến đi, anh đó.”

Viên quản lý chuồn luôn.

“Giờ hãy nói rõ chuyện này,” vai diễn quái thú trở lại, Thumm ngồi xuống chiếc ghế trống của ông Onderdonk. “Ngồi xuống đây nào, Patty; có vẻ như sẽ mất cả ngày đây. Chúa ơi, thật rề rà quá! Lại đây, các vị, các vị có đếm lại đoàn mình khi mọi người lên xe vào buổi trưa hôm qua không?”

Người trưởng đoàn, không may bị hỏi đến, vội nói: “Không, thưa ngài, tôi không. Tôi rất tiếc... ông thấy đó, chúng tôi đã không nghĩ ra... tôi không thể hiểu...”

“Nào nào,” ngài thanh tra nói giọng nhẹ nhàng hơn. “Tôi không cần anh. Tôi chỉ đang tìm kiếm thông tin. Tôi sẽ nói với anh những gì tôi cần biết. Các vị nói rằng có mười bảy người trong đoàn khi rời khỏi Bohunkus, hay chỗ nào cũng được; các vị có mười bảy người khi dừng lại ở New York; các vị có mười bảy người khi nhận phòng ở cái ỗ này; các vị có mười bảy người khi đi thăm thú quanh thành phố. Mọi thứ có vẻ vẫn ổn nhỉ?”

Mọi người truyền nhau gật đầu ngay tắp lự.

“VẬY ĐÓ,” Thumm thận trọng nói tiếp, “cho đến trưa ngày hôm qua. Các vị chọn một chiếc xe để đi loanh quanh. Các vị đi đến phố Thứ Bốn Mười Tư, điểm khởi hành ở Broadway của Công ty xe buýt Rivoli, và các vị lên xe. Các vị có mười bảy người trên đường ra điểm khởi hành đúng không?”

“Tôi... tôi không biết,” người đại diện nói một cách vô vọng. “Tôi thực sự không biết.”

“Được rồi. Nhưng có một điều tôi chắc chắn. Khi chiếc xe đó khởi hành, có mười chín người trên xe. Các vị giải thích chuyện này thế nào?”

“Mười chín!” một quý bà trung tuổi đang cầm gọng kính thốt lên. “A, tôi có để ý đến - tôi tự hỏi không biết người đàn ông đó làm gì ở đây!”

“Người đàn ông nào?” ngài thanh tra nạt; Patience đánh rơi chiếc thìa cô đang chơi đùa cùng và đành ngồi yên, quan sát gương mặt vừa âu lo vừa mừng rỡ của người phụ nữ.

“Người nào thế, cô Rudy?” giọng của ông béo vang lên, sợ hãi.

“Tại sao chứ, người đàn ông trong chiếc mũ kì dị màu xanh đó! Không ai chú ý đến ông ta sao? Martha, tôi tin rằng tôi đã nhắc đến ông ta với cô trước khi xe chuyển bánh. Cô nhớ không?”

Quý cô mình xường Martha giật mình: “Vâng, đúng rồi!”

Patience và thanh tra nhìn nhau. Điều này là sự thật. Câu chuyện mà Fisher kể là có cơ sở.

“Cô có thể nhớ lại rõ hơn không, cô... ờ, Rudy,” Patience mỉm cười khích lệ, “những chi tiết khác về vẻ ngoài của người đàn ông đó?”

Cô Rudy hào hứng. “Thực sự tôi có nhớ! Ông ta trung tuổi, và có một bộ ria vĩ đại. Giống như của Chester Conklin trên phim.” Cô đỏ mặt. “Diễn viên hài kịch, cô biết đấy. Chỉ khác là râu của ông ấy màu xám.”

“Và khi Lavinia - cô Rudy chỉ tôi thấy ông ấy,” quý cô Martha gầy gò phần khích thêm vào, “tôi cũng thấy đó là một người cao và gầy.”

“Có ai khác chú ý chi tiết gì khác không?” ngài thanh tra ra lệnh.

Lại thấy cả nhóm ngơ ngác.

“Ô, tôi cứ tưởng là,” Thumm mĩa mai nói, “rằng một người mà các vị không quen không được lên một chiếc xe thuê riêng chứ?”

“Vâng, đúng vậy,” cô Rudy ngập ngừng, “nhưng tôi không biết phải làm gì. Tôi nghĩ rằng ông ta có chuyện gì đó liên quan đến công ty xe buýt, ông biết đấy.”

Viên thanh tra nhướn mày. “Cô có thấy gã đó khi đi về không?”

“Không,” cô Rudy run rẩy trả lời. “Không, tôi đặc biệt để ý điều này. Nhưng ông ta không về cùng chúng tôi.”

“Ồn rồi. Giờ chúng ta đã có chút tiến triển. Nhưng,” ngài thanh tra cười gằn, “tính cả gã đó chúng ta mới có mười tám người. Và chúng tôi khá chắc rằng có mười chín người trên xe buýt hôm qua. Tiếp tục nào, các ông các bà, hãy nghĩ kỹ vào. Tôi chắc chắn phải có ai đó nhớ ra người thứ mười chín.”

“Con tin rằng,” Patience lầm bầm, “quý cô quyển rũ ngồi cuối bàn kia nhớ ra gì đó. Con nhìn thấy cô ấy mấp máy môi suốt thôi.”

Quý cô quyển rũ đó hít một hơi. “Tôi chỉ định nói là,” cô run rẩy, “rằng tôi đã chú ý có một người khác, không trong nhóm chúng tôi. Không phải người đàn ông đội mũ xanh. Một người đàn ông khác...”

“Ồ, lại một gã nữa hả?” ngài thanh tra nhanh chóng cướp lời. “Trông gã như thế nào, thưa cô?”

“Anh ta, anh ta...” cô dừng lại một lúc. “Tôi nghĩ rằng anh ta khá cao.”

“Ồ!” một phụ nữ dữ dằn với nốt mụn trên mũi ngắt lời. “Cô Starbuck à, cô sai rồi!”

Quý cô hấp dẫn đó lúng túng “Có lẽ thế, nhưng tôi đã nhìn thấy anh ta và...”

“Thì sao chứ, tôi cũng nhìn thấy anh ta!” cô kia gào lên. “Và tôi khá chắc anh ta hơi lùn và mập.”

Những tia sáng lóe lên trong mắt mọi người. “Giờ tôi nhớ ra rồi,” một anh chàng hơi béo, đầu hói lên tiếng. “Đúng thế, chắc chắn. Tôi chắc chắn anh ta nhỏ người, hơi gầy và, ờ... chừng bốn mươi tuổi.”

“Vô lý!” người phụ nữ phản ứng ngay lập tức. “Anh luôn có trí nhớ tồi, Scott à. Tôi chắc chắn nhớ rằng...”

“Giờ tôi đang suy nghĩ về chuyện này,” một quý bà cao tuổi nhỏ người cất giọng nhỏ nhẹ, “tôi tin rằng mình cũng đã nhìn thấy anh ta. Đó là một thanh niên cao, cường tráng...”

“Thôi nào, nhìn đồng hồ kìa,” ngài thanh tra mệt mỏi. “Chúng ta sẽ không đi đến đâu nếu tiếp tục như vậy. Có vẻ như không một ai trong số

các vị nhớ rõ người thứ mười chín trông như thế nào. Nhưng có ai nhớ xem liệu anh ta có đi cùng mọi người trên xe về không?”

“Tôi nhớ,” cô Starbucks nói ngay lập tức. “Tôi chắc chắn rằng anh ta quay về cùng chúng tôi. Anh ta xuống xe ngay trước tôi. Sau đó tôi không thấy anh ta nữa.” Rồi cô lườm cô nàng hung hăng kia như thể thách cô ta phản đối lại mình.

Nhưng không ai phản đối cả. Thanh tra Thumm nghiêng hàm trèo trẹo. “Được rồi,” ông tổng kết, “ít nhất chúng tôi cũng biết mình đang đứng ở đâu. Giả sử tôi cần tìm các vị... mà tên ông là gì nhỉ?”

“Onderdonk. Luther Onderdonk.” Ông béo háo hức trả lời.

“Giả như tôi cần gặp ngài Onderdonk, yêu cầu ngài giữ liên lạc với tôi thay cho cả nhóm trong trường hợp có gì mới. Chẳng hạn như, nếu có ai nhìn thấy một trong hai người đi cùng xe với các vị ngày hôm qua, hãy nói với ông Onderdonk và ông ấy sẽ gọi cho tôi qua văn phòng.” Ngài thanh tra đặt danh thiếp của mình xuống, và người đại diện cho cả nhóm - ông Onderdonk rụt rè cầm lên. “Hãy chú ý nhé, tất cả các vị.”

“Các vị sẽ hoạt động như các thám tử,” Patience vui vẻ. “Tôi chắc chắn đây sẽ là phần thú vị nhất trong những ngày nghỉ của mọi người ở New York.”

Mười bảy giáo viên đến từ Indiana có vẻ rất vui.

”Đúng vậy, nhưng đừng có đi loanh quanh và gây chuyện,” ngài thanh tra gầm gè. “Chỉ cần ngồi một chỗ và chú ý quan sát. Các vị sẽ ở lại bao lâu?”

“Chúng tôi đã đặt lịch trở về nhà vào thứ Sáu,” Onderdonk nói, ho khan tỏ ý xin lỗi.

“Một tuần nghỉ ngơi à? Ồ, trước khi các vị đi khỏi đây, hãy nhớ gọi cho tôi.”

“Tôi chắc chắn sẽ làm như vậy, thưa thanh tra Thumm,” Onderdonk nói vẻ tự hào. “Tôi chắc chắn sẽ gọi.”

Ngài thanh tra bước ra khỏi phòng ăn của khách sạn Park Hill, Patience ngoan ngoãn theo sau. Ngài ném cái nhìn giận dữ vào viên quản lý đang tái mét mặt đứng ngoài cửa, và đi thẳng ra quỳ lể tân.

Sự rụt rè của Patience biến mất. “Con nghĩ bố nạt nộ ghê quá, bố làm những người đó phát khiếp. Những con người tội nghiệp đó sợ hết hồn rồi. Họ như những đứa trẻ thôi mà.”

Ngài thanh tra bất ngờ tủm tỉm cười. Ông nháy mắt với một người đánh xe ngựa đang đậu bên hè đường cùng con ngựa già. “Kĩ thuật, nhóc à, đó là kĩ thuật! Với một người đàn bà, quan trọng là cô ta chạm tới đứa bé bên trong người đàn ông và mỉm cười. Nhưng khi một người đàn ông muốn thứ gì đó, anh ta buộc phải la hét ồm ồm và làm ra một bộ mặt tồi tệ hơn người ta, hoặc anh ta sẽ không có gì cả. Bố luôn thấy thương mấy tay gầy gò ngồi đó.”

“Thế còn Napoléon thì sao?” Patience nói, khoác tay bố.

“Đừng nói với bố rằng ông ta không lớn giọng! Hãy nghe này, con yêu, bố học đủ bài học từ mấy bà cô già ở trường rồi.”

“Rồi một ngày nào đó bố sẽ bị quát nạt thôi,” Patience tiên đoán.

Ngài thanh tra nhe răng cười, gọi lớn “Ê, taxi!”

Người Đàn Ông Thứ Mười Chín

Xe taxi thả hai người xuống giữa khu vực lộn xộn những chiếc xe buýt to lớn đang xếp hàng bên hè đường ở phía nam phố Thứ Bốn Mười Tư gần Broadway. Đó là những cỗ máy khổng lồ sáng lấp lánh được trang trí hết sức kiểu cách với màu hồng và xanh da trời, như những đứa trẻ sơ sinh khổng lồ được hạ sinh bởi một người mẹ quá sức ủy mị. Những bảo mẫu của chúng, mấy thanh niên trẻ trung đáng tin cậy trong bộ trang phục xanh xám, bóng láng, đang thư giãn bên hè đường phía bên ngoài phòng trực nhỏ cũng sơn màu hồng và xanh, đang hút thuốc và tán gẫu.

Patience đứng đợi bên hè đường ngay trước phòng trực trong khi ngài thanh tra trả tiền taxi, và có vẻ như cô không để ý thấy sự ngưỡng mộ thành thực trong đôi mắt của mấy cậu trai mặc đồng phục.

Rõ ràng cô đã khiến ít nhất một cậu đặc biệt chú ý, một anh chàng tóc vàng to lớn, bởi cậu ta đã kéo mũ về phía trước che mắt, tiến đến, và vui vẻ bắt chuyện với cô: “Chào em, hôm nay em thế nào?”

“Ngay lúc này,” Patience mỉm cười, “không thấy thoải mái lắm.”

Anh ta lườm cô. Một chàng trai có mái tóc đỏ nằm vai cô, rồi giận dữ quay sang anh chàng tóc vàng. “Thôi đi, mày,” anh ta gầm lên, “không thì tao sẽ cho mày một bạt tai. Quý cô đây...”

“Sao thế, anh Fisher!” Patience la lên. “Anh thật galăng quá! Nhưng tôi nghĩ bạn anh không có ý thiếu tôn trọng. Có phải thế không, thần Vệ nam to lớn của tôi?” Cô nháy mắt.

Anh ta há mồm thật to; rồi sau một khoảnh khắc anh đỏ mặt. “Chắc chắn là không rồi, thưa cô.” Rồi anh nhanh chóng lặn vào nhóm tài xế xe buýt đang cười om sòm với anh chàng.

George Fisher hạ mũ xuống. “Đừng để tâm đến những tay đó, cô Thumm. Chỉ là mấy tên khi đột thiếu năng... Xin chào ngài thanh tra.”

“Chào,” ngài thanh tra ngắn gọn đáp lời. Cặp mắt sắc lẹm của ông lướt qua đám đông. “Có chuyện gì xảy ra thế? Này, con? Có chú nào muốn gây chuyện hả?”

Các chàng trai im thin thít.

“Không, không,” Patience nói nhanh. “Thật tuyệt khi được gặp lại anh sớm như vậy, anh Fisher!”

“Vâng,” Fisher nhăn nhó. “Tôi đang đợi điện thoại. Tôi à, ờ...”

“Hừm!” ngài thanh tra nói. “Có tin gì không, anh bạn?”

“Không, thưa ngài, không có gì cả. Tôi đã gọi liên tục đến nhà trọ của Donoghue và viện bảo tàng từ khi tôi rời khỏi văn phòng của ông. Không chút dấu vết nào của anh bạn già Mick đâu đấy, khổn thật!”

“Đối với tôi mà nói thì những người ở bảo tàng đó nên bắt đầu lo đi là vừa,” ngài thanh tra thăm thềm. “Họ thế nào, Fisher?”

Fisher nhún vai. “Tôi chỉ nói chuyện với người trông bảo tàng, thưa ngài thanh tra.”

Thumm gật đầu. Ông rút một điếu xì gà từ túi áo ngực và tiện căn một đầu. Vừa làm ông vừa nghiên cứu đám con trai trước mặt. Mấy chàng tài xế không dám ho he; còn chàng khổng lồ tóc vàng thì trốn tít ở đằng sau. Họ có vẻ là những người thành thực, thô ráp. Thumm nhổ đầu xì gà lên hè đường, nhìn thẳng vào quầy trực màu hồng và xanh đang mở toang, và bắt gặp đôi mắt của một người đang đứng đó, tay cầm ống nghe điện thoại. Người đó nhanh chóng nhìn đi hướng khác; đó là một anh chàng tóc bạch kim, mặt đỏ trong bộ đồng phục giống những người khác, nhưng dòng chữ phía trên đỉnh mũ của anh có thêm dòng chữ *tập sự* bên cạnh dòng chữ *Công ty xe buýt Rivoli*.

“Ồ, có lẽ chúng ta sẽ tìm được điều gì khác,” ngài thanh tra đột nhiên tỏ ra mềm mỏng. “Đừng nóng giận quá thế, Fisher. Chúng ta đi nào.”

Cả hai đi qua nhóm thanh niên im lặng đó vào cửa của một trong những công trình cổ xưa nhất, mà kiến trúc Quảng Trường Thời Đại cũng chịu ảnh

hưởng, leo lên những tầng nhà tối om ọp ẹp. Khi đến tầng trên cùng, họ thấy một cánh cửa kính ghi dòng chữ:

J. THEOFEL

Giám đốc

CÔNG TY XE BUÝT RIVOLI

Ngài thanh tra gõ cửa, có tiếng một người đàn ông vọng ra: “Mời vào!” và họ bước vào một căn phòng nhỏ bụi bặm được chiếu sáng bởi những tia nắng New York đang len lỏi qua song sắt cửa sổ.

J. Theofel nhìn khá già với những nếp nhăn hằn sâu trên khuôn mặt. “Vâng?” anh ta lên tiếng, ngược mắt lên khỏi đồng biểu đồ. Đôi mắt anh lướt qua chỗ Patience, rồi quay về phía ngài thanh tra.

“Tên tôi là Thumm,” ngài thanh tra gầm lên. “Đây là con gái tôi. Tôi đã gọi cho anh sáng nay về Fisher.”

“Ồ,” Theofel nói chậm rãi, ngả người ra sau. “Xin mời ngồi, cô Thumm. Có rắc rối gì không, ngài thanh tra? Sáng nay tôi chưa kịp hiểu đầu cua tai nheo ra sao.”

“Không có rắc rối gì cả. Thậm chí còn không phải là một vụ án.” Thumm nhìn chăm chăm. “Sao anh biết tôi là thanh tra?”

Theofel mỉm cười. “Tôi không trẻ như vẻ bề ngoài đâu. Tôi hãy còn nhớ những ngày hình của ông đăng đầy trên các trang báo.”

“Ồ,” Thumm nói. “Xì gà chứ?” Theofel lắc đầu. “VẬY THÌ,” Thumm tiếp lời, ngồi xuống với điệu bộ hùng hổ hơn, “chúng tôi đang tìm kiếm một thứ gì đó có mùi xấu xa. Hãy nói cho tôi, anh Theofel. Ai đã liên hệ để thuê xe cho những giáo viên đến từ Indiana hôm đó?”

Viên giám đốc chớp mắt. “Tôi tin là... đây rồi, tôi chắc chắn.” Anh ta đứng lên, lúng lúng trong một xấp giấy tờ khổng lồ, và nhặt ra một mẫu giấy ghi chú. “Tôi nghĩ đó là Onderdonk. Có vẻ là trưởng nhóm. Ông ấy đã viết thư cho chúng tôi cách đây vài tuần và vào ngày thứ Sáu, ông ấy gọi cho tôi từ khách sạn Park Hill.”

“Để chuẩn bị cho chuyến đi ngày hôm qua?” Patience ngập ngừng hỏi.

“Cũng không hẳn, cô Thumm. Đó chỉ là một phần thôi. Ông ta muốn chúng tôi cung cấp dịch vụ di chuyển bằng xe buýt suốt cả tuần trong thời gian họ ở đây.”

“Vậy họ cũng ra ngoài cả thứ Bảy và Chủ nhật nữa?” Thumm hỏi.

“Ồ, vâng. Hôm nay họ cũng sẽ ra ngoài, ngày mai nữa và những ngày còn lại trong tuần. Khá đều đặn. Thực tế thì cũng hơi không bình thường. Tất nhiên chúng tôi đang cung cấp cho họ một mức phí đặc biệt.”

“Hừm. Có mười bảy người lúc khởi hành đúng không?”

“Mười bảy? Đúng vậy.”

“Không có hơn mười bảy người vào ngày thứ Bảy hay Chủ nhật chứ?”

Theofel nhìn chăm chăm vào ông. Rồi anh ta cau có: “Không có ai đi thêm vào ngày hôm đó, nếu đây là những gì ông đang nhắm đến. Xin ông đợi một phút.” Anh ta nhắc ống nghe của một trong số những điện thoại trên bàn; rõ ràng đó là đường dây riêng không qua tổng đài, bởi anh ta nói ngay lập tức: “Barbey. Cử Shalleck và Brown lên đây ngay.” Anh ta chậm rãi đặt ống nghe xuống.

“Barbey,” ngài thanh tra nói “nhân viên điều hành xe đúng không?”

“Vâng.”

“Tôi hiểu,” ngài thanh tra nói và châm điếu xì gà của mình.

Cửa mở ra và hai thanh niên mặc đồng phục bước vào.

“Brown,” Theofel nghiêm khắc nói với người đi trước, “anh đón nhóm giáo viên đó từ khách sạn Park Hill hôm thứ Bảy. Anh có đếm không?”

Brown giật mình. “Có chứ ạ. Có mười bảy người, thưa ngài Theofel.”

Người giám đốc liếc nhìn anh ta, rồi quay sang đồng nghiệp của anh.

“Còn anh, Shalleck?”

“Mười bảy người, thưa sếp.”

“Cả hai đều chắc chắn chứ?”

Họ gật đầu.

“Ồn rồi, các anh.”

Họ quay người bước đi. “Đợi một phút,” ngài thanh tra vui vẻ nói. “Tôi nghĩ các anh nên gọi anh chàng Barbey lên đây khi các anh đi xuống.”

Tay giám đốc gật đầu trước ánh mắt dò hỏi của nhân viên. “Ông nghĩ rằng...?” anh ta bắt đầu thấy không ổn khi cánh cửa đóng sập sau lưng hai người.

“Tôi biết,” thanh tra cười gằn. “Anh cứ để tôi hỏi cậu ta, anh Theofel. Đây là món chính của tôi.” Ông xoa xoa tay và nhìn về phía Patience lúc này đang cau mày. Thumm chưa bao giờ xoay sở giỏi khi muốn thể hiện tình phụ tử; tình cảm bố con nảy nở trong ngôi nhà của ông khá muộn từ khi con gái ông trở về từ nước ngoài, sau một thời gian dài vắng mặt từ lúc còn để chỏm đến lúc đã biết tia lông mày. Nhưng vào lúc này không ai để ý đến khao khát được chấp thuận thầm lặng của ông; Patience đang suy ngẫm về rất nhiều chuyện, và việc lấp đầy sự trống trải trong tâm hồn bố mình không nằm trong số đó. Ngài thanh tra thở dài.

Cửa mở ra và một anh chàng tóc bạch kim đến từ quầy trực dưới nhà xuất hiện. Môi anh ta mím chặt và anh đang cố tình lờ đi sự có mặt của Thumm.

“Gọi tôi à, ngài Theofel?” anh ta cộc cằn nói.

Ngài thanh tra nói bằng giọng hống hách đặc trưng của một viên cảnh sát thực thụ: “Phun hết ra đi, Barbey.”

Anh ta quay đầu lại một cách vô thức, rồi liếc nhanh về phía Thumm và nhìn chăm chăm. “Cái gì... Tôi không hiểu ý ngài, thưa ngài.”

“Tôi là một thanh tra,” Thumm nói, xốc lại áo vét. “Thôi nào, Barbey. Tôi đã bắt quả tang anh, nên đừng cố đánh trống lảng nữa.”

Barbey liếc nhanh, liếm môi và lấp bắp: “Tôi vẫn không hiểu gì hết. Bắt quả tang cái gì? Ý ngài là sao?”

“Hồi lộ,” ngài thanh tra thờ ơ nói.

Mặt anh chàng trắng bệch, máu trên mặt không biết biến đi đâu hết. Đôi bàn tay to tướng xoắn vào nhau đầy lo lắng. “Làm sao... làm sao ông biết được?”

Patience khẽ thở ra. Một cơn giận dữ dội đang trào dâng trên khuôn mặt nhăn nhó của Theofel.

Ngài thanh tra mỉm cười. “Đó là việc của tôi. Tôi sẽ nói với anh ngay bây giờ, thưa anh, rằng tôi sẽ chẳng vội vàng gì mà tóm lấy anh; nhưng ông

Theofel đây, ông ấy khẳng định sẽ không buộc tội anh nếu anh thú nhận.”

“Được,” tay giám đốc xẵng giọng. “Này Barbey, anh cũng nghe ngài thanh tra rồi đấy! Đừng đứng đực ra đó nữa! Chuyện này là thế nào?”

Barbey mân mê vành mũ. “Tôi... tôi còn cả một gia đình. Tôi biết điều này là trái nguyên tắc của công ty. Nhưng miếng mồi này quả thực là quá hấp dẫn. Khi gã đầu tiên bước tới tôi đã định đuổi hẳn đi...”

“Gã đội mũ xanh và có ria vểnh đó hả?” Thumm giật giọng.

“Vâng thưa ngài! Tôi đã định nói với hẳn ta như vậy, ngài hiểu cho, nhưng khi tôi nhìn thấy góc tờ mười đô,” Barbey ngập ngừng, ”và tôi nói thôi được. Tôi để hẳn leo lên xe với những người khác. Rồi chừng một phút sau có một gã khác xuất hiện, và hẳn cũng đưa tôi một đề nghị như người trước. Muốn tôi để hẳn lên xe của Fisher. Vậy là, vâng, vì tôi đã để người đầu tiên lên xe, tôi nghĩ rằng tôi cũng có thể lấy thêm năm đô nữa. Hẳn ta đưa tôi tờ năm đô, ông thấy đó. Vậy là tay thứ hai đó cũng trèo lên xe, và đó là tất cả những gì tôi biết.”

“Fisher có tham gia vào vụ này không?” Theofel khô khan hỏi.

“Không, thưa ngài Theofel. Anh ta không biết chút gì về việc này.”

“Gã thứ hai nhìn như thế nào?” ngài thanh tra hỏi tiếp.

“Một gã người Ý, thưa sếp. Mặt chuột. Da đen. Một thằng Ý chính cống, tôi có thể khẳng định vậy. Ăn vận kiểu thể thao, giống cái lũ suốt ngày la cà quanh Cung điện. Có một cái nhẫn kì cục bên tay trái của hẳn - hẳn là một người thuận tay trái, thưa sếp, hoặc ít nhất thì hẳn cũng đưa tôi tờ tiền bằng tay trái...”

“Ý anh kì cục là sao?”

“Có một cái móng ngựa nhỏ ở nơi nhẽ ra là một viên đá,” Barbey lầm bầm. “Giống như làm từ platin hay vàng trắng. Và trên đó gắn những hạt kim cương li ti.”

“Hừm.” Ngài thanh tra dụi dụi cằm. “Hẳn anh chưa từng gặp người đó, tôi nghĩ vậy?”

“Không, thưa ngài!”

“Liệu anh có nhận ra hẳn ta nếu gặp lại không?”

“Có, thưa ngài!”

“Hắn ta quay về cùng đội giáo viên, đúng không, nhưng gã đội mũ xanh thì không hả?”

Đôi mắt Barbey mở to hết cỡ. “Sao ngài... vâng đúng vậy.”

“Tốt!” Ngài thanh tra nhóm dậy, rút tay khỏi túi quần. “Cảm ơn rất nhiều, ngài Theofel. Đừng có gây khó khăn gì cho anh chàng này.” Ông nháy mắt với tay giám đốc, đấm nhẹ vào vai tay thực tập, kéo bàn tay đeo găng của Patience bước về phía cửa.

“Toàn bộ chuyện này có nghĩa là,” ông khúc khích cười khi cả hai bước xuống, “chắc chắn có chuyện gì đó mờ ám khi một người nhìn con chăm chăm nhưng lại quay đi khi con nhìn lại anh ta. Ta biết anh chàng đó liên quan đến chuyện này ngay lúc nhìn thấy hắn ở quầy bán vé!”

“Ôi, bố ơi,” Patience cười, “bố thực sự là một diễn viên từ trong máu rồi. Con giờ phải làm gì với bố đây? Và bây giờ?”

Ngài thanh tra xụ mặt xuống một đồng. “Đúng vậy,” ông ừ dột nói, “chúng ta chưa có bất kì bước tiến đáng kể nào trong việc tìm ra anh bạn Donoghue ... Được rồi, Patty,” ông nói, “hãy đến thăm cái bảo tàng chết tiệt đó nào.”

Chàng Rowe

Bảo tàng Britannic nằm trong một tòa nhà bốn tầng, nằm giữa hai khu chung cư khổng lồ trên đại lộ Thứ Năm gần phố Thứ Sáu Mười Sáu. Cánh cửa bằng đồng hướng ra thảm cỏ Công viên Trung tâm, còn mặt phía bắc và phía nam kề với mái hiên của khu chung cư.

Thumm bước lên bậc thềm đá và chăm chú nhìn vào cánh cửa bằng đồng. Trên cửa có phù điêu chạm trổ; thiết kế chủ đạo trên mỗi cánh là khuôn mặt của thi hào Shakespeare. Cánh cửa nhìn có vẻ khá chắc chắn - có lẽ nó không đón chào ai. Điều này thể hiện khá rõ ràng, ngay cả chỗ nắm tay bằng đồng cũng đem lại cảm giác tương tự, mà không cần nói thành lời rằng: Bảo tàng Britannic đang *đóng cửa để sửa chữa*.

Nhưng ngài thanh tra là một người cứng đầu. Ông dùng tay phải đâm dùi dội vào cánh cửa.

“Bố à!” Patience khúc khích. “Bố đang đánh Shakespeare đấy!”

Ngài thanh tra chỉ cười gằn và lại giáng một cú cực mạnh vào mũi Người hát rong xứ Avon. Tiếng kim loại loảng xoảng vang lên; và ngay lập tức một cái đầu cũ kĩ nhô ra.

“Này!” bóng người đó giật giọng. “Không biết tiếng Anh hả?”

“Tránh ra một bên, người anh em,” ngài thanh tra cười rạn rở. “Chúng tôi đang vội.”

Tay gác cổng có vẻ chẳng mấy bận tâm; cái mũi vĩ đại thập thò nơi khe cửa như thể nụ hoa ly đang e ấp. “Mấy người muốn gì?” ông ta hỏi một cách thô lỗ.

“Tất nhiên là muốn vào bên trong!”

“Ô, các vị không thể. Bảo tàng đang đóng cửa để sửa chữa.” Khe hở có vẻ sắp đóng lại.

“Này!” ngài thanh tra gọi với theo, nỗ lực tuyệt vọng ngăn chặn việc đó.
“Dừng lại... Này, đây là cảnh sát!”

Có tiếng cười lục cục ma quái đằng sau cái đầu của Shakespeare, rồi hoàn toàn im lặng.

“Được rồi, dù ta có bị trừng phạt đi nữa!” ngài thanh tra hét lên đầy giận dữ. “Sao hả, lão già điên độn kia, ta sẽ đập nát cái cửa khốn kiếp này!”

Patience dựa người vào cửa, cười gập người, “Ôi bố ơi!” cô thở hỗn hển. “Bố thật vui tính quá. Đó là hậu quả của việc đập đôi tay bất kính của bố lên mũi của ý chí bất tử ... Con có ý này.”

Ngài thanh tra gầm gừ.

“Và bố đừng có tỏ ra nghi ngờ như vậy, bố sẽ bị nhức đầu cho xem. Chúng ta có một người bạn ngay trong lòng địch mà?”

“Ý con là gì?”

“Chính là ngài Drury bất hủ đó! Ngài Lane là một trong những người bảo trợ cho Bảo tàng Britannic mà? Con chắc rằng một cuộc gọi của ông sẽ có hiệu nghiệm như một câu thần chú.”

“Chúa ơi, đúng rồi! Patty, con làm lão già này tinh trí đấy. Hãy tìm ngay một cái điện thoại nào.”

Họ tìm thấy một buồng điện thoại công cộng trong một hiệu thuốc trên Đại lộ Madison, khu phía đông. Ngài thanh tra gọi một cuộc đường dài đến lâu đài Hamlet.

“Xin chào! Là tôi, Thumm đây. Ai đó?”

Giọng nói của một ông già riu rít trong ống nghe: “Quacey. Xin chào!” Quacey là người bạn già đã ở cạnh Drury Lane suốt hơn bốn mươi năm; lão là người hóa trang cho Lane đồng thời là người bạn thân thiết nhất của ông.

“Có Lane ở đấy không?”

“Ngài Drury ở ngay đây, thưa ngài thanh tra. Ông ấy bảo rằng ông là một tên tội phạm.”

“Tội lỗi. Tất cả chúng ta chắc chắn đều tự thấy xấu hổ về bản thân mình. Con vịt già đó sao rồi? Nghe này, đồ khỉ nhỏ. Nói với Lane rằng ta muốn nhờ ông ta một việc.”

Có tiếng rì rầm ở đầu dây bên kia. Bệnh điếc của ông, mặc dù không ảnh hưởng nhiều đến các cuộc hội thoại hàng ngày - nhờ khả năng đọc khẩu hình phi thường của ông - nhưng lại ngăn cản ông giao tiếp qua điện thoại; và lúc đó Quacey trở thành đôi tai của chủ nhân mình.

“Ông ấy muốn biết đây là việc gì,” cuối cùng Quacey thì thầm.

“Được rồi. Nói với ông ta rằng bọn ta đang theo đuổi một thứ gì đó cực kì bí hiểm và các manh mối dẫn chúng ta đến Bảo tàng Britannic. Nhưng tay bảo vệ điên khùng ở đó không cho ta vào. Tuyên bố đóng cửa để sửa chữa. Lane có làm được gì cho chúng ta không?”

Im lặng nối tiếp, rồi Thumm bắt đầu nghe thấy giọng của Lane trong ống nghe. Mặc dù tuổi đã cao, giọng nói của ông vẫn mềm mại và đầy đủ âm điệu như khi nó giúp ông trở thành một trong những diễn viên kịch nói xuất sắc nhất thế giới.

“Xin chào, ngài thanh tra,” Drury Lane nói. “Anh chịu khó lắng nghe một tí để thay đổi không khí nhé!” rồi ông khẽ cười. “Như thường lệ, tôi vẫn đang vật lộn với thói quen đọc thoại của mình. Tôi mong Patience ổn chứ? Không, đừng có trả lời, lão già thổ dân kia; chắc chắn tôi sẽ chẳng nghe được gì cả. Có chuyện gì đó xảy ra ở Britannic hả? Tôi không thể tưởng tượng nổi đó là chuyện gì, thực sự đấy. Đó là nơi yên bình nhất quả đất. Tất nhiên là tôi sẽ gọi ngay cho người quản lý bảo tàng, Tiến sĩ Choate, anh biết đó - Alonzo Choate, một người bạn thân của tôi. Tôi chắc chắn ông ấy đang ở đó, nếu không tôi sẽ tìm ông ấy và khi ông bạn quay lại bảo tàng - tôi đoán anh ấy đang ở gần đó - ông sẽ được phép vào.” Lane húm hắng ho. “Rồi, tạm biệt, ngài thanh tra. Tôi hi vọng anh sẽ sắp xếp thời gian - cả anh và Patience đến thăm Hamlet, tôi rất nhớ cô bé.”

Có một khoảng lặng ngắn, rồi sau đó là tiếng dập máy ngập ngừng.

“Tạm biệt,” thanh tra Thumm rụt rè nói vào ống nghe rồi cau có cố tránh ánh mắt dò hỏi của con gái phía bên ngoài bộ điện thoại.

Bộ râu của Shakespeare nhìn đỡ khả nghi hơn ở lần thăm viếng Bảo tàng Britannic tiếp theo, và thực tế thì cánh cửa đã mở ra. Ở lối vào, đang đứng đợi họ là một ông già khá cao, có bộ râu dê cực kì thời trang, khuôn mặt tối

ôm mím cười, răng sáng lấp lánh trên bộ râu chói lọi; đứng phía sau ông, như thể một bóng ma hồi hận là ông già gác cửa mũi to.

“Thanh tra Thumm?” ông già tốt râu nói, vừa chìa tay ra. “Tôi là Alonzo Choate. Hẳn đây là cô Thumm! Tôi nhớ khá rõ lần trước cô đến thăm bảo tàng của chúng tôi cùng ngài Lane. Xin mời vào! Tôi hết sức xin lỗi vì lỗi lầm ngớ ngẩn của Burch. Tôi dám chắc rằng Burch sẽ không vội vàng như vậy từ sau đâu, phải không Burch?”

Người gác cửa lầm bầm điều gì đó không được hay ho rồi rút lui vào bóng tối.

“Đó không phải lỗi của ông ấy,” ngài thanh tra ngạo nghễ nói. “Mệnh lệnh là mệnh lệnh. Hẳn ông đã nghe chuyện từ Drury già rồi, tôi đoán vậy.”

“Vâng. Quacey mới gọi cho tôi. Đừng để tâm đến tình trạng hiện thời của Britannic, thưa cô Thumm,” Tiến sĩ Choate mím cười. “Tôi cảm thấy mình giống một bà nội trợ tí mẩn đang xin lỗi về sự bừa bộn trong căn bếp với mấy vị khách vậy. Chúng tôi đang trong quá trình trang trí tu sửa lại toàn bộ, cô biết đấy. Mấy việc dọn dẹp thông thường. Bao gồm cả người trông coi bảo tàng khiêm tốn này đây.”*

Họ bước qua gian phòng lát đá cẩm thạch để vào một căn phòng nhỏ hơn. Phòng tiếp khách nhỏ bé này có mùi sơn mới hơi nồng; toàn bộ đồ đạc được tập trung lại giữa phòng và được phủ lên bởi một lớp vải màu sắc kì lạ do những người thợ sơn mang đến. Họ đang nằm bò trên các giàn giáo để quét sơn lên tường và trần nhà. Từ một góc khuất nơi hốc tường là bộ ngực đang được phủ vải của một thi hào Anh quốc nổi tiếng đã mất. Còn xa xa nơi góc phòng là cánh cửa dẫn đến thang máy.

“Cháu không chắc mình có thấy thích không, thưa Tiến sĩ Choate,” Patience nói, cánh mũi rung rung, “về ý tưởng rằng... ờ, trang trí hoa huệ kiểu đó. Chẳng phải nhìn sẽ hợp lý hơn nếu ông để hình của Shakespeare và Jonson cùng Marlowe nguyên trạng hay sao?”

“Ý kiến rất hay,” viên quản lý bảo tàng nói. “Bản thân tôi cũng không thích ý tưởng này. Nhưng quyền quyết định thuộc về Hội đồng. Tất cả những việc chúng tôi có thể làm là ngăn cản ai đó vẽ hàng loạt những bức tranh tường kiểu hiện đại trong Phòng Shakespeare!” Ông ho khẽ và nhìn

ngài thanh tra. “Chúng ta có thể vào phòng tôi được không? Ở ngay đây, và may mắn thay, chưa được sơn vẽ gì hết!”

Ông dẫn họ đi qua những mảng họa tiết lốm đốm đến một cánh cửa ăn vào tường. Một tấm biển bằng gỗ khắc nổi tên ông treo phía trên, ông đẩy cửa, tất cả bước vào một căn phòng lớn, sáng sủa, trần cao, dọc tường là những kệ sách bằng gỗ sồi đã chật kín.

Một anh chàng đang ngồi đọc say mê trong chiếc ghế bành ngẩng mặt lên nhìn họ ngay khi tất cả vừa bước qua cửa.

“À, Rowe,” Tiến sĩ Choate reo lên. “Xin lỗi vì đã quấy rầy cậu. Tôi muốn cậu gặp một vài người bạn của ngài Drury Lane.” Chàng thanh niên nhanh chóng đứng dậy và nở một nụ cười thân thiện. Anh chậm rãi gỡ cặp kính đeo trên mắt xuống. Anh có dáng người cao, một gương mặt dễ chịu khi không có cặp kính; phần vai khá gọn ghẽ, có dáng thể thao tương phản với vẻ mệt mỏi của một học giả trong đôi mắt anh. “Thưa cô Thumm, đây là anh Gordon Rowe, một trong những thực tập sinh triển vọng nhất của Bảo tàng Britannic. Còn đây là thanh tra Thumm.”

Chàng trai trẻ, này giờ chưa rời mắt khỏi Patience, bắt tay ngài thanh tra. “Xin chào! Ngài tiến sĩ ơi, ông thực sự biết rõ điều gì là tốt nhất cho một đôi mắt đang mỏi mệt. Tôi sẽ cho ông biết đó là gì... Hừm. Không, tôi sợ rằng chính mình cũng không dám gọi cái tên đó. Hoàn toàn không thích hợp. Hãy xem nào... À, ngài thanh tra! Có vẻ như tôi đã nghe tên ông trước đây rồi.”

“Cảm ơn,” ngài thanh tra nói khô khốc. “Đừng để chúng tôi làm phiền anh, ngài *Tên gì cũng được*. Có lẽ chúng ta nên đến một chỗ khác, Tiến sĩ Choate, và để anh bạn trẻ này lại với cuốn tiểu thuyết mười xu của mình.”

“Kìa bố!” Patience gào lên. “Ôi, anh Rowe, xin đừng để ý đến bố tôi. Anh thấy đó, ông ấy sợ là anh sẽ đặt cho tôi một cái tên không phù hợp bằng cái tên Thumm.” Má cô ửng đỏ, và chàng trai, bình tĩnh trước cái nhìn gườm gườm của ngài thanh tra, tiếp tục ngắm cô với vẻ ngưỡng mộ. “Anh muốn gọi tên tôi là gì hả, anh Rowe?”

“Darling,” * chàng trai nồng nhiệt đáp lời.

“Patience Darling?”

“Ờ... chỉ là darling thôi.”

“Nói lại X...” ngài thanh tra gầm lên giận dữ.

“Hãy ngồi xuống nào,” Tiến sĩ Choate cười ngoác. “Rowe, vì Chúa, hãy cư xử đúng mực chứ. Còn cô Thumm, mời cô.” Patience, đã nhận thấy anh chàng kia nhìn chăm chăm vào mình không chớp mắt, chợt thấy mạch máu nơi cổ tay mình rung lên do hồi hộp. Cô ngồi xuống, rồi ngài thanh tra và Tiến sĩ Choate cũng ngồi xuống, còn Rowe thì vẫn đứng nhìn chăm chăm.

“Chờ đợi thật chán quá,” Tiến sĩ Choate mở lời. “Bọn họ chỉ mới bắt đầu. Ý tôi là các thợ sơn. Còn nguyên tầng gác nữa.”

“Vâng,” thanh tra Thumm gầm ghè. “Giờ để tôi nói cho anh hay.”

Gordon Rowe ngồi xuống, khẽ cười. “Nếu tôi đang xen vào câu chuyện này...” anh ta hồ hởi nói.

Thanh tra Thumm nhìn đầy vẻ hi vọng. Nhưng Patience, trong khi liếc nhanh qua bố mình, nói với người quản lý bảo tàng. “Cháu hiểu là ngài tiến sĩ đây vẫn tham gia công việc sửa chữa này đúng không, Tiến sĩ Choate?... Mời ngồi, anh Rowe.”

Tiến sĩ Choate ngả người thoải mái trong chiếc ghế xoay sau bàn và nhìn ngắm căn phòng. Ông thở dài. “Chuyện này chưa được công bố chính thức, nhưng tôi sắp dừng làm việc ở đây. Tôi sẽ nghỉ hưu. Sau khi dành mười lăm năm cuộc đời mình cống hiến cho nơi này, tôi nghĩ đã đến lúc mình có quyền nghỉ cho bản thân.” Ông nhắm mắt lại và lẩm nhẩm: “Tôi biết chính xác mình sẽ làm gì. Tôi sẽ mua một căn nhà kiểu Anh nhỏ tôi đã để ý từ lâu ở phía trên Connecticut, chìm đắm trong những cuốn sách, và sống cuộc đời một học giả ẩn dật.”

“Thật thanh nhã quá,” ngài thanh tra nói. “Nhưng như tôi đang nói...”

“Thật quyến rũ,” Rowe lẩm bẩm, vẫn không rời mắt khỏi Patience.

“Ông chắc chắn xứng đáng được nghỉ ngơi, như những gì ngài Lane đã kể cháu nghe.” Patience vội vàng nói. “Khi nào ông sẽ đi, Tiến sĩ Choate?”

“Tôi vẫn chưa quyết định được. Cô thấy đấy, chúng tôi đang tìm một người quản lý bảo tàng mới. Ông ta từ Anh đến trên chuyến tàu tối nay; chúng ta hãy chờ xem ai sẽ cập bến vào sáng ngày mai. Chắc chắn sẽ mất

một thời gian để ông ta quen với công việc, và trong khoảng thời gian đó tất nhiên tôi sẽ ở lại đây đến khi ông ta có thể tự lo mọi chuyện.”

“Một chuyến thăm thì sao, cô Darling?” chàng thanh niên đột nhiên hỏi.

“Cháu luôn nghĩ rằng nước Mỹ không muốn mượn các bức tranh và sách từ Anh,” Patience có vẻ bối rối. “Cháu đoán rằng người quản lý mới của bảo tàng là một người rất mê đọc sách, Tiến sĩ Choate. Có phải một ai đó quan trọng không thưa ngài?”

Ngài thanh tra có vẻ bồn chồn.

“Ô, ông ta cũng khá có tiếng tăm ở nước ngoài,” Tiến sĩ Choate vẫy tay một cách tinh tế. “Tôi không nói rằng ông ta là chuyên gia hạng nhất. Ông ta đã quản lý một bảo tàng nhỏ ở London trong nhiều năm - Bảo tàng Kensington. Tên ông ta là Sedlar, Hamnet Sedlar...”

“Ngài sẽ có cả một miếng bò nướng kiểu Anh tuyệt hảo,” chàng thanh niên nói đầy phấn khích.

“Được đích thân chủ tịch của chúng ta, cậu biết đó - ngài James Wyeth, đề cử.”

Patience, có vẻ không vui vì không được nhìn thấy ánh mắt ngưỡng mộ của chàng trai nữa, hơi nhướn đôi lông mày mỏng của mình. Wyeth là một người không hề đầy quyền lực, Cyprus đại để lạnh lùng, học thức với khát khao tri thức vô bờ.

“Và Sedlar cũng được chào mừng nhiệt liệt bởi John Humphrey Bond.” Tiến sĩ Choate tiếp tục. “Lời giới thiệu của ngài John cũng hết sức nặng kí. Ông ta là một trong những nhà sưu tập nổi tiếng nhất Anh quốc trong cả thập kỉ qua, ngài thanh tra à, tôi nghĩ ông cũng biết.”

Ngài thanh tra hơi bất ngờ. Ông hắng giọng. “Chắc chắn. Chắc chắn rồi. Nhưng chúng ta đang...”

“Ngài chắc sẽ không phiền khi tôi chen lời chứ?” Rowe đột ngột hỏi. “Tôi đã hi vọng rằng ai đó sẽ xuất hiện, ngài biết đấy.” Anh cười và đóng sập cuốn sách dày cộp mình đang đọc lại. “Hôm nay là một ngày may mắn của tôi.”

“Tất nhiên là không phải, anh Rowe à,” Patience lầm bầm, gương mặt đỏ hồng. “À, Tiến sĩ Choate, cháu từng có thời gian sống ở Anh hồi niên

thiếu.”

“Nước Anh cũng gặp may mắn,” chàng thanh niên nhanh nhẩu nói thêm.

“...và cháu luôn cảm thấy rằng những người Anh có học thức luôn coi chúng ta hơi kì quái và hoang dã. Cháu đoán lý do ngài Sedlar đến đây bởi vì sức nặng đáng kể của...”

Tiến sĩ Choate rung rung bộ râu, “Sai rồi, cô Thumm à. Ngân sách của Bảo tàng Britannic không cho phép chúng tôi trả lương cho Sedlar nhiều bằng hồi anh ta ở London. Nhưng anh ta có vẻ rất thích thú với đề nghị làm việc ở đây, và đã ngay lập tức nhận lời ngài Wyeth. Tôi đoán rằng anh ta cũng hơi giống chúng tôi - hơi thiếu thực tế.”

“Thật đúng đắn làm sao,” chàng trai trẻ thở dài. “Giờ đây nếu tôi thực tế hơn.”

“Thật đáng tò mò,” Patience mỉm cười. “Đó không phải một nét tính cách Anh điển hình, có lẽ vậy.”

Ngài thanh tra ho ầm ỉ. “Bây giờ, Patty,” ông quở trách cô, “Tiến sĩ Choate hết sức bận rộn, và chúng ta không thể bắt ông dành cả ngày tán gẫu với chúng ta về những chuyện không liên quan.”

“Ôi, thực ra thì, ngài thanh tra...”

“Tôi chắc rằng đây là một niềm vui lớn dành cho người già cả như ngài Choate đây,” Rowe niềm nở nói, “được nói chuyện với một sinh vật kiêu diễm như con gái ngài, ngài thanh tra.”

Một tia sáng tuyệt vọng bùng lên trong mắt Thumm. “Lí do thực sự khiến chúng tôi đến đây, Tiến sĩ Choate,” ông nói, lờ đi chàng thanh niên, “là để tìm hiểu về Donoghue.”

“Donoghue?” người quản lý bảo tàng có vẻ bối rối, rồi quay sang Rowe, đang ngồi thẳng lưng mắt sáng rực. “Có chuyện gì với Donoghue vậy?”

“Có chuyện gì với Donoghue ấy hả?” ngài thanh tra gầm lên. “Tất nhiên rồi, Donoghue đã biến mất, đó là chuyện gì của ông ta!”

Nụ cười trên gương mặt chàng thanh niên tan biến. “Biến mất ư?” anh nói nhanh.

Tiến sĩ Choate sững sờ. “Ông chắc chứ, ngài thanh tra? Ngài không phải đang nói đến nhân viên bảo vệ đặc biệt của chúng tôi đó chứ?”

“Đúng vậy! Nói đi nào, chả nhẽ ông không biết ông ta không đến đây làm việc sáng nay hay sao?”

“Không, tôi biết rõ chứ. Nhưng tôi không để ý đến.” Ngài tiến sĩ đứng dậy và bắt đầu kéo mảnh vải phủ trên bàn làm việc. “Burch, người gác cửa, đã nói gì đó với tôi vào sáng nay về việc Donoghue không thể có mặt, nhưng tôi không nhớ rõ lắm... Thực tế là, Rowe, cậu có nhớ tôi đã đề cập chuyện đó không. Cậu thấy đó, chúng ta đều yêu quý ông ta và đã cho ông ta khá nhiều tự do so với những nơi khác. Và rồi bảo tàng bị đóng cửa ... Chuyện gì đã xảy ra chứ? Có vấn đề gì vậy, thưa ngài thanh tra?”

“Cho đến nay chúng tôi mới tìm ra,” ngài thanh tra trả lời, “rằng ông ta đã biến khỏi đây từ chiều hôm qua khi đoàn giáo viên đó đang đi tham quan và vẫn chưa xuất hiện lại. Không quay về nhà mình, không đến buổi hẹn với một người bạn vào tối qua - ông ta đã biến mất.”

“Điều này khá là kì quặc, ông có nghĩ vậy không, thưa tiến sĩ?” Patience nói nhỏ.

Gordon Rowe nhẹ nhàng đặt cuốn sách xuống.

“Có lẽ vậy,” Tiến sĩ Choate bối rối ra mặt, nói. “Một tập thể giáo viên... Đó có vẻ là một nhóm người vô hại, ngài thanh tra.”

“Nếu ông làm cảnh sát cũng lâu năm như tôi,” ngài thanh tra đáp lại, “ông sẽ học được rằng đừng tin vào vẻ bên ngoài. Tôi hiểu rằng chính ông đã dẫn đám đông đó đi thăm quan bảo tàng.”

“Đúng vậy.”

“Có bao nhiêu người, ông có nhớ không?”

“Thực sự là tôi không biết, thưa ngài thanh tra. Tôi sợ rằng mình đã không đếm lúc đó.”

“Hẳn ngài cũng không tình cờ nhìn thấy”, Patience nói nhẹ nhàng, “một người đàn ông trung tuổi có bộ ria mép màu xám và cầm theo một cái mũ kì quái, đúng không?”

“Tôi có thói quen sống khép kín, cô Thumm; hơn một nửa thời gian tôi không để ý đến môi trường xung quanh.”

“Tôi có để ý thấy,” Rowe nói, nghiêng bộ hàm mong manh của mình lại. “Nhưng tôi chỉ hơi liếc qua, nên không chắc chắn lắm.”

“Tệ thật,” ngài thanh tra nói giọng mỉa mai. “Vậy ông chỉ đưa họ đi vòng quanh thôi hả, ngài tiến sĩ?”

“Hắn đó là tội của tôi vậy, ngài thanh tra,” người quản lý bảo tàng cười khẩy. “Tại sao cô lại quan tâm đặc biệt đến người đội mũ xanh đó vậy, cô Thumm?”

“Bởi người đàn ông đội mũ xanh đó,” Patience đáp lời, “không phải là thành viên thuộc nhóm khách kia, thưa Tiến sĩ Choate, và cháu có đủ mọi lí do để tin rằng sự biến mất của Donoghue có liên hệ với người đàn ông này theo cách nào đó.”

“Thật khôi hài,” Rowe lẩm bẫm. “Thật khôi hài. Đây hẳn là một âm mưu trong bảo tàng đấy, ngài tiến sĩ! Rõ ràng giống với tính cách lãng mạn kiểu Ai len điển hình.”

“Ý cậu là ông ta đã nhận thấy điều gì đó lạ thường,” Tiến sĩ Choate suy nghĩ kĩ lưỡng, “ở người đàn ông đội mũ xanh đó và tự cho mình quyền thực hiện một cuộc điều tra cá nhân? Hoàn toàn có thể, tất nhiên rồi. Tôi chắc rằng sẽ không có vấn đề gì xảy ra với Donoghue đâu, tôi khá tự tin vào năng lực tự lo cho bản thân của ông ta.”

“Thế ông ta đang ở đâu?” ngài thanh tra hỏi khô khốc.

Tiến sĩ Choate lại nhún vai; đó là bằng chứng cho thấy ông coi đây chỉ là một chuyện vặt. Ông đứng lên và mỉm cười. “Giờ thì vấn đề của ông đã được xử lý rồi, ông còn muốn tìm kiếm gì khác không, ngài thanh tra? Còn cô nữa, cô Thumm? Tôi biết cô đã từng đến Bảo tàng Britannic nhiều lần, nhưng gần đây chúng tôi có được những mẫu vật quan trọng mới mà tôi chắc chắn cô sẽ rất thích thú. Chúng tôi đang cất nó trong Phòng Saxon. Samuel Saxon, cô biết đó. Ông ta mới qua đời không lâu...”

“Ồ...” viên thanh tra cắn nhả.

“Tôi chắc chắn rằng mọi người đều sẽ thích.”

Tiến sĩ Choate dẫn đường, giống nhà tiên tri Moses, bước qua giữa biển tranh sơn dầu treo trên tường phòng tiếp tân tới một hành lang thông ra một phòng đọc lớn khác, nơi những giá sách chật kín được trang trí thêm bởi các bức tranh sơn dầu. Thanh tra Thumm chán nản lết đi cạnh ông, sau họ

là Patience và chàng thanh niên - sự sắp xếp vô tình khiến gò má của Patience thêm ửng hồng.

“Cô không phiền nếu tôi đi cùng cô dọc theo con đường này chứ, thưa quý cô?” Chàng trai trẻ thăm thì.

“Tôi chưa bao giờ tỏ ra xa lánh những chàng trai bánh bao cả,” Patience nói giọng quả quyết, “và tôi chắc chắn tôi sẽ không làm như vậy để khiến anh căng thẳng đâu, anh Rowe. Đã có ai đó nói rằng anh là một người quá số sàng chưa?”

“Có, em trai tôi,” Rowe trả lời một cách nghiêm túc, “khi tôi tặng nó một cú tím mắt. Em à, không biết đã bao lâu rồi anh mới được gặp một cô gái...”

Tiến sĩ Choate dẫn đường dọc qua phòng đọc đến một cánh cửa phía xa. “Thực tế là,” ông gợi ý, “anh Rowe đây có nhiều quyền hạn hơn tôi trong Phòng Saxon này cô Thumm à. Anh ta chính là một trong những thần đồng mới nổi danh gần đây, hẳn cô đã biết.”

“Kinh khủng quá,” Patience nói, vừa hất mái tóc.

“Đừng tin một lời nào cả,” Rowe nói ngay lập tức. “Choate, tôi sẽ thắt cổ ông. Tiến sĩ đang nói quá đà rồi, cô Thumm...”

“Ồ, giờ thì gọi tôi là cô Thumm rồi hả?”

Anh ta đỏ mặt. “Tôi xin lỗi. Thỉnh thoảng tôi lại bị như vậy. Ý của Tiến sĩ Choate là tôi nằm trong số những người may mắn đã lọt vào mắt Sam Saxon. Ông ấy di chúc lại rất nhiều sách quý cho Bảo tàng Britannic; ông ấy mới mất cách đây vài tháng; và với vai trò một người bảo trợ, tôi ở đây với một phần trách nhiệm không chính thức là đảm bảo các cuốn sách bắt đầu sống tại ngôi nhà mới một cách đúng đắn.”

“Càng lúc càng tệ hơn, anh Rowe à. Tôi chỉ thích các anh chàng náo rỗng và không có chống lưng thôi.”

“Giờ cô đang tỏ ra cay nghiệt quá,” anh thăm thì. Rồi đôi mắt anh lại ánh lên. “Ngoại trừ phần được chống lưng, thì tôi khá chắc rằng mình đủ tiêu chuẩn. Thực ra thì, tôi có thực hiện một số nghiên cứu về Shakespeare. Ngài Saxon đã kèm cặp tôi, nhưng giờ ông đã qua đời và một phần lớn những nghiên cứu về Shakespeare đã được chuyển giao cho Bảo tàng.”

Mọi người bước vào một căn phòng dài và hẹp, chắc mới được sửa sang vì màu sắc còn tươi mới và thơm mùi nhựa thông. Ở đây phải có đến cả ngàn quyển sách, phần lớn để trên các giá sách. Một số được đặt trong các hộp gỗ trưng bày đặt trên những chân kim loại mỏng manh, rõ ràng là những đồ quý giá và đắt tiền.

“Mới hoàn thiện,” Tiến sĩ Choate nói. “Có một vài món hết sức độc đáo ở đây, Rowe nhỉ? Tất nhiên những đồ trong phòng này chưa được thêm vào nội dung trưng bày; bộ sưu tập mới được chuyển đến cách đây vài tuần, sau khi chúng tôi đóng cửa.” Ngài thanh tra đứng dựa lưng vào tường, trông nản lắm rồi. “Và bây giờ,” Tiến sĩ Choate nói như người dẫn chương trình đang giới thiệu một tiết mục mới, ông chỉ về phía hộp đựng gần nhất, “là món đồ...”

“Hãy nói xem!” giọng ngài thanh tra sắc lẹm. “Thứ quái quỷ gì đã xảy ra ở đây vậy?”

Tiến sĩ Choate và Gordon Rowe cuống cuống chạy đến. Patience thở dồn dập.

Ngài thanh tra chỉ tay vào một hộp trưng bày ở chính giữa phòng, giống như những cái khác; nhưng có một điểm khác biệt rõ rệt. Lớp kính phía trên đã vỡ vụn và chỉ một vài mảnh kính là còn dính vào khung!

Chiếc Hộp Jaggard

Vẻ mặt hoảng sợ trên khuôn mặt người quản lý bảo tàng và chàng trai lập tức biến mất.

“Chà!” Rowe nói. “Ngài đừng lo lắng, thưa ngài thanh tra. Trong khoảnh khắc tôi đã nghĩ rằng có điều gì tồi tệ xảy ra. Chỉ là một tai nạn xảy ra ngày hôm qua, vậy thôi.”

Patience và ngài thanh tra trao đổi nhanh ánh mắt đầy ẩn ý. “Một tai nạn hả?” Ngài thanh tra nói. “Ồ, được rồi. Mừng là tôi đã quyết định sẽ để ý thêm một chút đến nét văn hóa này của ngài, ngài tiến sĩ. Tai nạn - ý anh là sao, Rowe?”

“Ôi, tôi đảm bảo với ngài chuyện chỉ đơn giản như vậy,” người quản lý bảo tàng mỉm cười. “Không có gì quan trọng hết. Mọi việc đúng như Rowe đã nói. Anh ta đang làm việc trong phòng đọc kế bên vào chiều hôm qua và có cơ hội ghé vào để tham khảo một vài cuốn sách của Saxon. Chính anh ta là người nhận thấy lớp kính trên cùng bị vỡ.”

“Ông thấy đó,” Rowe giải thích, “người thợ mộc mới chỉ rời phòng này sáng hôm qua, chắc ông ta đã quay lại để tìm một món đồ đã bỏ quên hay thứ gì đó rồi không may làm vỡ mặt kính. Không có gì to tát cả.”

“Anh phát hiện ra chuyện này lúc nào ngày hôm qua, anh Rowe?” Patience hỏi chậm rãi. Lần này không có chút riêng tư nào trong ánh mắt cô.

“Ồ, tôi nghĩ khoảng năm giờ ba mươi.”

“Thế mấy giờ thì các vị khách từ Indiana rời đi, ngài đã nói chưa ấy nhỉ?” Cô tiếp tục. Nụ cười trên môi cô đã biến mất.

Tiến sĩ Choate có vẻ giật mình. “Ồ, tôi đảm bảo là không có chuyện gì mà! À, tôi nhớ là chưa nói, cô Thumm. Các giáo viên đó rời đi lúc năm giờ,

tôi nghĩ vậy.”

“Và mảnh kính đã vỡ vụn lúc năm giờ ba mươi, đúng không anh Rowe?”

Chàng thanh niên nhìn chăm chăm vào cô. “Trời, quý cô Sherlock ơ! Tôi thực sự không biết. Cô đang chơi trò thám tử hả?”

“Dừng ngay màn tấu hài lại, anh kia,” ngài thanh tra nói, tiến về phía trước; nhưng ông nói mà không có dấu hiệu bực bội và dường như đã lấy lại được sự hài hước của mình. “Thế nào? Anh phải nghe thấy tiếng kính vỡ chứ?”

Rowe lắc đầu buồn bã. “Nhưng tôi không nghe thấy, ngài thanh tra. Ông thấy đó, cánh cửa vào Phòng Saxon từ phòng đọc sách đã được đóng lại, và tôi có tật quá say mê vào những việc đang làm đến mức ông có thể gỡ một quả bom đặt dưới cái ghế của tôi mà không khiến tôi chớp mắt. Vậy đấy, sự cố có thể đã xảy ra vào bất cứ lúc nào trong buổi chiều hôm qua, ông thấy đó.”

“Hừm,” ngài thanh tra nói. Ông bước đến hộp kính vỡ và ngó vào. “Có gì bị đánh cắp không?”

Tiến sĩ Choate cười chân thành. “Thôi nào, ngài thanh tra, chúng tôi nào phải trẻ con, ông biết đó. Thường thì chuyện sẽ xảy ra với chúng tôi rằng ai đó có thể lén vào đây - có một cánh cửa khác ở đó, như ông thấy, dẫn ra hành lang chính, khiến việc đột nhập vào căn phòng là khá dễ dàng - để có thể trộm lấy một trong ba tuyển tập rất có giá trị trong hộp. Nhưng chúng vẫn còn đó, như ông thấy.”

Hai cha con nhà Thumm nhìn xuống chiếc hộp bị đập vỡ. Đáy hộp được lót bằng nhung mềm màu đen; ba hõm hình chữ nhật được khéo léo khoét vào lớp nhung, và trong mỗi khe để một cuốn sách duy nhất, to lớn đồ sộ được bọc da sồi màu. Cuốn sách bên trái được bọc màu vàng nâu, cuốn sách bên phải là màu đỏ tươi đã bị mờ, và cuốn sách ở giữa bọc màu xanh lam.

“Chiều nay sẽ có một người thợ đến sửa lại nắp hộp,” người trông coi bảo tàng nói tiếp. “Còn giờ thì...”

“Bình tĩnh nào, ngài tiến sĩ,” Thumm đột ngột nói. “Ông nói rằng các công nhân đã đi qua phòng này sáng hôm qua. Chẳng nhẽ ông không có

một nhân viên bảo vệ nào trong ca buổi chiều hay sao? Tôi luôn nghĩ các viên bảo tàng lúc nào cũng đầy các nhân viên bảo vệ ồn ào”

“Ôi, không, ngài thanh tra. Chúng tôi cho các nhân viên bình thường nghỉ bớt khi bảo tàng đóng cửa để sửa chữa. Donoghue và Burch là đủ. Nhóm giáo viên từ Indiana đó là những người ngoài đầu tiên được phép vào đây kể từ khi chúng tôi đóng cửa. Nhưng chúng tôi không nghĩ rằng nó thực sự cần thiết...”

“Được rồi,” ngài thanh tra gầm lên, “Tôi nghĩ tôi có thể nói cho ông biết những gì đã xảy ra, và chết tiệt nó không hồn nhiên như ông nói đâu.”

Đôi mắt Patience rực sáng. Gordon Rowe có vẻ bối rối.

“Ý ông là gì?” Tiến sĩ Choate vội hỏi.

“Ý tôi là,” ngài thanh tra giật giọng, “rằng phỏng đoán của ông, tiến sĩ, là Donoghue đã thấy điều gì đó khả nghi về tay mũ xanh và đi theo hắn ta là đúng. Tại sao anh ta đi theo gã mũ xanh đó? Bởi vì tôi khẳng định rằng tay đó đã đập tan cái hộp này, đó là lý do, và Donoghue thấy hắn ta làm điều đó!”

“Thế vì sao không mất mát gì?” Người quản lý bảo tàng phản đối.

“Có lẽ Donoghue đã dọa hắn ta phát khiếp trước khi kịp lấy một trong những cuốn sách này. Ông nói rằng chúng có giá trị, vậy là đủ - đây là một vụ trộm bất thành.”

Patience cắn môi và nhìn chăm chăm vào chiếc hộp vỡ.

“Thế thì tại sao Donoghue không kéo còi báo động, ngài thanh tra?” Rowe lẩm bẩm. “Và tại sao không một ai nhìn thấy gã mũ xanh chạy ra ngoài, nếu Donoghue đang đuổi sát theo hắn?”

“Và điều quan trọng nhất là,” Patience thấp giọng, “Donoghue đang ở đâu? Tại sao ông ấy vẫn chưa trở lại?”

“Tôi không biết,” người quản lý bảo tàng giậm dừ, “nhưng tôi chắc chắn sẽ thông báo cho cô ngay khi có tình hình mới.”

“Con lo rằng những chuyện còn khủng khiếp hơn thế đã xảy ra,” Patience nói giọng sợ hãi, “và những chuyện đó không xảy ra với gã mũ xanh, mà là với anh bạn Donoghue của chúng ta!”

Mọi người đều im lặng. Ngài thanh tra đi vòng quanh phòng.

Patience thở dài và cúi xuống ngó chiếc hộp. Một tấm biển chữ V đặt sau ba cuốn sách trong hộp in chữ: *Sản phẩm thủ công Đặc biệt quý hiếm của William Jaggard thợ in.*

“Từ thời Elizabeth ư?”

Tiến sĩ Choate lơ đãng gật đầu. “Đúng vậy. Là những món đồ thú vị ở đây, thưa cô Thumm. Jaggard là một xưởng in và nhà xuất bản nổi tiếng ở London đã in cuốn Folio đầu tiên của Shakespeare, cô biết đó. Những món đồ này là từ bộ sưu tập của Samuel Saxon - nhưng ông ta đã có chúng bằng cách nào chỉ có Chúa mới biết! Ông ta hơi keo kiệt.”

“Tôi không nói như vậy đâu nhé,” Gordon Rowe nhận xét, một tia sáng lóe lên trong đôi mắt nâu của anh.

“Ô, chỉ nói về khía cạnh ham mê sách vở thôi,” Tiến sĩ Choate vội thêm vào.

“Thôi nào,” viên thanh tra cộc cằn nói. “Tôi muốn tìm ra một cái gì đó.”

Nhưng mặc dù còn nhiều thứ để khám phá, nhưng thực tế mọi người không tìm thấy gì cả. Với sự hỗ trợ của Tiến sĩ Choate, thanh tra Thumm đã tra vấn tất cả những người làm công hôm đó - thợ vẽ trang trí, họa sĩ, thợ xây, thợ mộc - những người đang làm việc trong Bảo tàng Britannic, để hỏi họ thật kĩ càng về các sự kiện đã diễn ra vào ngày hôm trước. Không ai trong số họ nhớ rằng đã nhìn thấy một người đàn ông đội chiếc mũ màu xanh bước vào hay rời khỏi Phòng Saxon, và cũng không ai nhớ được chính xác những hành động của Donoghue giờ đã mất tích.

Patience, mới vòng ra phía sau Phòng Saxon đã bị chàng thanh niên Rowe tóm lại nói chuyện, vội vàng đi vào phòng đọc sách nơi ngài thanh tra đang tiến hành cuộc điều tra mà không thu được kết quả gì, mặt cô ửng đỏ.

“Bố! Con nghĩ là... Bố có thấy phiền phức kinh khủng không nếu con không trở về văn phòng cùng bố?”

Gượng gạo nhớ lại trách nhiệm làm bố của mình, ngài thanh tra làm giọng nghiêm khắc, “Con đi đâu bây giờ?”

“Ăn trưa ạ,” Patience vui vẻ nói, soi nhanh mình trong mảnh gương đang cất trong túi xách.

“Ha,” thanh tra nói. “Ăn trưa, hử?” Nhìn ông có vẻ buồn.

“Với chàng Rowe, tôi cược vậy,” Tiến sĩ Choate khúc khích cười. “Đối với một sinh viên theo đuổi một chủ đề nghiêm túc như văn học thì quý cô đây chắc chắn là một cô nàng tóc vàng ấn tượng nhất. A, anh ta đây rồi,” ông nói khi Rowe điếu vào, đội mũ và mang gậy. “Sẽ quay lại trong chiều nay chứ, Rowe?”

“Nếu tôi có thể phân thân được,” chàng trai nhe răng. “Shakespeare đã chờ đợi hơn ba trăm năm rồi, nên tôi cho rằng ông ta hoàn toàn có thể đợi thêm một chút. Ông không phiền chứ, ngài thanh tra?”

“Phiền? Phiền không ấy hả?” Thumm gầm gừ. “Thế quái nào mà tôi lại bận tâm cơ chứ?” Rồi ông khùng khinh hôn lên trán Patience.

Cặp đôi bước nhanh ra khỏi phòng, tiếp tục say sưa với cuộc thảo luận tưởng như đã bắt đầu từ kiếp trước và còn liên tu bất tận.

Giờ chỉ còn im lặng.

“Chà,” ngài thanh tra thở dài, “chắc tôi phải đi bộ về rồi. Ông nhớ để ý nghe ngóng nhé? Và nếu nghe được bất kì tin tức gì về Donoghue, hãy gọi cho tôi.” Ông đưa cho người quản lý bảo tàng danh thiếp của mình, hơi hốt bắt tay ông rồi bối rối ra khỏi phòng đọc sách. Tiến sĩ Choate trầm ngâm nhìn theo tấm lưng rộng lớn của ngài thanh tra. Sau đó, ông vỗ nhẹ mép tấm danh thiếp lên bộ râu của mình, khẽ huýt sáo và quay trở lại Phòng Saxon.

Đã Đến Lúc Cần Trợ Giúp

“Tôi luôn luôn nghĩ rằng,” Patience nói qua đĩa trái cây, “rằng những nghiên cứu sinh môn văn học cũng giống nghiên cứu sinh môn hóa học - hơi lòng khòng, gày gò với tia sáng cuồng tón trong mắt và hoàn toàn không chút hấp dẫn. Hẳn anh là ngoại lệ với những quy tắc này, hoặc tôi đã bỏ sót điều gì?”

“Chính tôi đã bỏ sót một điều gì đấy”, Rowe khẳng định, nuốt trọn một vốc bưởi lớn.

“Tôi nhận thấy rằng việc thiếu thốn về mặt tâm hồn không ảnh hưởng đến khẩu vị của anh!”

“Sao cô biết đó là vấn đề tâm hồn?”

Người phục vụ dọn đi phần vỏ và mang đến hai ly nước quả.

“Một ngày đẹp trời,” Patience vội vã nói, và nhấp một ngụm. “Nói cho tôi nghe điều gì đó về anh đi, chàng trai. Anh dùng bánh quy à?... Ý tôi là, như mô tả tiểu sử cá nhân ấy.”

“Tôi sẽ pha cho cô một ly cocktail. George ở đây biết tôi, và dù anh ấy có không biết cũng sẽ không có gì khác biệt. George, cho tôi một ly đúp martini. Không đá.”

“Shakespeare và martini!” Patience thì thầm, cười khúc khích. “Thật sáng khoái! Giờ tôi đã hiểu rồi. Đó là lý do tại sao anh vừa là một học giả nhưng nhìn vẫn giống một người bình thường. Anh hẳn đã rắc lên những trang sách bụi bặm những giọt rượu và chúng đã cháy, phải không?”

“Nghe có vẻ hắc ám,” Rowe cười. “Sự thực là, cô đang phản bội lại một trong những yếu tố cốt lõi của văn chương. Tôi đến chết vì bữa trưa với những phụ nữ thông minh.”

“Vâng, tôi thích điều đó,” Patience thở hển hển. “Tại sao chứ, đồ ngỗ ngược...Bacchus*! Tôi có bằng M.A., tôi cho anh biết, và tôi đã viết một tham luận về *Những bài thơ của Thomas Hardy**”

“Hardy? Hardy ư?” Chàng trai chun mũi hỏi. “Ồ, một người viết đoản ca!”

“Và chính xác thì ý anh là gì? Tôi đã phản bội cái gì, thờ ơ như thế nào?”

“Chính là tinh túy quan trọng của ngài Will* cổ xưa. Cô nàng thân mến, nếu cô thực sự đánh giá đúng mức Shakespeare, cô sẽ hiểu rằng thơ của ông không cần những kích thích từ bên ngoài. Mỗi bài thơ đều rực cháy với ngọn lửa nội tại.”

“Hãy lắng nghe, lắng nghe,” Patience thì thầm. “Cảm ơn ngài. Tôi sẽ không bao giờ quên bài học nhỏ này về tính thẩm mỹ.” Có hai đốm hồng rực lên trên má cô, và cô bẻ đôi một chiếc bánh quy.

Anh ngửa đầu lên và gặm lên, làm George giật mình, người đang mang một khay nước đen. “Ôi, Chúa ơi!” Anh thở hển hển. “Cô ấy không cầm nổi đâu! Tôi nghĩ cả hai đã hơi điên rồi... A, George. Hãy đặt những cái ly xuống, bạn của tôi... Chúng ta dừng lại được rồi, cô Thumm?”

“Cô Thumm ư?”

“Darling!”

“Là Patience thôi, anh Rowe.”

“Được rồi, thì là Patience.”

Họ uống cạn ly, đôi mắt họ gặp nhau qua vành ly và cả hai cùng cười, hơi ghen cocktail.

”Và bây giờ đến tiết mục tự truyện. Tên tôi là Gordon Rowe. Đã dự hai mươi tám ngày lễ Thánh Michael, là một đứa trẻ mồ côi, có một khoản thu nhập thấp thảm hại. Tôi nghĩ rằng người Mỹ năm nay đã có một đội hình tệ hại. Tôi thấy là đội Havard đã mua về một tay ném khá nổi danh, và nếu tôi ngắm nhìn em lâu hơn tôi sẽ hôn em mất.”

“Anh đúng là một chàng trai kì lạ,” Patience đỏ mặt giận dữ nói. “Không, không, điều đó không có nghĩa là chấp nhận, vậy tốt hơn anh nên buông tay tôi ra; hai bà lão bàn bên cạnh đang nhìn anh kìa... Chúa ơi, tôi xấu hổ quá! Đỏ mặt hệt như một nữ sinh vừa mới nghe đến một nụ hôn!”

Lúc nào anh cũng thiếu nghiêm túc như vậy sao? Tôi mong đợi một cuộc thảo luận nghiêm túc về sự phân tách các chủ đề bởi John Milton*, hoặc ảnh hưởng của loài sâu bướm đến nền nông nghiệp nước nhà.”

Anh nhìn chăm chú cô, nụ cười tắt dần. “Em nói đúng quá,” anh vừa nói vừa vỗ mạnh vào trán, và trong khoảnh khắc không ai nói gì cả. Khi anh ngược lên, cả hai cùng cẩn thận dò chừng nhau, và cuối cùng đôi mắt Patience cũng sụp xuống. “Nói thật là, Pat - tôi rất mừng vì em cho phép tôi gọi tên em như vậy - sự thô lỗ trẻ con này là lối thoát của tôi. Nó không phải điều tốt đẹp, tôi biết, và tôi chưa bao giờ thấy mình có thể giữ được bản thân theo những lễ thói của xã hội. Tôi đã cố gắng hiến những năm tháng tuổi trẻ đẹp nhất của cuộc đời để đi học, và những năm gần nhất để thực hiện những công trình chấn động giới nghiên cứu văn học. Tôi có tham vọng rất lớn, em biết đấy.”

“Tham vọng không làm hư hỏng các chàng trai,” Patience nói nhẹ nhàng.

“Cảm ơn em vì những lời tốt đẹp, cô gái. Tôi không phải là tuýp người sáng tạo. Việc nghiên cứu mê hoặc tôi. Tôi cho rằng mình nên đi theo ngành sinh hóa, hoặc vật lý thiên văn.”

Patience còn đang mê mải món salad của mình. Cô đùa giỡn với một cái lá cải xoong. “Tôi thật là... ôi, ngớ ngẩn quá.”

Anh nghiêng người về phía trước và nắm tay cô. “Xin vui lòng cho tôi biết, Pat.”

“Anh Rowe, mọi người đang nhìn kìa!” Patience nói, nhưng không rút tay lại.

“Là Gordon, xin em.”

“Gordon... Anh làm tôi buồn đấy,” Patience rên rỉ. “Ôi, tôi biết những thứ anh nói, và những thứ khác, nhưng sự thực là, anh Rowe... được rồi, Gordon! tôi xem thường những phụ nữ dạn dĩ quá.”

“Tôi xin lỗi,” anh hối hận. “Tôi đã đùa quá trớn.”

“Không đâu, còn hơn thế, Gordon. Tôi cũng đã hòa theo. Tôi chưa tìm được điều tôi thực sự muốn, trong khi anh...” Cô mỉm cười. “Nghe kì cục lắm phải không? Nhưng điều duy nhất phân biệt chúng ta với các loài linh trưởng thấp chính là khả năng tư duy, và tôi không thấy bằng chứng cụ thể

nào chỉ ra một người phụ nữ không có khả năng vận dụng lý trí như đàn ông, chỉ vì khác biệt về sinh học.”

“Đó là một cách nghĩ không nên được hoan nghênh,” chàng trai cười.

“Tôi biết điều đó, và tôi ghét cay ghét đắng nó. Tôi không tin rằng toàn bộ khả năng tư duy trong mình được thức tỉnh cho đến khi tôi gặp ngài Drury Lane. Ông ta là một người... sẽ nâng đỡ anh, làm anh muốn suy nghĩ, muốn hiểu biết. Và ông cũng là một ông lão hết sức quyến rũ... Nhưng chúng ta đang lạc đề rồi.” Cô bẽn lễn rút tay lại và nhìn anh bằng ánh mắt tha thiết. “Hãy nói cho tôi nghe về công việc của anh, và bản thân mình, Gordon. Tôi thực sự quan tâm.”

“Không có nhiều điều để nói,” anh nhún vai. “Chỉ là làm việc, ăn uống, tập thể dục, và ngủ. Tất nhiên công việc là một phần quan trọng nhất. Điều gì đó đặc biệt ở Shakespeare đã làm tôi say mê. Chưa bao giờ có ai thiên tài như vậy. Không chỉ ngưỡng mộ một cụm từ văn hoa hay những triết lý đăng sau vở Hamlet hay Lear, tôi hâm mộ bản thân ông. Điều gì đã tạo nên con người ông? Bí mật của ông là gì? Cảm hứng sáng tác đã đến từ đâu, hay là một ngọn lửa nội tại? Tôi muốn biết.”

“Tôi đã đến Stratford*,” Patience khẽ nói. “Có thứ gì đó, vô hình, ở Chapel Lane, Nhà thờ Stratford, trong bầu không khí...”

“Tôi đã có một năm rưỡi ở Anh,” Rowe lẩm bẩm. “Đó là công việc rất mù mịt. Theo sau một dấu vết rất mờ nhạt, và, ôi Chúa ơi...”

“Vâng?” Patience thì thầm, mắt cô lấp lánh.

Anh xoa cằm. “Phần quan trọng nhất trong cuộc đời của một nghệ sĩ là những năm đầu sự nghiệp. Đó là thời kì của những đam mê cháy bỏng. Ông có thể cảm nhận được mọi thứ xung quanh... Chúng ta đã biết gì về thời kì sôi nổi nhất trong cuộc đời một nhà thơ vĩ đại nhất thế giới? Không có gì. Chúng ta bỏ lỡ hẳn một chương trong cuộc đời của Shakespeare mà chúng ta có thể lấp đầy nếu chúng ta tiếp cận được sự nhạy cảm và tinh tế của người nghệ sĩ này.” Anh dừng lại, và một nỗi sợ hãi mơ hồ len lỏi vào đôi mắt nâu mệt mỏi của anh. “Pat,” giọng anh run run, “tôi nghĩ rằng tôi đang đi đúng hướng. Tôi nghĩ là...”

Anh dừng lại và dò dẫm lấy ra bao thuốc lá. Patience ngồi thật yên.

Anh cho bao thuốc vào túi áo mà không mở nó. “Không,” anh lẩm bẩm. “Điều này chưa đủ chín. Tôi thực sự không biết nữa.” Rồi anh mỉm cười. “Pat, chúng ta nói chuyện gì khác đi.”

Cô thở dài, không rời mắt khỏi anh. Sau đó cô mỉm cười trở lại. “Tất nhiên rồi, Gordon. Hãy kể tôi nghe về nhà Saxon.”

“À,” anh nói, nhấp nhồm như chú bé con, “không có nhiều thứ hay ho để kể. Sam Saxon khá hứng thú với hướng suy nghĩ của tôi. Tôi nghĩ rằng ông để mắt đến tôi; ông không có con. Và dù ông có một vài khiếm khuyết nào đó, ông vẫn là một người thực sự đam mê văn học Anh. Ông nhất quyết tài trợ cho nghiên cứu của tôi - đặt tôi dưới sự bảo trợ của mình, ở trong nhà ông. ...Sau đó, ông qua đời. Và tôi vẫn tiếp tục làm việc.”

“Thế còn bà Saxon?”

”Lydia thì khác.” Anh cau mày. “Bà ta hơi chi li, nói thế còn nhẹ. Tôi biết mình không nên ăn cháo đá bát, nhưng bà ấy thật... Hoàn toàn không để tâm đến văn học, và chắc chắn là không mấy may biết về bộ sưu tập sách hiếm của chồng. Thôi không nói về bà ấy nữa. Đó là một phụ nữ khó chiều.”

“Chỉ vì bà ấy ta không thể đàm luận về Shakespeare* với anh!” Patience cười lớn. “Ai sẽ chăm sóc bộ sưu tập Saxon? Anh ư?”

“Giờ em đang hỏi về lịch sử cổ đại đấy,” Rowe khúc khích cười. “Một người cổ lỗ mang tên Crabbe. Em nghe có giống thơ không! Tôi á? Ồ, không cô bạn thân mến! Thiên Ưng Nhân, tôi gọi ông ấy thế, rất xứng với ông ấy. Ông ấy là thủ thư của ngài Saxon suốt hai mươi ba năm, và tôi tin rằng ông ta còn kĩ lưỡng với các món đồ mà mình trông coi hơn cả Sam.” Nét mặt anh phảng phất vẻ u buồn. “Giờ thì ông ta nắm giữ mọi thứ rồi. Ông Saxon đã di chúc rằng Crabbe sẽ tiếp tục là người phụ trách bộ sưu tập. Giờ thì khó mà sờ tay vào được.”

“Nhưng chẳng phải anh cũng làm việc trong thư viện Saxon hay sao?”

“Dưới một sự giám sát rất chặt chẽ, tôi đảm bảo là vậy! Crabbe đã và đang làm thế. Tôi không biết nổi một phần tư những thứ nằm trong đó. Trong vài tháng qua, tôi đã được biên mục và giám sát những mẫu vật được di chúc cụ thể cho Bảo tàng Britannic; thay vì quay lại công việc của mình,

ông Saxon yêu cầu tôi làm điều đó trong di chúc của ông, với lại thực sự việc này cũng không to tát gì... Chà, Patience, tôi hẳn làm em chán đến tận cổ. Hãy cho tôi biết thêm về em.”

“Tôi ư? Không có gì để nói cả,” Patience nhẹ nhàng.

“Tôi đang nghiêm túc, Pat. Tôi nghĩ rằng em là người... cũng được! Nhưng hãy nói cho tôi nghe.”

“Nếu anh khẳng khẳng như vậy.” Cô nhìn vào mảnh gương trong túi xách. “Sự nghiệp của tôi có thể được tóm gọn trong một cụm từ duy nhất: Tôi là một *Vesta Virgin** thời hiện đại.”

“Nghe khủng khiếp quá,” chàng trai cười. “Tôi không nghĩ tôi hiểu ý em.”

“Tôi... đã dành cả cuộc đời mình vì... vì một thứ.” Cô nghịch mái tóc khi soi mình vào tấm gương nhỏ.

Anh nhìn cô âu yếm. ”Nuôi dưỡng tâm hồn ư?”

Cô đặt gương xuống, và thở dài. ”Ôi, Gordon, tôi cũng không hiểu mình nữa. Tôi - đôi khi tôi thấy mơ hồ.”

“Cô có biết sứ mệnh của mình là gì không, cô gái?” Rowe hỏi.

“Hãy nói tôi nghe!”

“Định mệnh đang dẫn dắt em đến một cuộc đời vô vị, cô nàng của tôi ơi.”

“Ý anh là sẽ kết hôn, rồi sinh con?”

“Đại loại vậy,” anh thấp giọng.

“Thế thì thật kinh khủng!” Patience đứng dậy, má đỏ bừng. Cô biết mình đang xấu hổ, bởi gò má cô như đang tan chảy vậy. “Chúng ta đi thôi, Gordon?”

Thanh tra Thumm quay về văn phòng của mình, suy nghĩ miên man. Ông lau bàn với Brodie, tiến vào phòng riêng của mình, ném văng mũ của mình qua phòng lên nóc két sắt, và quăng mình xuống ghế với vẻ mặt cau có.

Ông gác bàn chân khổng lồ của mình lên bàn làm việc, rồi lại bỏ chân xuống. Ông lục tìm điếu xì gà trong túi, không thấy gì cả, rồi lục lại tận đáy

ngăn kéo cho đến khi tìm thấy một ống tẩu cũ đã mòn, sau đó ông nhét đầy thuốc lá sợi, châm lửa, và phun ra từng luồng khói. Ông nghịch cuốn lịch của mình. Rồi ông đứng lên và dậm thành thịch xuống sàn. Sau đó, ông ngồi xuống một lần nữa, liên tục chửi thề, và dậm mạnh vào một nút bấm đặt dưới bàn làm việc.

Brodie vội vã bước vào, nín thở.

“Có ai gọi không?”

“Không, thưa ngài thanh tra.”

“Thư thì sao?”

“Không, thưa ngài thanh tra.”

“Vì Chúa, gã Tuttle đó không gửi cho tôi bất kỳ báo cáo nào về vụ Durkin hả?”

“Không, ngài thanh tra.”

“Chết tiệt cái thằng mắt đui đó - được rồi, được rồi, Brodie “

Cô Brodie tròn xoe mắt. Cô nuốt nước bọt: “Vâng, thưa ngài thanh tra,” và chuồn đi.

Rồi ông đứng nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ xuống Quảng Trường Thời Đại. Chiếc tẩu liên tục nhả ra từng đám khói lớn.

Đột nhiên ông nháy xỏ về phía bàn của mình, vồ lấy điện thoại, gọi Spring 7-3100. “Alô!” ông gầm gừ. “Cho tôi gặp thanh tra Geoghan. Đứng đây, Geoghan! Nghe này, làm theo đi, không tranh cãi. Đây là Thumm.” Ông cười khúc khích trước sự ngạc nhiên của viên cảnh sát. “Nhà cửa thế nào hả, John? Hả thằng lớn nhà anh đủ to để vào đội tân binh ở trường rồi chứ, tôi cá vậy! ... Được rồi được rồi. Giờ cho tôi gặp Geoghan, con ngựa chiến già đó... Xin chào, Butch hả? Thumm đây!”

Thanh tra Geoghan chửi thề hết sức thành thực.

“Chào mừng về nhà”, Thumm gầm gừ. “Đón tiếp tốt đấy! Nghe này, Butch... Rồi, rồi, tôi còn hồng hào khỏe mạnh. Tôi biết anh ổn cả, bởi tôi thấy khuôn mặt khi đột chết tiệt của anh trên báo sáng nay và nhìn anh có vẻ khỏe mạnh khủng khiếp như mọi khi ấy... Ờ! Nói xem nào, anh có nhớ gì về một cảnh sát tên Donoghue đã nghỉ việc chừng năm, sáu năm trước

không? Tôi nhớ hẳn làm ở sở chỉ huy dưới quyền khi anh còn là đội trưởng - đó mới là chỗ dành cho anh, con khi đột chết tiệt!”

Thanh tra Geoghan cười khúc khích, “Vẫn là Thumm vui vẻ ngày nào. Thế quái nào anh lại mong đợi tôi nhớ đến một tay lính trơn từ xa xưa cơ chứ?”

“Sao ấy hả, anh ta đã cứu anh một lần, đồ chồn hôi vô ơn! “

“Oh! Donoghue. Thế quái nào anh lại không nói luôn với tôi từ đầu? Chắc chắn tôi nhớ. Anh muốn biết gì?”

“Đánh giá anh ta cho tôi. Có ‘phất’ gì không? Hồ sơ của anh ta ra sao, Butch?”

“Loại A. Không thông minh quá mức, tôi nhớ vậy, nhưng đủ trung thực để không ăn chặn năm đô từ một tay bán rong. Quá mức trung thực. Không xông xáo lắm, nên không được thăng vượt cấp.”

“Sạch sẽ hả?” ngài thanh tra lẩm bẫm.

“Trong trẻo như một hồi còi. Tôi nhớ mình đã thấy tiếc khi để anh ta đi. Một người Ai len lãng mạn, Donoghue. Chỉ mình anh ta thấy lãng mạn về các nhiệm vụ. Ha, ha! “

“Vẫn mấy câu đùa cũ rích đó,” Thumm gầm gừ. “Butch, tôi sẽ sống đến ngày thấy anh lên chức. Tạm biệt, chết tiệt, khi nào rảnh hãy ghé qua văn phòng tôi chơi.”

Ông nhẹ nhàng đặt ống nghe xuống và cau mày nhìn lịch của mình. Sau một lúc, ông lại nhắc máy điện thoại lên, gọi đến Trụ sở cảnh sát lần nữa gặp Cục điều tra mất tích. Đội trưởng Grayson, người đứng đầu Cục, là một người bạn cũ. Thumm kể lại ngắn gọn câu chuyện về Donoghue, những tình tiết đặc biệt xảy ra quanh vụ mất tích, diện mạo và thói quen của ông ta. Grayson, có nhiệm vụ điều tra tất cả các trường hợp mất tích thuộc thẩm quyền của Sở cảnh sát New York, hứa sẽ mở một cuộc điều tra bí mật. Sau đó, Thumm lại gọi cho thanh tra Geoghan.

“Nghe này, Butch, lại là tôi đây. Có xiu thông tin nào về một tay lừa đảo chuyên sưu tầm sách hiếm không? Một gã với bộ đồ xanh kì cục - tôi không biết, có thể đó là một thói quen.”

“Kẻ trộm sách ấy hả?” Geoghan nói về suy nghĩ. “Đội mũ xanh... Giờ tôi chưa thể nhớ ra ngay, nhưng tôi sẽ tìm và gọi lại cho anh.”

“Cảm ơn. Tôi sẽ chờ. “

Nửa tiếng sau, Geoghan gọi điện thoại. Chẳng có gì trong hồ sơ tội phạm của Cục nhận dạng liên quan đến một người đàn ông chuyên trộm cắp sách hiếm và lại có thói quen đội mũ màu xanh hoặc hơi xanh.

Ngài thanh tra nhìn mông lung ra ngoài cửa sổ. Thế giới lúc này dường như rất thê lương. Cuối cùng ông thở dài, lôi một tờ ghi chú trên bàn làm việc, bật nắp bút máy của mình, và bắt đầu chăm chú viết:

Gửi Lane:

Đây là điều mà tôi biết chắc rằng ông sẽ quan tâm. Đó là chút bí ẩn mà tôi đã nói với Quacey qua điện thoại sáng nay. Có Chúa chứng giám thực sự tôi và Patty đang gặp khó khăn, và chúng tôi cần lời khuyên của ông.

Là thế này, có vẻ như một cựu cảnh sát tên là Donoghue...

Kẻ Hành Hương Mê Đắm

Brodie vấp vào bậc thềm phòng làm việc của ngài thanh tra, khuôn mặt trẻ trung lộ nét bối rối. “Thưa ngài thanh tra! Là... là ngài Lane!”

“Gì thế hở?” ngài thanh tra ngây người hỏi. Hôm nay là thứ Tư, và ông quên rằng là mình mới gửi thư cho Lane ngày hôm qua.

“Nào nào, Brodie,” Patience nói, “bình tĩnh nào. Ngài Lane làm sao?”

Brodie hít một hơi, đứng thẳng người. Cô nuốt nước bọt, tay run run chỉ ra cửa, và nói: “Ông ấy ở bên ngoài.”

“Hả, nhân danh thánh Mike*!” ngài thanh tra gầm lên, lao ra cửa! “Sao cô không nói sớm?” Ông kéo mạnh cánh cửa; một ông già cao lớn mặc bộ áo lông trắng tinh đang ngồi trên băng ghế ở phòng khách, mỉm cười với ông và Patience. Brodie cắn móng tay có vẻ lo lắng phía sau. “Lane! Gặp ngài thật hay quá! Thứ quái quỷ gì mang ngài đến thành phố thế?”

Ngài Drury Lane đứng dậy, giấu cây cần làm từ gỗ mận gai dưới cánh tay mình, và nắm chặt bàn tay của thanh tra bằng sức mạnh không ai mong đợi ở một người đang thất thập. “Bức thư hấp dẫn của anh, tất nhiên rồi. A, Patience! vẫn duyên dáng như mọi khi. Tốt, tốt rồi, Ngài thanh tra, không phải anh sẽ mời tôi vào trong chứ?”

Cô Brodie trượt chân, tựa như một hồn ma đang kinh sợ bởi sự hiện diện của thánh thần. Ngài Drury Lane mỉm cười với cô khi bước ngang qua, nhưng cô chỉ thờ hồn hèn yếu ớt. Sau đó, cả ba bước vào văn phòng của ngài thanh tra.

Ông lão nhìn quanh với ánh mắt trù mến. “Đã lâu rồi, nhỉ? vẫn chỗ cũ ngọt ngọt này, ngài thanh tra à. Nhưng cũng giống một lũ đoàn hiện đại của Teach. Hai cha con khỏe chứ?”

”Ở mặt thể trạng thì có,” Patience nói, “nhưng mặt tinh thần tại lúc này thì không. Nhưng ông thấy sao rồi, ngài Lane? Lần trước...”

“Lần trước, cô gái của tôi,” ông lão nghiêm trang nói, ”ta như đã đặt một chân xuống mồ. Còn hôm nay thì - như cháu thấy đó. Ta cảm thấy khá hơn hẳn.”

“Chắc chắn rồi, thật tốt khi thấy ông ngồi đây,” ngài thanh tra lau bầu.

Lane nói chuyện, đôi mắt chuyển từ môi của Patience sang đôi môi của Thumm; một cách thành thực và trôi chảy. “Sự thật là lá thư của ngài đã hồi sinh tôi, ngài thanh tra. Quả là một vụ! Đặc biệt đó là một vụ án liên quan đến bảo tàng Britannic rất đỗi nhàm chán của tôi. Có vẻ như đã có chuyện chứ chẳng chơi.”

“Đó là điểm khác biệt giữa ông và bố cháu,” Patience cười lớn. “Những bí ẩn làm phiền bố cháu nhưng lại kích thích trí tưởng tượng phong phú của ông.”

“Thế còn cháu thì sao, cô gái đáng yêu?”

Cô nhún vai. “Đối với cháu, chúng là những phương thuốc thần kì*.”

“Britannic,” Lane nói nhỏ. ”Patience, cháu đã gặp chàng trai Gordon Rowe?”

Cô lập tức đỏ mặt, mắt đã long lanh nước. Viên thanh tra rửa thầm. Ông lão nhìn họ với một nụ cười. “À, vâng, cháu đã gặp anh ta,” Patience nói.

“Để ta đoán nhé,” Lane khô khan nói. “Một chàng trai trẻ tuổi thông minh hả?”

“Khá, cũng khá.”

Ngài thanh tra bồn chồn. “Sự thật là, Lane, chúng tôi đang kẹt trong một vụ điên khùng. Tôi sẽ không nhận được một xu nào từ đó, đó là chuyện điên khùng nhất ngài từng nghe, và tôi phải làm điều gì đó trước khi quá trễ.”

“Một chuyện không thể tránh khỏi nhỉ,” ông lão khúc khích cười. “Tôi đề nghị chúng ta nên cùng đến bảo tàng. Mô tả của ngài về chiếc hộp bị vỡ trong Phòng Saxon khiến tôi rất muốn kiểm tra nó.”

“Ồ!” Patience kêu lên. “Cháu đã bỏ sót gì ư?”

“Đây chỉ là một phỏng đoán,” Drury Lane trầm ngâm nói. “Tôi nghĩ là không có gì. Chúng ta đi thôi chứ? Dromio đang chờ ở dưới xe rồi.”

Họ tìm thấy Tiến sĩ Alonzo Choate trong văn phòng của mình, đang say sưa trò chuyện với một người đàn ông cao lớn, tay chân lòng không mặc quần áo ngoại quốc kì lạ. Ông ta có khuôn mặt Anh đặc trưng, đôi mắt sắc sảo, và bên dưới hàng chân mày màu nâu của ông là một mắt kính không vành đeo bên mắt phải, từ đó một sợi dây lụa màu đen buông thông xuống cổ. Khuôn mặt được cạo sạch sẽ gợi lại kí ức về những học giả của thời kỳ Phục Hưng. Khi ông ta nói, có một thái độ tích cực điềm đạm, và một chất giọng quyến rũ của người Anh gốc. Ông có lệ khoảng năm mươi tuổi. Tiến sĩ Choate giới thiệu ông là Tiến sĩ Hamnet Sedlar, người quản lý đương nhiệm, mới từ nước Anh trên chuyến tàu cập cảng sáng nay.

“Ngài Lane! ” Ông ta kêu lên. “Thật là một vinh hạnh, thưa ngài. Kể từ khi tôi nhìn thấy ông diễn Moor ở London hai mươi năm trước, tôi đã muốn gặp ông. Và rồi bài nghiên cứu về Shakespeare trong Colophon...”

“Không bằng ông đâu, tôi chắc vậy,” ông lão vội vàng nói. “Tôi không hơn một người ham mê nghệ thuật văn chương. Tôi cho rằng Tiến sĩ Choate đã nói với ông về những bí ẩn xảy ra gần đây, trước khi ông đến?”

Tiến sĩ Sedlar có vẻ ngạc nhiên. “Ngài nói sao ạ?”

“Ồ, chỉ là một rắc rối nhỏ,” Tiến sĩ Choate nói lớn, đưa tay vuốt chòm râu dê. “Tôi ngạc nhiên rằng ông coi trọng vụ việc đó đến vậy, ngài Lane.”

“Các dữ kiện gợi nên một sự việc đáng ngờ, ngài tiến sĩ à,” Drury Lane thì thầm. Đôi mắt sáng của ông đảo từ Choate sang Sedlar và ngược lại. “Ông thấy đấy, Tiến sĩ Sedlar, rõ ràng có một người đã cải trang để vào bảo tàng ngày thứ Hai - cách đây hai ngày, và dường như đã đập vỡ một chiếc hộp trưng bày ở một trong những phòng mới.”

“Thật vậy à?” Tiến sĩ Sedlar nói.

“Không có gì đâu”, người quản lý bảo tàng có vẻ thiếu kiên nhẫn. “Hắn ta không mang được gì đi, đó mới là điều quan trọng.”

“Tôi cũng nghĩ vậy,” Sedlar nở nụ cười.

“Không biết tôi có làm gián đoạn cuộc tranh luận khoa học này hay không”, ông lão nói, “nhưng tôi đề nghị chúng ta nên xem xét trực tiếp các

bằng chứng? Hoặc các quý ông đây sẽ muốn...”

Tiến sĩ Choate gật đầu, nhưng tay người Anh nói thêm: “Tiến sĩ Choate và tôi, tôi tin rằng, đã khá thân nhau. Vào lúc này tôi không muốn gì khác ngoài việc xem hộp kính vỡ đó.” Ông ta cười khúc khích. “Nói cho cùng thì, nếu tôi là người chịu trách nhiệm về Bảo tàng Britannic, tôi cho rằng mình nên tìm hiểu về các phương pháp trộm đồ nghệ thuật ở Mỹ, tiến sĩ nhỉ?”

“Ồ, tôi đoán vậy,” người quản lý bảo tàng cau mày nói. “Như ông muốn, tất nhiên rồi.”

Họ đi qua phòng đọc sách, giờ đang trống trơn - Patience quan sát với một chút thất vọng; Gordon Rowe đâu rồi? Rồi họ bước vào Phòng Saxon.

Chiếc hộp bị vỡ kính hôm qua đã được sửa lại. Lớp kính mới thay lắp lách trên nắp giống hệt ở những chiếc hộp khác.

“Thợ sửa kính đã đến đây chiều hôm qua,” Tiến sĩ Choate nói với ngài thanh tra. “Tôi cũng đảm bảo với ngài rằng anh ta không được ở một mình một phút nào. Chính tôi đứng trông cho đến khi anh ta xong việc.”

Viên thanh tra càu nhàu. Drury Lane và Tiến sĩ Hamnet Sedlar tò mò nhìn qua lớp kính. Mắt cả hai ánh lên một tia nhìn thích thú.

“Jaggard,” Tiến sĩ Sedlar thốt lên. “Vô cùng thú vị phải không ngài Lane? Tiến sĩ Choate, có phải ngài nói rằng đây là một căn phòng mới và đây là các hiện vật được đóng góp gần đây?”

“Đúng vậy. Những món đồ trong phòng này được hiến tặng cho Bảo tàng Britannic theo ý nguyện của Samuel Saxon, một nhà sưu tập. Tất nhiên chúng sẽ được triển lãm khi bảo tàng mở cửa trở lại.”

“Ồ, vâng! Tôi nhớ là ngài Wyeth đã đề cập đến việc này với tôi tháng trước tại London. Tôi thường tự hỏi liệu quý ông người Mỹ Saxon đây có những gì trong thư viện của mình. Một tâm hồn bí ẩn, phải không? Những món đồ này thật tinh xảo!”

“Tiến sĩ Choate,” ngài Drury Lane khô khan nói, đang nhìn không chớp mắt qua lớp kính, “ông có chìa khóa chiếc hộp này không?”

“Chắc chắn rồi.”

“Ông vui lòng mở nó ra được chứ?”

Người quản lý bảo tàng khựng lại, trong khoảnh khắc có vẻ không thoải mái, rồi ông cũng mở chiếc hộp. Mọi người tập trung xung quanh khi ông nâng nắp đậy và dựng nó lên. Ba cuốn sách cũ nằm trần trụi trên lớp vải nhung mềm màu đen. Dưới ánh sáng chói mắt của một bóng đèn trên cao, lớp vải bọc đã sờn lại ánh lên. Lane cẩn thận nhấc từng cuốn ra một, kiểm tra kỹ lưỡng phần gáy, phần bìa lót. Có lúc ông còn xăm soi từng con chữ một. Khi ông đặt lại ba tập sách về vị trí ban đầu, ông đứng thẳng, và Patience, đang chăm chú quan sát những đường nét khắc khổ trên mặt ông, thấy nó thất lại.

“Rất kì lạ,” ông thì thầm. “Tôi khó có thể tin được.” Và ông lại nhìn chằm chằm vào chiếc hộp đang mở.

“Có chuyện gì vậy?” Tiến sĩ Choate kêu lên.

“Vấn đề là, Choate thân mến,” ông lão bình tĩnh, “là một trong những cuốn sách ban đầu nằm trong hộp này đã bị đánh cắp.”

“Đánh cắp”, tất cả kêu lên cùng một lúc! Tiến sĩ Choate bước một bước về phía trước và dừng lại.

“Đó là điều không thể,” ông nhấn mạnh. “Tôi đã kiểm tra những bản in này khi cậu Rowe phát hiện thấy nắp hộp bị vỡ.”

“Ông có kiểm tra bên trong không?” Lane thì thầm.

Người quản lý bảo tàng mặt tái nhợt. “Tôi không xem... Không. Nhưng sau đó là một cuộc kiểm tra sơ bộ...”

“Tôi sợ rằng, đến cả đôi mắt chuyên nghiệp của ông cũng bị đánh lừa rồi ngài tiến sĩ. Như tôi đã nói, đây là điều gây tò mò nhất theo kinh nghiệm của tôi.” Hàng lông mày trắng mượt của ông nhíu lại. “Hãy nhìn đây.” Ông chỉ vào tấm bảng hình tam giác đằng sau cuốn sách được bọc trong lớp vải xanh. Trên đó ghi:

KẺ HÀNH HƯƠNG MÊ ĐĂM

TÁC GIẢ: WILLIAM SHAKESPEARE

(Jaggard, 1599)

Một món đồ phi thường và độc đáo từ thư viện Samuel Saxon. Một trong ba bản in hiếm có còn tồn tại của tác phẩm này trong ấn bản đầu tiên.

Được xuất bản bởi William Jaggard vào năm 1599. Lúc đó Jaggard khét tiếng đã đề tên Shakespeare là tác giả, mặc dù nó chỉ chứa năm bài thơ của ông trong tổng số hai mươi tác phẩm. Phần còn lại là của Richard Barnffeld, Bartholomew Griffin và một số nhà thơ đương thời khác.

“Vậy thì?” Tiến sĩ Choate lặng lẽ hỏi. Hamnet Sedlar đứng neho mắt nhìn qua mắt kính đang chỉnh ở mức giữa; ông dường như khó đọc nổi tấm bảng nhỏ phía sau.

“Đây là hàng giả, giả mạo ấy hả?” Patience nhanh nhẩu hỏi.

“Không, Patience thân yêu của ta. Ta không phải một chuyên gia, nhưng ta biết đủ để cả gan cho rằng những cuốn sách mà cháu nhìn thấy ở đây là một ấn bản đích thực của Jaggard - bản xịn của *Kẻ hành hương mê đắm*.”

Tiến sĩ Choate lớn tiếng tức giận. “Vậy thì sao, tôi không hiểu...” Ông nhặt cuốn sách bọc vải xanh và mở phần bìa lót. Miệng ông há hốc một cách kì cục. Tiến sĩ Sedlar giật mình cũng chăm chú nhìn qua vai. Và ông có vẻ cũng bị sốc, dù sự căng thẳng chỉ thể hiện thoáng qua.

Lane đi quanh sau bụi, đầu nghiêng nghiêng.

“Thế hả, nhưng...” viên thanh tra nói, vẻ hoang mang. Rồi ông vung tay lên và lẩm bầm như đang mê ngủ.

“Nhưng nếu đó là một tác phẩm xịn của Jaggard,” Patience kêu lên, “thì có gì...”

“Hoàn toàn, tuyệt đối không thể như vậy được,” Tiến sĩ Choate thì thầm.

“Thật điên rồ,” tay Tiến sĩ người Anh nói với giọng kinh ngạc.

Họ cùng nhau cúi xuống cuốn sách, luống cuống lướt qua các trang sách. Họ nhìn nhau rồi cùng gật đầu về tôn kính. Rồi quay lại đọc kỹ tiêu đề trang. Patience, ghé nhìn qua vai họ, đọc:

Kẻ hành hương mê đắm, hay những bản sonnet* quỵến rũ giữa
Venus và Adonis. Bởi W.Shakespere. Ấn bản thứ hai. Được in bởi W.
Jaggard, 1606.

“Cháu thấy rồi,” Patience chậm rãi nói. “Đây không phải là bản năm 1599 của Jaggard, đó là ấn bản đầu tiên, mà đây là một bản in năm 1606

cũng của Jaggard, hay gọi là ấn bản thứ hai. Rõ ràng đây là một cuốn sách ít có giá trị hơn.”

“Quý cô Thumm ơi,” Tiến sĩ Choate quả quyết, “chưa bao giờ cô mắc một sai lầm lớn như thế.”

“Ý ông là nó có giá trị hơn?”

Ngài thanh tra hơi có vẻ quan tâm. Lane tiếp tục đi tới đi lui trong phòng, trầm ngâm suy nghĩ. Không ai trả lời, Patience đỏ bừng mặt đành rút lui.

“Patience”, ông lão tóc mây đột ngột nói. Cô thấy biết ơn ông khi ông đặt cánh tay dài của mình lên vai cô. “Patience thân yêu của ta, cháu có biết điều khiến sự việc này trở nên rất đáng kinh ngạc không?”

“Không có đến một nửa ý tưởng, thưa bác.”

Ông nhẹ nhàng siết chặt vai cô. “William Jaggard từng là một người bảo trợ nghệ thuật nổi danh. Ông ta đã ở London trong thời kỳ của Shakespeare, Jonson, Fletcher, Marlowe, khi những giọt vàng óng ánh nhỏ ra từ họ. Rõ ràng hồi đó giữa các nhà xuất bản có sự cạnh tranh. Ông William Jaggard tìm kiếm những cái tên mới, giống như một số sân khấu hiện đại và các nhà xuất bản sách ngày nay. Vì vậy mà ông đã trở thành một tên cướp biển. Ông ta in *Kẻ hành hương mê đắm*. Trong đó, ông thêm vào hai bản sonnet chưa được công bố của Shakespeare, và ba bài thơ rút ra từ vở kịch đã được công bố, *Những mắt mát của lao động và tình yêu*. Phần còn lại là đồng hồ lớn. Ông đã gán tất cả chúng, hết sức liều lĩnh, cho Shakespeare. Tôi tin chắc rằng chúng bán khá chạy; còn đối với Shakespeare, dường như ông ấy không để tâm mấy đến các ấn phẩm này.”

Lane thở dài. “Ta nói với cháu điều này để cho cháu hay một số thông tin quan trọng. Ta khá chắc rằng chúng bán khá chạy vì sau ấn bản đầu tiên năm 1599, cuốn này đã được tái bản vào năm 1606, và tái bản lần thứ ba vào năm 1612. Điều đáng kinh ngạc ở đây là: Đến nay đã có ba bản của năm 1599. Và hai bản của năm 1612. Nhưng cho đến vài phút trước đây thì toàn bộ giới sưu tầm sách đều cho rằng, không một bản nào do Jaggard in năm 1606 còn tồn tại!”

“Vậy cuốn sách này là vô giá? ” Patience thì thầm.

“Vô giá ư?” Tiến sĩ Choate lơ đãng lặp lại.

”Ta nói rằng,” ông lão trả lời bằng giọng êm dịu, ”đây là một trường hợp kì lạ, cháu yêu. Ngài thanh tra, tôi không trách ngài vì tỏ ra bối rối; ngài đã không nắm bắt được những điểm phức tạp được bày ra khá rõ ràng. Patience à, tình hình trở nên hơi điên rồ. Rõ ràng người đàn ông mũ xanh của cháu đã trải qua những rắc rối lớn, mạo hiểm bản thân mình, trà trộn vào một nhóm người, lén đến thăm Bảo tàng Britannic, chuồn khỏi nhóm trong khi Tiến sĩ Choate mãi giới thiệu về những vinh quang của bảo tàng, tìm cách vào Phòng Saxon này, đập vỡ kính hộp trưng bày Jaggard... Và cuối cùng, tên trộm kỳ quặc này bất chấp nguy cơ bị bắt rất lớn vì tội ăn cắp và phá hoại tài sản - tất cả như vậy để làm gì?” Giọng nói của Lane trở nên sắc bén. “Để ăn cắp một cuốn sách hiếm và có giá trị, rồi để lại đó một cuốn sách thậm chí còn hiếm và giá trị hơn cuốn gã đã đánh cắp!”

Tên Trộm Tử Tế

“Ở đây có gì mà đông vui thế?” một giọng nói vui vẻ vang lên, và chàng trai trẻ Gordon Rowe từ hành lang ung dung bước vào Phòng Saxon. Anh cười toe toét với Patience và lập tức bước đến cạnh cô, như đồng sắt bị hút vào nam châm vậy.

“A, Rowe,” người quản lý bảo tàng vội vã nói. “Thật đúng lúc. Một điều hết sức kì quặc đã xảy ra!”

“Chúng ta có vẻ giỏi thu hút mấy chuyện kì dị giống như triển lãm kinh dị của ngài Barnum* ấy nhỉ.” chàng trai Rowe vừa nói vừa nháy mắt với Patience. “Ngài Lane! Thật vui mừng khi gặp ngài. Chúa ơi, đúng là một buổi đón tiếp long trọng! Và tôi thấy có vẻ như ngài đã lôi cả Tiến sĩ Sedlar vào vụ khó khăn nho nhỏ này rồi, Tiến sĩ Choate. Xin chào ngài thanh tra. Có rắc rối gì cơ, ngài tiến sĩ?”

Tiến sĩ Choate im lặng vầy vầy cuốn sách trong tay. Rowe lập tức tắt máy. “Không phải chứ...?” Anh nhìn quanh và thấy mọi người đều hết sức nghiêm túc. Anh cầm lấy cuốn sách từ người quản lý và từ từ mở ra. Sự ngạc nhiên mãnh liệt hiện rõ trên khuôn mặt anh. Anh bối rối nhìn xung quanh một lần nữa. “Không phải chứ? Tại sao vậy, đây là một bản in của Jaggard năm 1606!” Anh hét lên. “Tôi nghĩ rằng làm gì còn...”

“Rõ ràng là nó đang ở đây,” Lane lạnh lùng nói. “Một ấn bản hoàn mỹ, phải không, Gordon? Mọi người chắc chắn sẽ bàn tán xôn xao khi chuyện này lan ra.”

“Tôi biết,” Rowe lẩm bẩm, “nhưng...có Chúa chứng giám, cuốn sách hoàn hảo này đến từ đâu vậy? Ai đã tìm thấy nó? Ông không mang nó đến từ London đó chứ, phải không, Tiến sĩ Sedlar?”

“Không thể nào!” Sedlar dài giọng trả lời.

“Cậu sẽ không tin điều này đâu”, Tiến sĩ Choate nói với một cái nhún vai bất lực. “Nhưng chúng ta đã bị trộm. Một trong những cuốn Jaggard ở đây, Rowe, đã bị đánh cắp - bản năm 1599!”

“Ồ,” chàng trai nói. “Tôi...” Và anh ngửa đầu và cười phá lên. “Lạy Chúa, tay này giàu quá!” Anh thở hỗn hển, nháy mắt. “Chúa ơi, nếu Lydia nghe được tin này, và Crabbe... ồ, chuyện này quá hay!” Anh nuốt nước bọt và nói tiếp. “Tôi xin lỗi. Điều này hiếm khi xảy ra ... Em biết đó. Đây sẽ là một may mắn với bà Saxon rằng một cuốn sách hiếm bị đánh cắp và một cuốn thậm chí còn hiếm hơn đã được thế vào chỗ nó. Điên rồ, toàn bộ chuyện này là như vậy!”

“Tôi nghĩ rằng,” người quản lý bảo tàng lo lắng xoắn bộ râu của mình và nói, “cậu nên mời bà Saxon đến đây ngay, Rowe. Sau tất cả... “

“Tất nhiên.” Chàng trai nhẹ nhàng vuốt ve ấn bản năm 1606 của Jaggard, rồi trả lại cho Tiến sĩ Choate, rồi nắm lấy tay Patience, và vui vẻ rời khỏi phòng.

“Một chàng trai đầy năng lượng,” Tiến sĩ Sedlar nhận xét. “Tôi sợ rằng tôi không thể đồng tình với sự khinh suất của cậu ta. Ông biết đấy, chúng ta không thể chấp nhận điều này - đánh giá một cuốn sách qua bìa của nó, Tiến sĩ Choate. Nó cần phải được kiểm tra kỹ lưỡng hơn. Sẽ khá khó khăn để xác thực tính nguyên gốc...”

Ánh nhìn của một thợ săn lóe lên trong mắt Tiến sĩ Choate. “Đúng. Đúng vậy.” và ông xoa hai bàn tay vào nhau. Ông có vẻ hài lòng để cuốn sách bị đánh cắp trong tay tên trộm, miễn là tên trộm không trở lại và đòi lại ấn bản hiếm có mà hắn đã tráo trong vụ trộm. “Tôi đề nghị chúng ta làm việc cùng nhau. Chúng ta sẽ phải tiến hành một cách cẩn thận, Sedlar. Chúng tôi không muốn một chút thông tin nào lộ ra ngoài! Chúng ta nên gọi anh bạn Gaspari ở khu Metropolitan, bắt anh ta giữ bí mật...”

Tiến sĩ Sedlar có vẻ hơi xanh xao. Ông nhìn chăm chăm vào chiếc hộp như bị thôi miên.

“Hoặc Giáo sư Crowninshield ở Folger,” ông lẩm bẩm.

Patience thở dài. “Chúng ta đều đã giả định rằng ấn bản Jaggard 1599 đã bị đánh cắp bởi người đàn ông đội chiếc mũ xanh da trời. Không có bằng

chứng xác đáng. Tại sao tên trộm không phải là người lạ thứ hai trên xe buýt, hoặc một trong mười bảy giáo viên?”

Thanh tra Thumm vung tay lên, cau có. Toàn bộ chuyện này là quá nhiều đối với ông.

“Ta hầu như không nghĩ vậy, Patience,” Drury Lane thì thầm. “Có mười chín người trên xe buýt, tất cả bọn họ dường như đều đi vào bảo tàng. Mười tám người trong số họ trở về bến cuối sau chuyến thăm, người thứ mười tám là người bí ẩn thứ hai, như cách cháu gọi hẳn. Điều đó nghĩa là, các bạn của tôi ơi, người đàn ông trong chiếc mũ màu xanh đã biến mất khỏi bảo tàng. Và Donoghue cũng vậy. Những liên kết là quá mạnh mẽ, không thể chỉ là trùng hợp ngẫu nhiên. Tôi nghĩ rằng có thể người đàn ông đội mũ xanh đã đánh cắp bản in Jaggard 1599, và để lại bản in năm 1606 này, và rằng Donoghue đã biến mất vì theo sát hẳn ta.”

“Tốt, tốt rồi”, người quản lý bảo tàng nhanh nhẩu nói, “tôi tin rằng mọi bí ẩn sẽ được giải quyết theo thời gian. Trong lúc này, Tiến sĩ Sedlar, nếu ngài cho phép, tôi sẽ tìm kiếm cả bảo tàng ngay lập tức.”

“Để làm gì chứ?” ngài thanh tra chua chát hỏi.

“Có một cơ may nhỏ nhoi rằng, ông biết đó, bản in Jaggard 1599 chưa được mang ra khỏi bảo tàng.”

“Ông nói đó nhé,” Thumm gầm gừ. “Lưu ý tuyệt vời đó, tiến sĩ.”

Tiến sĩ Sedlar hồ hởi, “Tôi...tôi đồng ý. Nhưng khi bà Saxon đến đây...” rõ ràng Tiến sĩ Sedlar đã nghe về khả năng của bà Saxon, và ông hiểu vấn đề khá rõ ràng.

“Mất không quá một phút đâu,” Tiến sĩ Choate vui vẻ nói. Ông cẩn thận đặt cuốn sách màu xanh vào hộp và vội vã ra khỏi phòng.

Tiến sĩ Sedlar chăm chú nhìn lại chiếc hộp lần nữa giống như một con cò mẹ đang lo lắng về cái tổ của mình. “Tệ thật”, ông lẩm bẩm. “Quá tệ. Tôi thực sự muốn nhìn thấy bản in năm 1599 đó.”

Drury Lane nhìn ông ta chăm chăm rồi tìm một cái ghế để ngồi xuống. Ông che mắt bằng bàn tay nhăn nheo.

“Ông có vẻ thất vọng khủng khiếp, Tiến sĩ Sedlar,” Patience nói.

Ông ta bắt đầu. “Vâng? Xin lỗi cô... Vâng, vâng, tôi...”

“Nhưng tại sao? Lẽ nào ông chưa nhìn thấy bản in năm 1599? Tôi nghĩ rằng những cuốn sách hiếm là tài sản chung trong cộng đồng mê sách.”

“Nên như vậy”, Sedlar trả lời với một nụ cười dữ tợn, “nhưng điều này không xảy ra. Nó thuộc về Samuel Saxon, cô biết đó. Nên khá là khó tiếp cận.”

“Tôi tin anh Rowe và Tiến sĩ Choate đã nói điều gì đó về tính cẩn thận của ông Saxon.”

Tiến sĩ Sedlar có vẻ kích động, mắt kính của ông run lên và sau đó rơi xuống, đong đưa trước ngực trên đầu dây. “Cẩn thận ấy hả!” Ông giận dữ. “Đó là một tay si sách. Ông ta đã dành nửa thời gian trong những năm cuối của mình ở Anh tham gia đấu giá và lấy đi tất cả những thứ quý giá của chúng tôi... Xin lỗi. Nhưng cũng có những món hàng mà không phải ai cũng biết. Có Chúa mới biết ông ta nhặt chúng nơi đâu. Bản bị đánh cắp in năm 1599 của Jaggard là một trong những ấn số. Cho đến một thời gian ngắn trước đây, chỉ có hai bản của ấn bản đầu tiên này đã được biết là có tồn tại; sau đó Saxon kiếm đâu ra một bản thứ ba, nhưng ông ta không cho bất kì học giả nào liếc qua nó. Ông cất nó trong thư viện của mình giống như đang trữ lúa thừa trong vựa.”

“Nghe thật bi kịch,” ngài thanh tra nói vẻ không đồng tình.

”Ồ, vâng,” Tiến sĩ người Anh dài giọng. “Tôi đảm bảo với ông chuyện là vậy. Tôi thực sự mong muốn kiểm tra nó... Khi ông Wyeth nói với tôi về việc ngài Saxon hiến tặng hiện vật...”

“Ý ông là bản in Jaggard 1599 cũng nằm trong những hiện vật được hiến tặng?” Lane thì thầm.

“Đúng vậy đấy.” Tiến sĩ Sedlar thở dài và lại ngó xuống chiếc hộp. Ông điều chỉnh mắt kính của mình. “Thật đáng yêu, quá đáng yêu. Tôi không thể chờ đợi lâu hơn được - Cái gì đây?” Đôi môi mỏng của ông đầy sự phấn khích khi ông cầm lấy cuốn thứ ba của bộ ba tập trong hộp và nghiên cứu phần đánh dấu trang.

“Có vấn đề gì thế?” Lane hỏi nhanh, đứng dậy vội vã bước về phía chiếc hộp.

Tiến sĩ Sedlar huýt sáo một hơi dài. “Trong khoảnh khắc tôi nghĩ mình đã sai. Tôi đã kiểm tra cuốn *Henry V* đặc biệt này ở London cách đây vài năm, trước khi nó được Saxon mua lại. Nó được ghi năm 1608 - được đánh giá là một trong những bản in hết sức tinh xảo đã được in sớm hơn so với thông tin tìm được bởi Jaggard, người in nó cho Thomas Pavier. Có lẽ nó đã được in vào 1619. Nhưng tôi nhớ lớp da bìa có màu đỏ sậm. Rõ ràng nó đã bị mờ một chút dưới sự chăm sóc kỹ lưỡng của Saxon.”

“Tôi hiểu,” ông lão nói. “Ông khiến tôi ngạc nhiên đấy, tiến sĩ! Thế còn Sir John Oldcastle*?”

Người quản lý đương nhiệm vuốt ve gáy cuốn sách đầu tiên một cách trìu mến. “Ồ, mọi thứ đều ổn,” ông nói một cách nghiêm túc. “Vẫn chưa thay đổi màu sắc kể từ khi tôi thấy nó tại Sotheby vào năm 1913 khi nó được bán với một mức giá khá cao tại cuộc đấu giá - vẫn là màu nâu vàng. Ngài nhớ nhé, tôi không buộc tội Saxon phá hoại, xin vui lòng hiểu rõ...”

Tiến sĩ Choate vội vã vào phòng. “Tôi sợ rằng tôi đã sai”, ông nói rõ ràng. “Không chút dấu vết nào của bản thảo Jaggard bị đánh cắp. Tất nhiên chúng tôi sẽ tiếp tục tìm kiếm.”

Bà Lydia Saxon hùng hổ xông vào phòng Saxon với sức mạnh của một con voi cái. Bà là một người to lớn - một phụ nữ khổng lồ với hông nở nang như ngọn núi, khung xương của một khinh khí cầu, ngực của một con bò biển, và di chuyển như một tàu khu trục nhỏ. Một tia sáng chói lên, hoang dã trong đôi mắt màu xanh lá cây dẫm nước rằng bà luôn thương xót cho những sinh vật không may mắn như các học giả, giám tuyến, và toàn bộ những người nhận hiến tặng khổ khổ. Theo sát bà là Gordon Rowe đang cười vui vẻ, và một lão già có vẻ yếu ớt vận chiếc áo đuôi tôm đã cũ. Bạn có thể mừng tượng đến một mảnh giấy *papyrus* cổ khi quan sát sinh vật này: da khô ráp, những tiếng lạo xạo của xương khi đi, và những vết đồi mồi nhạt giống các quý ông người Ý, cướp biển Tây Ban Nha hay những tay buôn đồ cổ. Ông lão này, chỉ có thể là thủ thư cao quý của thư viện Saxon, Crabbe, giờ đang lờ cả đám học giả, tự mở chiếc hộp Jaggard, dùng móng vuốt tóm lấy món quà đáng tò mò của tên trộm và kiểm tra chúng bằng cặp mắt sắc sảo và tàn nhẫn.

“Tiến sĩ Choate!” bà Saxon hét lên bằng giọng nữ cao chói tai. “Chuyện về tên trộm là sao hả? Tất cả những chuyện vô nghĩa này là gì?”

“À, bà Saxon,” người quản lý bảo tàng líu ríu cười gượng gạo. “Vâng. Thật đáng tiếc. Nhưng cũng có những may mắn tuyệt vời khác...”

“Rác rưởi! Rowe đã nói với tôi về những cuốn sách khác. Tôi đảm bảo với ông chúng không gây chút ấn tượng nào với tôi. Sự thật là một trong những món đồ giá trị nhất trong di sản của chồng tôi dường như đã bị đánh cắp ngay dưới mũi ông. Tôi yêu cầu...”

“Trước khi chúng ta đi sâu vào chi tiết,” Tiến sĩ Choate vội vàng, “tôi muốn giới thiệu cô Patience Thumm, Tiến sĩ Hamnet Sedlar, là người phụ trách mới của chúng tôi, bà biết rồi và ngài Drury Lane...”

“À,” bà Saxon nói, hướng đôi mắt ướm màu xanh về phía ông lão. “Ngài Lane, dạo này ngài khỏe không? Còn đây là người quản lý mới, như ông đã nói?” Bà dò xét thân hình cứng cõi của người đàn ông Anh quốc lạnh lùng, và khịt khịt mũi như một con mèo vện béo phì khổng lồ.

“Còn đây là thanh tra Thumm...”

“Cảnh sát à? Ngài thanh tra, tôi yêu cầu ông tìm ngay ra tên trộm!”

“Chắc chắn rồi,” thanh tra gầm gừ. “Giờ tôi phải lôi hắn ta ra từ túi áo mình chắc?”

Bà thở hỗn hển, mặt đỏ tía như màu anh đào chín. “Tại sao, ý tôi không...”

Crabbe, thở dài rồi đặt cuốn sách màu xanh xuống, rồi vỗ nhẹ lên tay bà. “Cẩn thận huyết áp của bà, bà Saxon đáng kính,” lão thì thầm với một nụ cười. Rồi lão đứng thẳng dậy, dò xét kĩ lưỡng từng khuôn mặt xung quanh. “Đây là một tên trộm rất đặc biệt với tôi.” Giọng điệu đầy tính công kích cá nhân của lão khiến Tiến sĩ Choate phải đứng bật dậy. “Tôi thấy vậy...” Và Crabbe ngừng lại đột ngột như lúc lão bắt đầu. Đôi mắt nhỏ láo liên liếc qua khuôn mặt của Tiến sĩ Sedlar. Chúng đưa qua rồi bật ngược trở lại như thể lão mới nhận được một cú sốc. “Ai đây?” lão hất hàm, trở ngón tay về phía Tiến sĩ Sedlar.

“Xin lỗi ông,” Tiến sĩ Sedlar lạnh lùng nói.

“Tiến sĩ Sedlar, người quản lý mới của chúng tôi,” Rowe lẩm bẩm. “Thôi nào, Crabbe, đừng thô lỗ thế chứ! Đây là ông Crabbe, người trông coi Thư viện Saxon, thưa ngài Tiến sĩ.”

“Sedlar, hả?” Crabbe càu nhàu. “Sedlar, hả? Được, được lắm.” Rồi lão nghiêng đầu, ném một nụ cười yếu ớt độc ác về phía người quản lý mới.

Tiến sĩ Sedlar nhìn lại, cảm thấy bị xúc phạm và dường như hơi bối rối. Sau đó, ông nhún vai. “Nếu tôi được phép giải thích, bà Saxon,” ông nói với một nụ cười duyên dáng, bước về phía trước. “Đây là một vấn đề...” Mọi người tránh sang bên để Tiến sĩ Sedlar nhỏ nhẹ giải thích. Còn bà Saxon thì hăm hăm như một thẩm phán đã sẵn sàng kết tội tù nhân.

Drury Lane lặng lẽ trở lại chiếc ghế nơi góc xa của căn phòng. Ông nhắm mắt lại và thả lỏng mình. Patience thở dài, quay sang Gordon Rowe, giờ đang kéo cô sang một bên để tiếp tục sôi nổi thì thầm vào tai cô.

Crabbe và Tiến sĩ Choate bị cuốn vào một cuộc thảo luận hết sức lạnh lùng nhưng nghiêm túc về bản in năm 1606 của Jaggard. Thanh tra Thumm, lang thang như một linh hồn lạc lối dưới luyện ngục, đang rên rỉ vì nhàm chán. Ông hờ hững để lọt tai vài câu giữa hai kẻ mê sách.

“Những ghi chép trên phần bìa lót...”

“Halliwell Phillips...”

“...phần kết của sonnets...”

“Nhưng đó là Quarto hay Octavo?”

“Bản sao của Bodleian”

“...rõ ràng cho thấy hai bài thơ không phải của Shakespear đã bị Jaggard lấy trộm từ cuốn *Troia Britannica* của Heywood xuất bản từ năm 1612...”

“Phần trình bày khá giống nhau...”

“Cho đến trước năm 1608, Jaggard chỉ đơn thuần là một nhà xuất bản, ông nhớ chưa. Mãi cho đến ngày lão mua lại tòa soạn của James Robert ở Barbican. Vậy nên thời điểm 1606...”

Viên thanh tra lại rên rỉ, và lại đi loanh quanh trong phòng, cảm thấy bức bối khó chịu.

Tiến sĩ Choate và lão Crabbe ủ rũ cùng nhìn lên, tươi cười rạng rỡ như vừa kí thỏa thuận ngừng bắn tạm thời. “Thưa quý ông, quý bà,” người quản

lý vui mừng thông báo, tay vân vê bộ râu dê, “ông Crabbe và tôi đã nhất trí rằng, bản in Jaggard 1606 này là nguyên gốc!”

“Biết rồi, khổ lắm,” ngài thanh tra uể oải.

“Thật chứ?” Tiến sĩ Sedlar quay sang hỏi.

“Tôi không quan tâm!” Bà Saxon phẫn nộ. “Tôi vẫn nghĩ rằng cái cách mấy người biết ơn lòng hào hiệp của ngài Saxon...”

“Nói với em rồi mà, bà ta là một phụ nữ khó chịu,” giọng Rowe sang sảng.

“Suyt, đừng vội thế đồ ngốc!” Patience thì thầm. “Thủy quái sẽ nghe thấy đấy!”

”Kệ bà ta,” chàng trai cười. “Bà ta là một con cá voi già độc đoán.”

“Tôi thực sự không nghĩ rằng đây là đồ giả mạo,” Drury Lane lặng lẽ cất lời từ góc phòng, khi lão gác cửa mũi to như cái bóng đèn lê bước vào phòng về phía Tiến sĩ Choate.

“Gì thế, Burch?” người quản lý lơ đãng hỏi. “Để sau cũng được, chắc không sao...”

“Được thôi,” Burch nói chắc nịch, rồi mệt nhọc quay đi.

“Xin chờ một chút,” Drury Lane nói. Ông vươn người lên và chăm chú nhìn vào gói đồ trong móng vuốt của Burch. Một tia sáng lóe lên trong ông. “Nếu tôi là ông, Tiến sĩ Choate, tôi sẽ kiểm tra gói đồ đó. Nếu chuyện này thực sự điên rồ như vậy, có một khả năng đáng kinh ngạc là...”

Tất cả đều ngậy người nhìn vào tay người gác cửa.

“Ông nghĩ là...?” Tiến sĩ Choate liếm môi. “Được thôi, Burch. Xem nào.”

Như hai vệ sĩ trung thành, Tiến sĩ Sedlar một bên và Crabbe một bên nhanh chóng bước tới trước kè kè bên người quản lý.

Đó là một gói đồ phẳng phiu, gọn gàng, bọc trong loại giấy gói màu nâu phổ biến và buộc lại bằng một sợi dây màu đỏ thông thường. Một cái nhãn nhỏ dán trên giấy gói, ghi tên của Tiến sĩ Choate và địa chỉ bảo tàng bằng mực xanh.

“Ai mang thứ này đến, Burch?” Tiến sĩ Choate chậm rãi hỏi.

“Một đứa bé đưa thư,” Burch cúi kính trả lời.

“Được rồi,” và Tiến sĩ Choate bắt đầu tháo dây.

“Từ từ đã, đồ ngốc!” ngài thanh tra bất ngờ gầm lên, nhảy về phía trước và vội vàng nhưng thận trọng giật lấy gói đồ. “Đã có nhiều thứ chết tiệt xảy ra quanh đây... Có thể là một quả bom!”

Đám đàn ông tái mặt còn ngực của bà Saxon rung lên như sóng biển khi bà thốt ra một tiếng hét chói tai. Lane nhìn Thumm cười buồn.

Ngài thanh tra áp vành tai súp lơ đỏ to lớn của mình vào gói giấy nâu, chăm chú lắng nghe. Rồi ông lật nó lại, tiếp tục ghé tai lắng nghe, vẫn không hài lòng, ông lắc nó nhẹ nhàng, thật nhẹ nhàng.

“Vâng, tôi đoán mọi thứ ổn cả,” ông càu nhàu, trả nó lại vào đôi tay run run của người quản lý.

“Có lẽ ông nên mở nó,” Tiến sĩ Choate nói run run.

“Tôi chắc chắn mọi thứ đều ổn, ngài tiến sĩ,” Lane cười trấn an.

Đột nhiên, những ngón tay của người quản lý ngật ngừng khi tháo dây và chậm, rất chậm, mở lớp giấy bọc. Bà Saxon lao ra phía cửa, còn Gordon Rowe kéo Patience về phía sau.

Lớp giấy bọc đã được tháo ra.

Không có chuyện gì xảy ra.

Nhưng nếu gói đồ đó chứa một quả bom, và nếu nó bất ngờ phát nổ trong tay của ông, thì Tiến sĩ Choate hẳn cũng không kinh ngạc đến vậy. Hàm của ông rớt xuống khi mắt ông chạm tới thứ bên trong, những ngón tay dò dẫm, như đang tìm kiếm thứ gì đó.

“Tại sao? Ôi, Chúa lòng lành”, ông kêu lên nghẹn ngào. “Đây là bản in Jaggard 1599 đã bị đánh cắp hôm thứ Hai!”

Chuyện Kể Bởi Một Học Giả

Không ai nói lời nào, trong khoảnh khắc tất cả cùng nín thở. Họ nhìn nhau, quá ngạc nhiên không nói nên lời. Tên trộm kì lạ đã trả lại chiến lợi phẩm của mình!

“Khi xem xét những tình tiết điên rồ nói chung của toàn bộ vụ việc tính đến nay,” Drury Lane lẩm bẩm, vươn người về phía trước, “tôi đã ngờ rằng một việc như thế này có thể xảy ra.” Gương mặt ông chứa đầy sự tò mò. “Chúng ta đang đối phó với một nhân vật phản diện thông minh và hài hước. Lạ, rất lạ! Ông có chắc chắn đó chính là cuốn sách bị đánh cắp không, Tiến sĩ Choate?”

“Tôi không biết nữa”, người quản lý trả lời, vẫn còn choáng váng. “Đây là bản Jaggard của Saxon? Ông kiểm tra hộ chút được không?”

Ông đặt cuốn sách màu xanh, hãy còn nằm trong lớp giấy gói, lên mặt kính của chiếc hộp; rồi Crabbe kiểm tra cuốn sách hết sức tỉ mỉ. Patience, đang nép vào chàng Rowe, chợt bất ngờ khi thoáng thấy nét mặt Tiến sĩ Sedlar khi đang quan sát Crabbe. Người đàn ông này này giờ toàn đeo một chiếc mặt nạ lịch sự. Bây giờ nó đã rơi xuống. Trên mặt ông ta giờ đây chỉ toàn giận dữ, một cơn thịnh nộ do thất vọng; khuôn mặt ông ta nhìn hết sức đáng sợ, càng đáng sợ hơn do chiếc mắt kính lạnh lẽo, bất động đặt trên mắt phải. Thoáng chốc, chiếc mặt nạ quay trở lại, và trông ông ta lại có vẻ quan tâm, hứng thú như thường... Patience quay sang nhìn vào mắt Gordon Rowe. Anh cũng nhận thấy những điều đó, và đang theo dõi Tiến sĩ Sedlar.

“Đây là bản Jaggard của ngài Saxon,” Crabbe nói cụt lủn.

“Khốn kiếp, tôi thật ngốc quá!” Thanh tra Thumm hét lên bất ngờ, làm tất cả ngạc nhiên; và không giải thích gì thêm, ông chạy ra khỏi căn phòng

Saxon. Họ nghe thấy tiếng bàn chân to lớn của ông giậm thành thịch xuống hành lang.

“Bố của cô, cô Thumm,” Tiến sĩ Sedlar mỉm cười nhận xét, “là một quý ông hết sức vội vàng.”

“Bố tôi, Tiến sĩ Sedlar,” Patience vắn lại “là một quý ông hết sức sắc sảo. Ông nghĩ về những vấn đề thực tế, như ông thấy. Tôi không chút nghi ngờ rằng ông bỏ đi tìm người đưa tin, điều mà không ai trong chúng ta nghĩ đến.”

Bà Saxon nhìn chăm chăm vào Patience như thể lần đầu thấy một cô gái tức giận. Chàng Rowe chỉ cười khúc khích.

“Được rồi, được rồi, Patience,” Drury Lane nhẹ nhàng nói, “chúng ta không thắc mắc về sự sáng suốt của ngài thanh tra, mặc dù ta dám nói rằng lần này nỗ lực đó là vô ích. Vấn đề là, các quý ông, rằng bản in Jaggard 1599 không được trả lại nguyên trạng. Hãy kiểm tra mặt sau.”

Đôi mắt sắc sảo của ông đã quan sát thấy điều gì đó không ổn. Tiến sĩ Choate nhắc cuốn sách khỏi giấy bọc và lật mặt sau. Mọi người nhìn thấy ngay vấn đề. Là vết dao rạch vào mép dưới của phần bọc lưng sách, rạch lớp da và một lớp giấy mỏng mặt sau. Toàn bộ mép dưới của phần vải bọc bị cắt cùng kiểu này. Chìa ra từ cuốn sách là một mảnh giấy cứng.

Tiến sĩ Choate kéo nó ra một cách thận trọng. Đó là tờ một trăm đôla. Và một mảnh giấy màu nâu cùng loại giấy gói cuốn sách, trên có viết bằng mực xanh, vồn vẹn năm chữ: *CHO CHI PHÍ SỬA CHỮA*.

Không có chữ ký nào.

“Tay này kì cục quá!” Bà Saxon gầm gừ. “Phá hoại các cuốn sách của tôi và...”

Thanh tra Thumm quay trở lại, lẩm bẫm và lau trán. “Quá muộn,” ông gầm gừ. “Người đưa tin đã đi mất... Đây là cái gì?” Ông kiểm tra vết rạch ở mặt sau cuốn sách và đọc tờ giấy một cách kinh ngạc. Sau đó, ông lắc đầu như muốn nói: “Chuyện này là quá tải đối với tôi,” và chuyển sự chú ý sang giấy gói và dây buộc. “Loại giấy bọc rẻ tiền,” ông nói. “Sợi dây màu đỏ thông thường. Không có đầu mối ở đó. Hừ, quý tha ma bắt! Tôi đã phát ngán với vụ này rồi.”

Crabbe vuốt ve tờ một trăm đôla và cười khúc khích: “Ông có một tên trộm rất tử tế đó, Choate. Đánh cắp một cuốn sách, trả lại nó cùng tiền sửa chữa, và kèm theo một món quà vô giá!” Sau đó, lão dừng lại và có vẻ dăm chiêu.

“Gọi cho các báo,” ngài thanh tra mệ nói. “Nói với họ chuyện này. Ông sẽ cho tên trộm một cái cớ để quay trở lại.”

“Sao bố lại nghĩ vậy?”

“Patty, một tay lừa đảo vẫn là một tay lừa đảo, dù hẳn có bị điên. Hẳn đã để lại cái đồ chết tiệt 1606 gì đó, đúng không? Hẳn sẽ quay lại và lấy nó.”

“Tôi e là không đâu, ngài thanh tra,” Lane mỉm cười. “Hẳn sẽ không ngây thơ như vậy đâu. Không, hẳn đã tìm thấy rồi...”

Bà Saxon, người có vẻ đã hơi bình tâm lại nhờ sự xuất hiện bất ngờ của bản in 1599 của Jaggard, thốt ra một tiếng kêu hoảng hốt nghe như tiếng còi báo phà. “Ôi, Crabbe! Chuyện này thật đặc biệt. Tôi mới nhớ ra. Ông có biết không, ông Lane, chúng tôi vừa gặp chuyện như thế này cách đây không lâu?”

“Gì đây, bà Saxon?” Ông lão lập tức hỏi. “Chuyện gì?”

Bộ cảm ba ngón run lên vì xúc động. “Ai đó đã đánh cắp một cuốn sách từ thư viện của tôi, ông Lane, và sau đó cũng gửi nó trở lại!”

Crabbe ném cho bà một cái nhìn lạ lùng. “Tôi cũng nhớ vậy,” lão nói cay nghiệt. Và lão lại vô cớ liếc xéo Tiến sĩ Sedlar. “Thật kì lạ.”

“Crabbe!” Rowe kêu lên. “Chúa ơi, tất cả chúng ta thật ngốc! Tất nhiên rồi. Giống hệt!”

Ngài Drury Lane nắm lấy cánh tay lão thủ thư Saxon, khiến lão ta nhăn mặt. “Nào, nào, hãy cho chúng tôi biết những gì đã xảy ra, ngay bây giờ! Đây có thể là phát hiện quan trọng nhất.”

Crabbe có vẻ ranh mãnh. “Do phấn khích quá nên tôi quên mất... Khoảng sáu tuần trước, một đêm tôi phải làm việc muộn trong thư viện. Tất nhiên là tại thư viện của bà Saxon. Đó là khi tôi đang phân loại lại bộ sưu tập sau khi đã xếp riêng phần hiến tặng cho Bảo tàng Britannic. Tôi nghe thấy một tiếng động lạ từ phía hành lang nên chạy ra xem. Tôi hoảng hồn khi thấy một người đàn ông đang lục lọi một trong mấy cái kệ.”

“Giờ chúng ta mới có chút manh mối đây,” ngài thanh tra nói. “Hắn ta trông như thế nào?”

Crabbe dang rộng đôi tay xương xẩu của mình, như thể đang lơ bèn đồng lửa. “Ai biết được? Trời tối, hắn còn đeo mặt nạ và mặc áo khoác. Tôi chỉ kịp thoáng thấy hắn. Hắn nghe thấy tôi và lao qua một trong những cửa sổ kiểu Pháp và trốn thoát.”

“Thật là khủng khiếp,” bà Saxon nói dứt khoát. “Tôi sẽ không bao giờ quên chúng tôi đã buồn bã thế nào.” Sau đó, bà cười khúc khích, “ông Crabbe đây chạy quanh như một con gà trống cụt đầu.”

“Hừm,” Crabbe chua cay không kém. “Và bà Saxon, như tôi nhớ, đi xuống trong một bộ áo ngủ đỏ rực rỡ...” Cả hai trừng mắt nhìn nhau. Patience hình dung cảnh tòa xác thịt đó lồ lộ, trong một lớp áo bông thả, khiếp hãi đến mức phải cắn chặt môi. “Dù sao, tôi đã giật chuông báo động và anh Rowe đây đã lao xuống trong... ừm... bộ *B.V.D** của anh ta.”

“Không hẳn thế,” Rowe nói vội vã. “Crabbe!”

“Chuyện bình thường thôi mà. Rowe khoác vội bộ áo và đuổi theo tên trộm, nhưng hắn đã trốn thoát vừa kịp lúc.”

“Đó là một bộ đồ ngủ,” Rowe trịnh trọng nói, “và hơn nữa tôi cũng không nhìn thấy gã đó khi đuổi theo.”

“Và cậu nói rằng hắn đã đánh cắp một cuốn sách?” Drury Lane hỏi từ từ.

Crabbe chớp mắt một cách xảo quyệt. “Ông sẽ không tin đâu.”

“Vâng?”

“Hắn đã đánh cắp một cuốn Jaggard 1599.”

Đôi mắt Tiến sĩ Sedlar dán chặt vào Crabbe; Tiến sĩ Choate có vẻ hoang mang; và ngài thanh tra thốt ra một tiếng kêu tuyệt vọng.

“Thánh Mike phù hộ,” ông kêu lên, “cuốn sách chết tiệt này có bao nhiêu bản in tất cả thế?”

“Ý ông là,” Lane nhú mày, “tên trộm đã đánh cắp bản in năm 1599 của Jaggard - trước khi nó được gửi đến Bảo tàng Britannic và sau đó đã trả lại ông? Điều này thật vô nghĩa, ông Crabbe.”

“Không.” Crabbe mím môi cười. “Hắn đã đánh cắp một bản sao giả mạo của bản in 1599 của Jaggard.”

“Bản giả mạo ấy hả?” Tiến sĩ Sedlar lẩm bẩm. “Tôi không biết...”

“Một bản sao ông Saxon đã nhặt nhạnh khoảng hai mươi năm trước đây,” lão thủ thư giải thích với một nụ cười thâm hiểm. “Đó là một bản giả mạo. Chúng tôi giữ nó vì tò mò. Đó là thứ đã bị lấy trộm trên kệ.”

“Kì lạ thật,” Lane lẩm bẩm. “Đó là điều kì lạ nhất đã xảy ra cho đến nay. Tôi không hiểu nổi... Ông vẫn có bản gốc chính này trong thư viện chứ, ông Crabbe? Tôi nhớ ông nói rằng chúng chưa được chuyển giao cho bảo tàng vào thời điểm đó?”

“Vâng, chúng tôi vẫn có những bản Jaggard chính hãng, ông Lane. Nhưng tôi cất chúng trong hầm riêng dưới nhà,” Crabbe cười. “Có rất nhiều thứ! Hầu hết là các vật phẩm quý hiếm khác. Bản giả mạo, là vô giá trị ngoại trừ để thỏa mãn sự tò mò của các nhà sưu tập, là thứ chúng tôi không cần đến. Sau đó, như tôi đã nói, hai hôm sau nó được gửi trả lại cho chúng tôi qua đường bưu điện, không một lời giải thích.”

“À,” Lane kêu lên. “Có phải bản giả mạo cũng bị rạch ra, giống như bản sao nguyên gốc này?”

“Không. Nó còn khá nguyên vẹn.”

“Thế còn giấy bọc và dây buộc thì sao?” ngài thanh tra gầm gừ.

“Khá giống những thứ này.”

Lane nheo mắt trầm ngâm quan sát chiếc hộp Jaggard. Sau đó, ông nhặt bản Jaggard 1599 vừa được gửi trả, tỉ mỉ xem xét phần cắt và phần da bọc. Ít nhất một nửa phần trong của bìa sau - phần giấy lót bìa và phần góc trên - cong đi chút ít so với phần còn lại của trang bìa.

“Đây là một điều kì lạ,” ông lão nói tóm tắt, và giơ ra vết rạch của tên trộm. Ông nhẹ nhàng kéo phần vật sách ra. Phía bên dưới là một lớp khắc hình chữ nhật. Rõ ràng là ai đó đã khoét bên dưới vật sách một khoảng độ dày tương đương một lớp các tông. Chỗ lõm do đó có kích thước chừng ba in-sơ và dài hơn năm in-sơ.

“Hắn ta cũng cắt chỗ đó, hả?” Tiến sĩ Choate hỏi bằng một giọng the thé.

“Tôi nghĩ là không. Patience yêu dấu của ta, có vẻ cháu rất quan tâm về vấn đề này. Theo cháu thì mảnh bìa chữ nhật kì lạ này đã bị cắt ra khỏi lớp bìa bao lâu rồi?”

Patience ngoan ngoãn bước về phía trước. Sau một lúc, cô nói: “Đã khá lâu rồi. Phần mép vết cắt đã có dấu hiệu thời gian. Cháu thấy rõ rằng vết lõm đó có niên đại khá cao.”

“Tôi nghĩ điều đó trả lời cho câu hỏi của ông, Tiến sĩ Choate,” Lane cười. “Và tại sao, con gái, miếng bìa hình chữ nhật này lại bị cắt ra khỏi bìa sách?”

Patience thoáng cười với ông. “Rõ ràng là nơi cất giấu một thứ gì đó.”

“Một nơi giấu đồ!” người quản lý kêu lên. “Thật vô lý!”

“Ngài tiến sĩ ời”, người diễn viên già buồn bã thì thầm, “tại sao những tay mọt sách như ngài lại thắc mắc về tính chính xác của logic học nhỉ? Cô Thumm hoàn toàn đúng. Một cái gì đó rất mỏng và nhẹ - mỏng bởi vết khoét này khá nông, nhẹ bởi nếu không thì phần trọng lượng đáng kể thêm vào sẽ được các chuyên gia nhận ra trong nhiều thế kỷ - cho đến gần đây vẫn ẩn phía sau một khoản đầu tư nho nhỏ của ngài William Jaggard vào lĩnh vực in sách lậu. Nhưng mảnh giấy đó là gì? “

William Shakespeare

Cũng Tham Gia

Không còn việc gì cần phải làm ở Bảo tàng Britannic, ngài thanh tra không còn kiên nhẫn thêm được nữa, muốn rời đi ngay lập tức. Họ chào tạm biệt rồi ra về.

Gordon Rowe tiến họ đến cửa. Anh vuốt ve bộ râu bằng đồng của Shakespeare. “Cậu trai già lão này đang mỉm cười. Không có gì ngạc nhiên! Lần đầu tiên trong nhiều thế kỷ, mới có một sự việc thật sự trần tục xảy ra ở viện bảo tàng, Pat.”

“Anh đang trêu tôi hả,” Patience kiên quyết hơn: “Thưa ngài, tay tôi! Tôi có một ông bố hay ghen tị, và ông có mắt phía sau gáy... Tạm biệt, Gordon.”

“À,” chàng trai nói nhỏ, “thật tuyệt. Khi nào tôi có thể gặp lại em?”

“Tôi sẽ cân nhắc,” Patience nói quả quyết, và quay sang đi theo thanh tra và ngài Lane.

Anh nắm lấy tay cô. “Pat! Tôi muốn gặp em ngay bây giờ.”

“Bây giờ?”

“Tôi muốn gặp em ở văn phòng của bố em. Em đang đi đến đó, phải không?”

“Ừm...”

“Tôi cũng đi cùng nhé?”

“Trời ơi, anh đúng là một chàng trai rắc rối!” Patience nói, và đây là lần thứ mười hai cô thấy ghét gò má ửng đỏ của mình. “Tốt thôi, nếu bố tôi đồng ý.”

“Ô, chắc chắn rồi”, Rowe vui vẻ nói và đóng sầm cửa lại sau lưng. Anh khoác tay Patience và bước nhanh về phía mọi người. Dromio, anh tài xế

tóc đỏ của Lane, đứng cười bên cạnh một chiếc limousine Lincoln màu đen đẹp mắt bên lề đường.

“Ngài thanh tra,” chàng trai trẻ lo lắng, “ông có phiền không nếu tôi đi cùng? Đây, ngài không thấy phiền. Tôi có thể thấy rõ trong mắt ngài!”

Thumm nhìn anh lạnh lùng. “Nói...”

Ngài Drury Lane nhẹ nhàng cắt ngang. “Thôi nào, ngài thanh tra, tôi nghĩ rằng đó là một ý tưởng tuyệt vời. Tôi đề nghị ngài hãy để tôi đưa mọi người vào trung tâm thành phố. Tôi có xe đây, và tôi muốn thư giãn một vài phút. Không thể suy nghĩ với đủ các thứ quấy nhiễu xung quanh mình được. Tình hình này cho thấy chúng ta cần nhiều ý kiến tham gia, và Gordon đang rất quan tâm. Chúng ta đi chứ, hay ngài quá bận rộn nên cảm thấy khó chịu với chúng tôi, ngài thanh tra?”

“Chúng ta cùng hội mà,” chàng trai trẻ Rowe nói.

“Tình hình công việc dạo này,” viên thanh tra rầu rĩ nói, “tôi có thể nghĩ cả tháng mà cái đồ gỗ đánh máy của tôi ở văn phòng thậm chí còn không biết.” Ông liếc chàng trai, rồi Patience, đang gây ồn ào, hơi lo lắng và cố tỏ ra không quan tâm. “Được rồi, cậu trai. Patty, lên đây. Đăng nào xe cũng miễn phí mà.”

Trong thánh địa của Thumm, người diễn viên già thả người xuống chiếc ghế da, thở dài. Patience dè dặt ngồi xuống bên cạnh còn Rowe dựa người vào khung cửa với đôi mắt lấp lánh. “Anh thực sự biết bố trí văn phòng đó, ngài thanh tra. ‘Bình an trong những bức tường của người’. Thật là tốt đấy.”

“Có, nhưng tiếc thay lại không phải là ‘sự thịnh vượng trong những lâu đài,’” Patience cười, quăng chiếc mũ len đang đội lên nóc két sắt. “Nếu công việc tiếp tục tồi tệ như bây giờ, cháu sợ mình phải kiếm một công việc khác.”

“Phụ nữ không cần phải làm việc,” Rowe nhiệt thành nói.

“Patty, im nào,” ngài thanh tra cúi kính.

”Nếu tôi có thể giúp gì...” ông lão bắt đầu.

“Ông thật tốt, ông bạn vô dụng, nhưng chúng tôi không cần. Patty, có yên không nào! Được rồi, Lane, ông đang nghĩ gì?”

Lane vấp chéo chân sau khi xem xét kỹ lưỡng. “Suy nghĩ của tôi đôi khi không hợp lý, ngài thanh tra. Tôi muốn nói đây là một vụ đáng chú ý nhất với tôi từ trước đến giờ, và chuyện này yêu cầu một hiểu biết toàn diện về tội phạm học. Giờ thì ngài là một cảnh sát thực thụ. Ngài nghĩ sao?”

“Mọi thứ rồi hết cả,” ngài thanh tra nở nụ cười cay đắng. “Chết tiệt. Lần đầu tiên tôi nghe chuyện một tên lưu manh trả lại đồ ăn trộm, lại còn tặng thêm quà nữa! Dù vậy đối với tôi, điều hợp lý cần làm là cố gắng tìm hiểu xem hai tên này là ai - gã đội mũ màu xanh và một tay khác, với chiếc nhẫn kì lạ hình móng ngựa mà tay điều hành xe buýt đã nói với tôi. Tôi cũng sẽ kiểm tra lại mười bảy giáo viên đó, nhưng tôi có linh cảm họ đều vô tội.”

“Còn cháu, cháu yêu?” ông lão nhỏ nhẹ, quay sang Patience lúc này đang lơ đãng. “Cháu luôn có ý tưởng gì đó.”

“Đối với cháu thì,” Patience nói, “chúng ta đang chuyện bé xé ra to.* Đã xảy ra một vụ trộm, và đồ bị lấy đi được trả lại kèm theo tiền lời. Vậy nên, theo như chúng ta biết, chưa từng có một tội ác thực sự nào xảy ra!”

“Đơn giản là một vấn đề thú vị - không gì khác?”

Cô nhún vai. “Cháu xin lỗi nếu hôm nay cháu không sáng dạ lắm, nhưng đó là tất cả những gì cháu có thể nhận ra.”

“Không có tội phạm, hả?” ngài thanh tra mĩa mai nói.

“À,” Lane lẩm bẩm với một nụ cười yếu ớt, “ngài nghĩ rằng một tội ác đã xảy ra ư, ngài thanh tra?”

“Chắc chắn rồi! Nếu không chuyện gì đã xảy ra với Donoghue tội nghiệp?”

Ông lão lập tức nhắm mắt lại. “Người đàn ông biến mất ở ngay cửa. Chắc chắn như vậy. Có vẻ như có bạo lực, tôi đồng ý. Nhưng mà đây là chuyện của cảnh sát. Không, phải có gì khác nữa.”

Chàng thanh niên cao lớn đứng nơi cửa hết nhìn người này sang người khác bằng đôi mắt mệt mỏi. Patience nhú mày, và trong khoảnh khắc tất cả cùng im lặng. Rồi Thumm nhún vai, với lấy điện thoại. “Dù là việc của cảnh sát hay không, đó là chuyện duy nhất tôi thực sự quan tâm. Tôi đã hứa sẽ tìm được Mick khốn khổ, và tôi sẽ làm hết sức...” Ông nói chuyện với đại úy Grayson ở Cục điều tra mất tích; ông này chuyển máy qua cho bạn

mình là thanh tra Geoghan và họ trao đổi. “Không có gì mới về vụ Donoghue. Ông ta biến mất như thể bị bắt cóc vậy. Tôi đã cung cấp cho Geoghan số seri trên tờ đôla kẹp trong cuốn sách. Có lẽ anh ta sẽ theo lần ra được gì chẳng.”

“Có thể,” Lane đồng ý. “Ồ, Patience, ta thấy cháu đang nhăn mũi. Hẳn cháu đã phát hiện ra ‘cái khác’ ta đang nói đến rồi?”

“Cháu đang cố gắng đây,” cô nói với vẻ bức tức.

“Phần bìa,” chàng Rowe nói vắn tắt.

“Ồ, Gor... anh Rowe, tất nhiên!” Patience, đỏ bừng mặt. “Phần mà gã mũ xanh đã lấy ra từ bìa sau của bản in năm 1599 của Jaggard!”

Ông lão cười khúc khích. “Hai người có vẻ có cùng suy nghĩ nhỉ. Thật tuyệt vời, phải không ngài thanh tra, đừng cau có nữa. Tôi đã nói với anh rằng Gordon là một trợ thủ đặc lực. Đó là chính xác những gì ta đang nói đến, Patience. Cháu thấy đó, kiểu xử lý hời hợt thất thường của tên trộm là khá dễ hiểu, vì đó là một vật mỏng manh được nhét dưới phần bìa của cuốn sách. Cách đây khoảng sáu tuần, một tên trộm đã đột nhập vào thư viện Saxon và định lấy trộm một bản in, có lẽ là bản Jaggard 1599. Không phải quá vội vàng khi khẳng định vụ trộm đó được thực hiện bởi cùng một người - gã đàn ông kì dị trong chiếc mũ Chapeau xanh. Nhưng cuốn sách đó là đồ giả mạo; và nó được trả lại nguyên vẹn. Gã mũ xanh thì đang tìm kiếm bản in nguyên gốc! Cho đến giờ, có bao nhiêu bản in gốc của ấn bản đầu tiên cuốn *Kẻ hành hương mê đắm* còn tồn tại? Ba bản, mà bản in lưu ở thư viện Saxon là bản thứ ba, bản cuối cùng được tìm thấy, có lẽ, gã đã điều tra ra được hai bản in khác. Sau khi đánh cắp bản in của Saxon và nhận thấy đây là bản giả mạo, gã hẳn đã biết bản in gốc còn ở thư viện Saxon. Vì sau đó, Saxon đã hiến tặng chúng cho Bảo tàng Britannic các bản in chính gốc của Jaggard. Tên trộm cố gắng đột nhập vào bảo tàng, ăn cắp bản in thứ ba. Và gã để lại một cuốn sách thậm chí còn hiếm hơn nữa. Hai ngày sau đó, gã trả lại bản Jaggard. Hãy nói ta nghe, Patience, những kết luận mà cháu rút ra từ bản tổng hợp đó.”

“Cháu hiểu rồi,” Patience liếm môi. “Mọi chuyện rõ ràng hơn nhiều khi trình bày theo cách này. Sự thật là gã đã trả lại bản in Jaggard gốc cho bảo

tàng, nhưng cắt toang phần bì sau và lấy ra một thứ gì đó, cho thấy gã không quan tâm đến bản Jaggard 1599 nhiều lắm bằng vật mỏng manh mà nó đang che giấu. Sau khi lấy nó rồi, gã không quan tâm đến bản thân cuốn sách, và đã trả lại nó như phong thái của một quý ông.”

“Tuyệt vời!” Lane kêu lên. “Một suy luận bậc thầy, cháu của ta.”

“Quá thông minh,” Rowe thì thầm nồng nhiệt.

“Còn gì khác không?” ông lão hỏi.

“Vâng,” Patience hơi đỏ mặt, “đây là một điểm kì lạ khác. Bản in năm 1599 của Jaggard rất đáng giá. Nếu gã là một tên trộm bình thường, gã hoàn toàn có thể giữ nó, mặc dù gã chỉ quan tâm đến những thứ trong cuốn sách. Thậm chí gã còn để lại một trăm đôla để sửa chữa những thiệt hại gã gây ra cho phần vải bọc. Và hơn nữa gã còn để lại một cuốn sách có giá trị kinh khủng ở nơi gã lấy trộm - có lẽ bởi nó quá giống bản in năm 1599, hay đây là một hành vi của một con người cao quý. Tất cả những điều này cho thấy, đây cơ bản là một người trung thực, ngài Lane, người đang buộc phải làm một điều xấu nhưng cố gắng hết sức để bù đắp cho những gì anh ta phải làm.”

Ông lão nghiêng về phía trước với đôi mắt lấp lánh. Ông ngả người ra khi Patience kết thúc và vẫy ngón trỏ dài về phía ngài thanh tra. “Được rồi, đừng làm bộ làm tịch nữa, anh nghĩ sao về điều đó?”

Ngài thanh tra húng hắng ho. “Khá tốt, tôi muốn nói là, khá tốt.”

“Thôi nào, ngài thanh tra, đó là một lời khen ngợi bủn xỉn. Hoàn hảo, cháu yêu của ta! Cháu là một liều thuốc bổ cho bộ xương già cỗi này. Đúng, đó là sự thật. Chúng ta đang đối đầu với một tên trộm trung thực, có lương tâm, - một sự bất thường chưa từng có trong lịch sử trộm cắp, ta chắc chắn. Một Villon* thời đại! Còn gì khác nữa không?”

“Tôi nghĩ rằng chuyện khá đơn giản,” chàng trai đột ngột nói. “Thực tế là gã đã trả lại bản Jaggard giả mạo mà không cần cắt lớp vải bọc cho thấy gã khá quen thuộc với những cuốn sách hiếm. Tôi có thể nói rằng, nếu nhìn lướt qua, bản giả mạo đó không quá vụng về để một tay mơ có thể nhận ra dễ dàng khi kiểm tra đâu. Gã đã xem xét bản thảo, và nhận thấy ngay lập

tức những dấu hiệu giả mạo, và bởi gã chỉ tìm kiếm một cuốn Jaggard 1599 chính gốc, gã đã trả lại cuốn sách mà không đụng tay vào.”

“Có vẻ đây là một người mê sách?” Patience thì thầm.

“Có lẽ vậy, cháu thân yêu của ta. Gordon, đó là một lập luận tuyệt vời.” Ông già đứng lên và bắt đầu sai bước trên đôi chân dài của mình. “Chúng tôi đã dựng lên, một hình ảnh khá rõ ràng. Một học giả, ham mê đồ cổ, một người mê đọc, thẳng thắn, khá thẳng thắn, sẵn sàng thực hiện hành vi phạm tội để có được - tôi nghĩ rằng không ai nghi ngờ chuyện này - một mảnh giấy giấu phía sau một món đồ vô giá của một nhà sưu tầm già. Thật thú vị, đúng không? “

“Tôi tự hỏi những chuyện này có nghĩa gì đây?” Thumm lẩm bẩm .

“Vết khoét đó,” Rowe dăm chiêu, “một chiều năm in-sơ một chiều ba in-sơ. Nếu đó là một mảnh giấy, có lẽ, đã được gấp lại. Có lẽ nó cũng hơi cũ nữa.”

“Có vẻ như vậy,” Lane lẩm bẩm, “mặc dù giả thiết sau cùng không chắc chắn lắm. Đúng, tình hình khá rõ ràng. Tôi tự hỏi lúc này... ” Giọng ông nhỏ dần đều, và ông im lặng một lúc, đôi lông mày trắng nhíu lại. “Tôi tin rằng mình sẽ thực hiện một cuộc điều tra nhỏ của riêng mình,” ông chốt lại.

“Thế còn Donoghue?” Thumm hỏi đầy hy vọng.

Lane mỉm cười. “Không, tôi sẽ để lại việc đó cho ngài; chắc chắn ngài giỏi những việc đó hơn tôi. Tôi đã ghi nhớ rồi,” ông cau mày, “một khảo nghiệm nhỏ. Ngài biết tôi cũng có một thư viện riêng khá lớn...”

“Đó là một thiên đường dành cho các học giả,” Rowe mơ màng nói.

“Nghiên cứu gì cơ ạ?” Patience hỏi.

“Ôi, cháu yêu của ta, ta cần thông tin có ích, phải thực sự có ích, giúp ta biết liệu tấm vải da của cuốn sách bị phá hoại đó có phải nguyên gốc không - niên đại của reliure* có thể cho ta gợi ý về niên đại của mảnh giấy, mà khi được để trong hốc đó, như Gordon đã nói, rất có thể đã bị gấp lại.”

“Tôi có thể hỗ trợ ngài, ngài Lane,” chàng trai trẻ háo hức.

“À,” ông lão nói. “Tôi có một ý tưởng, Gordon. Cậu nên làm việc độc lập, và sau đó chúng ta có thể so sánh các ghi chú.”

“Cháu cũng nghĩ vậy,” Patience nói, tỏ ra hài lòng vì một lý do nào đó, “rằng nếu một tờ giấy được giấu trong một cuốn sách cũ như vậy, có lẽ nó phải được ghi lại ở đâu đó. Cuối cùng thì, làm sao tên trộm có thể biết về nó, hay nơi để tìm?”

”Thật sâu sắc! Ta cũng đang nghĩ như vậy. Ta sẽ khai thác tất cả những dữ liệu về ấn bản đầu tiên năm 1599 của *Kẻ hành hương mê đắm*. Có thể lưu lại cả ngày tháng. Jaggard đã có một phần béo bở trong miếng bánh xuất bản thời Elizabeth ở London, và tên ông ta chắc chắn sẽ xuất hiện trong vô số những tài liệu văn học. Đúng, đúng rồi, điều này hết sức logic. Cậu nghĩ sao, Gordon?”

“Tôi sẽ giúp ngài việc đó nữa,” Rowe lặng lẽ nói.

“Tốt! Còn ngài sẽ theo dõi vụ Donoghue chứ, ngài thanh tra?”

“Hết khả năng cho phép. Tôi phải để Grayson ở Cục điều tra mất tích làm hầu hết các công việc.”

“Đúng, đó thực sự là việc của ông ta. Tôi không thể nói, ngài thanh tra, rằng tôi nghĩ vụ này không giúp được gì cho tình hình tài chính của ngài.”

“Chết tiệt, ông nói đúng,” Thumm gầm gừ. “Nhưng vụ này làm tôi nổi da gà. Tôi vẫn sẽ loanh quanh với nó một thời gian.”

“Vẫn cứng đầu cứng cổ như mọi khi,” ông lão cười khúc khích. “Vậy thì tôi có một gợi ý cho anh. Nếu anh quan tâm đến vụ này đơn thuần vì tò mò, tại sao anh không điều tra Tiến sĩ Hamnet Sedlar?”

Thanh tra Thumm giật mình, và Patience đang để Rowe châm thuốc cho mình cũng ngược lên. “Cái tay công tước đó á? Tại sao?”

“Đây là một linh cảm,” Lane lẩm bẩm. “Nhưng chắc chắn anh phải nhận thấy ánh nhìn nghi hoặc mà lão già Crabbe ném vào Tiến sĩ Sedlar?”

“Lạy Chúa, đúng vậy!” Patience kêu lên “Gordon, anh cũng thấy điều đó mà!”

“Gordon?” ngài thanh tra gầm gừ.

“Tôi chỉ thoáng thấy thôi,” Rowe vội vã nói. “Cô Thumm đang phấn khích. Cô Thumm, xin vui lòng gọi tôi là Rowe... vâng, Pat, tôi cũng chú ý thấy, và tôi cũng bản khoản từ đó đến giờ.”

“Cái gì đấy?” ngài thanh tra cau mày. “Liên danh Gordon - Pat hả?”

“Thôi nào, ngài thanh tra,” Drury Lane nói, “đừng để chuyện cá nhân xen vào việc này. Anh không nhận ra mình là một hóa thạch già cỗi thế nào à? Những người trẻ tuổi ngày nay không giống như xưa đâu.”

“Bố à,” Patience đỏ mặt.

“Giống như thời của ngài, ngài thanh tra,” Rowe nói đỡ.

“Một màn giới thiệu, ánh mắt trao nhau, một nụ hôn trong góc tối,” Lane mỉm cười. “Thôi nào, ngài thanh tra, ngài sẽ quen dần thôi. Như tôi đã nói, Crabbe khá kín tiếng, và lão che đậy khá nhanh nhẹn so với tuổi của lão, nhưng có điều gì đó kì lạ mà tôi sẽ điều tra ra.”

“Vẫn vậy à,” viên thanh tra lẩm bẩm, “Chả khoái tẹo nào... Hừm? Nó bay vụt qua đầu tôi. Nhưng nếu là vậy, tôi nghĩ ta cần chuẩn bị nhồi vài câu hỏi cho lão Crabbe.”

Patience nhìn chăm chú vào đầu điều thuốc của mình. “Bố biết không, bố ơi,” cô thấp giọng, “có một chuyện khiến con chú ý. Đừng quan tâm đến lão Crabbe vào lúc này. Tại sao chúng ta không kiểm tra xuất xứ của Tiến sĩ Sedlar?”

“Ý con là gã người Anh đó hả, Patty?”

“Hãy bắt đầu chậm rãi thôi. Một công ty tàu thủy hơi nước thì sao?”

“Công ty tàu thủy hơi nước hả? Để làm quái gì thế?”

“Ai biết được chứ,” Patience thì thầm.

Bốn mươi lăm phút sau, thanh tra Thumm đặt điện thoại xuống và lấy khăn tay chà mạnh lên hàng lông mày của mình. “Ôi,” ông thở dài, “cuối cùng cũng có kẻ lòi đuôi. Thật kì quái. Con biết người soát vé trên tàu Lancastria nói gì không?”

“Ôi, bố ơi,” Patience nói, “bố đang kích động. Anh ta nói gì vậy, vì Chúa?”

“Không có tên của Hamnet Sedlar trong danh sách hành khách!”

Mọi người nhìn nhau chăm chăm. Rồi Gordon Rowe huýt sáo và dụi điều thuốc vào gạt tàn của ngài thanh tra. “Đó là một gợi ý,” anh thì thầm. “Tiến sĩ Sedlar nổi tiếng...”

“Tôi thích chuyện đó”, Patience thì thầm. “Cực kỳ luôn.”

“Chúa ơi, đó là một tay lừa đảo!” Thumm gầm lên. “Nghe này, các con, giữ bí mật chuyện này. Không một lời! Ta sẽ chỉ cho...”

“Chờ đã, chờ đã, ngài thanh tra,” Lane nhẹ nhàng nói; ông đang ngồi thoải mái trong chiếc ghế da, đôi lông mày óng mượt của ông nhăn lại thành cả trăm dòng nhỏ. “Đừng vội vàng quá. Một phân cảnh xuất sắc không đảm bảo thành công cho một vở kịch, và một tình tiết đáng ngờ không cấu thành tội danh. Tôi nhận thấy ngài đã mô tả Sedlar cho người soát vé. Chuyện đó là sao?”

“Vâng,” Thumm khịt mũi, “khi anh ta ngó qua danh sách và không thể tìm thấy dấu vết nào của gã này, tôi đã mô tả nhân dạng của Sedlar và yêu cầu người soát vé kiểm tra với người quản lý của mình. Thuyền mới cập cảng sáng nay và mọi người đều ở gần đó. Anh ta vào việc ngay lập tức. Và, Chúa ơi, không những không có tên Sedlar trong danh sách, mà không ai nhớ có người giống như Sedlar đã lên thuyền!” ông trừng mắt. “Mọi người nghĩ sao?”

“Bắt đầu,” Rowe tư lự, “có mùi gì đó”.

“Tôi thừa nhận là mùi tội phạm đang trở nên rõ hơn,” ông lão lẩm bẩm. “Kì dị, kì dị quá...”

“Nhưng chẳng nhẽ ông không thấy sao,” Patience kêu lên, “chuyện này là sao? Tiến sĩ Sedlar phải đến đây ít nhất bốn ngày rồi!”

“Làm sao con biết, Patty?” bố cô hỏi.

“Ông ta không thể bay qua Đại Tây Dương đúng không? Bố nhớ không, khi con gọi cho công ty tàu thủy hơi nước hôm thứ Năm để hỏi xem chuyến tàu tiếp theo từ Anh đến khi nào - Sally Bostwick đã viết rằng cô ấy đang đến đây, nhưng không nói rõ đi khi nào. Vâng, họ nói rằng có một chuyến tàu cập cảng hôm thứ Bảy, và không có chuyến nào khác cho đến hôm nay. Bởi vậy, do hôm nay là thứ Tư, con cho rằng tay người Anh này phải ở New York tối thiểu là bốn ngày, kể từ thứ Bảy tuần trước.”

“Có lẽ lâu hơn” Rowe cau mày gợi ý. “Sedlar ư! Thật khó tin.”

“Anh nên kiểm tra cả tàu hôm thứ Bảy nữa,” Lane lơ đãng nói.

Thanh tra với lấy điện thoại. Sau đó, ông lại ngồi xuống. “Tôi sẽ làm tốt hơn thế. Hãy làm rõ mọi chuyện ngay bây giờ.” Ông nhấn một nút và cô

nàng Brodie mắt to tròn hiện ra ra như một phép màu. “Mang sổ ghi chép theo chứ? Tốt. Hãy gửi điện tín đến Scotland Yard! “

“Đến đâu cơ, thưa ngài thanh tra?” Brodie lắp bắp, đang bị thu hút bởi sự hiện diện của chàng trai trẻ dáng thể thao đứng gần cửa.

“Scotland Yard. Tôi sẽ cho mấy tay mặt bột này thấy cách chúng ta làm việc ở đây!” Khuôn mặt của thanh tra đỏ gay. “Cô biết Scotland Yard ở đâu chứ? London, Anh!”

” Vâng... thưa ngài,” Brodie cuống quýt.

“Gửi đến Chánh thanh tra Trench. T-R-E-N-C-H. *‘Tôi muốn toàn bộ tiểu sử của Hamnet Sedlar, cựu quản lý Bảo tàng Kensington, London, hiện đang ở thành phố New York. Ngày khởi hành từ Anh, diện mạo, họ hàng, danh tiếng, bất kì lưu trữ nào. Tuyệt mật. Trân trọng.’* Hãy gửi nó đi ngay.”

Cô Brodie đắm sầm vào Rowe.

“Đợi một phút. Cô đánh vần tên Sedlar ra sao?”

“S-e-d-d-l-e-r,” cô Brodie lắp bắp, nhợt nhạt.

Lồng ngực của thanh tra phập phồng. Rồi ông mỉm cười. “Thôi nào, Brodie,” Ông nói dịu dàng, “đừng ngắt xiu chứ. Mọi thứ sẽ ổn thôi. Chúa ơi, lẽ nào cô không thể đánh vần đúng tên đó ư? Đó là S-e-d-l-a-r!”

“Ồ, vâng, thưa ngài,” cô Brodie nói, và bước nhanh ra ngoài.

“Brodie tội nghiệp,” Patience cười khúc khích. “Bố lúc nào cũng làm cô ấy chết khiếp. Hoặc đó là một biểu hiện kì lạ của phái mạnh... ủa, chuyện gì vậy, ngài Lane?” Cô kêu lên, hơi lo lắng.

Biểu cảm kì lạ hiện trên khuôn mặt ông lão. Ông nhìn chăm chăm vào thanh tra Thumm như thể chưa gặp bao giờ; và dường như ông không thực sự nhìn ngài thanh tra. Sau đó, ông nhảy dựng lên.

“Trời đất ơi!” Ông kêu lên. “Ra vậy, chính là nó!” Và ông bắt đầu vội vã đi qua đi lại, lẩm bẫm với chính mình.

“Có chuyện gì không?” viên thanh tra hỏi, nhìn ông chăm chăm.

“Tên, cái tên! Hamnet Sedlar... Lạy Chúa, không thể tin được! Không thể nào, một sự trùng hợp.”

“Tên ư?” Patience nhăn trán. “Tại sao ạ, cái tên đó có gì không ổn, ngài Lane? Đó là một từ tiếng Anh hoàn hảo, hơi cổ.”

Miệng Gordon Rowe đang há hốc như tay đòn của một chiếc cần câu đang hạ xuống. Sự tình nghịch đã rời bỏ đôi mắt lạnh lợi của anh, thay vào đó là một trí thông minh đang kinh ngạc.

Lane ngừng sai bước, xoa cằm, và sau đó bật cười khúc khích. “Đúng, đúng, hoàn toàn gốc Anh, Patience; cháu rất giỏi tìm ra mấu chốt của vấn đề. Chính xác như vậy. Đó là một từ tiếng Anh kèm theo một lịch sử riêng, trời ơi! À, Gordon, tôi thấy rằng cậu cũng đã nhận ra điều gì đó.” Ông ngừng cười khúc khích và đột ngột ngồi xuống, ông nghiêm giọng. “Tôi nhận ra cái tên đó có gì đó ngộ ngộ,” ông nói chậm rãi. “Nó khiến tôi không thoải mái kể từ khi gặp quý ông đó. Cách mọi người phát âm... ngài thanh tra, Patience, chả lẽ cái tên ‘Hamnet Sedlar’ không có nghĩa gì với mọi người sao?”

Viên thanh tra tỉnh bơ. “Đây không phải lỗi của tôi.”

“Được rồi, Patience, với tất cả sự tôn trọng dành cho người bố yêu quý của cháu, lợi thế của cháu là được hưởng một nền giáo dục tốt hơn. Cháu không nghiên cứu văn học Anh ư?”

“Có ạ.”

“Có nhớ thời kì Elizabeth không?”

Má Patience ửng đỏ. “Có... nhưng lâu rồi.”

Ông lão gật đầu buồn bã. “Cháu học chương trình mới, nên cháu chưa bao giờ nghe nói về Hamnet Sedlar. Kì lạ. Gordon, nói cho họ biết Hamnet Sedlar là ai đi.”

“Hamnet Sedlar,” chàng Rowe nói bằng một giọng choáng váng, “là một trong những người bạn thân nhất của William Shakespeare.”

“Shakespeare!” Thumm kêu lên. “Phải không, Lane? Mọi người đang cố chứng tỏ điều gì đây? Shake già rồi thì liên quan gì đến chuyện này?”

“Khá nhiều, tôi bắt đầu nghĩ rằng,” Drury Lane thì thầm. “Đúng, Gordon, chính xác,” ông trầm ngâm, và lắc đầu. “Đương nhiên, cậu phải biết. Sedlar... Ôi Chúa ơi!”

“Cháu vẫn không hiểu,” Patience phàn nàn. “Đối với chuyện này, ở một mức nào đó, cháu ở cùng phe với bố. Chắc chắn...”

“Tay Sedlar này không phải là một gã Do Thái lang bạt* đó chứ?” Ngài thanh tra chế nhạo. “Thế quái nào - gã ta phải hơn ba trăm tuổi rồi chứ!” Và ông phá lên cười thành thực.

“Ha, ha,” Rowe thở dài thườn thượt.

“Tôi không nói rằng anh bạn của chúng ta là Ahasuerus*,” Lane mỉm cười. “Không có gì quá kì lạ xảy ra cho đến nay. Nhưng tôi giả sử Tiến sĩ Hamnet Sedlar, cựu quản lý Bảo tàng Kensington ở London, quản lý đương nhiệm Bảo tàng Britannic ở New York, một người Anh, có văn hóa, ham mê sách ... ồ, không, không phải là bất khả thi nếu Tiến sĩ Sedlar là một hậu duệ trực hệ của người đàn ông xuất hiện trong lịch sử chỉ bởi vì Shakespeare gọi ông ta là bạn.”

“Gia đình Stratford?”* Patience ngẫm ngợi.

Ông già nhún vai. “Chúng ta không biết gì về họ.”

“Tôi cho rằng,” Rowe lẩm bẫm, “rằng Sedlar đến từ vùng Gloucestershire.”

“Nhưng có gì liên quan,” Patience phản đối, “ngay cả khi Tiến sĩ Sedlar là hậu duệ của một người bạn của Shakespeare, liệu có gì liên quan giữa gia tộc lâu đời của Sedlar và bản in năm 1599 của Jaggard, *Kẻ hành hương mê đắm* đang gây ra vụ rắc rối này?”

“Chuyện đó, cháu yêu,” Drury Lane lặng lẽ nói, “chính xác là vấn đề bây giờ. Ngài thanh tra đây là một gợi ý để ngài nói với ông bạn người Anh ở Scotland Yard. Có lẽ chúng ta sẽ tìm được gì đó. Ai biết được? Cuốn *Kẻ hành hương mê đắm* tự nó không - Nhưng sau đó...”

Ông im lặng. Ngài thanh tra bất lực nhìn từ người bạn già sang con gái mình. Gordon Rowe nhìn chăm chăm vào Lane, còn Patience thì nhìn chăm chăm vào Rowe.

Lane đột ngột đứng dậy, với tay lấy cây gậy chống bằng gỗ mạn gai của mình. Mọi người im lặng nhìn ông.

“Kì lạ”, ông nói. “Kì lạ thật,” gật đầu và mỉm cười lơ đãng, ông rời văn phòng của ngài thanh tra.

3HS wM

Dromio vui vẻ xả mấy câu nhằm vào viên cảnh sát nơi góc phố và đánh chiếc Lincoln đen rẽ một phố cắt ngang để thoát khỏi đại lộ Thứ Năm, tìm đường chạy qua một mê cung giao lộ rồi phải phanh lại ở một góc của đại lộ Thứ Sáu, bên một cột đèn giao thông.

Ông Drury Lane ngồi lặng lẽ ở ghế sau, chà chà tờ giấy màu vàng lên môi. Đã cả chục lần ông liếc nhìn vào thông điệp trên đó, và cau mày. Đó là một bức điện tín, trên đó ghi giờ gửi: *21 tháng Sáu, 12:06 sáng*. Bức điện này được gửi đến lâu đài của ông ở Westchester đêm qua.

“Thumm gửi cho mình một bức điện vào giờ giấc kì lạ thế này,” ông lão nghĩ. “Nửa đêm! Ông ta chưa bao giờ làm vậy... Chuyện khẩn cấp? Không thể nào...”

Dromio từ người lên vô lảng ngó ra một chiếc xe đang bị móc phần chắn bùn vào một chiếc khác nơi góc phố; nhìn cả hai căng thẳng hết cỡ, kéo theo một mớ giao thông kinh khủng phía sau. Lane nhìn sang bên vào đám lộn xộn kéo dài đến tận đại lộ Thứ Năm, rồi nghiêng người về phía trước nói với Dromio.

“Ta sẽ đi bộ nốt phần còn lại,” ông nói. “Chỉ còn một dãy nhà. Hãy chờ ta gần văn phòng thanh tra Thumm.”

Ông bước ra khỏi xe, tay vẫn cầm bức điện tín. Rồi ông đặt nó cẩn thận vào túi áo ngực trong bộ comple bánh bao và sải bước về phía nhà hát kịch Broadway.

Văn phòng thám tử trông hết sức lộn xộn. Cô nàng ngơ ngác Brodie trong phòng khách trông như mới đổ bệnh: cô ngồi lo lắng và nhìn chăm chăm một cách mê mẩn vào Patience, người giờ đang hành quân tung bụi

mù mịt như một trung đoàn, vừa căn môi vừa liên tục nhìn vào chiếc đồng hồ văn phòng trên tường.

Nghe tiếng cửa mở, cô nhảy lên, và Brodie thốt lên một tiếng kêu nhỏ.

“Cuối cùng bác đã đến!” Patience nồng nhiệt, nắm chắc cánh tay ông lão. “Cháu đã nghĩ bác sẽ không thể đến được đây. Bác thật tuyệt!” Và trước sự ngạc nhiên của ông, cô quàng đôi tay mềm mại qua cổ và hôn má ông.

“Con yêu quý của ta,” Lane nói, “con đang run rẩy! Chuyện quái quỷ gì đã xảy ra? Điện tín của ngài thanh tra vang như một tiếng nổ vậy, nhưng nó không nói lên điều gì. Ta tin là ông ấy vẫn ổn?”

“Vẫn ổn như mọi khi,” Patience trả lời dứt khoát. Rồi mắt cô ánh lên, cô chạm tay lên đôi khuyên óng ánh trên tai và nói: “Và giờ hãy tấn công nó nào!”

Cô đẩy cánh cửa phòng thanh tra, một ông già mắt đỏ mặt nhợt nhạt đang ngồi cứng đờ trên mép ghế, nhìn chăm chăm vào một vật đặt trên bàn trước mặt ông.

“Eureka!” Ông hét lên đứng bật dậy. “Ông bạn già, Chúa ơi. Bố đã nói với con, chúng ta có thể dựa vào tay bợm già này, Patty! Ngồi xuống, Lane, ngồi xuống. Tuyệt kinh khủng vì ông đã đến.”

Lane ngồi sâu xuống ghế bành bọc da. “Trời, màn tiếp đón mới hay làm sao! Ngài làm cho tôi cảm thấy như một tay phá gia chi tử mới quay về. Giờ hãy cho tôi biết những gì đang xảy ra. Tôi đang bớt dần tò mò rồi đấy.”

Thumm cầm cái vật mà ông đã chăm chú nghiên cứu. “Ngài thấy không?”

“Tôi có thị lực tuyệt vời, như anh biết. Vâng tôi thấy rõ.”

Ngài thanh tra cười khúc khích. “Vâng, chúng ta sẽ mở nó ra.”

Lane nhìn chăm chăm từ Thumm sang Patience. “Nhưng... rồi, vậy đó hả. Đây là lí do ông gọi tôi đến gấp sao, ngài thanh tra?”

“Chúng cháu mời bác đến bởi một kẻ điên khăng khăng rằng bác phải có mặt tại lúc mở nó ra,” Patience nói nhanh. “Bố, làm ơn đi. Con đến điên mất nếu bố không mở nó ngay!”

Đó là một chiếc phong bì dài màu nâu mà một quý ông đáng ngờ với bộ râu cầu vồng và kính màu xanh đã để lại kết sắt an toàn của ngài thanh tra gần bảy tuần trước.

Lane cầm chiếc phong bì từ tay Thumm và nhẹ nhàng kiểm tra. Mắt ông nheo lại khi cảm thấy những đường nét của một phong bì hình vuông bên trong. “Bí ẩn này đòi hỏi một lời giải thích. Tôi muốn biết sự thật trước khi... Không, không, cháu yêu, ta đã dạy cháu nhiều lần rồi, ha, ha... Patience. Ngài nói đi, ngài thanh tra.”

Thumm kể tóm tắt kể về chuyến thăm của tay người Anh giả trang vào ngày mùng sáu tháng Năm. Cộng với những suy luận của Patience, Lane đã có một bức tranh hoàn chỉnh về người khách kỹ đến từng chi tiết. Khi ngài thanh tra kết thúc, Lane ngẫm nghĩ, ngẫm nhìn chiếc phong bì. “Nhưng tại sao ngài không nói với tôi điều này trước đây? Đó không phải cách ngài hay làm, ngài thanh tra.”

“Tôi không nghĩ rằng chuyện đó là cần thiết. Nào, chúng ta bắt đầu!”

“Chỉ một lát thôi. Tôi hiểu rồi, vậy hôm nay là ngày hai mươi mốt đầu tiên mà vị khách hàng bí ẩn của ngài không gọi điện cho ngài như kế hoạch?”

“Ông ta đã gọi vào ngày hai mươi tháng Năm,” viên thanh tra rầu rĩ, nói.

“Chúng cháu ngồi ở đây cả ngày,” Patience chớp lời, “cho đến nửa đêm hôm qua. Không chút rời mắt khỏi nó. Và giờ thì...”

“Liệu ngài có ghi lại những cuộc nói chuyện của người đàn ông đó không?” Lane hỏi lơ đãng. “Tôi biết ngài có một máy ghi chép cuộc gọi ở đây.”

Thumm ấn một nút. “Cô Brodie. Mang cho tôi cuộc hội thoại của vụ phong bì.”

Mọi người ngồi ủ rũ, trong khi ông lão đọc từng từ bản ghi cuộc gọi.

“Hừm,” ông đặt bản báo cáo xuống và nói. “Thật lạ. Hoàn toàn chính xác, hiển nhiên, rằng gã đó đã giả trang. Thật vụng về, vụng về! Rõ ràng còn không thèm cố gắng. Còn bộ râu...” Ông lắc đầu. “Rất tốt, ngài thanh tra, tôi nghĩ rằng chúng ta có thể bắt đầu. Mời ngài.”

Ông đứng dậy, đặt lấy chiếc phong bì trên bàn Thumm, ngồi xuống ghế cạnh bàn làm việc, và nghiêng người về phía trước một cách chăm chú. Patience vội vã chạy ra sau ghế bố mình; cô thở mạnh, những đường nét kiêu diễm của cô giờ nhợt nhạt và căng thẳng. Bằng những ngón tay run rẩy, Thumm kéo ngăn kéo trượt ở cạnh bàn làm việc gần Lane, đặt phong bì vào đó, và ngồi lọt vào ghế xoay của mình, mồ hôi vã ra như tắm. Sau đó, ông nhìn sang Lane - họ đang ngồi đối diện nhau - và cười một cách yếu ớt.

“Nào, bắt đầu nào,” ông tự giễu. “Và tôi hy vọng sẽ không có gì bật ra và hô lên ‘Ăn cá tháng Tư rồi!’ hoặc một cái gì đó tương tự.”

Ở phía sau, Patience thở từng hơi dài.

Ngài thanh tra vớ lấy dao rạch thư, ngập ngừng, và sau đó lách lưỡi dao vào bên dưới nắp của phong bì. Ông rạch nhanh, bỏ dao xuống rồi nhìn vào bên trong.

“Ồn không bố?” Patience kêu lên.

“Con nói đúng, Patty,” ngài lâm bẫm. “Có một phong bì khác.” Và ông lấy ra một phong bì nhỏ hình vuông, màu xám, cũng được dán chặt. Mặt ông trống rỗng.

“Có gì trên phong bì không?” ông lão hỏi sắc lẹm.

Ngài thanh tra lật lật chiếc phong bì. Khuôn mặt ông chột xám như màu giấy.

Patience, liếc nhìn ông, thở hỗn hển.

Thumm liếm môi. “Nó viết,” ông nói giọng khàn khàn, “Nó viết... hừ, nó viết: *THƯ VIỆN SAXON!*”

Đây là dấu hiệu đầu tiên cho mọi người thấy rằng, chuyến thăm của gã đàn ông bí ẩn mang bộ râu *Joseph* có thể liên quan đến các sự kiện kì lạ tại Bảo tàng Britannic.

“Thư viện Saxon,” Lane lâm bẫm. “Thật kì lạ.”

“Vậy đó!” Thumm kêu lên. “Chúa ơi, chúng ta đang vướng vào chuyện gì đây?”

“Rõ ràng là,” ông lão khó khăn nói, “một sự trùng hợp, ngài thanh tra. Chuyện này đôi khi cũng xảy ra. Với tần suất đủ khiến người ta ngạc nhiên...” Giọng ông nhỏ dần, nhưng ông không rời mắt khỏi đôi môi ngài

thanh tra. Nhưng chúng chẳng nhìn thấy gì, bởi có một bóng mờ trên đó, như một tấm màn che đã kéo xuống - một tấm màn đang làm mờ đi sự thực trước mắt.

“Nhưng cháu không thể hiểu...” Patience sửng sốt.

Lane rùng mình, và tấm màn che đó vỡ tan. “Hãy mở nó, ngài thanh tra,” ông nói, nghiêng người về phía trước và gục cầm lên bàn tay mình. “Làm ơn.”

Thumm lại nhặt lấy con dao. Ông lách lưỡi dao vào phía trong nắp phong bì. Giấy khá cứng nhưng được dính vào khá lỏng lẻo.

Cả Lane và Patience đều không chớp mắt.

Ngón tay thô kệch của Thumm moi từ trong phong bì ra một tờ giấy màu xám tựa như màu chiếc phong bì, được gấp gọn gàng. Ông mở ra. Có dòng chữ in trên một góc mảnh giấy, thanh tra đưa mẫu giấy cho mọi người xung quanh; phần tiêu đề phía trên ghi đơn giản: *THƯ VIỆN SAXON*, bằng mực in màu xám sẫm. Ông trải phẳng tờ giấy lên khay trượt giữa ông và Lane rồi nhìn chăm chăm. Tất cả đều chăm chú, và không gian hoàn toàn tĩnh lặng.

Cũng hợp lý thôi. Vì nếu gã người Anh cải trang đã là một nhân vật bí ẩn, thì những tin nhắn gã gửi gã ngài thanh tra thậm chí còn bí ẩn hơn. Không chỉ là bí ẩn, đây là một mật mã. Nó không có ý nghĩa gì cả.

Ở phía trên mảnh giấy có in tiêu đề của Thư viện Saxon. Phần còn lại vẫn mới tinh như ngày mới sản xuất ở xưởng in, ngoại trừ một dòng chữ duy nhất, hoặc một mật thư. Ở giữa tờ giấy, phía dưới dòng chữ in là bóng của các ký tự ở mặt sau. Tất cả chỉ có vậy. Không có gợi ý nào, không có chữ ký, không có vết bút mực hoặc bút chì khác.

Một cơn đau kinh niên khốc liệt đang dày vò cơ thể Lane. Ông cúi xuống trên chiếc ghế của mình, chăm chú nghiên cứu mảnh giấy. Ngón tay của ngài thanh tra đột nhiên tê lại; mảnh giấy hơi rung rung khi ông đặt ngón tay nơi góc dưới của nó. Patience im lặng. Không ai lên tiếng một lúc lâu. Sau đó, ông lão chậm rãi đưa mắt từ phía mảnh giấy đang mở ra qua Thumm. Có một niềm vui sướng kỳ quặc, gần như là hân hoan, trong sâu thẳm đôi mắt lạnh lợi đó. Ông bắt đầu mở miệng:

THƯ VIỆN SAXON 3HS wM

Nhưng ngài thanh tra chỉ lẩm nhẩm: “3HS wM” bằng một giọng ngạc nhiên, nhấn nhá từng phụ âm trên đầu lưỡi như thể đang tách lấy bí mật ẩn sau những âm thanh.

Một sự lúng túng thoáng qua trên mặt của Lane. Ông liếc nhanh qua Patience.

Và cô nói: “3HS wM,” như một đứa trẻ đang lặp lại những từ ngoại ngữ.

Ông lão úp mặt vào hai bàn tay, và ngồi yên như vậy không nhúc nhích.

“Tốt!” ngài thanh tra thở dài rồi nói, “Tôi bỏ cuộc. Chết tiệt, tôi bỏ cuộc. Khi một anh chàng bước đi và ăn diện như Paddy trong lễ hội hóa trang Grand Street Masquerade và để lại một chuỗi những thứ điên rồ vô nghĩa chết tiệt sau khi đã gợi ý về một ‘bí mật trị giá cả triệu đô’ - tôi nói rằng tôi bỏ cuộc. Đây là một trò đùa. Đây là ý tưởng của ai đó.” ông vung tay lên, khịt mũi ghê tởm.

Patience vòng qua ghế của bố mình và tóm lấy mảnh giấy. Hàng lông mày nhíu lại khi cô tập trung vào từng chi tiết. Ngài thanh tra kéo ghế ra và bước đến cửa sổ, nơi ông đang ngó đăm đăm xuống Quảng Trường Thời Đại.

Drury Lane đột nhiên ngẩng đầu lên. “Ta có thể xem nó một lúc không, Patience?” Ông hỏi khẽ.

Patience ngồi xuống, bối rối, và ông lão cầm lấy mảnh giấy trong tay cô và chăm chú nghiên cứu dòng chữ bí ẩn.

Các kí tự được vội vã viết lên bằng cách nhấn mạnh đầu bút, tạo ra các nét tựa vết sơn, bằng loại mực đen đậm nhất. Sự thanh thoát và chắc chắn trong các nét bút cho thấy người viết không hề do dự. Ông ta dường như biết chính xác mình đang viết gì, và đã viết một mạch không dừng tay.

Lane đặt mảnh giấy xuống và nhặt tấm phong bì vuông màu xám lên. Ông kiểm tra nó, phần sau và phía trước; dòng chữ *THƯ VIỆN SAXON* trên nắp có vẻ thu hút ông. Ông miết tay qua; những vết hằn của ba từ, vết mực màu đen sáng lên, kích thích dây thần kinh nơi đầu ngón tay ông.

Ông đặt chiếc phong bì xuống, nhắm mắt lại và dựa lưng vào ghế. “Không, ngài thanh tra à,” ông thì thầm, “đây không phải là một trò đùa.” Và ông mở mắt ra.

Thumm quay lại. “Vậy, những chuyện quý quái này có nghĩa gì? Nếu như ông nói, chúng phải có một ý nghĩa nào đó... Hừm, gã nói rằng đây chỉ là một ‘đầu mối’, và gã nói thật. Thứ đầu mối tồi tệ nhất tôi từng thấy, cố tình làm cho mọi việc trở nên khó khăn, hả? Hừm!” Và ông lại quay về phía cửa sổ.

Patience nhíu mày. “Không thể khó đến như vậy. Một mật mã gã tạo ra, chắc hẳn sẽ đủ đơn giản để có thể đoán được sau khi nghiên cứu kỹ. Hãy xem nào... Tất nhiên, đây có thể là một kiểu viết tắt, phải không? Che giấu một thông điệp gì đó.” Ngài thanh tra càu nhàu mà không quay lại. “Hoặc,” Patience tiếp tục suy ngẫm, “nó có thể là một ký hiệu hóa học. H là biểu tượng của hydro, đúng không? Và S là của lưu huỳnh. Hydrogen sulfur. Đúng rồi!”

“Không,” Lane hạ giọng. “Chất đó phải là H₂S. Ta không nghĩ là chất HS có tồn tại. Không, không liên quan đến hóa học, Patience.”

“Vậy thì, chắc là,” Patience tuyệt vọng, “chữ W và chữ M. ... Ôi Chúa ơi! Thật vô vọng. Ước gì Gordon có mặt ở đây. Anh ta biết rất nhiều những thứ vô dụng.”

Ngài thanh tra vung tay chậm rãi. “Thật vô vọng,” ông nói một cách lạ lùng. “Đối với chúng ta, Patty. Và cả với anh bạn hay bông đùa Gordon Rowe của con nữa. Nhưng đừng quên rằng tay bí ẩn này đã nói gã muốn Lane tham gia. vì vậy, có lẽ gã đoán Lane sẽ biết ý nghĩa thông điệp này... Lane?”

Người nghệ sĩ già, mặt còn đang đăm chiêu, ngồi thật yên. Sau đó, các nếp nhăn xuất hiện ở đuôi mắt. “Có giá thiết gì không ấy hả?” ngài nói. “tất nhiên, có lẽ tôi sẽ nghĩ ra, tay La Mã bướng bỉnh kia, tôi sẽ nghĩ.”

“Tốt rồi, vậy những thứ quý quái này nghĩa là gì?” Ngài thanh tra thẳng thừng hỏi, nhòai người về phía trước.

Lane vẫy bàn tay trắng nhờ nhờ. Ông nhìn chăm chăm. “Phần đặc biệt của nó là,” ông thì thầm, “tôi tin rằng ông ta đã nghĩ ông cũng sẽ biết điều

này có nghĩa là gì.”

Ngài thanh tra đỏ mặt, đứng thẳng lên, và đi ra cửa. “Brodie! Hãy đến đây, mang sổ theo.”

Brodie nhanh chóng chạy vào, tay lăm lăm bút chì.

“Soạn một bức thư gửi bác sĩ Leo Schilling. Văn phòng Khám nghiệm y khoa. *‘Thưa bác sĩ: Hãy làm việc này ngay lập tức. Trực tiếp làm. Chuỗi kí tự điên rồ sau đây có ý nghĩa gì với ông không, chấm hỏi’*. Sau đó xuống dòng: *‘3 H hoa S hoa w nhỏ M hoa.’* Rõ chưa?”

Brodie có vẻ sửng sốt. “Vâng... thưa ngài “

“Gửi một lá thư với nội dung như vậy đến Trung úy Rupert Schiff, Cục tình báo, Bộ phận giải mã, Washington, D.C. ngay.”

Brodie biến mất trong chớp mắt. “Đó,” ngài thanh tra quả quyết, “làm vậy sẽ mang lại kết quả.”

Ông ngả người xuống một cái ghế, châm một điếu xì gà, duỗi cái chân to như cột đình của mình, và thổi một hơi thuốc lên tận trần nhà.

“Khó khăn đầu tiên, đối với tôi,” ông nói, “là phần góc trên ghi nơi gửi. Gã này đã bước vào, mang cho chúng ta một chuyện bịa đặt, và để lại một phong bì với thứ này bên trong. Không muốn chúng ta biết nó có liên quan đến tay người Anh; đó là lý do tại sao gã nhét phong bì nhỏ vào trong phong bì to trống trơn. Nhưng nếu có điều gì xảy ra với gã, gã muốn chúng ta mở chiếc phong bì. Vì vậy, gã muốn chúng ta đọc được chữ *Thư viện Saxon* và làm việc trên cơ sở đó. Đến giờ thì khá rõ ràng.”

Lane gật đầu. “Tôi hoàn toàn đồng ý.”

“Nhưng gã không biết trước được là George Fisher đã đến đây và kể với chúng ta về Donoghue, và rồi chuyện đó đưa chúng ta đến Bảo tàng Britannic, và khiến chúng ta lẫn lộn trong vụ trộm sách khôi hài. Mà nguồn cơn ra sao, biết được tôi chết liền. Có thể chỉ là một sự trùng hợp, vụ *Thư viện Saxon* này.”

“Không đâu, bố,” Patience mệt mỏi nói, “con chắc chắn không phải như vậy. Con tin rằng người đàn ông mang bộ râu giả và những sự kiện lạ lùng ở Britannic có liên quan đến nhau, và những kí tự được viết lên mảnh giấy từ *Thư viện Saxon* là mối liên kết. Con tự hỏi...”

“Cái gì?” Thum chất vấn con gái.

Patience cười. “Đó là một suy nghĩ điên rồ. Nhưng chuyện này cũng đã điên lắm rồi... Con tự hỏi liệu gã đeo râu giả đó có phải là một người trong gia đình Saxon đóng giả không!”

“Không ngờ ngán như vậy đâu,” ngài thanh tra lẩm bẫm, coi thường ra mặt. “Ta cũng chú ý như con vậy, Patty. Thôi nào, chỉ có anh bạn Rowe...”

“Vớ vẩn!” Patience nói to, và cả hai người đàn ông đều quay sang nhìn cô. “Không thể là Gordon.” Cô đỏ mặt.

“Tại sao không?” Thumm tra hỏi. “Đối với bố thì anh ta cực kì lo lắng khi tham gia vào cuộc nói chuyện riêng của chúng ta ngày hôm đó khi rời khỏi bảo tàng.”

“Con đảm bảo với bố,” Patience cứng nhắc nói, “rằng sự... ừm, lo lắng của anh ta không liên quan gì đến vụ này. Có lẽ... đó là vấn đề cá nhân? Con không phải là một mụ già đâu, thưa bố.”

“Trong mắt bố chuyện chết tiệt đó không phải vấn đề cá nhân,” Thumm giật giọng.

“Bố à! Đôi khi bố làm con phát khóc. Điều gì khiến bố luôn chống lại Gordon đáng thương vậy? Anh ta là một thanh niên đẹp trai, thẳng thắn và trung thực như một đứa trẻ. Ngoài ra, anh ta có cổ tay rất khỏe, còn người đến đây hôm mừng sáu tháng Năm thì không.”

”Chà, giờ anh ta là một trong số đó, phải không, những người mê sách?” Thumm nói một cách thù địch. Patience cắn môi. “Ôi, thôi nào, bố!”

”Quan sát kĩ lưỡng hơn”, ngài thanh tra tiếp tục, tay chà xát chiếc mũi tẹt, “đó cũng không thể là bà Saxon, dù có lúc ta nghĩ đấy là một phụ nữ. Nhưng bà Saxon là một con ngựa béo ị, còn anh chàng này khá gầy. Vậy thì, có lẽ là - con hãy để ý, bố không loại trừ Rowe, mà đó là một trong hai phương án! - Có thể là Crabbe.”

“Đây là một chuyện khác,” Patience nói, lắc đầu. “Ông ta chắc chắn phù hợp với tất cả các miêu tả về ngoại hình.”

Ngài Drury Lane, nãy giờ lắng nghe trong im lặng, giơ tay lên. “Nếu tôi được phép làm gián đoạn cuộc thảo luận sâu sắc này,” ông dài giọng, “tôi có được chỉ ra một điểm chống lại toàn bộ lý luận trên? Vị khách của ngài

đã khẳng định rằng, và tôi thấy không có lý gì để nghi ngờ điểm này, rằng nếu ông ta không gọi điện thoại vào ngày hai mươi, điều đó có nghĩa là một điều tồi tệ nào đó đã xảy ra với ông ta. Nếu anh chàng Gordon Rowe - hết sức phi lý, ngài thanh tra! - hoặc Crabbe là vị khách của ngài vào thứ Sáu, tại sao không phải họ đã biến mất, hoặc bị giết, hoặc gặp một số biến cố nào đó?”

“Đúng rồi,” Patience hồ hởi. “Tất nhiên! Bố thấy chưa! Con ăn trưa với Gordon hôm qua, và sáng nay đã nói chuyện với anh qua điện thoại, và anh ta... đã không nói một lời nào về điều đó. Con chắc chắn.”

“Nghe này, Patty,” ngài thanh tra cảnh cáo. “Hãy nghe bố con một lần. Patty, con đang thấy để mắt đến gã thanh niên đó? Hẳn đang tán tỉnh con? Vậy thì, ta sẽ vắn cổ hẳn...”

Patience bật dậy. “Bố!” Cô nói giận dữ.

“Thôi nào, ngài thanh tra,” ông già lẩm bẩm, “đừng quay trở lại thời Trung cổ. Gordon Rowe là một thanh niên xuất sắc và cũng thông minh như Patience, nên đây sẽ là một mối quan hệ tương xứng.”

“Để cháu nói với ngài rằng cháu không có yêu anh ta!” Patience kêu lên. “Bố, bố đang tỏ ra quá khó chịu. Lẽ nào con không thể đối tốt với một anh chàng...”

Viên thanh tra nhìn có vẻ bi thảm.

Drury Lane nhònm dậy. “Đừng cãi nhau nữa. Anh này, anh trẻ con quá. Hãy đặt tờ giấy và phong bì cẩn thận trong két an toàn của mình. Chúng ta nên đến nhà Saxon ngay bây giờ.”

Nghi Vấn

Giao thông tắc nghẽn kinh khủng khiến Dromio xây xẩm mặt mày bởi chiếc xe đang bò từ đường Lincoln đến đại lộ Thứ Năm. Tuy nhiên, ngài Drury Lane dường như không mấy vội vàng. Ông lặng lẽ liếc nhìn từ Thumm qua Patience, rồi khúc khích cười.

“Đúng là hai đứa trẻ con hay gắt gỏng. Cười lên nào!” Họ mỉm cười yếu ớt. “Có một điểm đáng chú ý,” ông tiếp tục. “Tôi tin là cả hai người đều không nhận ra nó đáng chú ý tới mức nào.”

“Tôi đang đau đầu,” ngài thanh tra càu nhàu.

“Còn cháu, Patience?”

“Cháu nghĩ rằng,” Patience nói, nhìn chăm chăm vào gáy Dromio, “những ký tự đó có nhiều ý nghĩa đối với ông hơn là với bọn cháu.”

Ông lão giật mình. Ông ngả về phía trước, chăm chú ngắm nhìn gương mặt trẻ trung mịn màng của cô. “Có lẽ vậy,” ông nói. “Mọi chuyện đang tiến triển. Ngài thanh tra, có phát hiện nào chưa? Có nhiều điều đã xảy ra sáng nay mà tôi không có cơ hội để hỏi.”

“Rất nhiều chuyện đã xảy ra,” ngài thanh tra nói một cách mệt mỏi. “Brodie đã ghi lại tất cả sáng nay. Tôi biết ông sẽ hỏi.” Ông trao cho Lane một báo cáo được đánh máy.

DONOGHUE: Vẫn đang mất tích. Không dấu vết.

MƯỜI BẢY GIÁO VIÊN: Đã quay trở lại Indiana. Đã kiểm tra tất cả nhân dạng, đều chính xác. Điều tra cẩn thận. Hình ảnh, diện mạo, địa chỉ, tên, tất cả đều khớp.

TỜ MỘT TRĂM ĐÔLA: Kẹp trong bản in Jaggard 1599. Số seri không mang lại manh mối nào.

NGƯỜI ĐÀN ÔNG ĐỘI MŨ XANH: Không có manh mối.

NGƯỜI THỨ MƯỜI CHÍN TRÊN XE BUÝT: Không có manh mối.

“Tất cả chỉ vậy thôi sao, ngài thanh tra?” Lane nói, trả lại tờ báo cáo; ông có vẻ thất vọng. “Tôi tưởng ông đánh điện qua Scotland Yard.”

“Không bao giờ bỏ sót cái gì, con cáo già như ông?” Thumm cười toe toét. “Không, giống loài voi hơn, phải không? Vâng, tôi đã nhận được câu trả lời từ Scotland Yard, một tuyệt phẩm. Lúc cuối ngày hôm qua. Ông tự đọc đi.”

Ông đưa cho Lane vài tờ giấy. Ông lão nắm chặt chúng vẻ hy vọng. Họ quan sát khuôn mặt ông giờ càng lúc càng nghiêm nghị.

Bức điện được gửi tới ngài thanh tra viết:

VỀ HAMNET SEDLAR, LÀ HẬU DUỆ CỦA MỘT GIA TỘC LÂU ĐỜI Ở NƯỚC ANH TỪ CUỘC THẬP TỰ CHINH LẦN THỨ HAI. MỘT HAMNET SEDLAR NỔI TIẾNG VÌ TÌNH BẠN VỚI W. SHAKESPEARE. CAO NĂM BỘ MƯỜI MỘT IN-SƠ. NẶNG MƯỜI MỘT STÔN*. NGƯỜI MỎNH. ĐẶC ĐIỂM NHẬN DIỆN MẮT XANH TÓC VÀNG. KHÔNG CÓ DẤU VẾT ĐẶC BIỆT. NĂM MƯỜI MỘT TUỔI. KHÔNG CÓ NHIỀU THÔNG TIN VỀ CUỘC SỐNG CÁ NHÂN. ĐÃ SỐNG ẨN DẬT Ở ANH TRONG ÍT NHẤT MƯỜI HAI NĂM. ĐẾN TỪ TEWKESBURY GLOUCESTERSHIRE GẦN THỊ TRẤN STRATFORD. NGHỀ NGHIỆP: CHUYÊN GIA KHẢO CỔ, CÓ DANH TIẾNG TRONG GIỚI SƯU TẦM SÁCH, LÀ QUẢN LÝ BẢO TÀNG KENSINGTON LONDON TRONG MƯỜI HAI NĂM. GẦN ĐÂY CHẤP NHẬN LỜI ĐỀ NGHỊ CỦA JAMES WYETH - NHÀ TÀI CHÍNH VÀ NHÀ SƯU TẦM MỸ - NHẬN CHỨC QUẢN LÝ BẢO TÀNG BRITANNIC TẠI NEW YORK. SỰ CHẤP THUẬN NÀY LÀ MỘT ĐIỀU ĐÁNG NGẠC NHIÊN VÌ SEDLAR THƯỜNG TỎ RA BÀI MỸ. ĐÃ NGHỈ VIỆC Ở BẢO TÀNG KENSINGTON VÀO NGÀY BẢY THÁNG NĂM SAU BUỔI TIỆC DO BAN GIÁM ĐỐC TỔ CHỨC. HAMNET KHÔNG CÓ HỌ HÀNG THÂN THÍCH

NGOẠI TRƯỞNG MỘT NGƯỜI EM TÊN WILLIAM ĐANG KHÔNG RÕ TUNG TÍCH. WILLIAM ĐÃ KHÔNG Ở ANH TRONG NHIỀU NĂM. KHÔNG CÓ GÌ ĐÁNG NGỜ TRONG HỒ SƠ CỦA SEDLAR. HỌ ĐÃ SỐNG MỘT CUỘC ĐỜI HỌC GIẢ CHÍNH TRỰC KHẮC KHỔ. HAMNET SEDLAR RỜI ANH TRÊN TÀU S.S.CARINTHIA VÀO THỨ SÁU NGÀY MƯỜI BẢY THÁNG NĂM, CẬP BẾN NEW YORK VÀO THỨ TƯ NGÀY HAI MƯỜI HAI THÁNG NĂM. CÓ BẰNG CHỨNG XÁC THỰC VỀ SỰ HIỆN DIỆN CỦA H.S TRONG HỒ SƠ NGƯỜI SOÁT VÉ. LUÔN SẴN SÀNG HỖ TRỢ NẾU NGÀI CÓ THÊM YÊU CẦU. GỬI LỜI CHÀO THÂN ÁI.

TRENCH.

“Ông nghĩ sao về chuyện này?” ngài thanh tra đặc thăng nói.

“Bất thường”, Lane thì thầm, trả lại bức điện. Trán ông nhăn lại và cặp mắt trống không.

“Rõ ràng là Sedlar đã cập bến New York,” Patience nói, “sớm hơn một tuần so với thời điểm ông ta khai báo. Những bảy ngày! Ông ta đã làm gì ở New York - nếu thực sự ở đây - trong tuần đó? Tại sao ông ta lại nói dối? Cháu không thích quý ông ‘chính trực’ này!”

“Tôi đã nhờ Geoghan ở Trụ sở cảnh sát,” Thumm nói, “một cách bí mật, để kiểm tra và theo dõi những hoạt động của ông ta giữa ngày hai mươi hai và hai mươi chín, vẫn là người đó, mọi mô tả diện mạo đều trùng khớp một cách hoàn hảo. Nhưng hẳn ta có vẻ khả nghi, và tôi cũng không thích hẳn như Patty.”

“Chính xác thì điểm nào khiến ngài nghi ngờ ông ta?” Lane hỏi.

Thanh tra Thumm nhún vai. “Vâng, ông ta rõ ràng là vô tội trong một vụ. Ông không thể là con vịt kì cục với bộ râu giả khoa trương và nói giọng Anh đã để lại mẫu giấy cho tôi. Theo thông tin của Trench, Sedlar không rời Anh cho đến ngày mười bảy, còn gã đàn ông kia đã đến thăm tôi ở New York vào ngày Sáu. Nhưng...” ông nhếch mép, “ông ta hoàn toàn có thể là một ai đó khác, lạ Chúa, và tôi sẵn sàng cược từng đô cho vụ đó!”

“Thật vậy sao?” Lane nói. “Có thể là ai được?”

“Gã điên đội mũ màu xanh đang vút lung tung sách hiếm và hàng trăm đôla xung quanh!” Thumm kêu lên. “Những thứ điên rồ đó hạ cánh vào ngày thứ Hai ngày mười bảy, năm ngày sau khi Sedlar cập bến New York!”

“Lý do đó có vẻ mơ hồ quá, ngài thanh tra,” Lane cười. “Tương tự như vậy, người đàn ông mũ xanh hoàn toàn có thể là một trong hàng triệu người mà ông không thể điều tra hoạt động của họ ngày hai bảy tháng Năm.”

Thanh tra nuốt lấy mấy lời này và rõ ràng, từ biểu hiện trên khuôn mặt cứng rắn của ông, ông không thích mùi vị này lắm. “Vâng, tôi biết, nhưng...”

“Ồ, Chúa ơi!” Patience đột nhiên thốt ra, nhảy lên và va đầu vào nóc xe. “Ôi! Cháu thật ngốc. Tại sao chúng ta không nghĩ về điều đó trước đây?”

“Nghĩ về cái gì trước đây?” Lane khẽ hỏi.

“Kí hiệu, kí hiệu! Nó... ôi, cháu có mắt như mù vậy!”

Lane nhìn cô chăm chú. “Chuyện gì liên quan đến các kí hiệu, con gái của ta?”

Patience dò dẫm chiếc khăn tay và hỉ mũi thật mạnh. “Rất rõ ràng.” Cô bỏ chiếc khăn tay ra và ngồi thẳng dậy, đôi mắt lấp lánh. “3HS wM. Mọi người không thấy sao?”

“Ta không thấy gì hơn bây giờ so với trước đây,” Thumm gầm gừ.

“Ôi, bố ơi, HS là chữ viết tắt của Hamnet Sedlar.”

Cả hai người đàn ông nhìn cô chăm chăm, và cùng phá ra cười. Patience bực mình. “Con nghĩ như vậy thật không lịch sự tí nào,” cô nói, bị tổn thương. “Có gì sai trong suy đoán đó chứ?”

“Thế còn những kí tự khác là viết tắt cho cái gì, cháu yêu?” Ông già nhẹ nhàng. “Ta xin lỗi vì đã thô lỗ, nhưng tiếng cười của cháu rất dễ lây. Cháu giải thích sao về số 3 và chữ w, chữ M hoa?”

Cô nhìn đăm đăm vào cái cổ rắn chắc, đờ ừng của Dromio, cảm thấy bị xúc phạm và nghi ngờ.

“Ôi, Patty, Patty!” ngài thanh tra cười nghẹn, thành ra lắp bắp. “Con giết bố mất. Ta sẽ cho con biết nó viết tắt cho cái gì. Hohoho! Đó là viết tắt của 3 đĩa Hamnet Sedlar với Mù tạt!”

” Rất hài hước!” Patience lạnh nhạt nói. “Con tin rằng chúng ta đã đến nơi.”

Câu Chuyện Về Tiến Sĩ Ales

Tay quản gia đặc chất Anh có bộ râu tuyệt vời nồng nhiệt chào đón mọi người ở phòng tiếp tân kiểu Louis Quinze*. Không, bà Saxon không có ở nhà. Không, ông ta không biết khi nào bà Saxon sẽ trở lại. Không, bà ấy không để lại lời nhắn. Không, bà ấy...

“Nghe này, ông kia!” ngài thanh tra Thumm gầm gừ, ông ghét nhất mấy giọng điệu nịnh nọt, “Crabbe có trong đó không?”

“Ông Crabbe à? Tôi xem đã, thưa ông,” gã lẩm râu trả lời một cách cứng nhắc. “Tôi sẽ nói là ông là ai, thưa ông?”

“Nói cái quái gì mà ông thấy thích, nhưng lôi lão ta ra đây!”

Gã lẩm râu nhăn một bên mày, hơi cúi đầu rồi lướt vội.

Patience thở dài. “Bố, đã có ai nói rằng bố ghê ghớm lẩm không? Quát nạt một người hầu như vậy!”

“Ta không thích mấy tay *Ănglê* trường giả*,” ngài thanh tra càu nhàu, hơi lúng túng. “Tất cả bọn này, trừ Trench. Người Anh thật sự duy nhất mà ta từng gặp. Con sẽ nghĩ rằng ông ta được sinh ra ở quận Năm... Tốt, tốt rồi, đây là *Tiểu lãnh chúa Fauntleroy**.”

Gordon Rowe, bước qua tiền sảnh, tay cặp sách tay cầm mũ, cười toe toét, và vội vã bước vào phòng tiếp tân. “Ồ, xin chào, các vị! Thật vinh dự vì mọi người ghé thăm. Ngài Lane, thanh tra. Pat! Em không nói gì với tôi qua điện thoại...”

“Tôi không biết,” Patience kiêu kì nói.

“Có vẻ như cả vũ trụ đã bỏ rơi tôi.” Đôi mắt màu hạt dẻ của anh nheo lại. “Đang đi tìm hiểu à?” anh thấp giọng.

“Anh Gordon,” Patience đột ngột nói, “3HS wM có nghĩa gì với anh?”

“Patty, vì Chúa!” ngài thanh tra gầm lên. “Chúng ta không muốn...”

“Thôi nào, ngài thanh tra,” Drury Lane nói lặng lẽ. “Không có lý do gì phải giấu Gordon cả.”

Chàng trai nhìn Patience rồi liếc qua hai người đàn ông. “Hết sức bí ẩn đối với tôi,” anh nói. “Chuyện này là như thế nào?”

Patience thuật lại cho anh nghe. “Thư viện Saxon,” anh lẩm bẩm. “Đó là thứ kì lạ nhất - Đây chính là vấn đề. Tôi nghĩ... Khoan đã. Crabbe đây rồi.”

Người thủ thư già bước nhanh vào phòng tiếp tân, tay cầm một cặp kính viền vàng và chăm chú tò mò nhìn vào người muốn gặp mình. Lão hiểu ra ngay và đi về phía trước. Patience có thể thề rằng mình đã nghe thấy xương ông ta rên rỉ và kêu cọt kẹt khi bước đi.

“A, ngài Lane,” Crabbe nở nụ cười giả lả. “Và cô Thumm, và ngài thanh tra. Thật vinh hạnh! Rowe, tôi nghĩ rằng anh đang có việc ra ngoài? Hay vì sự có mặt của cô nàng...? Bà Saxon đang khó chịu. Đau bụng. Với vòng bụng của bà ấy, tất nhiên, đó là một bi kịch lớn.” Lão nhe răng, đúng là một kẻ lập dị. “Và tôi đây hẳn hạnh được gặp các ngài vì...?”

“Vì một vấn đề,” Lane cười, chặn trước những âm thanh đang gầm gừ trong cổ họng ngài thanh tra, “chúng tôi muốn đến thăm quan Thư viện Saxon nổi tiếng.”

“Tôi hiểu.” Crabbe đứng đó, nhún một bên vai mỏng manh, đầu nghiêng về một bên, nheo mắt sắc sảo chăm chú quan sát những vị khách của mình. “Chỉ là một chuyến thăm quan bình thường à?” Lão cười khúc khích, nhe cả phần lợi giả ra, và vụng về che đi. “Không có lý do gì để nói không cả”, lão ta bất ngờ đồng ý. “Mặc dù thực sự các vị là những người khách lạ đầu tiên... Ê, Rowe? Hay là lách luật một lần?”

“Ông thật tử tế,” chàng Rowe cười toe toét.

“Ồ, ta không quá tệ như mọi người nghĩ đâu. Xin hãy theo tôi.”

Lão dẫn họ qua nhiều hành lang được tôn tạo theo kiến trúc Pháp tới khu phía đông của căn biệt thự. Ông mở một cánh cửa nặng nề và đứng sang một bên với biểu cảm có lẽ là một nụ cười chào mừng, nhưng lại thành một gương mặt ác quỷ trong vở *opéra Fagin*. Họ bước vào một căn phòng rộng lớn với trần nhà cao và dầm gỗ sồi vuông vắn, các kệ sách lấp đầy bức

tường. Một căn hầm lớn nằm ở góc. Ở phía xa có một cánh cửa mở, qua đó, họ có thể nhìn thấy một căn phòng khác khá lớn và cũng chứa toàn sách. Một chiếc bàn lớn và một chiếc ghế dựng ở trung tâm của căn phòng; giữa phòng có một tấm thảm Ba Tư; ngoài ra không có gì khác.

“Xin lỗi tôi không thể mang ghế cho mọi người,” Crabbe ríu rít nói rồi đóng cửa lại và đi tới bàn làm việc. “Nhưng chưa một ai sử dụng thư viện này bao giờ, ngoại trừ Crabbe già cả. Rowe hay tránh né tôi. Ôi, tuổi trẻ, luôn tán tỉnh nhau sau lưng một bóng ma trôi như tôi!” Lão lại cười khúc khích. “Tôi đã có bộ bàn ghế của ngài Saxon để lại khi ngài qua đời. Bây giờ mọi người có muốn...”

Ông đột ngột dừng lại, giật mình. Ngài thanh tra đang ném những cái nhìn căm kỉnh khắp xung quanh, đột nhiên sầm sập tiến về phía bàn làm việc như thể ông định đập nát nó. “Ha!” Ông kêu lên. “Đây rồi! Nó đây rồi!” và ông giật khỏi bàn làm việc một tờ giấy ghi chú màu xám.

“Cái thứ gì vậy...” Crabbe ngạc nhiên nói; và sau đó, khuôn mặt nhọn của lão chìm ngập trong sự giận dữ, lão lao về phía Thumm gầm gừ. “Bỏ ngay tay ra khỏi thứ đó!” Lão rít lên. “À chính là nó đấy. Đó là một trò lừa. Tên gián điệp...”

“Lui ra, bộ xương kia,” viên thanh tra gầm gừ, chuồn ra khỏi móng vuốt cong cong của người thủ thư. “Bình tĩnh lại đi. Không ai ăn cắp thứ gì cả. Chúng tôi chỉ muốn ngó qua tờ giấy của ông. Và Chúa ơi, thật là đẹp! Ngó qua đi, Lane.”

Nhưng không cần phải nhìn thật kỹ. Một cái nhìn liếc qua đủ thấy cùng một tờ giấy như thế đã được sử dụng để ghi các kí tự khó hiểu bởi người đàn ông mang bộ râu kì khôi.

“Không còn nghi ngờ gì về điều đó,” Lane lẩm bẩm. “Ông sẽ tha thứ cho cách làm khá bạo lực của ngài thanh tra, ông Crabbe; ông ta khá độc đoán trong mấy chuyện này.”

“Chứ còn sao nữa,” Crabbe khịt mũi, lườm sau lưng ngài thanh tra.

“Ông có phong bì không, xin vui lòng?” Lane tiếp tục với một nụ cười.

Crabbe do dự, gãi gãi gò má nhăn nheo của mình, nhún vai, và bước đến bàn làm việc. Lão lấy ra một loạt phong bì nhỏ vuông màu xám.

“Giống hết nhau,” Patience thở nhẹ. “Nó có thể nào...?” Và sau đó cô dừng lại rồi liếc nhìn nghi ngờ vào người thủ thư già.

Chàng trai Gordon Rowe có vẻ hơi xao động; anh thể hiện bằng cách đứng yên hoàn toàn và nhìn trừng trừng vào phong bì.

“Ngồi xuống đi, cháu yêu,” Lane nói nhẹ nhàng; cô ngoan ngoãn ngồi xuống chiếc ghế duy nhất. “Ngài thanh tra, hãy tìm chế. Chúng ta không được kinh động ông Crabbe. Bây giờ, ông Crabbe, tôi chắc chắn rằng ông sẽ không phản đối việc trả lời một số câu hỏi đơn giản?”

Một tia sáng thông minh và yếu ớt lóe lên trong đôi mắt Crabbe. “Tất nhiên là không. Crabbe già cả không có gì để che giấu. Tôi không hiểu chuyện này là như thế nào, nhưng nếu tôi có thể làm bất kỳ điều gì...”

“Ngài thật tốt bụng,” ông lão chân thành. “Bây giờ, chính xác ai đang sử dụng các tờ giấy ghi chú in tiêu đề Thư viện Saxon này?”

“Tôi.”

“Đương nhiên rồi. Chuyện này hết sức bình thường. Còn ai khác không?”

“Không một ai cả, ngài Lane.”

“Ha,” Thumm nói; và Lane sốt ruột lắc đầu về phía ông.

“Điều này rất quan trọng, ông Crabbe. Ông chắc chứ?”

“Không ai ngoài tôi cả, tôi đảm bảo với ông”, lão trả lời rồi liếm môi trên.

“Kể cả bà Saxon ư?”

“Ôi, lạy Chúa, không có. Bà Saxon có giấy riêng, cả nửa tá các loại khác nhau. Và vì bà không hề quan tâm đến thư viện, ông biết đấy...”

”Ra vậy. Nhưng còn anh thì sao, Gordon? Anh đã sống ở đây một thời gian. Liệu anh có thể mang đến một chút ánh sáng cho chuyện này?”

Patience lo lắng quan sát chàng trai, còn ngài thanh tra thì ném ánh mắt lạnh lùng về phía anh.

“Tôi ư?” Rowe có vẻ giật mình. “Hãy hỏi Crabbe. Ông ta là trung tâm vụ này.”

“Ồ, Rowe rất hiếm khi đến đây, ngài Lane,” Crabbe the thé, ngực lão cong lên như một ngọn nến đang chảy. “Anh bạn trẻ đây đã thực hiện một

số nghiên cứu về Shakespeare, nếu mọi người biết, nhưng đó là luật của nhà này - quy tắc riêng của Saxon, ông hiểu không và... nếu anh ta muốn bất cứ điều gì, anh ta sẽ hỏi tôi và tôi sẽ đưa cho anh ta những cuốn sách anh ta muốn”

“Tôi hy vọng rằng,” Rowe cúi kính, “điều đó trả lời được câu hỏi, ngài Lane.”

Ông lão mỉm cười. “Ghìm cương lại nào, Gordon. Anh cũng biết làm vậy là trẻ con. Ý ông là, ngoài ông không ai trong nhà này có quyền sử dụng giấy ghi chú của thư viện Saxon?”

“Tôi sẽ nói như vậy, đúng. Tôi chỉ giữ chúng ở đây. Tất nhiên, nếu một ai đó thực sự muốn.”

“Vâng, vâng, ông Crabbe, chúng tôi hoàn toàn hiểu điều đó. Gordon, cười lên nào. Tôi đoán là những phòng này đã trở thành cấm địa trong nhiều năm. Giờ thì...”

“Còn những người phục vụ thì sao?” Patience bất ngờ hỏi, cố tránh vẻ đau khổ trong mắt Rowe.

“Không, cô Thumm. Luật lệ hết sức nghiêm ngặt. Tôi tự mình dọn dẹp căn phòng. Ông Saxon khẳng khẳng như vậy.”

“Khi những cuốn sách được đóng gói gửi cho Bảo tàng Britannic,” Lane hỏi, “ông cũng có mặt chứ, ông Crabbe?”

“Chắc chắn rồi.”

“Tôi cũng vậy,” Rowe mệt mỏi lẩm bẩm.

“Trong mọi lúc chứ?”

“Ồ, vâng,” Crabbe nói. “Rowe đây bám sát người tài xế, nhưng tôi luôn mở to cả hai mắt, tôi đảm bảo vậy.” Crabbe cắn chặt hai nướu răng lại. Rằng ông đã luôn mở to mắt, rằng sẽ luôn luôn như vậy, là không thể nghi ngờ.

“Vâng!” Lane mỉm cười. “Tất cả điều này, ngài thanh tra, chứng tỏ rất khó để ai đó chạm tay vào xấp giấy này. Có vẻ khá rõ ràng, đúng không?”

“Ông đang nói với tôi à?” Thumm cười mỉm.

Lane nhìn thẳng vào mắt người thủ thư già. “Không có gì bí ẩn về điều này, ông Crabbe,” ông khẽ nói. “Chúng tôi đã nhận được một tờ giấy nhớ

thuộc sở hữu của thư viện Saxon và một phong bì - chúng tôi cần theo dõi nguồn gốc của chúng.” Đột nhiên một luồng suy nghĩ vọt qua, ông vỗ trán của mình và kêu lên “Tôi thật ngốc quá! Đương nhiên rồi!”

“Một mảnh giấy lấy từ văn phòng của tôi?” Crabbe bối rối.

Lane vỗ vai Crabbe. “Ông hay có khách đến thăm không?”

“Khách đến thăm? Đến thư viện Saxon? He, he! Nói cho ông ta hay đi Rowe.”

“Mẫu vật hóa thạch quý hiếm đang ngồi đây,” Rowe nhún vai nói, “là chú chó canh gác trung thành nhất thế giới.”

“Thôi nào, chắc chắn phải có ai đó. Hãy suy nghĩ kỹ! Có vị khách đặc biệt nào đã vào phòng trong những tháng gần đây mà ông nhớ ra không?”

Đôi mắt Crabbe hấp háy. Bộ hàm lão mở một chút, và lão nhìn chằm chằm như xuyên qua người đang điều tra mình. Sau đó, lão bất ngờ cười rữ rượi và vỗ vỗ ống chân gầy gò của mình. “Ho, ho! Có... có một người!” và lão vươn thẳng người và lau mắt đầy gi.

“À,” Lane nói. “Tôi nghĩ rằng chúng ta đào trúng giếng dầu rồi. Ai thế, thưa ông?”

Crabbe ngừng cười đột ngột như khi bắt đầu. Lão quay nửa phần đầu bò sát của mình và xoa hai lòng bàn tay khô ráp. “Vậy thì, đó là gì, hả? Tốt, tốt. Những chuyện ngạc nhiên không bao giờ dứt... Vâng, có một người. Vâng, thực vậy. Một quý ông rất thú vị. Anh ta đã gọi nhiều lần trước khi tôi đồng ý gặp. Sau đó, khi tôi gặp anh ta, anh ta năn nỉ - rất khôn khéo, anh ta! - rằng tôi cho anh ta ngó qua bộ sưu tập Saxon nổi tiếng.”

“Sao?” Lane nói gay gắt.

“Anh ta là một người mê sách và anh ta nghe nói nhiều về nơi này - ông biết đó. Thực tế là vậy,” Crabbe ranh mãnh tiếp tục, “anh ta có kiến thức về sách. Vì vậy, tôi cho anh ta xuống cầu thang một lần - có vẻ vô hại - và cho anh ta thấy căn phòng này. Anh ta nói mình đang nghiên cứu thứ gì đó và đang hết sức lo lắng, cần tham khảo một số cuốn sách nhất định. Anh ta nói chỉ mất một lát thôi...”

“Cuốn sách tên gì?” Rowe cau mày. “Ông chưa bao giờ nói với tôi về điều này, Crabbe!”

“Tôi chưa nói sao, thưa ngài? Hẳn tôi quên mất,” Crabbe cười. “Đó là phiên bản 1599 *Kẻ hành hương mê đắm* của Jaggard!”

Trong khoảnh khắc tất cả đều im lặng, hầu như không ai dám nhìn nhau.

“Tiếp đi,” Lane kêu gọi nhẹ nhàng. “Và ông đã mang nó ra cho anh ta?”

Crabbe cười một nụ cười xấu xí. “Không phải Crabbe! Không, thưa ngài. Không thể, tôi đã nói vậy. Quy tắc bất di bất dịch, tôi đã nói vậy. Anh ta gật đầu như thể đã dự tính từ trước. Rồi anh ta nhìn quanh một lúc. Tôi bắt đầu có chút nghi ngờ, nhưng anh ta lại làm nhảm về sách... Cuối cùng, anh ta quay về bàn làm việc ở đây. Trên đó đang bày một số giấy ghi chú và phong bì. Đôi mắt anh ta ánh lên một tia nhìn mê đắm và nói: ‘Đây có phải là những tờ giấy ghi chú của riêng thư viện Saxon không, ông Crabbe?’ Và tôi đã nói đúng, nó đấy. Vì vậy, anh ta quay sang tôi với vẻ mặt xin xỏ. ‘Ha, ha!’, anh ta nói. ‘Rất thú vị. Đây là một nơi thực sự rất khó để viếng thăm, ông biết đấy. Tôi đã cược với một người bạn, ông biết không, rằng tôi có thể vào thăm Thư viện Saxon, và nhờ ơn ngài Harry tôi đã làm được!’ ‘Ồ, anh đã làm thế hả, vậy hả?’ Tôi nói. Và, anh ta nói, ‘bây giờ tôi đang thực sự ở đây, ông sẽ là một chủ nhà tốt bụng và để tôi lấy được khoản cược của mình? Tôi sẽ cần bằng chứng chứng tỏ rằng tôi đã ở đây. À, vâng,’ anh ta nói, như thể vừa mới nghĩ ra ngay lúc đó, và nhặt lấy một tờ giấy ghi chú cùng chiếc phong bì lên, ‘đây rồi, thật tuyệt! Những thứ này sẽ là bằng chứng tốt nhất, cảm ơn ông Crabbe cả ngàn lần!’ và trước khi tôi có thể nói bất cứ điều gì thì anh ta đã chạy ra ngoài!”

Ngài thanh tra lắng nghe câu chuyện, mồm há hốc. Khi Crabbe kết thúc câu chuyện bằng cách cắn chặt môi, ông làm ầm lên: “Giữa tất cả những lũ rác rưởi! Ông để cho hắn thoát đi cùng những thứ đó? Tại sao, thật là...”

“Vậy ra, đó là cách người ta bảo quản các tờ giấy ghi chú”, Patience chậm rãi nói.

“Cháu yêu,” Lane thấp giọng nói, “chúng ta không cần tốn thêm thời gian quý báu của ông Crabbe nữa. Ông Crabbe, liệu ông có thể miêu tả về vị khách đặc biệt này?”

“Ồ, vâng. Cao, gầy, tuổi trung niên. Có thể là người Anh.”

“Chúa ơi,” ngài thanh tra khàn khàn. “Patty, thật là...”

“Thôi nào, ngài thanh tra. Chính xác là khi nào người đàn ông này gọi cho ông? vào ngày nào?”

“Để tôi nhớ lại. Khoảng bốn, năm... tầm bảy tuần trước. Vâng, tôi nhớ ra rồi. Đó là lúc sáng sớm, vào ngày thứ Hai, mùng sáu tháng Năm.”

“Ngày mùng sáu tháng Năm!” Patience kêu lên. “Bố, ngài Lane, mọi người nghe thấy chứ?”

“Tôi cũng nghe thấy nữa, Pat,” Rowe yếu ớt phàn nàn. “Cô nói như thể đó là ngày mười lăm tháng Ba* vậy. Thật kì cục!”

Đôi mắt sáng nhỏ của Crabbe phóng từ người này qua người khác; trong đó dồn nén một niềm vui và sự ác độc trong sâu thẳm, như thể lão đang kẹt giữa một trò đùa chọc phi thường.

“Người đàn ông này, vậy thì, là một người Anh mỏng mảnh, cao, tầm tuổi trung niên,” Lane thì thầm, “đã gọi đến vào ngày thứ Sáu và cố gắng sử dụng mưu mẹo để giữ lấy một tờ giấy ghi chú của ông. Rất tốt, ông Crabbe, chúng ta đã có tiến triển. Thêm một điều nữa thôi và chúng ta xong. Hẳn ông ta có đưa ra một cái tên?”

Crabbe nhìn ông khó chịu, nhếch mép cười.

“Liệu anh ta có xưng tên không, hả? Ông đã hỏi đúng câu rồi đó, ngài Lane! Anh ta có đưa ra một cái tên không? Chắc chắn anh ta phải giới thiệu tên. May sao tôi nhớ ra mọi chuyện.” Rồi lão khúc khích cười. Lão đi như một con cua già cả xung quanh bàn và bắt đầu lục tìm các ngăn kéo khác nhau. “Xin thứ lỗi, cô Thumm. Anh ta đã để lại tên!” và lão cười khúc khích một lần nữa. “À, nó đây rồi!” Lão lấy ra một miếng bìa nhỏ và đưa Lane. Patience nhanh chóng ngó qua và cả bốn cùng chăm chú đọc.

Đó là một tấm danh thiếp rẻ tiền. Trên đó có hàng chữ đen đậm: *TIẾN SĨ ALES*.

Không có gì nhiều khác nữa, không địa chỉ, không số điện thoại.

“Tiến sĩ Ales!” Patience cau mày.

“Tiến sĩ Ales!” ngài thanh tra càu nhàu.

“Tiến sĩ Ales!” Rowe trầm ngâm.

“Tiến sĩ Ales!” Crabbe gật đầu với cái liếc mắt gian xảo.

“Tiến sĩ Ales,” Lane trầm ngâm, và giọng nói của ông khiến mọi người đều quay ra nhìn ông. Nhưng ông đang nhìn chăm chăm vào tấm danh thiếp. “Trời ơi, chuyện này không thể. Tiến sĩ Ales... Patience, thanh tra, Gordon,” ông nói đột ngột, “mọi người có biết Tiến sĩ Ales là ai không?”

“Một cái tên hoàn toàn xa lạ,” Patience nói với một ánh nhìn sắc sảo.

“Chưa bao giờ nghe đến”, thanh tra nói.

“Phải có điều gì đó liên quan,” Rowe nói về suy nghĩ.

“À, Gordon. Lẽ ra tôi phải biết điều này sẽ đánh thức trí nhớ của anh. Anh ta...”

Crabbe làm một điệu nhảy ghê tởm, như một con khỉ trong rạp xiếc. Cặp kính viền vàng trượt xuống mũi, lão cười toe toét một cách khủng khiếp. “Tôi có thể nói cho ông biết Tiến sĩ Ales là ai,” lão nói, mím cặp môi nhăn nheo lại như quý bà già cõi đang tỏ ra điếu đà.

“Ông có thể, hả?” Lane nói nhanh.

“Ý tôi là tôi có thể nói cho ông biết anh ta thực sự là ai, ở đâu, và tất cả mọi thứ!” Crabbe cười khúc khích. “Ồ, đó là một trò chơi khăm! Tôi chợt nhớ ra mọi chuyện.”

“Vâng, lạy Chúa,” ngài thanh tra khắc nghiệt nói, “ông ta là ai?”

“Tôi nhận ra anh ta ngay giây phút tôi thấy anh ta ngày hôm đó tại bảo tàng, ồ, vâng,” người thủ thư riu rít nói. “Ông có thấy anh ta lảng tránh đi không? Anh ta biết tôi nhận ra anh ta, tên vô lại ranh mãnh đó! Tôi sẽ nói cho ông biết người đàn ông đã đến thăm tôi bảy tuần trước và để lại danh thiếp này, người đàn ông tự xưng là Tiến sĩ Ales, chính là Hamnet Sedlar!”

Cuộc Chiến Giữa Những Kẻ Mê Sách

Trong bữa trưa tại phòng ăn ở một trong những khách sạn khu Midtown, mọi người đang cố gắng tập hợp các ý tưởng phân tán của mình, về mặt mĩa mai và vênh vang của Crabbe không còn ám ảnh họ nữa, ít nhất là vào lúc này. Hamnet Sedlar chính là Tiến sĩ Ales bí ẩn! Crabbe nhìn họ bước ra cửa trong một khoái cảm hoàn hảo khi lão vui sướng liếm môi, hình ảnh cuối cùng của lão là một lão già gầy guộc được đóng khung trong ô cửa nhà Saxon, hai tay ngọ nguậy không ngừng như các chi sau của một con dế. Vâng, cái đầu nhỏ góc cạnh của lão dường như muốn nói khi lão quan sát mọi người vội vã, rằng Tiến sĩ Sedlar cao quý của các người cũng là Tiến sĩ Ales; và các người nghĩ sao về điều đó? Crabbe già nua không có gốc, hả? Nghĩ rằng, lão đã phải chịu đựng đến độ nào để có một chiến công như thế cho bản thân, một sự hài lòng độc ác như của đám đông đang gào thét trong buổi hành hình.

Gordon Rowe, người đã bỏ qua sự lo lắng của mình để lên vào đoàn người, ngồi lặng lẽ ngắm mặt trời trên mái tóc Patience khi nắng chiếu vào qua cửa sổ xe limousine. Nhưng có vẻ như anh ta đang không để tâm đến chuyện này.

“Có điều gì đó đặc biệt kì lạ ở đây,” Drury Lane nói khi mọi người ngồi vào bàn. “Tôi thú nhận chính tôi cũng không rõ. Sinh vật già cả khủng khiếp đó khiến tôi ấn tượng - và bộ mặt nhăn nhó giả tạo - hết sức chân thật. Ông ta là loại người thích phô trương các câu chuyện, đặc biệt nếu ông ta biết những sự thật đó gây tổn thương. Và còn nữa - Hamnet Sedlar! Tất nhiên, không thể nào.”

“Nếu Crabbe đã nói rằng vị khách là Sedlar,” Rowe lẩm bẫm, “thì ông hoàn toàn có thể đặt cược cả đôi giày thập tự của mình rằng đó chính là Sedlar.”

“Không, Gordon,” Patience thở dài. “Sedlar có thể không phải người đã đến gặp Crabbe hôm mùng sáu tháng Năm. Chúng ta biết rằng giám đốc của Bảo tàng Kensington ở London đã tổ chức một bữa tiệc chia tay để tiễn Tiến sĩ Sedlar vào ngày thứ Bảy. Tiến sĩ Ales đã gọi cho Crabbe ở New York vào ngày thứ Sáu. Ông ta không phải một bóng ma. Không thể vượt Đại Tây Dương trong một đêm.”

“Ồ! Thế thì thật quá kì lạ. Tôi biết rõ Crabbe, và tôi khẳng định ông ta không nói dối. Ông luôn luôn thể hiện ra sự hài lòng độc ác đó khi tình cờ lộ ra sự thật, như ngài Lane nói.”

“Crabbe rất chắc chắn,” Patience nói, bực tức chống nạnh. “Ông ta nói mình sẵn sàng đặt tay lên Kinh Thánh thề đó là Sedlar.”

“Tất cả những chuyện rắc rối này là gì đây?” Thanh tra gầm gừ, gườm gườm nhìn Rowe với vẻ không ưa. “Một lão già đã bịp chúng ta, chỉ có vậy.”

“Hừm,” Lane nói. “Hoàn toàn có thể, tất nhiên rồi, rằng ông ta tự nghĩ ra câu chuyện chỉ vì bản tính ác độc. Những con mọt sách già cả luôn rất giỏi trong việc gây chuyện đổ kị. Thôi nào, thôi nào, chúng ta sẽ không đi đến đâu nếu cứ tiếp tục như thế này. Toàn bộ việc này là một bí ẩn... Có một cái gì đó tôi phải nói với mọi người, về Tiến sĩ Ales.”

“Ồ, vâng!” Patience kêu lên. “Ông đã định nói gì đó khi Crabbe ngắt lời... Vậy cái tên đó không phải bịa ra hay sao?”

“Lạy Chúa, không! Đó chính là điểm bất thường, cháu gái. Gordon, dường như cậu đang hồi tưởng lại điều gì đó tại ngôi nhà. Cậu có nhớ Tiến sĩ Ales là ai, hay đã là ai không?”

“Xin lỗi, thưa ông. Tôi nghĩ là có. Tôi đã bắt gặp cái tên này ở đâu đó khi thực hiện các nghiên cứu của mình.”

“Hoàn toàn có thể. Thực tế là tôi chưa bao giờ gặp Tiến sĩ Ales bằng xương bằng thịt, và tôi cũng không biết bất cứ điều gì về cá nhân người đó; nhưng có một điều tôi biết chắc. Trừ khi đó là một sự trùng hợp đáng kinh

ngạc, một người đàn ông như vậy thực sự tồn tại, và hơn thế nữa là một sinh viên rất thông minh và giỏi giang trong ngành nghiên cứu văn học.” Ông lão Lane cắn thận nhai một nhánh mùi tây. “Cách đây vài năm... ồ, chừng tám hoặc mười năm - một bài báo đã xuất hiện trên tờ Stratford Quartely, một ấn phẩm ra đời nhằm cổ vũ cho các tri thức về sách...”

“Ồ, tất nhiên rồi!” Rowe kêu lên. “Tôi thường đọc nó hồi còn học đại học.”

“Điều đó giải thích cho kí ức mờ nhạt của tôi. Vấn đề là bài viết đó được ký tên *Tiến sĩ Ales*.”

“Có phải tạp chí của nước Anh không?” Thumm hỏi.

“Đúng. Tôi không nhớ rõ chi tiết chính xác, nhưng Tiến sĩ Ales này đã viết những tiến bộ mới đạt được trong những tranh luận bất tận của Bacon, và có một số điều ông ta viết ra khiến tôi thấy rất bực mình. Tôi đã viết một bài phản bác gửi đến tạp chí, có ghi tên của tôi; và Tiến sĩ Ales, bằng giọng điệu khiêu khích, đã trả lời trong mục tương ứng của mỗi số ấn phẩm. Chúng tôi đã cãi vã qua lại suốt mấy số về đủ các vấn đề.” Ông cười khúc khích khi nhớ lại. “Một cây bút sắc sảo, đối thủ của tôi! Ông ta gọi tôi bằng đủ thứ biệt danh trừ *một thẳng ngực run lẩy bẩy*.”

“Tôi cũng nhớ ra rồi”, Rowe háo hức nói, ưỡn cằm về phía trước. “*Bát đĩa bay liếng xiếng*. Đúng là gã đó rồi!”

“Biết nơi ông ta sống không?” Thanh tra Thumm đột ngột hỏi.

“Thật không may, không.”

“Ồ, chúng ta có thể tìm ra qua tờ tạp chí.”

“Tôi sợ là không, ngài thanh tra. Anh Rowe đây có thể khẳng định với ông rằng tờ Stratford Quartely đã đình bản cách đây năm năm.”

“Chết tiệt! Chà, tôi sẽ lại tóm lấy Trench và lại phải tỏ ra cay độc. Ông nghĩ sao...?”

“Thêm nữa, Gordon,” ông lão nói, “cậu có thời gian để nghiên cứu mấy vấn đề nhỏ chúng ta đang quan tâm không? Về phần da bọc của cuốn Jaggard 1599, hay vết tích của một bí mật có thể liên quan đến phần da bọc sách đó?”

Rowe nhún vai. “Tôi không thu được nhiều thành công. Tôi đã thành công trong việc truy ngược lại niên đại của phần da bọc sách - chừng một trăm năm mươi năm, đó là một công việc kinh khủng. Phần vải bọc sách đó ít là chừng đầy tuổi, về thông điệp ẩn trong đó - Không gì cả. Không nắm được bất kì đầu mối nào.”

“Hừm.” Đôi mắt của Lane hơi lóe lên, rồi ông lại cụp mắt xuống và tập trung vào món salad.

Patience đẩy đĩa của mình sang một bên. “Ôi, con không thể ăn được,” cô nói mệt mỏi. “Vụ rắc rối này làm đau các dây thần kinh. Thật là phi lý, tất nhiên, về chuyện Tiến sĩ Sedlar lại là Tiến sĩ Ales, nhưng nó cứ lộn lờ trong đầu con như một buổi trình diễn thời trang đáng sợ, và còn những thứ khác chưa rõ ràng...”

“Ví dụ như?” Ngài thanh tra nói cau có.

“Những dấu vết để lại của Tiến sĩ Ales. Đã từng là Tiến sĩ Ales, bố biết đấy,” cô đột nhiên nói, “và ai là người đàn ông đeo râu đã đến văn phòng chúng ta hôm mừng sáu, bố à.”

“Làm sao em biết được?” Rowe thì thầm.

“Ông ta đã đến thăm Thư viện Saxon sáng sớm hôm đó. Tại đó, ông ta đã giữ lại mảnh giấy ghi chú của thư viện Saxon. Ông ta phải cất giấu những món ngụy trang kì quặc của mình ở đâu đó trong thị trấn. Có lẽ phòng vệ sinh tại khách sạn nào đó. Ông ta viết ra các kí tự, những kí tự chết tiệt đó! - chui vào một chiếc xe nào đó, và vội vã đến văn phòng của bố. Điều đó là rất rõ ràng.” Đôi mắt màu xanh nước biển của cô thật quyến rũ.

“Có thể như vậy”, ông lão nói.

“Ông ta không nghĩ rằng mình sẽ bại lộ,” Patience nói, cắn môi. “Ông nghĩ không ai biết bí mật của mình, bí mật trị giá hàng triệu. Nó có vẻ hơi ngớ ngẩn...? Nhưng ông ta là một kẻ quý quyết đã không bỏ lỡ bất kỳ cơ hội nào. Nếu ông ta gọi đến vào ngày hai mươi, nếu ông ta vẫn ổn, không có chuyện gì xấu xảy ra; phong bì sẽ không được mở. Nếu ông ta không gọi, chúng ta sẽ mở phong bì, nghiền cứu tờ giấy, tìm kiếm Crabbe, tìm ra vị Tiến sĩ Ales kì quặc này - ông ta đã kể cho Crabbe nghe một câu chuyện

phi lý, để Crabbe ghi nhớ nó - và sẽ nắm giữ lợi thế khi tìm kiếm ông ta. Bởi khi chúng ta biết được tên của người đàn ông chúng ta đang tìm kiếm, một thứ gì đó liên quan đến nghề nghiệp...”

“Thật là một phân tích cực kì hợp lý!” Rowe cười yếu ớt.

“Đó là lý do tại sao ông ta yêu cầu mọi người mở phong bì với sự hiện diện của tôi,” Drury Lane nói lặng lẽ. “Ông ta biết tôi sẽ nhớ lại cuộc tranh luận. Tôi được gọi đến để xác nhận rằng Tiến sĩ Ales là một người mê sách.”

“Ông ta đã lên kế hoạch từ đầu. Nếu có chuyện gì sai lầm xảy ra, rõ ràng thực tế như vậy. Bây giờ chúng ta cần tìm kiếm Tiến sĩ Ales, một con mọt sách hay gì đó, và làm sao có thể bắt đầu...”

“Dễ thôi,” ngài thanh tra nói, nhìn trống không. “Đó là việc của ta, Patty. Ông ta nói rằng nếu ông ta không gọi đến nghĩa là đã có chuyện gì đó xảy ra, phải không? Điều đó có nghĩa rằng, bên cạnh các mô tả nhân dạng, tên tuổi, công việc hay nghề nghiệp, chúng ta cũng biết rằng ông ta hoặc đã biến mất, hoặc đã gặp chuyện.”

“Hoan hô, ngài thanh tra,” Lane lẩm bẩm. “Ông nói chính xác. Ông phải thu thập những báo cáo chính thức của tất cả các vụ giết người, bắt cóc, và mất tích khác từ ngày hai mươi tháng Năm, ngày ông ta đã gọi điện cho ông, cho đến vài ngày trước đây.”

Ngài thanh tra cau có. “Tôi biết rồi, cả đồng việc ấy chứ.”

“Không quá ghê gớm, ngài thanh tra à. Ông đã có những thông tin rất cụ thể để tiếp tục, như Patience đã chỉ ra.”

“Được rồi,” Thumm phiền muộn. “Tôi sẽ làm điều đó, vì Chúa, nhưng những gì thu được không thuộc thẩm quyền của tôi. Tôi cũng cần phải sống chứ, phải không? Tôi sẽ yêu cầu Grayson và Geoghan vào việc ngay lập tức... Ta nghĩ mấy đứa đang muốn chạy đi đâu đó hả?”

Khi Drury Lane tạm biệt thanh tra Thumm tại văn phòng của mình và Patience Thumm cùng Gordon Rowe dưới tán lá xanh ở công viên Trung tâm, ông âm thầm ra hiệu cho Dromio và ngồi vào ghế sau, trầm tư. Giờ ông có thể thể hiện mọi biểu cảm trên khuôn mặt mà không bị quan sát.

Ông ngồi yên lặng, tay nắm chặt cây gậy của mình và nhìn chăm chăm vào cổ Dromio. Không giống hầu hết những người tầm tuổi ông, ông chưa bao giờ có thói quen tự nói chuyện một mình, có lẽ vì đôi tai nhột nhạt vô dụng của ông đã ngăn cản thói quen đó. Thay vào đó, ông có thói quen suy nghĩ rõ ràng bằng hình ảnh, và một vài trong số đó vô cùng khác thường nên ông phải nhắm mắt lại để nhìn rõ hơn.

Chiếc Lincoln chậm chậm bò về phía Westchester. Sau một lúc lâu ông mở mắt khi chiếc xe đang tiến đến hàng cây xanh và con đường uốn cong quanh công viên. Ông nghiêng người về phía trước và vỗ vào vai của Dromio.

“Không phải ta đã nói với anh rồi sao, Dromio? Ta muốn dừng lại ở chỗ bác sĩ Martini trước.”

Dromio, người thông ngôn trung thành, cứng nhắc quay nửa đầu lại để ông chủ có thể nhìn thấy môi mình. “Có vấn đề gì ư, ngài Drury? Ngài cảm thấy không khỏe sao?”

Ông lão mỉm cười. “Cực kì tốt, con của ta. Chúng ta chỉ bàn về các vấn đề khoa học thuần túy.”

“Ồ,” Dromio nói. Anh gãi tai trái của mình, nhún vai và nhăn ga.

Họ dừng xe gần Irvington, trước một căn nhà nhỏ nửa che khuất bởi hàng cây và chằng chịt dây leo cùng hoa hồng cuối tháng Sáu. Một người đàn ông đẩy đà với mái tóc trắng đang hút tẩu ngay cổng.

“A, Martini,” Lane nói, bước xuống và duỗi hai chân của mình. “Thật may đã gặp được ngài vào lúc này trong ngày.”

Người đàn ông đẩy đà nhìn chăm chăm. “Ngài Lane! Ông đang làm gì dưới này đây? Vào đi, vào đi.”

Lane cười khúc khích và đóng sập cánh cổng phía sau. “Đừng quá hoảng hốt, ông bạn già. Sức khỏe của tôi vẫn hoàn hảo.” Họ bắt tay nhau, đôi mắt mệt mỏi của bác sĩ Martini nhìn quét qua ông một cách chuyên nghiệp.

“Nhìn ổn cả, đúng không?” Lane nói.

“Tuyệt vời. Còn trái tim thì sao?”

“Vẫn bơm máu hoàn hảo. Nhưng dạ dày thì không được chuẩn như thế.”

Họ bước vào ngôi nhà của vị bác sĩ. Một con chó xù hít ngửi mắt cá chân của Lane rồi ngú�ng nguấy bỏ đi. “Tôi không thể hiểu tại sao, trong quá trình lão hóa của tôi, răng sẽ tiết lộ...”

“Một cuộc đời dành cả cho sân khấu, Malvolio* thân yêu của tôi”, bác sĩ Martini nói khô khốc, “sẽ không có lợi cho hệ tiêu hóa những năm sau này. Ông hãy ngồi xuống. Tôi đang cố gắng lén ra khỏi bệnh viện trong một vài giờ. Một thói quen điên khùng. Gần đây cũng không có vụ nào thực sự thú vị...”

Lane cười khúc khích. “Tôi có một vụ cho ông đây.”

Người bác sĩ lấy tẩu ra khỏi miệng. “À, lẽ ra tôi nên biết. Không phải ông chứ?”

“Không, không phải.”

“Nếu đó là một chuyện thực sự thú vị,” bác sĩ Martini nói với một nụ cười mơ màng, “tôi sẵn sàng từ bỏ buổi chiều yên ả nơi đồng quê này...”

“Không cần đâu.” Ông lão nghiêng người về phía trước. “Đây là một vụ mà - tôi tin rằng - có thể suy đoán được khi ngồi trên chiếc ghế bành.” Ông đột ngột nhìn quanh. “Tôi nghĩ rằng tốt hơn ông nên đóng cửa lại, Martini.”

Vị bác sĩ nhìn chăm chăm. Sau đó, ông nhồm dậ và kéo rèm.

“Ông đang tỏ ra hết sức bí ẩn,” ông nói, quay về ghế của mình. Chiếc tẩu đang hờ hững dặt bên mép ông. “Chuyện bí mật, hả? Một vụ án hình sự, tôi đoán vậy. Nhưng không có ai đang nghe ngóng quanh đây”

Lane nhìn ông ta chăm chú bằng nét mặt nghiêm khắc và hấp háy mắt một cách điêu luyện. “Khi một người bị điếc, Martini, thì bức vách cũng có tai... Ông bạn hầu, tôi đang tham gia vào một trong những cuộc phiêu lưu đáng kinh ngạc nhất mà một người có thể gặp phải. Đây là một món hời lớn...”

Dromio, đang gật gật đầu để xua đuổi một con ong đang le ve bên cánh áo của mình, chú ý lắng nghe. Anh rất thích mùi hương hoa hồng hăng hắc. Cánh cửa vào nhà Martini, đã đóng lại trong chừng nửa giờ, nay mở ra, và hình dáng cao gầy của chủ nhân anh lại xuất hiện. Dromio nghe bác sĩ Martini nói trống không: “Tôi sợ rằng đó là giải pháp duy nhất, ngài Lane.

Tôi phải nhìn thấy tờ giấy trước khi đưa ra ý kiến. Và thậm chí sau đó, như tôi đã nói với ông...”

“Mấy nhà khoa học các ông!” Dromio nghe Lane nói, hơi nôn nóng. “Tôi đã hy vọng rằng vấn đề sẽ trở nên rõ ràng hơn. Tuy nhiên...” Ông nhún vai và đưa tay ra. “Thật tốt khi ông có quan tâm. Tôi nghĩ rằng sẽ có tiến triển tốt. Có lẽ tôi sẽ mang tờ giấy qua cho ông tối nay.”

“Hừm. Rất tốt. Tối nay tôi sẽ qua thăm lâu đài Hamlet.”

“Ồ, không! Thế thì rắc rối cho ông quá. Tôi sẽ quay trở lại đây...”

“Vớ vẩn. Tôi thích đi lại, và dù sao tôi cũng muốn gặp lại Quacey. Lần cuối cùng gặp, tôi không thích những động mạch già lão của ông ta.”

Dromio, bối rối, giữ cửa mở. Chủ nhân của anh đi nhanh xuống con đường, dừng lại trong khoảnh khắc. Ông nhìn Dromio, hơi nhíu đôi mày trắng và đột ngột nói: “Anh có thấy ai đang rình mò quanh đây không?”

Dromio há hốc miệng. “Rình mò ư, ngài Drury?”

“Đúng vậy. Anh có thấy ai khả nghi không?”

Dromio gãi tai. “Cháu đoán là cháu đã ngủ thiếp đi vài phút, thưa ngài. Nhưng cháu không nghĩ...”

“À, Dromio,” ông lão thở dài, trèo lên xe, “khi anh học được bài học về cảnh giác...Ta cho rằng nó không quá quan trọng.” Ông vui vẻ vẫy tay chào bác sĩ Martini. “Dừng lại ở Irvington, Dromio. Văn phòng điện báo.”

Họ lái xe đi. Khi đến Irvington, Dromio tìm thấy một văn phòng công ty Western Union và Drury Lane bước vào. Ông ngắm nghía các đồng hồ treo tường, rồi ngồi xuống một chiếc bàn nhỏ và với tay lấy một miếng màu vàng và bút. Ông sấm soi đầu bút chì; nó đã gọt sắc; nhưng ông không nhìn đến nó, vì đôi mắt ông đang cố định vào một điểm ở xa ngoài tầm mắt.

Ông viết chậm rãi bằng bút chì một tin nhắn lên tờ giấy, mạnh tay dưới sức nặng suy nghĩ của mình. Thông điệp được gửi đến thanh tra Thumm tại văn phòng của ông: **NHẤT ĐỊNH PHẢI CÓ TỜ GIẤY CÙNG KÍ HIỆU TỐI NAY. D.L.**

Ông trả tiền cho bức điện tín và trở lại xe. Dromio đang chờ đợi, nét phấn khích mờ nhạt hiện lên trong đôi mắt Ai len của anh.

“Chúng ta có thể về nhà bây giờ, Dromio,” ông lão thở dài, và thoải mái ngã người xuống lớp đệm ghế.

Khi chiếc Lincoln dài biển mất theo hướng Tarrytown, về phía bắc, một người đàn ông cao lớn trong chiếc áo khoác đen với cổ áo dựng kín đến tận tai - bất chấp trời nóng - tách mình ra khỏi cái bóng một chiếc sedan Cadillac đen dài đỗ ở lề đường bên kia, lạng lẽ nhìn quanh, và sau đó nhanh chóng bước tới văn phòng điện báo.

Gã lại nhìn quanh lần nữa, cầm tay nắm cửa, và đi vào. Gã hướng thẳng đến chiếc bàn Lane đã viết bức điện của mình, và ngồi xuống. Gã liếc xéo qua khước mắt về phía quầy. Có hai nhân viên đang bận rộn tại bàn làm việc. Gã chú ý đến tập giấy vàng. Có nét hằn mờ mờ ở tấm trên cùng, được tạo ra do Lane vô tình nhấn mạnh đầu bút trên tấm giấy ông gửi cho thanh tra Thumm. Người đàn ông cao lớn do dự; sau đó, nhặt lấy một cây bút chì, kẹp giữa các ngón tay để hướng gần như song song với tờ giấy và bắt đầu vẽ các đường kẻ mờ nhạt. Dưới những nét chì xám đó, tin nhắn của Lane bắt đầu hiện ra rõ ràng...

Sau một lúc, người đàn ông cao lớn đứng dậy, xé lấy tấm giấy vàng, vò nát nó, nhét vào túi áo, và lạng lẽ bước ra khỏi văn phòng. Một trong những nhân viên chăm chú nhìn theo gã, có vẻ bối rối.

Gã ta bước thẳng về chiếc Cadillac lớn, đậu bên kia đường, chui vào trong, nhả phanh khẩn cấp, và cùng tiếng động cơ mạnh mẽ hướng về về phía nam... hướng tới thành phố New York.

Sự Cảnh Báo* Và Một Chuyến Đi

Đã là cuối buổi chiều khi Patience Thumm quay lại Văn phòng thám tử Thumm sau một ngày mua sắm tiết kiệm nhưng hết sức hài lòng và bắt gặp Brodie đang gằn như phát điên.

“Ồ, cô Thumm!” Cô kêu lên, khiến Patience đánh rơi hết các túi đồ, “tôi đã trải qua những giờ phút đáng sợ nhất! Tôi rất vui vì cô đã trở lại! Tôi gằn như đã phát điên.

“Brodie, tôi sẽ khiến cô tỉnh lại”, Patience kiên quyết nói. “Cái quái gì đã xảy ra? Tại sao cô kích động đến vậy?”

Brodie, không nói một lời, vẫn còn hồi hộp chỉ tay về cánh cửa đang mở vào phòng làm việc của ngài thanh tra. Patience phi vào. Văn phòng trống không, và trên bàn làm việc của ngài thanh tra có một chiếc phong bì màu vàng.

“Bố tôi đâu?”

“Có ai đó đã đến đây báo án, cô Thumm. Cướp nữ trang hoặc một cái gì đó, và ngài thanh tra dặn tôi nói với cô rằng ông không biết khi nào quay lại. Nhưng bức điện tín...”

“Brodie,” Patience thở dài, “cô đang mắc chứng sợ tất cả các bức điện. Đây có thể là một tin quảng cáo đơn giản.” Tuy nhiên, cô hơi cau mày khi mở phong bì. Cô đọc mẫu tin nhắn ngắn gọn của ông Drury Lane với đôi mắt mở to kinh ngạc. Brodie đang lượn lờ ở ngưỡng cửa, vầy vò bàn tay mập mạp như một kẻ khóc thuê chuyên nghiệp.

“Cất nó đi, Brodie,” Patience nói lơ đãng. “Cô luôn luôn hành động như một bi kịch sống vậy. Hãy ra ngoài và đón nhận một nụ hôn đúng kiểu

hoặc... hoặc một thứ gì đó.” Và cô tự nói với chính mình, “Mình tự hỏi chuyện gì đang xảy ra đây. Điều gì có thể sẽ xảy ra? Mới có vài giờ...”

“Có chuyện gì đó đã xảy ra sao?” Brodie sợ hãi.

“Tôi không biết. Ở chừng mực nào đó, vẫn chưa có chuyện gì đáng lưu ý cả. Hãy thư giãn, cô gái, trong khi tôi gửi lại cho bố một lời nhắn. Thư giãn đi nào, cô bé ơi!” Và cô vỗ mạnh vào một bên hông mềm mại của Brodie. Brodie đỏ mặt và rút lui về bàn của mình ở phòng chờ để thư giãn.

Patience ngồi xuống ghế của thanh tra, lấy một tờ giấy, liếm qua đầu bút chì để làm ẩm, và bắt đầu cầu viện đến năng thơ của niềm cảm hứng sáng tạo:

Gửi ngài Cứng Đầu: người bạn già thân thiết của chúng con, Nhà thông thái xứ Lanecliff đã đánh điện gửi bố, một lời mời hết sức quả quyết rằng hãy mang Papuh đến điền trang Hamlet tối nay. Có vẻ như một thứ gì đó đang được ấp ủ, nhưng ông ấy không nói rõ. Brodie đáng thương phát sốt cả buổi chiều khi nhận được bức điện tín, không dám mở nó và cũng không biết hai bố con ta đang ở đâu. Cô ấy nói với con rằng, bố đang nhúng tay vào một vụ khác để kiếm tiền tiêu vặt cho con; và thực sự sau khi anh Rowe đưa con đi dạo trong công viên và con thấy tiếc nuối - con hy vọng là vậy - vì phải quay trở lại với vụ Bảo tàng Britannic, nên con đã đến Macy's nhằm thực hiện một cuộc điều tra hết sức thú vị về mẫu quần lửng (đối với bố thì là quần đùi, bố yêu); vậy nên bố có thể thấy rõ là con cũng đang làm việc. Tất nhiên con sẽ duy trì trọn vẹn tinh thần của Văn phòng thám tử Thumm trong khi bố vắng mặt. Con sẽ lấy chiếc Scooter ngay bây giờ, và con cũng hứa sẽ chăm sóc Papuh thật tốt. Hãy gọi cho con ở Hamlet ngay khi bố về. Lòng tốt của Drury là lớn vô cùng nên trong trường hợp từ xấu đến xấu nhất con chắc chắn ông sẽ không hề ngần ngại khi con nhờ làm nhân ga trải trên một trong những chiếc giường ngủ cũ kỹ của ông. Bảo trọng nhé, bố yêu.

PAT

T.b: Đó là chuyến du ngoạn một mình lên đồi. Lần sau con sẽ rủ anh Rowe đi cùng. Bố thấy vui hơn rồi phải không?

Cô gấp mảnh giấy lại, nhét nó vào phong bì, và nhét phong bì vào bên dưới tờ giấy thấm đang bay bồng bềnh. Sau đó, khe khẽ ngân nga, cô bước đến két an toàn, lách tách với ổ khóa số, kéo cánh cửa nặng nề mở ra, lục lọi, và lôi ra một phong bì đã mất niêm phong rồi đóng tủ sắt lại. Vẫn tiếp tục ngân nga, cô kiểm tra nội dung phong bì cho chắc rồi cô mở túi xách vải lanh của mình, một nơi chứa đồ khá lớn và nhiều bí ẩn, chứa đủ các thứ nữ tính hằm bà lằng, và cất phong bì an toàn vào bên trong.

Cô quay số. “Tiến sĩ Choate à? ... ồ, cháu hiểu rồi. Vâng, chưa có gì đặc biệt cả. Cháu muốn nói chuyện với Rowe... Xin chào, Gordon. Anh có thấy rắc rối nếu em lại làm phiền anh lần nữa sớm thế này không?”

“Ôi, thiên thần của anh! Làm phiền anh ư? Anh đang... anh đang choáng váng.”

“Công việc sao rồi?”

“Đang tiến triển tốt.”

“Anh có phiền không nếu làm chậm bánh xe công việc lại từ giờ đến hết ngày?”

“Pat! Em biết anh muốn làm mọi thứ cho em.”

“Em cần gấp rút đến Hamlet với một cái gì đó, Gordon. Anh có thể đi cùng em không?”

“Thử ngăn anh xem, cô gái dễ thương.”

“Rất tốt. Hẹn anh ở cổng trước Bảo tàng Britannic trong mười phút.” Patience gác máy, vén lọn tóc ra phía sau tai, và bước vào sảnh. “Brodie,” cô nói “Em đi đây.”

“Đi ư, cô Thumm?” Brodie đã được cảnh báo. “Đi đâu thế?”

“Đến nhà ông Lane ở Westchester.” Patience soi lại bản thân mình cẩn thận trong gương đặt phía sau bàn làm việc Brodie. Cô đánh phấn nhẹ, tô son đỏ, và nhìn một lượt toàn thân từ trên xuống. “Ôi,” cô thở dài, vuốt áo, “và tôi không có thời gian để thay đồ nữa. Lốp vải lanh này nhăn nheo hết cả!”

“Đúng vậy, tuy nhiên,” Brodie kêu lên, làm điệu bộ. “Tôi cũng có một bộ đồ vải lanh vào năm ngoái, và tôi phải dành nhiều thời gian hơn để làm sạch nó...” Cô dừng lại đột ngột. “Tôi sẽ nói gì với ngài thanh tra đây, cô Thumm?”

Patience chỉnh trang lại dải khăn nhỏ bằng vải lanh có mấy chấm xanh lớn kiểu Nga đang cài trên mái tóc óng ả của mình, cô khéo léo thắt khăn lại, và thì thầm: “Tôi đã để lại một giấy nhắn cho ông trên bàn làm việc, cùng bức điện tín. Cô sẽ ở lại chứ, đúng không?”

“Ồ, vâng. Nhưng ngài thanh tra sẽ tức giận lắm...”

“Chuyện này rất quan trọng,” Patience thở dài, “việc này không chậm trễ được, Brodie. Tôi sẽ lấy đồ vào ngày mai. Vui nhé, Brodie!”

Sau khi hài lòng với vẻ ngoài của mình, cô mỉm cười với Brodie, đang vẫy tay tạm biệt một cách èo uột, nắm chặt lấy chiếc túi vải lanh, và rời khỏi văn phòng.

Nơi lề đường cạnh chân cầu thang có một chiếc mũ trần nhỏ màu xanh đang đợi. Patience ngược lên bầu trời đầy lo lắng; bầu trời có vẻ xanh hơn đôi mắt cô. Cô quyết định không đội mũ. Cô lên xe rồi cất túi cẩn thận trên ghế da, bật khóa điện, nhả phanh, vào số một, và chiếc xe lăn bánh từ từ về phía Broadway. Cô đi từ từ; nơi góc phố đang có đèn đỏ; chiếc xe lăn bánh nhẹ nhàng dọc con phố.

Và một điều kì lạ đã xảy ra. Patience đang đắm chìm trong những suy nghĩ mơ hồ, đã hơi lơ đãng. Đây chỉ là một chuyện nhỏ, không đáng để lo âu; nhưng từng giây phút trôi qua rủi ro càng trở nên đáng kể và nguy hiểm hơn.

Một chiếc xe lớn cửa đóng kín mít màu đen, một chiếc Cadillac, đậu ở phía đối diện của con phố, chuyển bánh ngay khoảnh khắc Patience ngồi vào chiếc mũ trần màu xanh của cô. Nó lăn bánh lạng lẽ khi Patience di chuyển, và nó đang bám theo cô như một bóng đen ám ảnh. Nó đỗ ngay phía sau cô giữa con đường đang lộn xộn chờ đèn đỏ; nó theo sát cô ngay khi đèn chuyển sang màu xanh; nó rẽ vào Broadway ngay khi cô rẽ phải vào đó, lên đại lộ Thứ Sáu, rồi vào đại lộ Thứ Năm... rõ ràng là theo đuôi chiếc mũ trần.

Như một cơ thể sống, khi Patience đột nhiên tạt vào lề đường gần phố Thứ Sáu Mười Lăm, nó ngật ngừng, lao về phía trước, chạy chậm lại, và cuối cùng cũng đi chầm chầm vào phố Thứ Sáu Mười Sáu trong khi Gordon Rowe, mừng đến đỏ mặt, vui vẻ ngồi vào ghế bên cạnh Patience. Chiếc xe cứ đứng yên đó cho đến khi chiếc mũ trần vọt qua, và bám theo.

Patience đang vui mừng hơn hờ như đi dự tiệc. Nhìn cô thật đáng yêu, chiếc khăn xếp trên mái tóc thật tinh tế, dễ thương, chiếc mũ trần bon bon lăn bánh, mặt trời ấm áp và có chút gió mát thổi qua; và cạnh cô là một chàng trai trẻ trung, nam tính và nhìn thật thú vị. Cô cho phép Rowe xem phong bì để trong túi xách của mình, nói về bức điện tín của Lane, và rồi lú lo kể chuyện trong khi chàng thanh niên, mỉm cười ngắm nhìn gương mặt hơn hờ của cô...

Băng qua khu Manhattan đông đúc, chiếc Cadillac bám sát theo chiếc mũ trần, trong khi Patience và Rowe vẫn không mảy may biết đến người bạn đồng hành này. Rồi khi họ rời khỏi thành phố, nó trượt một chút sang bên; và mặc dù Patience lái khá nhanh, chiếc sedan Cadillac dường như không tốn mấy sức để bắt kịp.

Sau đó, khi mà giới hạn tốc độ trong thành phố bị bỏ lại phía sau, Rowe nhú mày và liếc nhanh qua vai. Patience vẫn đang ríu rít.

“Hãy vượt qua nó, Pat,” anh đột nhiên nói. “Hãy xem em có thể đi nhanh đến mức nào để vượt qua chiếc xe cũ kĩ kia.”

“Ồ, giờ anh muốn một chút tốc độ hả?” Patience nở nụ cười hung hăng. “Nhớ trả tiền phạt đấy, chàng trai!” và cô đạp mạnh chân ga. Chiếc mũ trần phi về phía trước.

Rowe quay nhìn lại. Chiếc Cadillac, có vẻ không cần nhiều nỗ lực vẫn đang duy trì chính xác khoảng cách như trước.

Patience im lặng lái xe, môi mím chặt, đang muốn thỏa mãn khao khát tốc độ của Rowe. Tuy nhiên, Rowe có vẻ không quan tâm lắm; cảm anh hơi nhăn, và đôi mắt màu hạt dẻ đang nhú lại, nhưng chỉ có vậy.

Đột nhiên, anh nói: “Anh thấy có một con đường nhỏ ở đó, Pat. Chạy vào đó đi.”

“Cái gì? Cái gì đó?”

“Chạy vào con đường đó, anh bảo em!”

Cô thấy bị xúc phạm, và liếc nhìn giận dữ sang anh. Anh đang quay nửa mặt lại. Rồi cô lại liếc vào gương.

“Ồ,” cô nói, mặt nhợt đi.

“Chúng ta đang bị theo đuôi”, Rowe nói lặng lẽ, không có chút khinh thường nào trong giọng nói của anh. “Hãy chạy vào con đường đó, Pat. Hãy xem liệu chúng ta có cắt đuôi được gã đeo bám kia không.”

“Được rồi, Gordon,” Patience nói nhỏ; và chiếc mui trần xoay bánh gấp trượt khỏi đường cao tốc vào một con đường hẹp.

Chiếc Cadillac đột ngột dừng lại, nhanh nhẹn quay đầu, và gầm lên đi theo họ.

“Em nghĩ rằng,” Patience thì thầm, môi cô run rẩy một chút, “chúng ta đã mắc phải sai lầm rồi. Có... không có lối thoát, Gordon.”

“Cứ lái xe đi, Pat. Chú ý vào đường đi kìa.”

Đấy là một lối đi hẹp không có cửa tiệm nào mở ven đường, và cũng chẳng có thời gian để cô quay chiếc mui trần lại và bỏ chạy ra đường lớn. Patience đạp ga dữ dội, và chiếc xe nhỏ lao hùng hục về phía trước như một con thú bị thương. Rowe chăm chú nhìn đường phía sau. Chiếc Cadillac đang bò về phía trước. Nó theo kịp họ hết sức dễ dàng; có lẽ bởi mặt trời hãy còn trên cao, hoặc người lái chiếc sedan kia đang e ngại chưa muốn tấn công họ sớm.

Tim Patience đập thành thịch trong lồng ngực. Ngay lúc hoảng sợ này, cô đang cảm ơn các thiên thần nhỏ bé hộ vệ cô đã khuyến khích cô rủ Gordon Rowe đi cùng. Sự hiện diện của anh, hơi ấm của cơ thể bên cạnh cô, khiến thần kinh của cô ổn định; cô nghiêng răng, cúi người áp lên vô lăng, căng mắt tập trung vào con đường ngoằn ngoèo phía trước. Đây không phải là đường bê tông, mà là con đường trải đầy đá dăm, lồi lõm; cả hai này từng từng trên ghế ngồi. Chiếc Cadillac vẫn bám ngay sau.

Con đường trở nên tối tệ, ngày càng hẹp hơn. Lù lù trước mặt là một mớ cây nhô ra cản đường. Không có ngôi nhà nào trước mặt. Từng bức ảnh về *Cánh rừng cô độc - cô gái bị tấn công - người đi cùng bị sát hại - tội ác khủng khiếp ở Westchester - cơ thể rách nát của cô nằm bên lề đường,*

Rowe chảy máu và chết bên cạnh cô, cứ lớn vờn trong đầu óc cô... Và sau đó, trong một màn sương mù, cô thoáng thấy chiếc xe màu đen đang đi ngay cạnh, nhưng không muốn vượt qua...

“Tiếp tục đi!” Rowe hét, nhồm người lên và bò ngược hướng gió xe chạy. “Đừng để hấn làm em sợ, Pat!”

Một cánh tay dài màu đen tay đang điều khiển chiếc xe thực hiện một cử động mà cô không thể nhìn nhằm được. Chiếc Cadillac bắt đầu áp sát chiếc xe nhỏ xíu của cô một cách nguy hiểm, như thể đang cố ép xe cô ra khỏi đường. Cô chợt nhận ra lý do đáng sợ mà kẻ truy đuổi muốn cô dừng lại.

“Muốn đánh nhau hả?” Rowe lẩm bẫm. “Được rồi, Pat. Dừng lại và chúng ta hãy xem thẳng khốn này muốn gì.”

Trong một khoảnh khắc, khi cô liếc nhanh và thấy chàng trai ngồi bên cạnh mình đang sẵn sàng nhảy ra, cô tuyệt vọng lao cả chiếc xe mui trần vào chiếc Cadillac bằng lòng dũng cảm mù quáng trong cơn hoảng loạn, để lật cả hai chiếc xe. Cô vẫn hay đọc những chuyện như vậy, và chưa bao giờ đặt câu hỏi đây là quyết định nhất thời hay có chủ ý. Nhưng bây giờ cô đang phải đối mặt với tình hình thực tế, cùng dòng nước mắt đột nhiên tuôn trào, rằng cô không muốn chết, rằng hãy còn vô số những điều kì thú trong cuộc sống... Cô nguyện rửa bản thân mình vì đã ngu ngốc và hèn nhát, nhưng bất chấp tất cả cô chỉ có thể giữ bánh lái ổn định trong tay.

Và như vậy, sau một thời gian dài run rẩy, cô nới lỏng chân, đạp lên chân ga và cuống cuồng tìm chân phanh, sau đó chiếc mui trần miễn cưỡng trượt đi chậm chậm.

“Hãy bình tĩnh, Pat,” Rowe nhẹ nhàng trấn an cô. “Đừng để cảm xúc xen vào. Anh có cảm giác đây là một khách hàng xấu tính.”

“Ồ, Gordon, đừng... đừng làm bất cứ điều gì quá khích. Làm ơn.”

“Thấp xuống.”

Chiếc Cadillac đã vượt qua, cả thân xe trượt đi chắn ngang mặt đường, vẫn đang nổ máy âm ầm khi dừng xe lại; rồi sau đó là một bóng hình đen hung dữ - Patience thở hổn hển - gã đeo mặt nạ, khua một khẩu súng, nhảy ra khỏi xe và chạy đến chiếc mui trần.

Gordon Rowe kêu không thành tiếng nhảy ra khỏi chiếc xe nhỏ lao ra đường, thẳng về phía người đàn ông đeo mặt nạ. Anh lao về phía khẩu súng.

Patience nhìn chăm chăm. Điều này thật phi lý. Nó giống như một bộ phim, cô nghĩ vậy. Có gì đó không thật trong sự đe dọa của thứ vũ khí màu xanh lấp lánh đang hướng về phía chàng trai trên đường.

Rồi cô kêu lên. Khói và tiếng súng vang vọng trong cảnh nhá nhem và Gordon Rowe đổ gục như cây mục xuống đường đá bùn. Cơ thể anh giật giật. Máu vương vãi trên vài mảnh cao su cạnh người anh.

Làn khói tỏa ra khỏi họng súng, giống như một con quỷ đang liếm môi. Người đàn ông đeo mặt nạ khẽ khàng nhảy lên nắp capô.

“Đồ... đồ giết người,” Patience hét lên, cố hết sức thoát ra ngoài. Anh ấy... anh ấy đã chết, cô nghĩ. Đang nằm chết trên đường. Ôi, Gordon! “Tao sẽ giết mày,” cô thở hổn hển, và với tay tóm lấy khẩu súng.

Nó dí mạnh vào các khớp ngón tay của cô, và cô bị ném trở lại ghế, cảm thấy đau choáng váng, giờ mới thực sự hiểu điều gì đang xảy ra. Dấu chấm hết cho Patience Thumm?

Một giọng nói đã bị bóp méo cất lên từ phía sau mặt nạ. “Ở yên đó. Ngồi đây. Đưa ta tờ giấy.” Khẩu súng đang huơ huơ trước mắt cô trong màn sương.

Cô sửng sốt nhìn xuống tay mình, các đốt ngón tay đang chảy máu. “Giấy nào cơ?” Cô nói nhỏ.

“Mảnh giấy, cái phong bì đó. Nhanh lên.” Giọng nói khô khốc không chút biểu cảm. Cô đột nhiên hiểu ra tất cả. Mảnh giấy ghi chú của Thư viện Saxon! Những kí tự khó hiểu đó! Đây chính là lý do khiến Gordon Rowe mất mạng.

Cô tìm kiếm chiếc túi. Người đàn ông đang đứng trên nắp xe nhảy sang một bên, vồ lấy chiếc túi, nhanh chóng lùi lại, khẩu súng vẫn đang đe dọa cô. Patience bắt đầu bò ra khỏi chiếc mũ trần. Gordon... Có một tiếng động lạ thường gần tai cô; nghe như thể thế giới đang nổ tung; một tiếng rên rỉ... Cô ngã lùi lại, hơi mê man. Hẳn ta đã bắn về phía cô!... Khi cô mở mắt ra lần nữa, cố gắng kiểm soát trí óc đang mê man của mình, chiếc

Cadillac đã nổ máy. Một giây sau đó chiếc xe lớn gầm lên lùi ngược lại, và phóng vụt qua cô như một tia sét, rẽ vào hướng mọi người đã vào.

Patience nỗ lực bò ra ngoài đường. Rowe vẫn đang nằm trong đống đồ nát, nhìn xanh xao. Cô lóng ngóng mò tìm dưới chiếc áo khoác của anh để kiểm tra nhịp tim. Nó còn đang đập!

“Ôi, Gordon, Gordon!” Cô khóc nức nở. “Em mừng quá. Em rất mừng.”

Anh rên rỉ và mở mắt ra, nhòe dậy, rồi lại nhắm mặt gục xuống. “Pat,” anh nói trống rỗng. “Chuyện gì đã xảy ra vậy? Hẳn đã...”

“Anh có bị thương không, Gordon?” Patience khóc. “Em phải đưa anh đến gặp bác sĩ. Em sẽ phải...”

Anh chàng yếu ớt ngồi dậy và cả hai cùng nhau kiểm tra. Cánh tay trái của anh đầm máu. Patience kéo áo khoác ra; anh hơi nhắm mắt lại. Một viên đạn đã xuyên qua phần mềm trên cánh tay.

“Chết tiệt”, anh nói vẻ kinh tởm. “Ngất đi như đàn bà. Đây này, hãy buộc chỗ đó lại, Pat, em yêu, và chúng ta sẽ đuổi theo tên giết người chết tiệt đó.”

“Nhưng...”

“Không cần bác sĩ đâu. Chỉ cần buộc chặt lại. Đi nào.”

Quy trong đống đồ nát, cô xé đi phần đuôi áo sơmi của mình và buộc chặt vết thương lại. Anh từ chối sự giúp đỡ của cô để đứng dậy; thực ra, đã xô cô vào ghế lái xe và tự nhảy vào chỗ ngồi.

Patience quay xe ra, hơi run run, bám theo chiếc Cadillac. Đi được chừng nửa dặm, Rowe ra hiệu cô dừng lại và hãy còn khá yếu, trèo ra ngoài nhặt thứ gì đó nằm ở giữa đường. Đó là túi vải của Patience, đang mở toang. Chiếc phong bì cùng mảnh giấy nhớ của thư viện Saxon đã biến mất. Cùng chiếc Cadillac.

Một giờ sau, khi thốn thức trong lòng ngài Drury Lane, Patience Thumm kể lại vụ đua xe và cuộc phiêu lưu lạ thường của họ. Gordon Rowe ngồi trên một chiếc ghế trong vườn, mặt trắng bệch nhưng khá bình tĩnh. Áo khoác của anh nằm dài trên cỏ, máu trên miếng vải băng đã khô. Quacey nhỏ bé, người trông nom già cả của Lane, đã vội vã đi tìm nước ấm và băng băng.

“Vào lúc này đây, ngay bây giờ, cháu yêu,” ông lão an ủi, “đừng coi mọi chuyện nặng nề như vậy. Ở trời mọi thứ đã không trở nên tồi tệ hơn. Gordon, ta rất tiếc! Ta chưa từng nghĩ rằng Patience sẽ đến đây với chiếc phong bì. Ta đã nhận ra sự nguy hiểm nhất định về mặt lý thuyết, nhưng ta biết ngài thanh tra luôn mang theo súng... Quacey!” Ông gọi với theo người bạn già, ”hãy gọi cho thanh tra Thumm vào số văn phòng ông ta.”

”Nhưng tất cả là lỗi của cháu!” Patience sụt sịt. “Ngài thấy không, cháu làm ướt hết cả áo khoác của ngài rồi. Gordon, anh ổn chứ? Ôi, cháu đã đánh mất chiếc phong bì. Lẽ ra cháu có thể bóp cổ con thú đó!”

“Cả hai đều rất may mắn,” Lane nói khô khốc. “Rõ ràng là kẻ tấn công không phải là loại người sẽ ngừng tay khi cân nhắc đến lòng nhân đạo... Đúng không, Quacey?”

“Vết thương của anh đang sùi bọt,” Quacey run rẩy. “Falstaff* đang mang nước đến ngay.”

“Falstaff!” Gordon Rowe cay đắng nói. “Ô, phải rồi.” Anh lấy tay lên che mắt. “Tôi sẽ tìm ra bí ẩn này, thưa ngài,” anh nói với Lane.

“Chắc chắn rồi. Điều đầu tiên cậu cần, anh bạn trẻ, là được chăm sóc y tế. Bác sĩ Martini đang đến đây trong chiếc xe nhỏ của mình, cùng George!... Patience, hãy nói chuyện với bố cháu.”

Patience bước đến phía Rowe, hơi dè dặt, cả hai nhìn nhau một lúc, và sau đó cô quay lại và chạy về phía ngôi nhà.

Một chiếc Ford nhỏ đang chạy dọc theo đường và mái đầu bạc trắng của bác sĩ Martini đang nhòai ra chào mọi người.

“Martini!” Drury Lane gọi. “Thật quá may mắn. Tôi đang có một bệnh nhân cho ông. Gordon, ngồi yên đấy. Cậu lúc nào cũng nhấp nhồm như vậy. Bác sĩ, hãy xem qua cánh tay của chàng trai trẻ này.”

“Nước”, vị bác sĩ nói ngắn gọn, sau khi nhìn liếc qua vết thương đã khô.

Một người đàn ông thấp lùn, béo bụng - Falstaff, người thực - vội vã mang đến một chậu nước ấm lớn.

Chiếc Cadillac đen được tìm thấy bị bỏ lại ở một con đường gần khu Bronxville đêm đó, kết quả những nỗ lực không biết mệt mỏi của thanh tra Thumm và sự hỗ trợ từ cảnh sát Westchester. Đây là một chiếc xe thuê. Nó

được thuê từ một đại lý hoàn toàn trong sạch ở Irvington vào buổi sáng hôm đó bởi một người đàn ông cao lớn, ít nói trong chiếc áo khoác cao cổ. Không, đó là tất cả những gì người chủ nhớ được về người đàn ông.

Theo đề nghị của Lane, các nhân viên của văn phòng điện báo Irvington đã bị thẩm vấn. Một trong số họ nhớ lại chuyến viếng thăm ngắn ngủi của người đàn ông cao lớn trong chiếc áo măng tô thẫm màu.

Chiếc Cadillac được nhận ra. Do đó, cách gã đàn ông cao lớn đó theo dấu chiếc phong bì đã được làm sáng tỏ. Nhưng điều tra về bản thân gã đó và chiếc phong bì bị đánh cắp không thu được kết quả nào.

Chiếc Nhẫn

Mặt Hình Móng Ngựa

Đoàn người im lặng rời khỏi nhà Drury Lane vào sáng hôm sau - thật kinh ngạc, Patience nghĩ, khi mọi chuyện xảy ra trong một ngày thứ Bảy - bằng xe của ngài Drury. Chiếc mũ trần của Patience bị bỏ lại. Chàng Rowe trẻ tuổi, tay trái được băng bó, ngồi kẹp giữa Lane và Patience, đang rùng mình khe khẽ và không muốn nói chuyện. Lane đang suy tư, còn Patience gần như phát khóc.

“Ôi, con yêu của ta,” ông lão cuối cùng cất tiếng nói, “đừng tự trách mình như vậy! Đó không phải lỗi của con. Ta hãy chưa tha thứ cho bản thân mình vì đã để con gặp nguy hiểm.”

“Nhưng cháu đã làm mất mảnh giấy,” Patience thốt thức.

“Chuyện chưa hỗn loạn đến vậy đâu. Ta nghĩ rằng chúng ta có thể xoay sở mà không cần nó.”

“Nhưng bằng cách nào,” Rowe đột nhiên mở lời, “ngài gửi điện tín yêu cầu mang nó đến phải không?”

Lane thở dài. “Ta có một suy nghĩ,” ông nói; và lại chìm vào im lặng.

Dromio dừng lại ở nhà của bác sĩ Martini, vị bác sĩ không nói lời nào, chui vào trong xe cùng họ. Ông nhanh chóng xem qua cánh tay bị thương của chàng trai trẻ, gật đầu, ông ngồi xuống, và nhắm mắt lại, bắt đầu ngủ thiếp đi.

Khi mọi người đến rìa thành phố, ngài Drury Lane thức giấc. “Tôi nghĩ rằng chúng ta tốt hơn nên đưa cậu về nhà đầu tiên, Gordon.”

“Nhà tôi!” Rowe cay đắng nói.

“Dromio, nhà Saxon... Hãy nhìn sang Martini kia. Đang ngủ rất say!” Ông già cười khúc khích. “Chuyện đó bắt nguồn từ việc có một trái tim

thuần khiết, cậu bé của tôi. Nếu cậu không chơi trò Romeo và Juliet với Patience...”

Họ đến ngôi biệt thự Saxon, như thường lệ hết sức tịch mịch và vắng vẻ. Người quản gia với bộ râu tuyệt vời lại xin lỗi tất cả một lần nữa; bà Saxon mới ‘ra ngoài.’ Đôi mắt lạnh lùng của ông ánh lên tia nhìn tò mò vào cánh tay băng bó của Rowe, và ngay lập tức ông ta có vẻ có tính người hơn.

Crabbe già cả, tuy nhiên, dường như coi một viên đạn đã xuyên vào cánh tay một chàng trai chỉ là trò đùa lớn; và sau khi nhìn chăm chăm lúc lâu, lão phá ra cười khúc khích một cách khó chịu và thở khò khè: “Ai bảo thích xía vào chuyện người khác! Ai đập gãy cánh tay của cậu vậy, tiểu quý?” và sau đó lão lại liếc khuôn mặt bình tĩnh của Lane và gương mặt bất động của bác sĩ Martini.

Rowe đỏ mặt, và nắm chặt tay.

“Chúng tôi muốn được xem,” ngài Drury Lane vội vàng nói, “một mẫu giấy ghi chú khác từ Thư viện Saxon của ông, ông Crabbe.”

“Cái gì cơ, một lần nữa?”

“Làm ơn.”

Crabbe nhún vai và vội vã quay ra, mang theo một tập giấy ghi chú để trống từ thư viện.

“Vâng, giống hệt những cái khác,” Lane lẩm bẩm với Martini, lấy ra một tờ từ móng vuốt của Crabbe. “Ông nghĩ sao?”

Vị bác sĩ vuốt mẫu giấy cẩn thận. Sau đó, ông mang nó đến một trong các cửa sổ ở phòng tiếp tân, kéo rèm cửa sang bên, và kiểm tra kỹ mẫu giấy bằng đôi mắt đang nheo lại. Lúc thì ông giữ nó ở đầu cánh tay; khi ông dí nó vào sát mắt, cách khoảng hai in-sơ. Ông đóng rèm cửa và ung dung quay lại, đặt tờ giấy màu xám trên bàn. “Vâng,” ông khẽ nói, “những gì ông nghi ngờ rất có khả năng là sự thật.”

“Vậy!” Lane tò mò nói.

“Như tôi đã nói với ông, chúng ta biết được rất ít - từ những gì ông mô tả. Đây phải là một trường hợp cực kỳ hiếm. Tôi thực sự muốn được gặp anh ta.”

“Tôi cũng vậy,” Lane thì thầm, “tôi cũng vậy, Martini. Được rồi!” Ông nháy mắt về phía đôi bạn trẻ. “Chúng ta đi thôi? Tạm biệt, Gordon...”

“Không,” Rowe nói. “Tôi đi với.” Quai hàm của anh xị xuống.

“Em không nghĩ rằng anh có thể,” Patience nói. “Một giấc ngủ ngắn...” Nhưng cô đang quan sát bác sĩ Martini bối rối.

“Anh yêu, em yêu,” Crabbe nói, xoa xoa tay. “Đó là bản năng sở hữu của phụ nữ! Hãy coi chừng, Rowe... ông có phiền khi nói với tôi không, ngài Lane, rằng tất cả những sự huyền thuyên này nghĩa là gì?”

Nhưng ông lão chỉ nhìn trườ mển vào Patience và Rowe, và bởi anh đang tỏ ra đau đớn, ông chỉ lẩm bẩm: “Tôi đề nghị gọi cho ngài thanh tra. Bác sĩ, tôi sẽ đưa ông về nhà bằng xe của tôi. Rồi Dromio sẽ quay lại. Chúng ta sẽ đi taxi tới trung tâm thành phố, các bạn trẻ... À, ông Crabbe! Ông thật tốt. Chúc một ngày tốt lành.”

“Chuyện gì đã xảy ra với anh?”

Ngài thanh tra hỏi Rowe, sau khi ôm lấy con gái mình và nhận lại một cái ôm tương tự.

“Đỡ một viên đạn, thưa ngài.”

“Ồ, chắc chắn rồi! Patty đã nói với tôi tối qua.” Thumm cười gằn. “Chà, rồi cậu sẽ có một vết sẹo to bằng đồng hai xu, chàng trai ạ. Hãy ngồi xuống đó, tất cả mọi người. Một vụ cướp có vũ trang? Ổn Chúa, giá mà tôi có mặt ở đó!”

“Thế thì ông sẽ chặn một viên đạn khác,” Rowe nói ngắn gọn.

“Hừm. Có ý tưởng nào về gã này không, Patty?”

Patience thở dài. “Hắn ăn mặc kín mít, bố à. Và con e là mình không có tâm trạng để quan sát vào lúc đó, trong khi - Gordon vẫn đang nằm trên vũng máu bên đường.”

“Còn giọng nói của hắn? Hắn đã bảo con đưa chiếc phong bì.”

“Giọng giả. Con chỉ nói được đến vậy.”

“Hắn đã bắn con.” Ngài thanh tra ngồi mơ màng. “Phải thế chứ. Hắn đã lộ diện. Tôi thích điều đó.” Sau đó, ông thở dài. “Nhưng tôi sợ rằng mình

không thể để dây dưa với vụ này lâu hơn nữa. Một vụ cướp kim cương đang treo ngay trên cổ tôi.”

“Mọi người có tìm được gì thêm về danh sách mất tích không?” Lane hỏi. “Đó chính là lý do tôi đến đây, ngài thanh tra.”

Thumm nhặt một bó công kênh giấy đánh máy và ném nó qua bàn. “Không thể tìm thấy bất kì ghi chép nào về một người đàn ông bị giết hoặc mất tích có liên quan đến những cuốn sách hay giới ham mê sách.”

Ông lão tự mình kiểm tra danh sách. “Kì lạ thật,” ông lẩm bẩm. “Một trong những điểm lạ lùng nhất của toàn bộ sự việc. Hay hẳn ta có kế hoạch gì khác?”

“Đó cũng là linh cảm của tôi, ông sẽ nhớ ra. Rồi, tôi đã sẵn sàng để nghỉ ngơi. Chuyện này đối với tôi quá phức tạp và bấn thủ.”

Chuông điện thoại reo ở phòng chờ bên ngoài. Giọng bi thảm của Brodie đang hỏi thêm các thông tin. Sau đó chuông điện thoại của ngài thanh tra reo lên, và ông nhắc máy.

“Ê!... Ồ!... Cái gì?”

Màu đỏ tức giận lan tỏa khắp gương mặt cứng rắn của Thumm giống như một tín hiệu thông báo hiểm nguy lúc ông háo hức lùng sục các bằng chứng. Đôi mắt của ông lồi ra. Những người khác nhìn ông bối rối.

“Đến ngay đây!” Ông đập mạnh máy và nhảy xổ khỏi ghế.

“Chuyện gì xảy ra vậy bố? Ai đó?” Patience nhanh chóng hỏi.

“Choate! Tại bảo tàng,” Thumm hét lên. “Có chuyện gì đó đã xảy ra và ông ta muốn tất cả chúng ta cùng qua!”

“Cái gì vậy?” Rowe lên giọng, “đây là chuyện điên rồ nhất!”

Ông lão lịch lãm đứng dậy chậm chạp; mắt còn ngái ngủ. “Sẽ rất ngạc nhiên nếu...”

“Nếu gì cơ?” Patience hỏi khi họ vội vã ra khỏi thang máy.

Lane nhún vai. “Tất cả các sự việc, như Schiller* đã nói, là do Chúa phán xét. Chúng ta hãy chờ xem. Ta có niềm tin lớn lao vào sự ổn định trật tự thần thánh, con của ta.”

Cô im lặng khi họ bước vào thang máy. Sau đó, cô nói: “Không biết bác sĩ Martini đã tìm được gì từ mẫu giấy nhớ ở Thư viện Saxon? Cháu đang cố

gắng suy nghĩ.”

“Đừng, Patience. Điều này hết sức thú vị và hợp lý, nhưng hầu như không quan trọng trong lúc này. Một ngày nào đó - ai mà biết được? - có thể nó sẽ có ích.”

Mọi người háo hức đi đến Bảo tàng Britannic. Tiến sĩ Choate, chòm râu dê đang mọc tua tủa, đã gặp họ ngay phía sau cánh cổng. “Thật vui vì ông đã đến,” ông nói chân thành. “Hôm nay là ngày khó chịu nhất... Rowe, chuyện gì đã xảy ra với cánh tay cậu vậy? Tai nạn ư? ... vào, vào đi! “

Ông vội vã đưa họ đi qua phòng tiếp tân tới văn phòng mình. Ở đó, họ bắt gặp một người kì lạ. Tiến sĩ Sedlar cao lớn, khuôn mặt trần trụi đỏ bừng, đang cau mày nhíp chân lên sàn nhà; một cảnh sát lực lưỡng ngồi vững chắc sau ghế; tay nắm chặt chiếc dù cui của mình; và trong ghế ngồi là một gã Latin cao lớn, lăm lăm với đôi mắt sừng sĩa trong đó lẫn quất một con quỷ nhỏ đáng sợ. Quần áo của hắn nhàu nhĩ như thể vừa đánh lộn, bộ trang phục đã từng hết sức cầu kì; một chiếc mũ mềm màu xám trai được may cẩn thận nằm vắt vẻo trên sàn cạnh hắn ta.

“Chuyện này là sao?” thanh tra Thumm gầm gừ, dừng lại ở ngưỡng cửa. Sau đó, là một nụ cười gằn mím chặt đôi môi. “Tốt, tốt,” ông nói nhẹ nhàng, “nhìn xem ai ở đây.”

Hai người cùng lúc thở mạnh. Một là Gordon Rowe, một là người Ý đang ngồi trên ghế.

“Xin chào, Coburn,” ngài thanh tra nói thân ái với viên cảnh sát. “Trông anh có vẻ hồi hộp?”

Đôi mắt viên cảnh sát mở to. “Thanh tra Thumm! Cả tỉ năm không thấy mặt ông rồi!” Anh ta mỉm cười đáp lại.

“Đúng là cả tỉ năm tôi không ghé qua”, viên thanh tra vui vẻ đáp lời. Ông bước tới và đứng cách ba bộ trước mặt người đàn ông đang ngồi trên ghế, giờ đang co rúm lại và một bên mắt bị bầm. “Tốt, rất tốt, Joe, và mày đang làm gì trong bảo tàng thế? Không còn phải lo mấy vụ trộm vặt nữa hả? Đừng nói là mày chuẩn bị học đại học nhé! Lần cuối tao gặp thì mày hãy đang táy máy mấy cái ví cơ mà. Đứng thẳng dậy khi nói chuyện với

tao!” Ngài thanh tra hét lớn khiến gã người Ý giật mình, nhảy ra khỏi ghế, đứng vuốt cà vạt và trôn trối nhìn xuống đôi giày của ngài thanh tra.

“Người đàn ông này,” Tiến sĩ Choate nói trong một giọng nói kích động, “bằng cách nào đó đã lén vào bảo tàng một vài phút trước đây và Tiến sĩ Sedlar bắt gặp hắn trong Phòng Saxon đang rình mò táy máy mấy cuốn sách.”

“Thật vậy sao?” Drury Lane thì thầm, tiến vào phòng.

“Chúng tôi gọi ngay cho anh sĩ quan này, nhưng hắn ta từ chối khai hắn là ai, hắn đột nhập vào trong tòa nhà bằng cách nào hoặc hắn đang tìm kiếm cái gì,” vị quản lý bảo tàng phàn nàn. “Lạy Chúa, tôi không thể hiểu được những gì đang xảy ra với chúng tôi!”

“Chính xác hắn ta đang làm gì, Tiến sĩ Sedlar?” Lane hỏi, “khi ông bắt gặp hắn ta trong Phòng Saxon?”

Tay người Anh bắt đầu ho. “Những điều kinh ngạc nhất, ngài Lane. Ngài có thể nói rằng... à, với một sinh vật có cấp độ trí tuệ như vậy sẽ khó mà đi tìm các cuốn sách hiếm. Và tôi khá tự tin rằng hắn đến để ăn cắp một cái gì đó. Hắn ta đang, như Tiến sĩ Choate đã nói, rình mò các kệ sách.”

“Kệ sách của Jaggard?” Lane hỏi sắc lẹm.

“Đúng vậy.”

“Không nói được tên hắn ra, hả?” viên thanh tra cười toe toét. “Rồi, chúng tôi có thể giúp đỡ đó, Joe nhỉ? Thăng khốn kiếp chuyên đột nhập này là ông Joe Villa, một trong những kẻ móc túi giỏi nhất trong ngành từ khi tôi biết hắn, gần đây mới đổi sang nghề đào gạch - thường hắn chỉ móc túi, trộm vặt, bẻ khóa, và tất tần tật mọi thứ tội khác. Phải không, Joe?”

“Tôi chưa làm gì cả,” gã người Ý cất giọng khàn khàn.

“Sao mà chui vào được, Joe?”

Im lặng.

“Mày được trả giá sao? Ai gửi mày đến đây? Chỉ có cái thằng nào bã đậu như mày mới nghĩ người ta không biết có người thuê mày.”

Gã liếm môi; đôi mắt đen nhỏ của hắn liếc nhanh một vòng qua các khuôn mặt. “Không ai yêu cầu tôi làm việc này!” Gã thống thiết kêu gào.

“Tôi... tôi chỉ tình cờ bước vào, như mọi người, bước vào ngó nghiêng xung quanh.”

“Để đọc sách, hả?” Thumm cười. “Cậu biết thằng khốn này không, Coburn?”

Viên cảnh sát đỏ mặt. “Tôi ư, không, ngài thanh tra, không thể nói rằng tôi có biết. Tôi đoán hẳn đã rút lui kể từ khi ngài rời khỏi cơ quan.”

“Chậc, thế giới này rồi sẽ trôi về đâu đây?” Ngài thanh tra buồn bã tặc lưỡi. “Được rồi, Joe, hoặc mày khai ra hoặc bọn tao sẽ đưa mày về đồn và cho mày ném thử mấy cái gậy?”

“Tôi chưa có làm gì cả,” Villa lăm bắm vẻ chắc chắn, nhưng khuôn mặt hẳn tái nhợt.

Gordon Rowe bước về phía trước; cánh tay bị thương của anh rung nhẹ. “Tôi nghĩ rằng,” anh bình tĩnh nói, “tôi có thể giúp đỡ ông, ngài thanh tra.” Villa nhìn Rowe; gã dường như bối rối; sau đó gã nhìn chăm chăm vào gương mặt Rowe như thể đang tìm các đường nét quen thuộc.

“Hẳn ở trong nhóm các giáo viên đã đến thăm bảo tàng này vào ngày bản in năm 1599 Jaggard bị đánh cắp!”

“Gordon, anh chắc chắn chứ?” Patience kêu lên.

“Chắc chắn. Tôi biết chắc chắn ngay khi tôi bước vào căn phòng này.”

“Gordon,” Lane nhanh chóng nói, “hẳn ta là ai?”

“Tôi không biết, thưa ngài. Nhưng có hẳn ta trong nhóm. Đã đến bảo tàng ngày hôm đó, tôi thề.”

Tiến sĩ Sedlar đang nghiên cứu Villa như thể gã là một mẫu vật trong phòng thí nghiệm dưới kính hiển vi. Sau đó, ông rút lui và đứng nép mình dưới rèm cửa sổ.

“Nói đi nào, Joe,” Thumm dứt khoát. “Mày định làm gì khi trà trộn vào đám giáo viên đó? Đừng nói với tao mày mới lấy được giấy phép dạy học ở Indiana nhé!” Villa mím chặt đôi môi mỏng. “Được rồi, anh chàng khôn ngoan. Tiến sĩ Choate, tôi có thể sử dụng điện thoại của ông không?”

“Ông định làm gì?” Villa bất ngờ hỏi.

“Túm mày.” Thumm quay số. “Ngài Theofel à? Thumm, Văn phòng thám tử Thumm. Có George Fisher quanh đó không? Đi rồi à. Thế còn

Barbey, người bán vé? Đang kiểm điểm?... Nói đi, ông có thể thả mấy chàng trai chừng nửa giờ?... Ồn rồi. Gửi ngay họ đến Bảo tàng Britannic trên đại lộ Thứ Năm và Sáu Mười Lăm.”

George Fisher và người soát vé xe buýt mặt đỏ ửng nhìn hơi xanh xao. Cả hai im lặng đến, và sau đó đều hướng sự chú ý đến người đàn ông ngồi trên ghế.

“Fisher,” Thanh tra nói, “cậu có nhận ra tên cận bả này không?”

“Chắc chắn rồi,” Fisher nói. “Hắn là một trong hai kẻ đã đi chung với đội giáo viên đó.”

Villa gầm gừ: “Dối trá! Đây là sự vu khống!”

“Im đi, Joe. Đưa nào, Fisher?”

Fisher nhún vai. “Không nhớ, ngài cảnh sát trưởng,” anh nói tiếc rẻ.

Thanh tra quay sang Barbey. Người soát vé có vẻ đang hết sức lo lắng và liên tục vuốt cằm. “Chắc anh cũng biết, Barbey. Anh chắc chắn đã nói chuyện với con chồn này. Hắn là một trong hai người đã mua chuộc anh để hắn được lên xe buýt, đúng không?”

Villa nhìn cay nghiệt về phía người soát vé. Barbey lẩm bẩm: “Đúng. Đúng vậy. Tôi nghĩ là như vậy.”

“Anh nghĩ như vậy! Có phải hắn hay không?”

“Vâng, thưa ông. Chính là hắn.”

“Thằng nào?”

“Thứ hai.”

“Người thứ mười chín!” Patience thì thầm với Rowe.

“Chắc chắn rồi? Không có sai lầm nào chứ? “

Barbey lao về phía trước, và một tiếng thét vang lên từ cổ họng khàn đục của Villa. Trong một khoảnh khắc họ choáng váng, nhìn chằm chằm vào kẻ đang bị còng tay. Sau đó, cảnh sát vào cuộc, và Thumm nữa.

“Vì Mike,” viên thanh tra thở hổn hển, “cậu đang phát điên hả, Barbey? Có ý tưởng gì lớn không?”

Coburn tóm chặt cổ áo tên trộm lén lút, và lắc mạnh hắn ba lần. Gã người Ý bị bịt miệng và hơi co giật. Barbey tóm mạnh lấy tay trái của Villa, nắm chặt cổ tay tái xám. Làn da nâu vàng hơi giật giật.

“Chiếc nhẫn,” Barbey nói nặng nề. “Chiếc nhẫn.”

Trên ngón tay út bàn tay trái của Villa có một vòng tròn nhỏ đáng ngờ làm từ bạch kim, một hình móng ngựa nhỏ nạm kim cương lấp lánh.

Villa liếm đôi môi khô của mình. “Được rồi”, gã cất giọng khàn khàn. “Ông tóm được tôi rồi. Tôi chính là gã đó.”

Buộc Tội - Phần 2

“À!” Ngài thanh tra nói. “Chúng ta đi thôi, Coburn. Giờ thì hẳn ta sẽ chịu nói ra.”

Villa nhìn xung quanh với ánh mắt đầy lo lắng. Gã nhìn thấy những khuôn mặt thiếu thiện cảm khắp nơi. Gã gật đầu một cách mệt mỏi.

“Hãy ngồi xuống đó và thư giãn nào, Joe,” Thumm tiếp tục cùng với một cái nháy mắt với người soát vé. Coburn đẩy chiếc ghế ra đằng sau tên trộm và hẳn ngồi xuống một cách nặng nhọc. Những người khác đứng xung quanh chiếc ghế quan sát một cách nghiêm túc, cẩn thận.

“Vậy mà chính là gã thứ mười chín trên xe buýt, đúng không Joe?” Thumm nói một cách nhẹ nhàng. Villa bỗng rùng mình. “Mày đã đưa Barbey năm đó để có thể nhập vào nhóm đó đúng không? Tại sao? Có âm mưu gì?”

Villa chớp mắt và trả lời một cách thận trọng: “Tôi đang đi theo một người”.

“Ồ hồ.” Ngài thanh tra đáp. “Thì ra là như vậy. Đi theo một chú chim nhỏ đội mũ xanh phải không nào?”

Villa thốt lên: “Làm thế quái nào mà...!” Rồi gã cụp mắt xuống. “Đúng vậy.”

“Tốt đấy.”

Patience thở hắt ra, vẻ kích động; Rowe nắm chặt tay cô, cố gắng giữ cho cô im lặng.

“Ồ, Joe! Tao đang không có nhiều thời gian đâu.”

Villa càu nhàu: “Tôi biết gã này, được chưa! Hẳn đưa tôi một vài đồng để làm một việc vặt cho hẳn khoảng hai tháng trước, được chưa...”

“Việc gì vậy?” Viên thanh tra vội vã hỏi.

Villa quần quai trên ghế . “Chỉ là một công việc thôi. Tất cả chỉ có vậy.”

Thumm nắm chặt lấy vai tên trộm; Villa vẫn ngồi bình thản. “Bình tĩnh nào, được không.” Gã than thở. “Ông sẽ để tôi đi nếu như tôi được chứng minh là trong sạch chứ?”

“Nói ngắn gọn đi, Joe.”

Villa vùi cái cằm nhọn của gã vào trong nếp gấp của chiếc cà vạt sặc sỡ rồi lầm bầm: “Một căn nhà. Đại lộ Thứ Năm. Hẳn bảo tôi vào trong, ăn trộm một cuốn sách.”

Giọng nói trầm và giận dữ của ngài Drury Lane rền vang trong đầu gã Villa. “Đó là nhà của ai và quyển sách gì?”

“Dinh thự Saxon. Và cuốn sách thì...” Villa chỉ ngón tay bần thiêu của gã vào Rowe. “Gã khùng này đã nhắc tên nó một lúc trước. Jag...”

“Có phải là Jaggard 1599?”

“Phải rồi. Chính nó.”

“Vậy thì người đàn ông này,” Patience hét lên, “chính là kẻ đã đột nhập vào thư viện của Saxon và ăn cắp cuốn Jaggard giả.”

“Rõ ràng là như vậy,” Gordon Rowe lí nhí. “Vậy người chính là kẻ đột nhập ta đã đuổi theo đêm đó.”

“Hãy đi thẳng vào vấn đề.” Ngài thanh tra nói. “Joe, chú chim nhỏ đội mũ xanh, cũng có một bộ ria rậm rạp, phải không nào? - đã thuê máy đột nhập vào nhà Saxon trên đại lộ Thứ Năm một vài tháng trước để ăn trộm một cuốn sách. Và tên quyển sách là gì nhỉ, tao muốn xác nhận lại?”

“Ồm!” Villa nhúu mày. “Đó là một quyển sách về một người hành hương. Một loại sách giống như là...” hắn liếm môi, “một cuốn sách đời trụy.”

Patience khúc khích. “*Kẻ hành hương mê đắm!*”

“Đúng, chính nó.”

“Và đó là tất cả những gì hắn ta yêu cầu máy ăn trộm?”

“Đúng vậy. Hắn ta nói: Hãy vào trong thư viện, tìm xung quanh đó một cuốn sách được bọc da xanh da trời, đó đó, và nó tên là *Kẻ hành hương mê đắm* của Shakespeare, và nó được in bởi lão Jaggard nào đó vào năm 1599.”

“Và hắn ta đưa máy một trăm đồng cho công việc đó?”

“Đúng vậy, thưa ngài thanh tra.”

“Và mày đã ăn cắp nó rồi trốn thoát?”

“Thực ra,” Villa thăm thì, “tôi đã xem xét nó một cách kỹ lưỡng, một cuốn sách tồi tệ. Hẳn ta thì ước ao có nó, còn tôi thì quá hiểu hẳn. Hẳn không thể nào muốn lấy một cuốn sách dở tệ, thưa ngài. Có thứ gì đó trong quyển sách, tôi đã nói như vậy với bản thân mình. Tôi đưa hẳn quyển sách nhưng tôi không bị điên. Hẳn đã không thể lừa Joe Villa này. Tôi biết chắc chắn có gì đó trong quyển sách. Đó là lí do tại sao...”

“Tao hiểu,” ngài thanh tra tóm tắt: “Mày đã không thể tìm thấy gì trong quyển sách, nhưng mày nghĩ rằng nó hẳn có gì đáng giá để một gã trả tận một trăm đồng chỉ để đánh cắp nó. Đó là lí do vì sao mày theo gót con chim nhỏ đội mũ xanh kia.”

“Tôi muốn tìm hiểu sự việc... Tôi không muốn bị dặt mũi. Tôi đã tự nhủ với bản thân là phải luôn ý thức được tình hình dù có phải hạ mình, nên tôi quyết tâm theo dõi xem gã ta thực sự muốn gì. Và vào ngày đó, hẳn ta thực sự cư xử rất kì cục, tôi đã thấy hẳn lên xe buýt nhưng khi đi xuống thì lại mặc đồ xanh lá. Và tôi đã bảo với chính mình: Joe, nhất định có chuyện gì đã xảy ra. Tôi bám theo hẳn suốt chặng đường và thấy hẳn đập vỡ kính bảo vệ một chiếc hộp.”

“Ồ.” Lane nói. “Cuối cùng cũng là sự thật. Cậu còn nhìn thấy điều gì nữa?”

“Hẳn lấy từ túi ra một quyển sách và cho nó vào ngăn đựng cuốn sách xanh da trời mà hẳn ăn cắp đó. Và tôi nói với bản thân rằng: Joe, mày thật cừ khôi. Đó chính là loại sách giống như sách mày đã lấy cắp cho hẳn ta. Đến khi hẳn xong việc, tôi đã bám đuôi hẳn. Tuy nhiên tôi bị kẹt lại một chút do đám mọt sách* chen lấn, tôi mất dấu hẳn trong một vài phút. Và khi tôi thoát ra thì tôi đã mất dấu hẳn hoàn toàn. Cho nên tôi quay trở lại chỗ đám đông. Đó là tất cả, thưa ngài thanh tra, tôi xin thề.”

“Mày không làm tao cảm thông đâu,” Thumm nói lạnh lùng. “Mày vẫn tiếp tục theo đuôi hẳn, Joe ạ, sao phải nói dối?”

Cặp mắt nhỏ của Villa trữu xuống: “Có thể là tôi đã quay lại chỗ hẳn thường hay đến sau đó, tôi đi loanh quanh nhưng tôi không thấy hẳn, vậy

đấy, tôi quay lại ngày hôm sau nhưng không được gì, đó là lí do vì sao tôi đã quay lại những ngày sau đó với hi vọng có thể tìm ra rốt cuộc chuyện quý quái gì đang diễn ra.”

“Đồ ngớ ngẩn đáng thương! Rốt cuộc thì mà y hi vọng tìm thấy cái gì?” Đó là một biểu cảm thương hại dành cho Villa, kẻ lưu manh bần cùng gốc nghếch, đã tham gia vào một cuộc thám hiểm những thứ quá sâu xa vượt quá so với bộ não của hắn. “Giờ thì nghe tao đây, Joe. Ngày mà mà y mất dấu hắn ta, mà y có để ý thấy một cảnh sát đặc biệt đang làm nhiệm vụ ở đó không?”

“Phải, tôi có thấy qua, anh ta trông khá quen. Nhưng anh ta không phát hiện ra tôi.”

“Đó là Donoghue, một cảnh sát đã nghỉ hưu, mà y có thấy Donoghue đang bám theo hắn ta không?”

Villa há hốc mồm: “Ôi trời, đúng vậy! Đó là lí do vì sao tôi không thể bám theo hắn nữa, đúng thế? Cái gã cảnh sát đó, hắn ta rất tinh ranh. Và tôi đã mất dấu cả hai người.”

“Kể từ ngày đó mà y có gặp Donoghue nữa không?”

“Không hề.”

“Làm thế nào mà mà y được gã đàn ông đội mũ xanh da trời thuê?”

“Hắn... hắn đã tìm tôi ở khu ổ chuột, hiểu không?”

“Hắn là do tình đồng chí,” viên thanh tra mĩa mai. “Ồn Chúa, giờ chúng ta đã có manh mối rồi! Joe, thằng cha đó hay lang thang ở đâu? Mà y mang cuốn sách đến cho nó, nên đừng có nói là mà y không biết nhé.”

“Hắn ta gặp tôi ở khu trung tâm, thưa ngài thanh tra, tôi thì có Chúa.”

“Đúng nhưng mà y đã theo dõi hắn ta cho đến hôm hắn lên xe buýt. Hắn sống ở đâu?”

“Hắn sống trong một căn nhà tồi tàn, thưa ngài, giữa khu Irvington và Tarrytown.”

“Biết tên hắn chứ?”

“Hắn nói với tôi tên hắn là Tiến sĩ Ales.”

“Tiến sĩ Ales à?” Thumm nói một cách nhẹ nhàng. “Lane này, chúng ta gặp may rồi. Mọi thứ đã rõ ràng. Ales bố trí để tên chuột cống này ăn trộm

ở nhà Saxon, phát hiện ra cuốn sách kia là giả mạo, đến đó để tìm cuốn sách thật, mọi thứ đều có bằng chứng... Cùng một gã đã để lại lời nhắn đó cho tôi, kẻ đã đến thăm nhà Saxon và lục lọi khu văn phòng phẩm. Quá tốt rồi.” Bỗng dưng ông ta quay lại nói hỏi Villa một cách dồn dập: “Gã Ales đó trông như thế quái nào vậy? Tao cần mày mô tả chi tiết trông hắn như thế nào.”

Villa bất chợt đứng dậy. Giống như là gã đã dành thời gian cho tình huống này, giống như gã đã chờ đợi câu hỏi, và đã chuẩn bị bản thân một cách kỹ lưỡng nhất có thể. Mũi gã rung lên, để lộ hàm răng vừa đen sì vừa vàng ố. Gã phản ứng quá mau lẹ đến nỗi Patience phải thốt lên, và viên thanh tra phải tiến lên trước một bước. Nhưng Vila lập tức chỉ ngón tay bần thỉu, đeo cái nhẫn hình móng ngựa lấp lánh, qua vai ngài thanh tra.

“Mô tả hắn ta?” Gã rùng mình “Không phải là điều dễ chịu đâu! Đây chính là Tiến sĩ Ales của ông! Kẻ quỷ quyệt đó đang ở đây.”

Gã chỉ thẳng vào Tiến sĩ Hamnet Sedlar.

Những Điểm Mâu Thuẫn

Tiến sĩ Alonzo Choate há hốc miệng; mắt ông mở to hết cỡ, và gương kính dòm chăm chăm về phía Joe Villa. Tiến sĩ Sedlar chớp mắt một chút; sau đó, mặt ông tái nhợt, và từng bó cơ dưới cằm ông hằn lên như thể xương sống của một loài động vật không có lông.

“Tôi sẽ nói,” ông ta bắt đầu gay gắt, “chuyện này hơi quá đà rồi đấy.” Ông trừng mắt nhìn Villa. “Quân lừa đảo,” ông gầm gừ, “chuyện này không đúng sự thật, mọi người biết điều đó!”

Đôi mắt Villa tròn và sáng lấp lánh. “Lộ tuốt tuốt rồi, thưa chúa tể. Ông chắc chắn phải biết rõ chính mình đã thuê tôi lấy trộm cuốn sách đó!”

Trong một khoảnh khắc dường như người đàn ông đến từ Anh định hành hung tên gian xảo người Ý. Không ai nói lời nào. với Lane, với Patience, với Rowe, với thanh tra Thumm, lời tố cáo của Villa chỉ như một cú sốc nhẹ; và họ chờ đợi lặng lẽ, để những bi kịch tự diễn ra. Tiến sĩ Choate dường như bị tê liệt.

Tiến sĩ Sedlar bất lực, thở dài, gò má mỏng hồng hào trở lại. “Đây là, tất nhiên, hoàn toàn phi lý”, ông mỉm cười. “Người đàn ông này hoặc là một tên điên hoặc đang nói dối có chủ ý.” Ông nhìn kỹ các khuôn mặt xung quanh, và đánh rơi nụ cười trên môi. “Lạy Chúa,” ông kêu lên, “mọi người không thực sự tin hẳn ta chứ?”

Villa cười khẩy; gã có vẻ rất chắc chắn.

“Ngồi yên đó, đồ chuột bọ,” viên thanh tra nhẹ nhàng nói. “Phần hài hước nhất của chuyện này là, Tiến sĩ Sedlar, đây không phải là lần đầu tiên chúng tôi được nghe kể về một người sử dụng tên của Tiến sĩ Ales.”

Sedlar vươn người lên. “Tôi bắt đầu nghĩ rằng đây là một âm mưu đáng nguyền rủa. Tiến sĩ Choate, ông có biết gì về chuyện này không?”

Viên cựu quản lý bảo tàng đưa bàn tay run rẩy lên chòm râu dê của mình. “Vâng, thực sự thì... Tôi không biết phải nghĩ gì nữa. Đây là lần đầu tiên tôi được nghe...”

“Thế còn ai khác nữa, người đã cáo buộc tôi là...” đôi mắt Sedlar hấp háy, “Tiến sĩ Ales?”

“Crabbe, thủ thư của nhà Saxon. Ông ta nói rằng vào ngày mừng sáu tháng Năm, ông đã đến thăm nhà Saxon, tự xưng là Tiến sĩ Ales.”

“Mùng sáu tháng Năm?” Tiến sĩ Sedlar nói ngạo mạn. “Ông sẽ thấy toàn bộ chuyện này ngớ ngẩn đến mức nào, ngài thanh tra. Vào ngày thứ Sáu, như ông có thể hỏi các cộng sự cũ của tôi ở Bảo tàng Kensington, tôi vẫn ở London. Trong thực tế, vào ngày thứ Bảy tôi đang tham dự bữa tiệc chia tay tôi.”

Ẩn dưới bầu không khí lịch sự trong câu hỏi của thanh tra là sự bối rối sâu sắc. “Vâng, nghĩ rằng mình có thể loại ngài ra. Trong trường hợp câu chuyện của Crabbe.” Đôi mắt âm đạm của ông lóe lên đột ngột. “Nhưng còn ngày xảy ra vụ trộm tại bảo tàng?”

“Tôi nói cho ông nghe đó chính là hấn!” Villa hét lên trong cơn giận dữ.

“Chết tiệt, Joe, im mồm,” Thumm dữ dội. “Vâng, thưa Tiến sĩ?”

Viên quản lý người Anh nhún vai. “Tôi sợ rằng tôi hơi ngu, ngài thanh tra. Tôi không hiểu câu hỏi. Chắc hẳn ngài phải biết rằng vào ngày mà cái sinh vật này đột nhập vào Bảo tàng Britannic tôi còn đang lênh đênh trên biển?”

“Ông sẽ thoát nếu đó là sự thật. Nhưng nó không phải!”

Tiến sĩ Choate thở hỗn hển. Tiến sĩ Sedlar chớp mắt lần thứ ba, và mắt kính của ông rơi xuống ngực. “Ý ông là gì?” ông nói chậm rãi.

“Vị Tiến sĩ Ales đây đã đập vỡ chiếc tủ Jaggard vào ngày hai mươi bảy tháng Năm...”

“Hừ!” Tiến sĩ Choate gầm lên. “Tôi nghĩ rằng chuyện này đi đủ xa rồi. Tôi thấy không cần phải chất vấn Tiến sĩ Sedlar thêm nữa. Thuyền của ông từ Anh đã không thể khởi hành cho đến nửa đêm ngày hai mươi tám và cập bến ngày hai mươi chín. Vì vậy, ông cũng thấy điều đó là không thể,

ngay cả trên lý thuyết, rằng ông ta chính là người đàn ông đã lấy trộm - tôi xin lỗi, thưa Tiến sĩ! - bản in năm 1599 của Jaggard.”

Tiến sĩ Sedlar không nói gì. Ông chấp nhận sự bảo vệ hung hăng của vị quản lý bảo tàng với nụ cười mờ nhạt và ánh nhìn dò xét sang ngài thanh tra.

Thumm cau mày. “Đó là một câu chuyện kỳ quặc khác, Tiến sĩ Choate. Nếu đó là sự thật, tôi rất muốn đá đít anh bạn của chúng ta, là Villa đây và quên đi mọi chuyện. Nhưng thực tế không phải như vậy. Bởi ngài Sedlar đây không ở trên chiếc tàu đó!”

“Không ở trên tàu ư!” Tiến sĩ Choate há hốc miệng. “Tiến sĩ Sedlar, cái gì... tại sao...?”

Vai của Tiến sĩ Sedlar thông xuống và một ánh nhìn mệt mỏi hiện lên trong mắt ông. Nhưng ông vẫn không nói gì.

“VẬY, CÓ PHẢI ÔNG KHÔNG, TIẾN SĨ SEDLAR?” Thumm lặng lẽ hỏi.

Tiến sĩ Sedlar thở dài. “Tôi đang thấy ngay bây giờ cách một người đàn ông vô tội có thể bị vướng vào vô số những hoàn cảnh bất lợi như thế nào... Không, ngài Tiến sĩ, tôi đã không lên chiếc thuyền đó, như ông thanh tra đã nói. Nhưng làm sao ông biết...”

“Tôi đã điều tra về ông. Ông rời nước Anh trên chiếc Carinthia vào thứ Sáu, ngày mười bảy tháng Năm, sau đó cập cảng New York vào thứ Tư ngày hai mươi hai. Điều đó có nghĩa là ông ở New York một tuần sớm hơn những gì ông đang mạo nhận. Các tình tiết đang bất lợi cho ông đấy, tôi sẽ cho ông biết!”

“Tôi hiểu,” viên quản lý người Anh lẩm bẩm. “Điều rắc rối nhất, chắc chắn là vậy. Vâng, điều đó là hoàn toàn chính xác, các quý ông. Tôi đến New York một tuần sớm hơn so với những gì tôi công bố công khai. Nhưng tôi vẫn không hiểu...”

“Chuyện này là vì việc gì? Tại sao ông nói dối?”

Tiến sĩ Sedlar mỉm cười. “Một từ thật xấu xí, ngài thanh tra. Tôi hiểu rằng mình đang ở hoàn cảnh mà những người bạn Mỹ hay cáo buộc mạnh mẽ là ‘bắt quả tang’.” Ông đột nhiên nghiêng người dựa lên bàn làm việc của Tiến sĩ Choate và khoanh tay lại. “Ngài buộc tôi phải đưa ra được một

lời giải thích. Tôi biết Tiến sĩ Choate sẽ tha thứ cho những lời nói không rõ ràng, nhưng vấn đề là tôi muốn có một tuần ở New York dành riêng cho bản thân mình. Nếu tôi có thông báo mình đã đến, tôi nhất định sẽ buộc phải liên lạc với Bảo tàng Britannic ngay lập tức, điều này có thể cản trở các dự định riêng của tôi. Để tránh sự cần thiết của... ừm, thay vì biên bản giải trình tẻ nhạt, tôi chỉ đơn giản nói rằng tôi đã đến muộn hơn một tuần so với thực tế.”

“Chuyến thăm trong tuần đó tại thành phố này phục vụ mục đích gì?”

“Điều đó, thưa ngài thanh tra,” vị tiến sĩ trả lời với một nụ cười lịch sự, “tôi sợ rằng tôi phải từ chối trả lời. Nó hoàn toàn là một chuyện cá nhân.”

“Ồ, vậy hả?” Thumm chế nhạo. “Tôi nghĩ rằng...”

Drury Lane nói nhẹ nhàng: “Thôi, thôi nào, ngài thanh tra, một người đàn ông có quyền được hưởng một sự riêng tư nhất định, ông biết đấy. Tôi thấy không cần phải tra hỏi Tiến sĩ Sedlar thêm nữa. Ông ta đã giải thích các chi tiết đáng ngờ...”

Joe Villa bật dậy, nét mặt gã nhăn nhúm vì vui sướng. “Chắc chắn rồi! Tôi biết mà!” Gã kêu lên. “Chắc chắn các vị sẽ tin ông ta! Nhưng tôi đã nói với mọi người rằng đây là gã đã thuê tôi làm vụ Saxon và chính là gã tôi đã theo đuôi ngày hôm đó! Các vị định để hãn thoát hử?”

“Ngồi xuống, Joe,” viên thanh tra mết mỏi nói. “Được rồi, ngài Tiến sĩ; điều duy nhất tôi sẽ nói với ông ngay bây giờ là mọi chuyện nhìn hết sức mờ ám đối với tôi.”

Sedlar cứng nhắc gật đầu. “Tôi chắc rằng ông sẽ thấy tất cả là một sai lầm. Lúc đó, tất nhiên tôi sẽ mong đợi một lời xin lỗi.” Ông hơi xoay mắt kính đặt lại dưới lông mày của mình và nhìn chăm chăm một cách lạnh lẽo về phía Thumm.

“Nếu tôi có thể hỏi một câu,” Patience bắt đầu bằng một giọng quyến rũ sau khi im lặng một lúc lâu. “Tiến sĩ Sedlar, ông có biết người đàn ông này tự gọi mình là Ales?”

“Ôi, con gái...” Lane bắt đầu.

“Ồ, chuyện này ổn thôi, thưa ông,” viên quản lý người Anh nở một nụ cười. “Tất nhiên là cô Thumm đây có quyền được hỏi. Không, tôi không

thể nói rằng tôi đã làm vậy. Cái tên đó chỉ gọi lại một ký ức mơ hồ...”

“Ông ta từng viết bài cho tờ Stratford Quartely,” Rowe đột nhiên nói.

“À! Thảo nào tôi mang máng rằng mình đã nghe thấy ở đâu đó.”

“Và bây giờ,” người quản lý tiền nhiệm lo lắng tiến về phía trước làm gián đoạn cuộc nói chuyện, “tôi chắc rằng chúng ta đã có đủ những cáo buộc và trách cứ. Ngài thanh tra, tôi đề nghị tất cả chúng ta hãy cùng quên ngày không vui vẻ này đi. Tôi thấy không có lí do gì để buộc tội người đàn ông này - anh Villa đây.”

“Không, không,” Tiến sĩ Sedlar lịch sự đồng ý. “Chưa có tổn thất gì cả.”

“Ở đây, chờ một phút,” Coburn, viên cảnh sát phản đối. “Tôi có bốn phạm của mình, các quý ông. Người đàn ông này chịu trách nhiệm về một vụ trộm, và tôi không thể thả hắn đi. Và hắn vừa mới thú nhận đã đột nhập vào dinh thự của bà Saxon...”

“Trời ơi,” Patience thở dài với người bạn đồng hành trẻ tuổi của mình. “Chúng ta lại lẫn lộn một lần nữa. Đầu em đang quay mòng mòng.”

“Có điều gì đó không bình thường đang bốc mùi nơi đây, em yêu,” chàng trai lẩm bẩm. “Được rồi, Pat, không yêu đương gì! Nhưng anh cảm thấy có một chìa khóa nhỏ xíu giải đáp bí ẩn cho toàn bộ vụ này, một yếu tố cần làm rõ...”

Joe Villa đứng thật yên, cái đầu điều hâu lắc lư từ bên này sang bên kia, đôi mắt nhỏ lấp lánh mơ hồ.

“Hừm...” Thumm bắt đầu nghi ngờ.

“Ngài thanh tra,” Lane lẩm bẩm. Thumm nhìn lên. “Một lát thôi, xin vui lòng.” Ông lão đi cùng ông cùng đứng sang một bên và họ thấp giọng trao đổi với nhau một lúc. Thumm tiếp tục nhìn nghi ngờ; sau đó ngài nhún vai và ra hiệu cho Coburn. Viên cảnh sát miễn cưỡng bỏ tay ra khỏi Villa và đành luống cuống lắng nghe với một vẻ mặt dữ tợn khi ngài thanh tra cất giọng cộc cằn. Những người khác chỉ im lặng quan sát.

Cuối cùng Coburn nói: “Vâng, không sao, ngài thanh tra, nhưng tôi cần nộp báo cáo của tôi đúng như vậy.”

“Chắc chắn rồi. Tôi sẽ nói chuyện với trung úy của anh.”

Coburn chào và bỏ đi.

Joe Villa thở hắt ra, tựa người vào bàn. Thumm rời khỏi phòng để tìm điện thoại, không để ý đến hướng dẫn trên bàn làm việc. Vị quản lý tiền nhiệm bắt đầu thì thầm trò chuyện với Tiến sĩ Sedlar. Ông Drury Lane mở màn xem một bức tranh khắc cũ sắc nét - bức chân dung Droeshout treo trên tường của Tiến sĩ Choate. Còn Patience và Rowe, họ đứng tựa vai nhau, không nói câu nào. Như thế tất cả đều đang chờ đợi một điều gì đó xảy ra.

Ngài thanh tra phi vào. “Villa”, ông nói ngắn gọn. Tên trộm giật mình chú ý. “Mày sẽ đi theo tao.”

“Ông định mang tôi đi đâu?”

“Mày sẽ sớm biết thôi.” Các học giả đã ngừng nói chuyện và đang quan sát Thumm đầy lo lắng. “Tiến sĩ Sedlar, ông sẽ ở lại đây?”

“Xin lỗi ông?” viên quản lý người Anh thì thầm, đầy ngạc nhiên.

“Chúng tôi đang định làm một chuyến du ngoạn đến nhà của vị Tiến sĩ Ales này,” viên thanh tra giải thích với một nụ cười ranh mãnh. “Tôi nghĩ rằng ông cũng muốn đi cùng.”

“Úi...” Villa cất giọng khàn khàn.

Tiến sĩ Sedlar cau mày. “Tôi sợ rằng tôi không hoàn toàn hiểu chuyện.”

“Tiến sĩ Sedlar và tôi còn nhiều chuyện khác cần giải quyết trong ngày,” Tiến sĩ Choate lạnh nhạt.

“VẬY THÌ THÔI.” Lane đột ngột di chuyển. “Ngài thanh tra, làm ơn. Tôi đang rùng mình khi nghĩ đến những điều Tiến sĩ Sedlar sẽ nghĩ về lòng hiếu khách của người Mỹ sau vụ khủng hoảng này. Mặt khác, Tiến sĩ, ông đang lưu trú ở đâu trong trường hợp chúng tôi cần tìm ông... à, trường hợp khẩn cấp?”

“Tại khách sạn Seneca, ngài Lane.”

“Cảm ơn ông. Đi thôi nào, ngài thanh tra. Patience, Gordon, ta nghĩ rằng mọi người không thể tách rời hai cháu nữa, nhỉ?” ông lão cười khúc khích. “À, tuổi trẻ bồng bột,” và ông lắc đầu buồn bã rồi đi ra cửa.

Ngôi Nhà Bí Ẩn

Theo hướng chỉ tay của gã người Ý mặt hầy còn đang sừng sĩa, Dromio đưa chiếc Lincoln ra khỏi xa lộ chính giữa Irvington và Tarrytown tiến vào một con đường hẹp, chỉ là một lối nhỏ rải sỏi giữa các hàng cây. Từ thế giới ồn ào của bê tông, con người, họ đột ngột giảm ga tiến vào một vùng thiên nhiên hoang dã mát lành. Chim và côn trùng đang xao động những cành lá trên cao. Không có chút dấu hiệu nào của sự sống con người nơi đây. Con đường ngoằn ngoèo xuyên qua hàng cây xanh như một vật thể sống.

“Chắc chắn đúng đường đấy chứ?” Thumm hỏi giận dữ.

Villa gật đầu một cách thận trọng. “Tôi nghĩ là đúng.”

Họ đi qua một cánh rừng như trải dài bất tận, tất cả đều nhợt nhạt và im ắng. Cuối cùng họ sẽ tìm thấy Tiến sĩ Ales! Mọi chuyện đột nhiên trở nên rõ ràng như thể bao nhiêu rắc rối trong tuần qua đã bị loại bỏ hết. Tất cả khẩn trương quan sát xem hàng cây sẽ kết thúc ở đâu.

Rồi, không có dấu hiệu báo trước nào, những tán lá giảm dần đi và họ bắt gặp một cảnh tượng khác - lối ra đầu tiên mọi người nhìn thấy kể từ khi tách ra khỏi đường chính chừng một dặm. Con đường này là một nhánh đường xe chạy ngoằn ngoèo hơi lệch về phía trái, chạy xuyên qua bụi rậm tới một dãy nhà cách đó chừng năm mươi thước. Mọi người có thể nhìn thấy nóc nhà, mái nhà, những lớp ngói qua các thân cây.

“Đỗ xe ở đây,” Villa cất giọng khàn khàn. “Nó đây rồi. Bây giờ tôi có thể...?”

“Mày ngồi yên ở đó,” ngài thanh tra nói dứt khoát. “Thoải mái đi.” Ông ra lệnh cho Dromio, mới tắt máy xe. “Chúng ta không muốn hù dọa ai cả. Hãy yên lặng, tất cả mọi người.”

Dromio đánh chiếc xe vào phía làn đường hẹp, xử lý khéo léo như thể đang thao tác với một sợi lông. Chiếc xe len lỏi nhẹ nhàng dọc con đường; con đường hơi mở rộng một chút; và sau đó hiện ra một khu đất hoang nhỏ trước một ngôi nhà bằng gỗ bong tróc nhiều do thời tiết xấu, nhìn như thể nó đáng tuổi ông nội của tất cả các ngôi nhà bỏ hoang khác. Lớp sơn của nó, không nghi ngờ gì đã từng có màu trắng, bây giờ là một màu bẩn thỉu lẫn lộn xám và vàng; vữa đang lở ra từ các bức tường, khiến ngôi nhà trông hết sức khó coi, chẳng khác nào củ khoai tây đang được bóc vỏ. Có một mái hiên nhỏ trước nhà, và các bậc thang gỗ đã vỡ hỏng xuống. Tất cả các cửa sổ có vẻ đều đóng chặt, và lớp gỗ nhìn khá chắc chắn. Các cành cây ở hai bên đang cọ vào tường. Ở phía bên trái của ngôi nhà có một gian cất củi đã cũ. Không quá mười bộ từ đó có duy nhất một tòa nhà nhỏ một tầng đã đổ nát, rõ ràng nó đã từng là một nhà để xe; cánh cửa kép đã được đóng lại. Dây điện thoại và dây điện lòi hết ra ngoài nhà và như đang cắm vào một chỗ kì bí nào đó ngoài thiên nhiên hoang dã.

“Thật là một đống đổ nát cũ kĩ đáng yêu!” Patience kêu lên. “Suýt!” viên thanh tra ra dấu dữ dội. “Được rồi, Dromio. Mọi người ở lại đây, đứng cùng nhau, trong khi tôi đi xung quanh ngó nghiêng một vòng. Chuyện này có vẻ hài hước, Joe. Nếu may cũng nghĩ như tao, may sẽ thấy mình không phải chịu khổ sở gì cả.”

Ông nhanh chóng leo ra khỏi xe, băng qua khoảng sân, và với sự linh hoạt tuyệt vời đối với cơ thể đồ sộ như vậy, ông bước nhanh đến hiên nhà. Cánh cửa khá vững chắc, mặc dù nó cũng mắc chung thứ bệnh như các bức tường; có một chuông điện ở một bên cửa. Ông tránh nó ra, bò rạp tới hiên nhà, cố gắng nhòm vào cửa sổ đang hướng ra ngoài. Nhưng có vẻ như chiếc màn sập ở đó ngăn trở nhìn trộm quá hiệu quả; và ông nhẹ nhàng rút lui xuống những bậc thang và biến mất vào phía bên trái của ngôi nhà. Sau ba phút, ông xuất hiện từ cánh phải và lắc đầu.

“Chết tiệt, nơi này có vẻ hoang vắng quá. Rồi, để xem nào.” Ông chạy ra hiên và dấn mạnh vào nút chuông.

Ngay lập tức - nhanh đến mức như thể có người đã quan sát tất cả qua lỗ tò vò, một người đàn ông mở cửa và bước ra. Khi cánh cửa rung rung, cây

chuông treo phía trên - một thứ thiết bị lỗi thời treo trên cửa được cuộn vào - sẽ kêu tinh tinh khi có bất kì chuyển động nào của cánh cửa. Đó là một ông già cao lớn, hốc hác, teo tóp trong đồng quần áo ảm đạm của mình, với một khuôn mặt dài và hết sức xanh xao. Đôi mắt màu xám mờ của ông nhìn lướt qua ngài thanh tra, sau đó chăm chú nhìn ra ngoài dưới ánh mặt trời rực rỡ về phía chiếc xe, và sau đó quay lại.

“Vâng, thưa ngài?” lão nói bằng giọng nói chói tai. “Tôi có thể giúp gì cho ông?”

“Ngôi nhà này thuộc sở hữu của Tiến sĩ Ales à?”

Ông nhanh nhẩu gật đầu; nhìn ông lão hết sức hoạt kê. Ông mỉm cười và cạo nhẹ lên mặt. “Ồ, vâng, thưa ông! Hẳn ông phải có tin tức về ông ta? Tôi bắt đầu thấy hơi lo lắng...”

“Ồ,” ngài thanh tra nói. “Tôi hiểu rồi. Đợi tôi một phút.” Ông bối rối tiến đến mép hiên. “Mọi người tốt hơn đi lên đây đi,” ông cay đắng gọi. “Có vẻ như chúng ta sẽ mất nhiều thời gian đây.”

Ông già gầy gò dẫn họ qua một lối đi hẹp đến một phòng khách nhỏ xíu. Trong phòng khá tối và mát mẻ. Phòng khách chứa những món đồ đã cũ đang nằm chờ ra vì tuổi tác, những tấm thảm cũ, những móc treo cũ. Một mùi ẩm mốc, giống như mùi lạnh lẽo trong các hầm mộ cổ xưa, tấn công khứu giác mọi người. Giữa ánh sáng ban ngày khi ông già vội vã mở toang các cửa chớp và kéo lớp rèm lên, căn phòng nhìn cũ sờn và đáng ghét.

“Điều đầu tiên chúng tôi muốn biết,” ngài thanh tra bắt đầu cộc lốc, “là ông là ai?”

Ông già mỉm cười vui vẻ. “Tên tôi là Maxwell, thưa ông. Tôi là người giúp việc cho Tiến sĩ Ales. Nấu ăn, dọn dẹp, đốn củi, và mua sắm ở Tarrytown.”

“Một người giúp việc, hả? Ông chỉ là một người giúp việc?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Tiến sĩ Ales không có ở nhà à?”

Nụ cười của Maxwell chuyển sang dấu hiệu báo động. “Tôi nghĩ rằng... Ông không biết sao? Tôi tưởng ông có tin tức của ông ta, thưa ngài.”

“Giờ thì,” Patience thở dài, “mọi chuyện đã lộ ra. Chết tiệt! Ông đã đúng, ông Lane. Một chuyện gì đó đã xảy ra với ông ta.”

“Suýt, Patty,” bố cô nói. “Maxwell, chúng tôi đang tìm kiếm thông tin, và chúng tôi cần tìm ra người chủ của ông. Khi nào...”

Đôi mắt mờ của Maxwell trở nên đầy nghi hoặc.

”Các vị là ai?”

Ngài thanh tra nhanh nhẹn giơ ra một huy hiệu lấp lánh; ông đã từ chối nộp lại nó khi nghỉ hưu; và ông giữ nó để đưa ra vào những dịp như thế này khi ông cảm thấy cần thể hiện một chút quyền lực nhà nước.

Maxwell rụt lui. “Cảnh sát!”

“Hãy trả lời câu hỏi của tôi,” Thumm nói nghiêm khắc. “Tiến sĩ Ales ở nhà lần cuối cùng là khi nào?”

“Tôi rất mừng vì ngài đã đến, thưa ngài,” Maxwell lẩm bẩm. “Tôi đã rất lo lắng. Không biết phải làm gì. Tiến sĩ Ales thường có những chuyến đi ngắn ngày, nhưng đây là lần đầu tiên ông ấy đi trong một thời gian dài như vậy.”

“Được rồi, lạy Chúa, ông ta đã đi được bao lâu rồi?”

“Để xem nào. Hôm nay là tháng Sáu ngày hai mươi hai. Ồ, đã hơn ba tuần nay rồi, thưa ông. Đó là vào ngày hai mươi bảy tháng Năm; vâng, thưa ông, Tiến sĩ Ales đi ra ngoài ngày hai mươi bảy tháng Năm, hôm thứ Hai.”

“Ngày xảy ra vụ kì quặc tại bảo tàng,” Thumm lẩm bẩm.

“Chẳng phải tôi nói rồi sao?” Joe Villa kêu lên.

Drury Lane đi lại quanh phòng khách một lúc; Maxwell đang quan sát ông đầy lo lắng. “Giả sử,” ông nói chậm rãi, “giả sử là ông nói cho chúng tôi biết những gì xảy ra ở đây, Maxwell, vào ngày hai mươi bảy. Tôi đoán rằng đó sẽ là một câu chuyện hết sức thú vị.”

“Vâng, Tiến sĩ Ales rời khỏi nhà vào buổi sáng sớm, thưa ông, và ông ấy đã không trở lại cho đến cuối buổi chiều, cho đến tận tối, tôi nói như vậy. Ông ấy...”

“Ông ấy trông như thế nào?” Rowe tò mò. “Vui mừng?”

“Đúng vậy, thưa ông! Hồi hộp, mặc dù ông là người khá lạnh lùng và không bao giờ biểu lộ bất kỳ... ngài hẳn cũng hiểu những gì tôi đang nói

đến, thưa ngài.”

“Khi ông ta trở về, có mang theo bất cứ thứ gì không?” đôi mắt Rowe ánh lên.

“Vâng thưa ngài. Một cuốn sách, có vẻ như vậy. Nhưng sau đó ông lại mang theo một cuốn sách giống hệt thế đi vào buổi sáng, vậy nên...”

“Làm sao ông biết đó là cùng một cuốn sách?”

Maxwell gãi cằm. “Vâng, trông nó giống nhau.”

Lane nói nhẹ nhàng: “Mọi chuyện trùng hợp một cách hoàn hảo. Ông ta ra ngoài vào buổi sáng thứ Hai mang theo bản in 1606 của Jaggard, và quay về cùng bản in 1599 của Jaggard mà ông đã lấy từ Britannic, sau khi để lại bản in 1606 ở vị trí của nó. Hừm... Tiếp tục nào, Maxwell? Rồi sao nữa?”

“Vâng, thưa ngài, khi Tiến sĩ Ales về đến nhà, ông đã nói với tôi: ‘Maxwell, tôi không cần ông ở lại tối nay. Ông có thể nghỉ ngơi,’ vì vậy sau khi để lại bữa ăn khuya cho ông, tôi đi ra - bước dọc theo con đường nhỏ ra đường lớn và bắt xe buýt đến Tarrytown. Tôi sống ở Tarrytown, có bạn bè ở đó.”

“Và đó là tất cả những gì ông biết?” Thumm càu nhàu.

Ông già có vẻ hơi bỡ ngỡ. “Vâng, tôi... ồ, vâng, thưa ông! Trước khi đi, ông ấy nói với tôi rằng sẽ để lại một món đồ trong sảnh để tôi gửi đi vào sáng hôm sau. Không gửi qua đường bưu điện, ông nói; khi tôi trở lại vào sáng thứ Ba, tôi sẽ mang nó xuống Tarrytown và nhờ người đưa tin chuyển nó đi. Vâng, khi tôi trở lại vào sáng thứ Ba, chắc chắn rồi, Tiến sĩ Ales không có ở đây nhưng gói đồ thì có, vì vậy tôi mang nó xuống Tarrytown và gửi đi.”

“Nó có hình dạng như thế nào?” Lane hỏi dồn dập. Maxwell ngơ ngác. “Sao cơ, một gói hàng. Tôi nhớ là hình dẹt...”

“Có thể trong đó là một cuốn sách?”

“Đúng rồi! Đúng hình dạng như vậy, thưa ông. Nó phải là một cuốn sách.”

“Chúng ta hãy làm sáng tỏ một điểm nữa,” ngài thanh tra gầm gừ. “Khi Ales đã trở lại vào đêm hôm thứ Hai, ông ta chỉ về một mình thôi à? Ông có nhìn thấy bất cứ ai đang rình mò bên ngoài không?”

“Ồ, ông ấy chỉ có một mình.”

“Ông không nhìn thấy một gã người Ai len to lớn, tuổi trung niên, có mái tóc đỏ xấu xí, lượn lờ xung quanh, có phải không?”

“Không, thưa ngài.”

“Buồn cười thật, cái quái gì đã xảy ra với Mick đây?”

“Đừng quên, bố à,” Patience nói, “rằng Maxwell đã bị đuổi đi ngay sau khi Tiến sĩ Ales về đến nhà. Có thể là Donoghue đã trốn ở bên ngoài sau một bụi cây, thấy Maxwell đi xa rồi, và sau đó...”

“Sao nữa?”

Patience thở dài. “Con cũng muốn biết nữa.”

“Ông có để ý địa chỉ trên bao bì không?” Rowe hỏi.

“Ồ, vâng, thưa ông. Quý ông này.” Maxwell nghiêng cọng rơm màu xám trở về phía Lane, “mới nêu tên chỗ đó cách đây chừng một phút trước. Bảo tàng Britannic. Đại lộ Thứ Năm và phố Thứ Sáu Mười Lăm, như trên bao bì, thành phố New York.”

“Giấy gói màu nâu, còn địa chỉ được in bằng mực màu xanh?”

“Vâng, thưa ngài.”

“Hừm,” Thumm nói, “dù sao, mọi chuyện đã rõ ràng hơn rất nhiều. Tôi không có câu hỏi nào khác vào lúc này nhưng người đàn ông đội mũ màu xanh đó chính là Ales; hắn đã lấy trộm cuốn sách, đặt cuốn năm 1606 vào chỗ đó, và ngày hôm sau hắn trả lại bản in năm 1599 qua người đưa tin.”

“Nó ở trong bọc,” Villa cười hả hê.

“Đúng, đúng rồi,” Lane lẩm bẫm, trán nhăn tít lại. “Còn chuyện nữa, Maxwell, ông có nhớ mình đã gửi một gói hàng tương tự như vậy khoảng hai tháng trước đây không?”

Những dấu hiệu về hành vi trộm cắp làm Maxwell lo lắng; ông bồn chồn. “Tôi... tôi hy vọng là,” ông lo lắng nói, “tôi đã không làm gì sai cả. Tôi không biết... Tiến sĩ Ales luôn tỏ ra là một quý ông... Vâng, thưa ông. Tôi đã gửi một gói giống như vậy lần trước; nó được gửi đến một ông nào đó tên Crabbe, tôi nghĩ rằng, trông coi tòa nhà Saxon, trên đại lộ Thứ Năm...”

“Thị lực của ông còn tốt, nhỉ?” Ngài thanh tra khô khan nói. “Được rồi, Joe, may mắn như quý đó. Mọi thứ đều trùng khớp.”

“Thật tuyệt vời,” Rowe lẩm bẫm. “Có vẻ như tất cả đều hướng về Tiến sĩ Ales này. Không chỉ sự có mặt phi lí* của ông ta trong sự kiện tại Britannic, mà dường như ông ta cũng nhúng tay vào vụ đột kích buổi đêm vào thư viện Saxon. Trong cuốn sách đó có thứ quái gì vậy?”

Joe Villa gập đôi vai mỏng của mình, cặp mắt đen tròn và sáng long lanh. Rồi gã thấy ngài thanh tra đang quan sát mình và gã buộc phải tỏ ra thư giãn. “Nếu mày biết điều gì là tốt cho mình, Joe, mày sẽ được tha,” ngài thanh tra nói nhẹ nhàng. “Bây giờ nghe này, Maxwell. Ông làm việc cho Tiến sĩ Ales này bao lâu rồi?”

Maxwell liếm đôi môi nhăn nheo của mình. “Sao cơ, chỉ khoảng ba tháng, ông ta đến Tarrytown khi đó là vào cuối tháng Ba, và đăng quảng cáo trên tờ Tarrytown Times tìm một người đàn ông làm các công việc vặt. Tôi ứng tuyển và đã được nhận. Lý do tôi biết thời điểm ông ta đến đây bởi Jim Browning, làm việc ở đại lý cho thuê bất động sản tại Tarrytown này, là một người bạn của tôi, và ông ta đã kể với tôi. Tiến sĩ Ales đã thuê ngôi nhà này và trả tiền trước sáu tháng, không có hợp đồng, không có bất kì câu hỏi nào, không có giấy tờ gì. Đó là trào lưu những ngày gần đây, Jim nói... Vì vậy, tôi đến đây và chuyện chỉ có vậy. Ông... ông ta luôn rất tốt với tôi.”

“Không được hỏi câu nào, hả?” Patience nói dứt khoát. “Thật lãng mạn làm sao! Tiếp theo, hẳn chúng ta sẽ khám phá ra ông ta là Hoàng tử Fidelio xứ Zuringia, đang ẩn cư ở Mỹ như một trò đùa cợt, ha ha! Hãy nói cho tôi, Maxwell, vị chủ nhân hấp dẫn này của ông có khách đến thăm không?”

“Ồ, không đâu, thưa cô. Không ai cả... À không, tôi nhầm. Có một người.”

“À,” Lane nói nhẹ nhàng. “Khi nào?”

Maxwell cau mày. “Đó là một tuần trước khi ông ấy ra đi, tôi không nhớ ngày chính xác. Đó là một người đàn ông, nhưng ông ta ăn mặc kín mít, thêm nữa là vào ban đêm, nên tôi không thể nhìn rõ khuôn mặt. Ông ta không nói tên và khăng khăng đòi gặp Tiến sĩ Ales. Khi tôi nói với ông chủ có một người đàn ông trong phòng khách đến gặp, Tiến sĩ Ales mới đầu rất kinh ngạc và đã định sẽ không ra. Nhưng sau đó, ông lại ra ngoài, ông đi vào phòng khách và ở đó một thời gian khá lâu. Rồi ông đi ra, bỏ lại người

đàn ông trong phòng khách, và nói với tôi - ông khá lo lắng, tôi nghĩ vậy - tôi có thể nghỉ ca làm buổi đêm. Tôi đã làm như vậy, và khi tôi trở lại vào sáng hôm sau người đàn ông đó không còn ở đây nữa.”

“Ales không bao giờ nhắc đến người đàn ông này sao, Maxwell? Ông ta không nói bất cứ điều gì sau đó với ông về anh ta?” Rowe yêu cầu.

“Với tôi ư, thưa ông?” Maxwell cười khúc khích. “Không, thưa ngài. Không có lấy một lời nào.”

“Giờ thì ai có thể là gã bí ẩn đó đây?” ngài thanh tra lẩm bẩm. “Không thể nào là tên cận bã đang ngồi đây nhỉ, Maxwell?” Và ông lấy tay mình vỗ vỗ lên vai của Villa.

Maxwell nhìn chăm chăm, và sau đó thốt ra một tiếng cười dài. “Ồ, không, thưa ông! Quý ông này không có giọng điệu giống - giống với quý ông đó. Người kia có giọng nói như Tiến sĩ Ales. Ý tôi là, loại giống giọng một diễn viên.”

“Một diễn viên!” Drury Lane nhìn chăm chăm. Sau đó, ông cười chân thành. “Tôi dám cá rằng thứ ông đang nghĩ đến,” ông cười khúc khích. “Ý ông đó là một người Anh, đúng không?”

“Một người Anh - chính là vậy, thưa ngài!” Maxwell kêu lên hào hứng. “Cả hai đều như vậy.”

“Lạ thật,” Patience thì thầm. “Giờ thì đó có thể là ai trên trái đất này đây?”

Gordon Rowe nhíu mày. “Nhìn đây, ông lão, vào buổi chiều ngày hai mươi bảy, khi Ales gửi gói hàng đi, ông ta không nói gì sao?”

“Không một lời nào, thưa ngài.”

“Và khi ông trở lại vào sáng hôm sau và tìm thấy gói hàng thì Ales đã rời đi, không có một dòng nào về nơi ông ta đang đến, hoặc một cái gì đó tương tự?”

“Không, thưa ngài. Tôi không nghĩ nhiều về nó, thưa ngài, nhưng khi nhiều ngày trôi qua và ông ấy không trở lại...”

“Đó là lý do tại sao, ngài thanh tra,” ông bạn già nhận xét, “ông không thu được gì từ danh sách những người mất tích mà Grayson đã cung cấp cho ông. Nếu Maxwell thông báo về sự biến mất của Tiến sĩ Ales ngay khi

nó xảy ra, ông nhất định sẽ nắm được thông tin. Thật đáng tiếc!” Ông nhún vai. “Giờ có thể đã là quá muộn.”

“Tiến sĩ Ales... đang mất tích?” Maxwell run rẩy.

“Rõ ràng.”

“Vậy giờ tôi phải làm gì?” Ông giơ vung tay. “Ngôi nhà này và tất cả các đồ nội thất.”

“Ồ, vâng,” Thumm nói. “Đồ nội thất. Ngôi nhà có sẵn đồ đạc khi Ales đến thuê?”

“Không, thưa ngài. Ông ta đã mua đồ cũ ở Tarrytown...”

“Đừng đi chung với một gã sẵn sàng ném vung vải những chi phiếu hàng trăm đôla,” Thumm trầm ngâm. “Rõ ràng hẳn không muốn định cư ở đây.” Đôi mắt xám của ông chăm chú nhìn Maxwell. “Ông chủ của ông trông thế nào? Có lẽ bây giờ chúng ta cần một mô tả chi tiết hơn!”

“Vâng, ông ấy cao, và hơi gầy...” Maxwell gãi cằm. “Tôi đã có một bức ảnh chụp của ông ấy, thưa ngài; tôi là một nhiếp ảnh gia nghiệp dư và tôi đã chụp ảnh lại trong khi ông ấy không để ý.”

“Quá tốt!” Rowe hét lên. “Một bức ảnh!” Anh đang ngồi bồn chồn rồi nhảy ra khỏi ghế. “Hãy lấy nó ra, ông bạn, vì Chúa!”

Mọi người nhìn nhau chăm chăm trong khi Maxwell đi ra đằng sau. Mùi mốc trở nên nồng nặc hơn; cánh mũi nhỏ, sắc như dao của Villa đang rung rung lên, hẳn đột nhiên châm một điếu thuốc. Lane lặng lẽ bước loanh quanh, hai tay chắp sau lưng.

“Một bức ảnh,” Patience thì thầm. “Giờ đây, hãy nghe này! - một lần và duy nhất - chúng ta sẽ giải quyết hết những câu hỏi trở trêu này...”

Người giúp việc gầy gò vội vã quay lại, mang theo một bức ảnh nhỏ. Thumm giật lấy và giơ nó ra trước sáng. Sau một nháy mắt, và ông ngạc nhiên cất tiếng nguyên rủa. Mọi người bu lại.

“Đây rồi!” Villa rít lên. “Tôi đã nói với các vị rồi?”

Trong bức ảnh là hình một người đàn ông trung niên mảnh khảnh trong bộ đồ đen với những đường cắt khá lạ. Đó là bức ảnh rất rõ ràng. Không còn nghi ngờ gì nữa, bất chấp nhân vật không đeo kính trong ảnh, rằng người đàn ông đó là Tiến sĩ Hamnet Sedlar.

“Hãy thả tôi ra,” Villa tự mãn, và gã cắn chặt điều thuốc lá một cách khoái trá.

“Đồ dối trá bẩn thỉu,” Gordon Rowe kích động; hàm anh cứng đờ. “Vậy hẳn ta đã nói dối! Tôi sẽ trả lại đầy đủ cho tên giết người vô lại đó vì đã găm viên đạn vào cánh tay tôi nếu đó là điều cuối cùng...”

“Nào, nào,” Lane lẩm bẩm. “Đừng để cảm xúc mang cậu đi quá xa, Gordon. Hãy nhớ rằng chúng ta chưa chứng minh được điều gì chống lại Tiến sĩ Sedlar.”

“Nhưng, ngài Lane,” Patience kêu lên, “lẽ nào ngài không nhận thấy điều gì từ những bức ảnh này hay sao!”

“Chỉ có một việc cần làm,” ngài thanh tra lẩm bẩm. “Còng tay hẳn ta lại và ép hẳn ta phun ra sự thật.”

“Ngài định tra tấn một công dân Anh ư, ngài thanh tra?” Lane khô khan nói. “Tôi yêu cầu tất cả mọi người giữ một cái đầu lạnh. Có quá nhiều khó khăn ở đây đang ngăn cản một lời giải thích hợp lý. Nếu mọi người coi trọng ý kiến của tôi, công việc thực tế sẽ tiến triển rất chậm.”

“Nhưng...”

“Ở mức độ nào đó,” Lane tiếp tục, “thì vẫn còn việc phải làm. Tôi đề nghị chúng ta xem xét ngôi nhà kỹ lưỡng. Không ai biết chúng ta có thể tìm thấy thêm những gì.” Sau đó, ông cười khúc khích. Maxwell há hốc miệng ngó từ người này sang người khác, rõ ràng rất bối rối. “Như Bedford đã nói ở Orleans: ‘Khách không mời mà đến thường được tiễn chào nồng nhiệt nhất khi đi về.’ Một viên ngọc trai khác từ món hào của chúng ta, Gordon... Vì vậy nên, Maxwell, chúng tôi sẽ làm ông thấy nhẹ nhõm hơn bằng cách đi về sau khi thực hiện nốt lần thăm dò cuối cùng này!”

Chòm râu và Phép Đảo chữ

Maxwell già cả lập cập đi trước và dẫn mọi người vào một sảnh nhỏ hôi hám, rẽ phải một vài bước rồi sang trái, băng qua bậc thấp nhất của một gian gác bằng gỗ ọp ẹp, có trải thảm, rõ ràng đang dẫn đến phòng ngủ trên lầu. Ông bước xuống hai bậc cầu thang đá đi đến một góc tường và dừng lại trước một cánh cửa gỗ sồi lớn. Cánh cửa đã đóng lại. Ông mở nó ra và đứng sang một bên. “Tiến sĩ Ales thường làm việc trong căn phòng này.”

Đó là một phòng làm việc rộng rãi được ốp từ sàn đến trần nhà bằng gỗ sồi tối màu, và chứa đầy các kệ sách gắn vào tường nhưng hầu hết trống không. Chỉ có một vài kệ dưới thấp là có sách, một vài cuốn thừa thớt lẻ tẻ.

“Theo dáng vẻ thư viện của hẳn ta,” Gordon Rowe nhận xét, “hẳn không định làm bất cứ việc gì ở ngôi nhà này, ngoại trừ một nơi ẩn náu tạm thời.”

“Có vẻ như vậy,” Lane lẩm bẩm.

Trần nhà khá thấp và có một chiếc đèn chùm cổ bằng kính màu gồm ghiếc treo trên chiếc bàn ở giữa phòng. Trên bức tường phía xa là một lò sưởi mạ vỏ sồi với lớp viền làm bằng gỗ sồi nguyên thớ; trong lớp than đen hầy còn một phần gỗ và tro. Trên bàn đặt một cây viết lông ngỗng cũ, một lọ mực Ấn Độ, một kính đọc sách khá dày, và một mớ lộn xộn nhiều thứ khác.

Cả ngài thanh tra và Patience kêu lên cùng một lúc và ập đến bàn làm việc.

“Cái gì thế?” Rowe kêu lên, lao về phía trước. Có một cái gạt tàn trên bàn làm việc, một món đồ sứ xấu xí được trang trí bằng hình một nàng tiên cá xinh xắn cùng mấy chú cá heo nhỏ đang cười đùa. Ở phần đáy khay nằm lẫn lóc năm mảnh đất sét màu xám trắng; hai miếng lớn nhất bị lõm vào, và

nằm phía trong lớp vỏ cong có dấu vết cháy xém. Mấy cục đất sét nung và phần thuốc đang cháy dở nằm đầy phía dưới mấy miếng đất sét.

“Có vẻ như đây là phần còn lại chiếc tàu đất sét rẻ tiền,” Rowe có vẻ hoang mang. “Tất cả những thứ thú vị* này nghĩa là gì đây?”

“Donoghue,” ngài thanh tra lâm bẫm.

Đôi mắt xanh của Patience sáng lấp lánh. “Đó là bằng chứng!” Cô kêu lên. “Gordon, Donoghue luôn hút bằng một chiếc tàu đất sét. Chúng ta biết rằng ông ta đã theo sát Tiến sĩ Ales từ ngày hôm đó tại viện bảo tàng. Những thứ này hầu như chứng tỏ ông ta đã ở đây!”

“Maxwell,” Thumm gay gắt, “tôi nhớ là ông có nói không có một người Ai len nào ở trong nhà này thời gian gần đây. Sao mấy cái tàu lại có mặt ở đây được?”

“Tôi không biết, thưa ông. Tôi đã không vào phòng này kể từ ngày Tiến sĩ Ales rời đi. Tôi nhìn thấy các mảnh vỡ trên sàn nhà phía trước bàn làm việc vào buổi sáng hôm đó trước khi tôi gửi bưu kiện và đã nhặt chúng lên, đặt chúng vào trong cái gạt tàn chứa đầy vụn tro và thuốc lá.”

Lane thở dài. “Ông có thấy các mảnh vỡ đó vào đêm hôm trước không, khi Tiến sĩ Ales bảo ông đi về?”

“Chúng không có ở đó khi tôi rời đi, tôi chắc chắn.”

“Tiến sĩ Ales có hút tàu đất sét không?”

“Tiến sĩ Ales không bao giờ hút thuốc. Chúng tôi tìm thấy cái gạt tàn thuốc trong số đồ cũ bỏ lại ở nhà kho khi chúng tôi đến đây.” Maxwell chớp mắt. “Tôi cũng không hút thuốc,” ông già run run.

“VẬY NÊN, TÔI NGHĨ RẰNG, NGÀI THANH TRA”, Lane có vẻ hơi mệt mỏi, nhận xét, “chúng ta có thể tái tạo lại các sự kiện với một độ chính xác nhất định. Sau khi Ales đuổi Maxwell đi vào buổi tối ngày hai mươi bảy. Donoghue, người đã theo Ales từ thành phố và ẩn nấp trong bụi cây bên ngoài, bước vào nhà. Ông ta đã mặt đối mặt với Ales trong căn phòng này; chúng ta có thể chắc chắn điểm đó. Còn những gì xảy ra sau đó chỉ là phỏng đoán.”

“Đó là một từ hay đấy,” Thumm nói với một vẻ mặt cau có. “Chúng ta hãy xem qua phần còn lại của bãi rác này.”

Họ bước lên bậc cầu thang ọp ẹp và đi qua đoạn hành lang hẹp phía trên nối đến nhiều cánh cửa. Mọi người lần lượt kiểm tra từng phòng theo thứ tự. Hai cái trống rỗng và chứa đầy mạng nhện; rõ ràng Maxwell cũng không phải một quản gia có lương tâm nghề nghiệp gì. Một là phòng riêng của Maxwell; không chứa gì ngoài một chiếc giường sắt, một bồn rửa mặt cũ, một cái ghế và một ngăn kéo được lôi lên từ hòm rượu của cửa hàng bán rượu cũ. Phòng thứ tư là phòng ngủ của Tiến sĩ Ales - căn phòng nhỏ, cũng ít đồ nội thất và không quá sạch sẽ mặc dù Maxwell chắc đã có nhiều nỗ lực quả cảm để xoa bớt bụi. Chiếc giường cổ, hơi xước xát nhưng còn chắc chắn, được làm từ gỗ óc chó.

Patience kiểm tra tấm chăn phủ giường bằng con mắt kĩ tính của người phụ nữ. “Tác phẩm của ông à?” cô nặng nề hỏi.

“Vâng, thưa cô. Lần cuối cùng,” Maxwell nuốt nước bọt, “là vào buổi sáng ngày hai mươi bảy...”

“Thật vậy sao?” Lane thì thầm. “Chuyện xảy ra như thế nào? Khi ông trở lại vào sáng ngày hai mươi tám nhận thấy Tiến sĩ Ales đã rời đi và gói hàng trong sảnh ở tầng dưới, ông không thấy ga giường lộn xộn ư?”

“Không, thưa ngài. Đó là lí do tại sao tôi biết Tiến sĩ Ales đã ra đi vào đêm trước, đêm đó, ông ấy đã cho tôi về nghỉ sớm ở Tarrytown. Bởi vì vào sáng thứ Ba tôi thấy ông ấy đã không qua đêm trên giường của mình.”

“Thế chết tiệt nào mà lão không nói như vậy từ trước?” Thumm vỗ vập. “Đó là chuyện quan trọng. Nó nghĩa là bất cứ điều gì đã có thể xảy ra ở đây vào đêm ngày thứ Hai trước khi Ales xuất hiện. Ý tôi là, trước khi Sedlar xuất hiện.”

“Hãy khoan nào, ngài thanh tra,” ông lão mỉm cười. “Đừng liên tưởng sâu quá. Hãy cố gắng trong thời gian này, ở mức độ nào đó, chúng ta vẫn tiếp tục gọi tên người thuê nhà đang mất tích ở nơi này là Tiến sĩ Ales.... Tiến sĩ Ales.” Ông mỉm cười kỳ quái một lần nữa. “Một cái tên kì cục, nhỉ? Có ai cũng thấy nó không bình thường không?”

Gordon Rowe, đang lục lọi tủ quần áo, đứng thẳng lên. “Tôi đã nhận thấy sự kì lạ của cái tên đó,” anh nhấn mạnh, “và nếu có bất kỳ dấu hiệu

hay hiện tượng nào xảy ra trong bối cảnh mịt mù này, sự kỳ quặc của cái tên đó chỉ chứng tỏ ngài thanh tra đúng và ông đã sai, ngài Lane!”

“À, Gordon,” Lane cười bí hiểm. “Tôi hiểu thế nào cậu cũng sẽ đánh hơi thấy.”

“Ý ông là gì?” Patience kêu lên.

“Đánh hơi thấy cái gì?” viên thanh tra gầm lên, khuôn mặt đỏ ửng bực tức.

Joe Villa thả người một cách thô bỉ lên chiếc ghế duy nhất, như thể hắn đang chán đến phát khùng với trò hề của mấy người điên này. Còn Maxwell, ông đang chăm chăm nhìn mọi người, miệng nửa há hốc, nhìn hơi ngớ ngẩn.

“Thực tế là,” Rowe ngắt lời, “cụm từ Tiến sĩ Ales* có sáu chữ rất đặc biệt. Hãy nghĩ về chuyện đó.”

“Các chữ cái ư?” Patience ngây người. “A-l-e-s.Ồ, Gordon, em ngốc quá!”

“Ồ, vậy hả?” ngài thanh tra lẩm bẩm. “A-l-e-s.”

“Không phải A-l-e-s,” Lane nói. “D-r-a-l-e-s.”

“Drales?” Patience cau mày.

Rowe ném một cái nhìn kì lạ về phía Lane. “Vậy ông cũng đã nhận ra! Patience, em không thấy rằng các chữ cái lấy từ tên ‘Dr. Ales’ đã tạo thành một phép đảo chữ hoàn hảo hay sao?”

Đôi mắt Patience mở to, cô hơi tái mặt cô đang lẩm nhẩm cái tên.

“Chính xác. Các chữ cái của cái tên ‘Dr. Ales’ chính là phép sắp đặt đơn giản nhất của cái tên ‘Sedlar’!”

“Chính xác”, ông già thì thầm.

Trong một khoảnh khắc, không gian hoàn toàn yên lặng. Sau đó, Rowe lặng lẽ quay lại hướng sự chú ý của mình về cái tủ quần áo.

“Nói đi!” ngài thanh tra kêu lên. “Giờ đừng có vờ tỏ ra ngốc nghếch, chàng trai! Rồi, Lane, ông không thoát được chuyện này đâu.”

“Có lẽ cũng không cần phải đi loanh quanh làm gì,” Lane cười. “Không, tôi đồng ý với Gordon rằng phép đảo chữ ‘Dr. Ales’ là quá khó tin để có thể là một sự trùng hợp ngẫu nhiên. Nhưng đâu là cách sắp xếp các chữ cái,

liệu ai đã tạo ra nó, với mục đích gì... ” Ông nhún vai. “Tôi đã học được một điều kể từ khi bắt đầu nghiên cứu các thay đổi bất thường trong tâm trí con người. Đó là không bao giờ nên nhảy thẳng đến kết luận.”

“Được rồi, còn tôi đã sẵn sàng nhảy đến đó,” Ngài thanh tra bắt đầu gay gắt, và nhận được một tiếng khụt khịt tán đồng từ Rowe.

Anh rời khỏi tủ quần áo, tự lẩm bẩm với chính mình. Sau đó, anh nhanh chóng quay người lại, bàn tay không bị thương giấu phía sau lưng.

“Hãy đoán xem tôi đã tìm thấy những gì,” anh nở một nụ cười. “Tiến sĩ Ales, người đàn ông của chúng ta, đích thị là một Machiavelli thối rữa và hơi bốc mùi!”

“Gordon! Anh đã tìm thấy những gì?” Patience kêu lên, bước vội về phía anh.

Anh vẫy tay chào cô bằng cánh tay băng bó của mình. “Nào, thôi nào, cô nàng nhỏ bé, hãy sống đúng như tên của mình*.” Anh đột ngột thu nụ cười lại. “Thứ này chắc sẽ khiến ông quan tâm, ngài Lane,” và anh đưa cánh tay lành lặn về phía trước. Giữa những ngón tay anh là bộ râu giả màu xanh lá cây xen lẫn xanh biển, tết gọn gàng. Nó là câu trả lời hoàn hảo cho câu hỏi về bộ râu đặc biệt mà vị khách hàng của thanh tra Thumm đã mang trong chuyến viếng thăm đáng nhớ của gã đến văn phòng thám tử ngày mùng sáu tháng Năm.

Trước khi mọi người hết sững sờ, Rowe quay người và lại cắm đầu vào tủ quần áo. Anh lấy ra liên tiếp ba đồ vật khác nhau - một chiếc mũ mềm độc đáo màu xanh, một cặp kính gọng xanh, và một bộ ria mép màu xám rậm rạp.

“Hôm nay là một ngày may mắn của tôi,” chàng trai cười. “Được rồi, mọi người nghĩ sao về những món trang trí nho nhỏ này?”

“Tôi sẽ bị nguyên rủa đời đời,” ngài thanh tra ngây người, hướng về Rowe với sự ngưỡng mộ miễn cưỡng.

“Ồ, Gordon!”

Lane nhặt lấy bộ râu giả, kính đeo mắt, bộ ria mép và mũ từ Rowe. “Tôi cho rằng không còn nghi ngờ gì nữa,” ông thì thầm, “rằng bộ râu và kính là trùng khớp?”

“Nghe này,” Thumm gầm gừ. “Không thể có hai cái thứ kì cục như thế trên toàn thế giới. Ông có tưởng tượng được một ai đó tinh táo lại mang thứ đó không?”

“Chắc chắn rồi.” Lane mỉm cười. “Trừ một số trường hợp rất đặc biệt. Maxwell, có bao giờ ông thấy những thứ này chưa?”

Người giúp việc, đang nhìn chăm chăm vào bộ râu cùng vẻ mặt mê man kinh hoàng, lắc đầu. “Ngoại trừ chiếc mũ, tôi chưa bao giờ nhìn thấy chúng, thưa ông.”

Ông già càu nhàu. “Chiếc mũ... Villa, đây có phải chiếc mũ Tiến sĩ Ales đã đội trong những những ngày anh bám theo ông ta đến Bảo tàng Britannic? Và bộ ria mép?”

“Chắc chắn rồi. Tôi đã nói với mọi người rằng thằng cha đang âm mưu. Tôi không...”

“Bằng chứng hữu hình,” Lane nói một cách mơ màng. “Không còn nghi ngờ gì nữa, người đàn ông đã để lại chiếc phong bì cho ông ngày mùng sáu tháng Năm, thanh tra, và kẻ đã ăn trộm tại Bảo tàng Britannic vào chiều ngày hai mươi bảy tháng Năm, là một. Theo như bề ngoài thì...”

“Theo như vẻ bề ngoài,” ngài thanh tra châm chọc cay nghiệt, “đây là một vụ quá rõ ràng. Với bằng chứng này, cùng với lời khai của Crabbe và Villa, đặc biệt là bằng chứng quá tốt qua bức ảnh chụp, không còn gì khó hiểu nữa. Tôi nói với ông rằng sẽ không có một Sedlar nào trong vụ này cả!”

“Không Sedlar ư? Ngài thanh tra, anh làm tôi ngạc nhiên. Ý anh là gì?”

“Nhưng đây là Sedlar,” Rowe phản đối, còn Patience cau mày nhìn bố mình.

Thumm cười toe toét. “Tôi đã túm được mặt sau của phép màu nhiệm này, ơn Chúa! Dễ như ăn kẹo. Người đã có mặt tại bảo tàng tự xưng là người quản lý mới được thuê, Tiến sĩ Sedlar, hoàn toàn không phải là Tiến sĩ Sedlar! Ông ta là Tiến sĩ Ales, hay ai cũng được! Nhưng tôi cược với ông cả bộ râu của mình rằng Ales đã xoay sở để trở thành Sedlar khi Sedlar cập bến tại New York và trước khi tay người Anh đến nhận công việc mới của mình, hẳn đã mạo danh Sedlar trên cơ sở một số sự tương đồng nhất định ở

bề ngoài, dáng người, chiều cao, kiểu vảy; mấy tay Ănglê trông đều hao hao nhau - và bắt đầu toàn bộ trò khi này. Tôi nói với ông rằng ngài Tiến sĩ Ales của ông không chỉ là một tên trộm mà còn là một kẻ giết người.”

“Câu hỏi đặt ra đối với tôi,” Rowe nhận xét, “đó là: Tiến sĩ Ales là ai?”

“Anh có thể kiểm tra lý thuyết của mình bằng cách đơn giản,” Lane nháy mắt. “Đơn giản chỉ cần gọi cho anh bạn thân Trench ở Scotland Yard yêu cầu lùng sục một bức ảnh của Hamnet Sedlar và gửi cho anh.”

“Ý đó rất hay!” Patience kêu lên.

“Khi nghĩ về nó, tôi không chắc chắn...” Lane bắt đầu.

Ngài thanh tra môi dưới đang trề ra đáng kể trong suốt cuộc trò chuyện ngắn ngủi này, đột nhiên mặt đỏ gay và vung mạnh tay. “Điên thật!” Ông gầm lên. “Tôi xử lý xong cái vụ chết tiệt này rồi. Tôi sẽ không làm việc quái gì liên quan đến nó nữa. Tôi xong rồi, nói cho ông hay. Nó khiến tôi mất ngủ hàng đêm. Ma quỷ. Patty, tiếp nào!”

“Nhưng tôi sẽ làm gì bây giờ?” Maxwell hỏi bất lực. “Tôi hãy còn một ít tiền Tiến sĩ Ales để lại, nhưng nếu ông ta không quay lại...”

“Quên đi, ông bạn. Đóng đồ và về nhà thôi. Patty...”

“Tôi không nghĩ vậy,” ngài Drury Lane thì thầm. “Không, ngài thanh tra, tôi nghĩ là không. Maxwell, đây có thể là một ý tưởng tuyệt vời nếu ông giả như không có chuyện gì xảy ra.”

“Vâng, thưa ngài?” Maxwell nói, gãi gãi gò má nhão của mình.

“Và nếu Tiến sĩ Ales trở lại - điều không phải hoàn toàn không có khả năng - tôi chắc rằng ngài thanh tra sẽ hết sức vui mừng nếu nhận được tin từ ông.”

“Vâng, thưa ông,” Maxwell thở dài.

“Chết tiệt, tôi sẽ không...” viên thanh tra càu nhàu.

“Thôi nào, ông thiên lôi của tôi,” Lane mỉm cười, “hãy đưa cho Maxwell một tấm danh thiếp... Thế sẽ tốt hơn!” ông khoác tay Thumm. “Hãy nhớ đây, Maxwell, ngay khi Tiến sĩ Ales trở về!”

Tội Ác Ở Westchester

Và sau đó, đột ngột như bị một cú trời giáng, vụ án đã khép lại. Trong hơn một tuần sau đó, mọi thứ giậm chân tại chỗ; không có gì xảy ra, không có gì mới mẻ, và hơn nữa chẳng ai có vẻ quan tâm đến.

Ngài thanh tra thực hiện đúng những lời mình nói; ông quyết định dẹp vụ án lại. Cuộc điều tra nhằm vào vụ cướp trang sức mà ông đã nhắc đến - một vụ nhạy cảm dính líu đến một sợi dây ngọc trai giá trị và một vụ tấn công nhằm vào một cô ả đáng vẻ tiêu tụy đang làm tổ nơi mấy đám mây trên đầu khu Đại lộ Công Viên - đã chiếm toàn bộ tâm sức của ngài thanh tra; ông hiếm khi xuất hiện tại văn phòng và khi có mặt, ông cũng chỉ kịp liếc qua các bức thư của mình. Văn phòng thám tử Thumm, ngoại trừ một số lần thăm viếng hiếm hoi của Patience, chỉ còn lại những giọt nước mắt đa cảm của Brodie.

Riêng với Patience, cô đã bất ngờ có một niềm đam mê nghiên cứu mới. Cô bị ám ảnh bởi Bảo tàng Britannic, dưới sự chấp thuận thầm lặng của vô số các quý ông vẫn luôn bận rộn việc áp dụng những kiến thức về kiến trúc và trang trí để trang hoàng tòa lâu đài đang đổ nát đó; cô và Rowe đã nỗ lực hết sức để nghiên cứu về Shakespeare. The Bard, thật đáng lo, không che giấu nhiều bí mật về mối quan hệ này trong lịch sử văn học. Giữa những cuộc thảo luận về Tiến sĩ Sedlar bí ẩn và bản thân hai người. Patience và Rowe thu được rất ít tiến triển trong nghiên cứu của Rowe.

Nhưng người tỏ vẻ ít quan tâm nhất, dường như là ngài Drury Lane. Ông nhốt mình một cách thoải mái trong pháo đài bất khả xâm phạm, lâu đài Hamlet, và trong chín ngày liền nơi đó im lìm như một tu viện.

Vẫn có những khoảng thời gian ngắn vô vị xen giữa thời gian đó. Trong suốt tuần, chẳng hạn, đã có hai bức thư gửi đến văn phòng ngài thanh tra

đều có ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình điều tra vụ án còn nguyên nhưng đã bị bỏ rơi kia. Một là từ bác sĩ Leo Schilling, trưởng phòng khám nghiệm của Hạt New York, cơ sở y khoa - hình sự học dành cho những kẻ sát nhân ở Manhattan. Nếu là một công thức hóa học, vị bác sĩ danh giá viết, các ký tự 3HS wM là hoàn toàn vô nghĩa. Đầu tiên, ông đã nghĩ đến việc phân tách các biểu tượng thành các hợp chất. 3HS có thể nghĩa là ba phần của hydro và lưu huỳnh; nhưng tiếc là không có hợp chất hóa học nào như vậy, kể từ khi một nguyên tử hydro từ thời Priestley, và trước nữa, luôn ngoan cố từ chối liên kết với duy nhất một nguyên tử lưu huỳnh. Đối với chữ cái w viết thường, có những kiến giải hóa học khác nhau, bác sĩ Schilling tiếp tục; như watt, đơn vị điện năng, hay wolframite, mà là một kim loại hiếm. Chữ M tượng trưng cho kim loại, vậy nên có thể có sự liên quan giữa M và w, nếu w tượng trưng cho wolframit. “Nói chung là, tuy nhiên,” bản báo cáo kết luận, “quan điểm của tôi tới cái mớ hổ lốn rối rắm những con số kết hợp với các chữ hoa và chữ thường là hoàn toàn vô nghĩa. Nó không mang chút ý nghĩa khoa học nào cả.”

Bức thư thứ hai là từ trung úy Schiff, chuyên gia mật mã tại Cục tình báo ở Washington. Trung úy Schiff bào chữa cho sự chậm trễ trong việc trả lời câu hỏi của thanh tra Thumm rằng ông đang rất bận rộn; có lẽ ông đã không nghiên cứu được nhiều; rằng đây là ý kiến cá nhân “nếu đây là một mật mã thì nó quả là khó hiểu.” Ông không tin rằng nó có thể bị phá vỡ, nếu đây là một thông điệp mã hóa; nếu có những giả thiết khác, có thể đây là loại mật mã mà những ý nghĩa nhất định đã kết nối tới các ký tự riêng lẻ theo một quy ước. Một chuyên gia có thể mất hàng tháng trời tìm kiếm chìa khóa hoặc đoạn mã mà vẫn không thành công.

Patience gần như phát khóc; cô đã bí mật dành nhiều đêm không ngủ để tìm hiểu các kí hiệu kì lạ. Rowe an ủi cô nhưng cũng không giúp được gì nhiều; anh cũng không gặp may khi chẳng thu thập được thêm thông tin gì.

Các báo cáo khác được gửi đến, tương tự cũng không thu được kết quả gì. Một là một ghi chú mật từ thanh tra Geoghan: những thám tử ở trụ sở chính đã dành nhiều ngày vô ích tìm kiếm dấu vết Hamnet Sedlar để lại tại thành phố New York từ ngày hai mươi hai tháng Năm, ngày tàu Carinthia

cập cảng, và ngày hai mươi chín tháng Năm, ngày ông ta chính thức giới thiệu mình tại Bảo tàng Britannic. Khi hỏi thăm khách sạn Seneca, nơi gã người Anh lưu trú, họ chỉ tiết lộ rằng Tiến sĩ Sedlar đã đặt một căn phòng vào sáng ngày hai mươi chín tháng Năm - rõ ràng, bởi đây là điều tự nhiên cần thực hiện sau khi bịa ra câu chuyện đã đến từ nước Anh vào ngày hai mươi chín. Ông ta mang hành lý công kênh. Ông vẫn còn ở Seneca, một trung niên người Anh điềm tĩnh luôn ăn một mình trong Phòng Săn Bắn và vào những dịp hiếm hoi có mặt lúc buổi chiều ở khách sạn, đặt suất trà bốn giờ chiều mà ông kín đáo thưởng thức trong phòng mình.

Nhân viên bảo vệ không may mắn người Ai len, Donoghue, vẫn đang mất tích. Không một chút dấu vết dù là mờ nhạt nhất về số phận ông ta. Tiến sĩ Ales cũng đã biến mất không chút dấu vết.

Gã người Ý Villa giờ đang bị giám sát. Ngài thanh tra - rõ ràng đã thay đổi thái độ với Gordon Rowe kể từ vụ đụng độ với gã đàn ông đeo mặt nạ và những khám phá tiếp đó về bộ râu giả - dành nguyên một buổi chiều để giải thích cho anh rằng, khi Villa bị bắt ở bảo tàng thì ông, một chiến binh tuy già nhưng hãy còn hết sức tinh tường - e hèm! - đã cho phép bản thân gọi một cú điện thoại. Vâng, có lẽ đó là gợi ý của ngài Drury Lane. Bằng mọi giá, mục đích của thủ tục này là để chuẩn bị những con chó săn theo sát những dấu vết mờ nhạt Villa để lại khi ngài thanh tra xong việc với hắn. Tay chó săn đặc biệt này là Gross, một nhân viên văn phòng thám tử Thumm; và Gross đã bí mật bám theo cả nhóm từ Bảo tàng Britannic đến nhà của Tiến sĩ Ales gần Tarrytown, đã lặng lẽ chờ đợi bên ngoài cho đến khi mọi người đi khỏi, và sau đó đã lặng lẽ bám theo Villa, bám chặt lấy những dấu vết của hắn như bóng ma của Tù trưởng. Nhưng Gross không có gì để báo cáo. Tên trộm dường như đã từ bỏ tìm hiểu *bí mật trị giá hàng triệu* đó.

Tiến sĩ Sedlar đã đến và đang ở bảo tàng. Cũng như Tiến sĩ Choate. Crabbe đang vuốt ve những cuốn sách của lão tại biệt thự Saxon. Bà Saxon trông có vẻ béo phì và bóng nhẫy dưới cái nóng cuối tháng Sáu, đang chuẩn bị đi đến Cannes nghỉ hè... Mọi người đều làm những công việc bình thường. Tất cả đều có vẻ ngây thơ như đôi mắt xanh của Patience. Như

thanh tra Thumm nhận xét trong một khoảnh khắc thư giãn giữa cuộc điều tra khắc nghiệt về vụ trộm đá quý: “Đó là vụ điên khùng nhất tôi từng nhúng tay vào.”

Maxwell, như kế hoạch, vẫn một mình chờ đợi tại ngôi nhà của tiến sĩ Ales.

Rồi có một cuộc gọi.

Nó đến vào ngày đầu tiên của tháng Bảy, vào một buổi sáng thứ Hai mà cái nóng chảy mỡ đã túm được ngài thanh tra sau hai ngày đi trốn, nghỉ ngơi trong quá trình thực hiện cuộc điều tra gần nhất; Gordon Rowe đang ngủ yên bình trong một khách sạn gia đình anh thuê trong tuần - đã đóng gói chỗ đồ đạc ít ỏi của mình, hành động đúng với phẩm giá và rời khỏi nhà Saxon, như anh nói với Patience, “từ giờ cho đến hết đời”; Brodie vẫn như mọi khi trong phòng chờ; còn Patience đang cau mày nghiên cứu trên bàn làm việc một ghi chú gửi từ ngài thanh tra đóng dấu bưu điện Council Bluffs, Iowa.

Brodie hét lên qua cánh cửa mở: “Cô sẽ nhận cuộc gọi này chứ, cô Thumm? Không thể đuổi hăn đi được. Hăn có vẻ say xỉn hoặc gì đó.”

“Ồ, cô nàng,” Patience thở dài, với tay lấy điện thoại. Brodie đang thời kì khó khăn. “Xin chào,” cô nói một cách mệt mỏi, và sau đó người cứng đờ như thể bị giật điện.

Giọng nói ở đầu bên kia không nghi ngờ gì nữa là của Maxwell già nua. Nhưng một giọng nói lạ lùng làm sao! Nghe nghệt thờ, yếu ớt, hoang dại, lấp bắp, và Patience không thể nghe được cả câu mà chỉ phỏng đoán từng từ. “Giúp tôi... tại nhà... khủng khiếp... Ngài thanh tra Thumm... đến đây...” giữa một đám các âm tiết vô nghĩa.

”Maxwell!” Patience kêu lên. “Chuyện gì đã xảy ra? Tiến sĩ Ales đã quay trở lại?”

Trong khoảnh khắc, giọng nói của ông già khi yếu ớt, trở nên rõ ràng. “Không. Đến đây,” rồi sau đó là một tiếng đập trống rỗng, như thể một vật nặng nào đó rơi xuống. Patience nhìn chăm chăm vào ống nghe. Rồi cô gào lên điên cuồng. Không có ai trả lời. “Maxwell!” Nhưng có vẻ rõ ràng là Maxwell đã không còn có thể nghe hoặc trả lời cô nữa.

Patience nhảy bổ vào phòng chờ, đội lệch mũ rơm. “Brodie! Gọi Quacey ở lâu đài Hamlet cho tôi... Quacey! Patience đây. Ông Lane có đó không?” Nhưng Quacey đang ở nhà một mình: Ngài Drury đang ở đâu đó trong dinh thự - chính xác thì ông không biết; tuy nhiên, ông sẽ tìm thấy chủ nhân của mình trong thời gian sớm nhất có thể và ngay lập tức truyền đạt tin nhắn của Patience rằng hãy đến ngay nhà của Tiến sĩ Ales... Sau đó, Patience gọi vào số mới của Gordon Rowe.

“Chúa ơi, Pat. Chuyện có vẻ nghiêm trọng. Chờ chút để anh xoa cơn buồn ngủ đi đã... Em gọi cho cảnh sát chưa?”

“Cảnh sát? Cảnh sát gì?”

“Cảnh sát Tarrytown, đồ ngốc! Pat, cô gái của tôi, có vẻ sáng nay em đang rối trí. vì Chúa, hãy tìm kiếm sự giúp đỡ cho ông già khốn khổ đó!”

“Ô, Gordon,” Patience rên rỉ, “em đang hành xử như kẻ ngốc. Em rất xin lỗi. Lẽ ra em phải nghĩ đến chuyện đó. Em sẽ báo họ ngay. Em sẽ đến đón anh trong hai mươi phút nữa.”

“Chuẩn bị kỹ nha, em yêu!”

Nhưng người đứng đầu Sở cảnh sát Tarrytown, một người tên Bolling lại vắng mặt khi Patience gọi đến; và tay trợ lý mệt mỏi dường như quá khó khăn để hiểu đây là tình trạng khẩn cấp, cuối cùng cũng chỉ hứa sẽ “gửi ai đó đến.”

Ngày càng có nhiều khó khăn, môi Patience mím chặt. “Tôi đi ra ngoài,” cô giận dữ thông báo cho Brodie. “Lạy Chúa, thật là một mớ hỗn độn! Tất cả những gì tôi biết là Maxwell khốn khổ đang vùng vẫy trong đống máu của chính mình. Tạm biệt!”

Patience phanh gấp chiếc mui trần tấp vào lề. Gordon Rowe đứng dậy và nheo mắt về phía con đường.

“Anh nghĩ rằng xe ngài Lane sẽ đến bây giờ.”

Một chiếc limousine màu đen dài lao về phía họ với tốc độ chóng mặt. Nó rít lên rồi dừng lại trước mặt, cả hai người đều thở dài hài lòng. Gã liều mạng đằng sau vô lăng chính là Dromio. Cánh cửa ghế sau mở ra và dáng hình cao gầy của Lane bước ra ngoài.

“Các con ta!” Ông kêu lên. “Ta rất xin lỗi. Con vừa đến hả? Ta đi bơi và Quacey, kẻ ngốc ngếch tội nghiệp đó, không thể tìm thấy ta. Mọi người đã gọi điện cho cảnh sát chưa?”

”Họ sẽ đến ngay bây giờ,” Patience nuốt nước bọt.

“Không”, ông già thì thầm, đôi mắt sắc sảo quan sát lớp sỏi trải đường. “Mới được đổ vào ban đêm; lớp sỏi vẫn còn màu đen và mềm; không có dấu hiệu của lớp xe... Vì một lý do nào đó mà họ đã không đến. Chúng ta sẽ phải tự kiểm tra thôi. Cánh tay của cậu, như ta thấy, Gordon, đã được chữa lành... Tiếp tục nào, cháu yêu. Đừng nhanh quá. Không ai biết chúng ta có thể tìm được những gì đâu.”

Ông quay trở lại xe của mình còn Patience đánh chiếc mũ trần vào con đường. Dromio lái chiếc limousine đi theo. Các tán cây khép lại trên đầu mọi người. Trận mưa như trút buổi sáng sớm đã rửa sạch sỏi và lớp đất nền; hết như một tờ giấy chưa nhiễm bẩn. Đôi trai gái đều im lặng, Patience tập trung đến những thay đổi trên con đường hẹp, còn cặp mắt của Rowe đang chăm chú nhìn về phía trước. Họ không biết mình đang chờ đợi điều gì. Nếu một gã mang vũ khí có nhảy ra khỏi một bụi cây nào đó, hay một băng nhóm với tua tủa súng máy đột ngột xuất hiện cũng không có gì là ngạc nhiên. Có hai chiếc xe đi sát vào nhau, nhưng không có gì xảy ra.

Khi họ bước đến lối vào con đường hẹp dẫn tới ngôi nhà của Tiến sĩ Ales, Patience dừng lại. Lane bước ra phía sau họ, và cả ba hội ý khẩn cấp. Vùng nông thôn hết sức thân thiện và vui tươi với những âm thanh riu rít quen thuộc của mùa hè; nhưng không có bất kì dấu hiệu hoặc âm thanh nào của con người. Họ quyết định để lại hai chiếc xe cho Dromio trông coi và tiếp tục đi bộ.

Họ cẩn thận bước xuôi theo con đường, Rowe đi đằng trước, Lane bước phía sau, còn Patience lo lắng đi ở giữa. Các tán cây khá mỏng; mọi người chăm chú nhìn vào khoảng sân trống trước nhà. Văng hoe, cửa trước đóng chặt, các cửa sổ vẫn bị kéo sập xuống như trước, cánh cửa nhà để xe vẫn đóng im lìm - mọi chuyện có vẻ đều ổn.

“Nhưng Maxwell đâu?” Patience thì thầm.

“Chúng ta hãy vào nhà và kiểm tra xem. Tôi không thích cảnh tượng này,” Rowe nói dứt khoát. “Hãy đứng sát vào anh, Pat; không ai nói trước được chúng ta sẽ gặp chuyện gì đâu.”

Họ nhanh chóng băng qua khoảng sân và leo lên các bậc thang ọp ọp ở hiên. Rowe đập mạnh lên lớp gỗ cứng trên cánh cửa. Anh đập một lần nữa, rồi lại một lần nữa. Nhưng không có ai trả lời. Mọi người liếc nhìn Lane; đôi môi mím chặt thành một đường mỏng, đôi mắt long lanh tò mò.

“Hay chúng ta phá cửa?” Ông đề nghị nhẹ nhàng.

“Ý tưởng tuyệt hảo.” Rowe bước lùi lại mép hiên nhà, mọi người lùi sang một bên, anh chuẩn bị tinh thần, và sau đó nhảy một bước dài về phía trước. Chân phải của anh đập mạnh vào ổ khóa bằng cú đá khủng khiếp khiến cánh cửa gỗ mập mạp rung lên và làm cái chuông treo bên trong kêu inh ỏi. Anh quay lại mép hiên nhà và cố gắng một lần nữa. Đến lần thứ năm thì cánh cửa bị bật vào trong, ổ khóa vỡ tan, còn quả chuông buộc dây trên cánh cửa kêu lên nhức tai.

“Một cú Savate,” Rowe thở hỗn hển đắc thắng, lao qua ngưỡng cửa. “Một đô vật người Pháp đã dạy cho tôi ở Marseilles mùa xuân trước... Vì tình yêu của Chúa!”

Họ dừng lại ngay khi bước qua ngưỡng cửa, câm lặng trước những gì đang thấy. Các phòng nhỏ giờ tan hoang; trông như một quả bom đã nổ tung trong đó vậy. Một chiếc ghế cũ đặt gần cái giá treo ô vỡ tan thành bốn mảnh. Một tấm gương treo lưng lẳng trên thảm trải tường trong sảnh chỉ còn là những mảnh vỡ. Cái giá treo ô thì đã lăn xuống hành lang. Một cái bàn nhỏ bị lật ngược lại, giống như một con bọ đang nằm chết.

Mọi người im lặng đi vào phòng khách. Nó đã bị phá sập.

Họ nhìn vào phòng làm việc, và Patience tái mặt. Như thể một con voi, hoặc một bầy hổ đói, đã tràn qua đây. Không một món đồ nào còn nguyên vẹn. Có những vết rạch kì lạ trên tất cả các bức tường. Chiếc đèn chùm đã bị phá hủy. Sách vứt đầy sàn nhà. Kính. Mảnh vụn... Không nói câu nào, cả ba tiếp tục điều tra căn bếp ở phía sau. Nơi đây hãy còn tương đối nguyên vẹn; tương đối mà thôi, các ngăn kéo đã bị lôi tuột ra, các kệ đều bị đập phá, đĩa và chảo vứt rải rác đầy trên sàn nhà.

Tầng phía trên cũng bị đập phá như vậy. Cùng các vết rạch...

Mọi người quay trở lại tầng trệt. Không có bất kì dấu vết nào của Maxwell trong nhà, mặc dù quần áo của lão vẫn để trong phòng ngủ.

“Nhà để xe ở bên ngoài phải không?” Lane thì thầm tư lự. “Cũng có thể...”

“Để xem,” Rowe nói; và họ đi ra ngoài. Rowe lượn về nhà để xe. Ở đây chỉ có một cửa sổ đục bởi vô số bụi và than bám lên. Lane dấm mạnh lên cánh cửa mỏng manh, ở đó có một ổ khóa han gỉ. Không có ai trả lời.

“Tôi sẽ phải đập vỡ cửa sổ để vào trong”, chàng tra nói. “Pat, tránh ra; anh không muốn em bị thương bởi các mảnh kính vỡ đâu.” Anh tìm được một hòn đá nặng và ném nó vào cửa sổ. Kính vỡ, và anh dò dẫm bên trong. Sau đó, anh chui qua cửa sổ và ngay lập tức gọi với ra: “Tránh xa cửa chính ra!” Cánh cửa bật ra ngoài, then cửa long ra. Gordon Rowe, mặt đỏ bừng, đứng ở cửa, không nhúc nhích. Sau đó anh nói ngắn gọn: “Ông ấy ở đây rồi. Nhưng tôi nghĩ rằng ông ấy đã chết.”

Kẻ Phá Hoại

Trong nhà để xe là một chiếc ô tô bị móp méo, giữa đồng bu lông gỉ, giẻ thấm dầu, mấy giá gỗ - những thứ vụn vụn đang bốc mùi ác quỷ. Một chiếc ghế cổ lỗ đặt giữa bức tường có cửa sổ và chiếc xe, treo trên nó là mấy sợi dây thừng rách nát. Giữa cái ghế và cánh cửa hai lớp là xác của Maxwell, bộ đồ màu đen đã phủ bụi; lão nằm nghiêng, hai chân lỏng lẻo phía dưới. Không có dấu hiệu của vết thương, mặc dù có dấu vết nút thắt của một miếng vải ở gáy. Cách bàn tay phải đang giơ thẳng ra hai bộ là một cái ghế đầu lem nhem sơn, trên đó đặt một chiếc điện thoại, ống nghe treo lủng lẳng ở đầu dây. Patience thần thờ móc nó lại.

Rowe và Lane quỳ xuống bên cạnh cơ thể đó và lật nó lại. Khuôn mặt gầy guộc của Maxwell đổi sang màu trắng nhợt; dưới cằm là một miếng vải dày gấp lại như thế khăn ăn, rõ ràng đây là miếng vải bịt miệng mà ông đã cố nhổ nó ra sau khi tự cởi trói khỏi những sợi dây thừng đang buộc trên ghế. Sau đó, đột nhiên, khuôn mặt ông bắt đầu co giật, và ông thốt lên một tiếng rên khẽ.

“Trời ơi, ông ấy còn sống!” Patience kêu lên, chạy về phía đó. Cô quỳ xuống, bắt chấp bụi bẩn và sàn bê tông, rồi vỗ vỗ vào má ông già. Đôi mắt ông chớp chớp, rồi khép lại. Rowe đứng bật dậy và tìm được một vòi nước màu xanh lục ở phía sau của nhà để xe; anh nhúng khăn tay của mình vào nước rồi quay lại. Patience nhẹ nhàng lau khuôn mặt trắng bệch đó.

“Ông bạn tội nghiệp,” Lane nói chậm rãi. ” Gordon à, chúng ta có thể tìm cách mang ông ấy vào nhà.”

Họ nâng cơ thể toàn xương một cách cẩn thận và mang nó qua khoảng sân đến cánh cửa vỡ kính phía trước vào phòng khách. Patience vật lộn lật ngược chiếc ghế sofa lại, cố gắng kéo nó sang phải; lớp vải bọc đã bị rách

tan nát. Họ đặt Maxwell lên đó và đứng lặng lẽ quan sát ông ta. Mắt ông lại chớp chớp một lần nữa, và trên đôi má khô héo của ông đã hiện lên chút sinh khí. Có sự sợ hãi và kinh hoàng trong mắt ông; nhưng khi ông nhìn thấy những khuôn mặt đang quan sát mình, ông thở hắt ra và bắt đầu liếm môi.

Đúng lúc này, có tiếng gầm rú của động cơ xe ở bên ngoài, mọi người nhanh chóng bước ra hiên nhà. Một người đàn ông to lớn mặt đỏ gay, mặc một bộ đồng phục màu xanh, vội vã bước lên cầu thang, theo sau là hai cảnh sát.

“Tôi là cảnh sát trưởng Bolling khu Tarrytown,” ông ta quát to. “Cô là người đã gọi đến văn phòng của tôi sáng nay đúng không, cô gái trẻ?... Không thể nào tìm nổi cái nơi chết tiệt này và đó là lý do tại sao chúng tôi tới muộn. Bây giờ hãy cho tôi biết những gì đã xảy ra ở đây.”

Sau khi kể lại qua loa về các tình tiết kèm theo giải thích, và Maxwell đã hồi tỉnh hoàn toàn, mọi người tập trung quanh ông lão và lắng nghe câu chuyện lão kể.

Vào đêm hôm trước tầm mười một giờ ba mươi - một buổi đêm Chủ nhật đầy nguy hiểm - Maxwell đã phải nhẩn nại ở nhà một mình khi tiếng chuông cửa reo vang. Ông vội vã bước ra phía cửa, có một chút sợ hãi; trời thì tối đen bên ngoài, lại chỉ có một mình, và ở xa nơi con người sinh sống. Ai có thể đến thăm tòa nhà vào giờ này được, ở một nơi vốn đã có rất ít người đến thăm? Sau đó, nghĩ rằng có thể Tiến sĩ Ales đã trở về; và trước những tiếng chuông liên hồi ông đã mở cửa. Ngay lập tức một bàn chân đạp ngay qua ngưỡng cửa và trong ánh sáng mờ hồ của căn phòng ông đã nhìn thấy một người đàn ông cao lớn ăn vận kín mít tận mặt. Maxwell hét lên sợ hãi, nhưng vị khách đã ấn một cái gì đó nhỏ, tròn và cứng lên phần bụng đang run rẩy của Maxwell và ông nhận ra, đầu gối run lẩy bẩy rằng ông đang bị một khẩu súng ổ quay dí vào người. Sau đó, khi người đàn ông bước vào và ánh sáng yếu ớt chiếu trực tiếp lên hắn, Maxwell cảm thấy kinh hoàng tột độ khi phát hiện người đàn ông đó đeo mặt nạ.

“Tôi... tôi đã rất sợ hãi,” Maxwell run run, “tôi nghĩ rằng mình sẽ ngất xỉu. Hắn bước ra sau tôi và bắt tôi rời khỏi ngôi nhà trước mặt hắn, giữ

khẩu súng ép sát vào lưng tôi. Tôi nhắm mắt; tôi đã nghĩ hãn... hãn ta sẽ bắn tôi. Tuy nhiên, hãn chỉ bắt tôi đi vào nhà để xe, ở đó hãn tìm thấy một sợi dây thừng cũ và trói tôi vào một chiếc ghế bị hỏng, hãn bịt miệng tôi bằng một mảnh vải. Sau đó, hãn bỏ đi. Nhưng hãn trở lại ngay lập tức và lục soát tôi. Tôi biết lý do tại sao. Khi rời khỏi ngôi nhà cửa trước đã sập lại; nó sử dụng khóa lò xo. Hãn không thể quay trở lại nhà. Nhưng tôi có một chìa dự phòng trong túi quần - Tiến sĩ Ales có chìa gốc - rồi hãn lấy nó từ tôi. Sau đó, hãn bước ra, khóa cửa nhà để xe và tôi bị bỏ lại trong bóng tối. Mọi thứ đều yên tĩnh... Tôi đã ở trong nhà để xe cả đêm, thấy vô cùng khó thở." Ông rùng mình. "Sợi dây thừng làm tôi đau đớn. Tôi không thể ngủ được. Tôi cảm thấy căng thẳng, cánh tay và chân của tôi như muốn rời ra. Nhưng đến sáng, cuối cùng tôi cũng tìm được cách nối lỏng dây thừng, và tôi đã giật miếng giẻ ra khỏi miệng, và sau đó tìm thấy trong túi danh thiếp mà thanh tra Thumm đã để lại. Vì vậy, tôi gọi điện thoại... Tôi đoán mình đã ngất đi sau đó. Đó là tất cả những gì tôi biết."

Họ kiểm tra ngôi nhà hết sức kỹ lưỡng, Maxwell lão đảo bước theo sau. Mọi người bắt đầu từ phòng làm việc. Rõ ràng kẻ giam cầm Maxwell đã hết sức tàn nhẫn trong quá trình tìm kiếm cái thứ đã mang hãn đến ngôi nhà này. Căn phòng đã bị phá nát khi bị lục soát. Không chỉ các đồ nội thất bị lật ngược và các đồ thủy tinh bị đập vỡ, mà các bức tường ốp cũng cho thấy những dấu vết không thể nhầm lẫn của sự tấn công bởi một đồ vật sắc bén nào đó. Cảnh sát trưởng Bolling nhanh chóng tìm thấy hung khí. Đó là một chiếc rìu nhỏ đang nằm lăn lóc trên sàn nhà gần phía lò sưởi.

"Đó là cái rìu của chúng tôi," Maxwell nói, lại liếm môi của mình. "Nó ở trong hộp dụng cụ đặt trong nhà bếp. Tôi hay dùng nó để bổ củi cho lò sưởi."

"Đây là chiếc rìu duy nhất?" Patience hỏi.

"Vâng, thưa cô."

Món đồ gỗ và tấm ván bị tàn phá dữ dội: những mảnh ván dài nằm lăn lóc nơi chân tường. Kể cả sàn nhà cũng bị đục thủng một lỗ, nơi đã từng cất một chiếc nhẫn, theo lời Maxwell. Tấm thảm nhàu nát nằm trong một góc, như thể nó đã bị quăng một cách thô bạo sang bên. Một chiếc đồng hồ kiểu

cổ từ thời Victoria giờ đang nằm nghiêng trên sàn nhà giữa một biển kính vỡ. Sau khi khám nghiệm, gã cầm rìu đã cố tình đập tan hộp đồng hồ, vứt con lắc đồng đi, lộn ngược chiếc đồng hồ lại, và sau đó chặt nát phần sau và hai bên sườn, lộ ra những cơ quan và máy móc phức tạp bên trong. Kim giờ đang dừng chính xác lúc mười hai giờ.

“Chiếc đồng hồ này vẫn chạy đêm qua chứ?” Rowe hỏi dứt khoát.

“Vâng thưa ngài. Tôi đang ngồi ở đây chơi bài patience* khi... khi cửa chuông reo, vì vậy tôi biết rõ. Nó kêu tíc tắc rất lớn. Hiển nhiên là nó vẫn đang chạy.”

“Sau đó, hẳn ta đã đập vỡ chiếc đồng hồ lúc nửa đêm,” Patience thì thầm. “Đó có thể là một thông tin hữu ích.”

“Tôi không hiểu chuyện,” Bolling cầu nhàu. “Chúng ta đều biết hẳn ta đến đây lúc mười một giờ ba mươi theo lời kể của Maxwell, đúng không?”

Ngài Drury Lane, đang đắm chìm trong suy nghĩ, chỉ đứng lặng lẽ sang một bên quan sát. Đôi mắt của ông lấp lánh.

Patience đi chậm chậm quanh phòng. Cô kiểm tra chiếc bàn có ngăn kéo đã bị kéo ra và các món đồ cất trong đó vứt lung tung trên sàn; trên mặt bàn rải rác các lá bài đang chơi dở. Sau đó, cô bắt gặp một thứ gì đó trong phòng và nheo mắt lại. Một chiếc đồng hồ báo thức rẻ tiền đang đặt ở mặt gỗ sồi phía trên lò sưởi.

“Cái gì thế, Pat?” Rowe hỏi, nhận thấy sự lo lắng của cô.

“Đây là một chiếc đồng hồ báo thức. Một thứ kì lạ trong phòng làm việc,” và cô bước tới rồi nhặt nó lên. Nó hãy còn kêu tíc tắc hết sức vui tai.

“Tôi đã mang nó đến đây, thưa cô,” Maxwell nói giọng hối lỗi. Ông già có vẻ đã hồi phục sau cú sốc và đang quan sát mọi người bằng ánh mắt tò mò.

“Ông hả? Nhưng tại sao ông lại cần một chiếc đồng hồ nhỏ trong khi có một chiếc đồng hồ lớn cỡ lớn trong phòng?” Patience nói giọng nghi ngờ.

“Ồ, để báo thức”, Maxwell vội vã trả lời. “Tôi bị ho nhẹ vài ngày qua, thưa cô, và tôi đã phải mua một số thuốc ho ở Tarrytown vào thứ Bảy. Dược sĩ nói với tôi cứ cách bốn giờ lại uống một thìa, cô biết đó. Tôi đã uống một thìa lúc tám giờ tối qua nhưng tôi khá là đãng trí, thưa cô,” ông

cười yếu ớt, ”và tôi nghĩ có lẽ mình sẽ lại quên uống một lần nữa trước khi đi ngủ. vì vậy, tôi đặt đồng hồ báo thức ở đây trong khi chơi bài, thưa cô Patience và đặt chuông báo thức lúc nửa đêm để nhắc tôi uống thuốc, rồi tôi sẽ đi ngủ. Nhưng trước khi tôi có thể...”

“Tôi hiểu,” Patience nói; câu chuyện có vẻ tự nhiên, bởi thực sự có một chai nhỏ chứa chất lỏng màu nâu đặt trên bệ lò sưởi gần đồng hồ, còn đây ba phần tư, và một cái thìa dính nhớp. Cô nhìn qua chiếc đồng hồ và phát hiện ra, như Maxwell đã chỉ, rằng chiếc đồng hồ báo thức này đã được hẹn giờ lúc mười hai giờ; một khe gạt nhỏ đã được gạt đến tận cuối của một khe nhỏ ghi chữ *Báo thức*. “Bây giờ tôi tự hỏi...” cô thì thầm và ngó qua chiếc đồng hồ đeo tay nhỏ của mình. Đang là mười một giờ năm một. “Bây giờ là mấy giờ, Gordon?”

“Khoảng mười một giờ năm mười.”

“Ông mang đồng hồ không, ngài Bolling?”

“Mười một giờ năm hai,” Bolling giật giọng. “Những chuyện này là sao...?”

“Tôi đang tự hỏi chiếc đồng hồ này có chính xác không, chỉ vậy thôi,” Patience cười nhạt; mắt dáo dác. “Như mọi người thấy, trên mặt số này.” Kim giờ của chiếc đồng hồ giá rẻ đang dừng ở con số mười một giờ năm một.

“À, Patience,” Lane lẩm bẩm, bước về phía trước. “Ta có thể ngó qua thứ đó một chút, được không?” Ông kiểm tra nó một lúc, đặt nó trở lại trên mặt lò sưởi, và trở về góc của mình.

“Đang có vấn đề gì ở đây vậy?” Rowe ngạc nhiên; anh đang sục sạo trong đồng hồ nát, gạt các thứ ra. Anh chợt quay đầu lại và nhìn chăm chăm vào một cái gì đó đặt khá cao trên bức tường.

Bức tường này khác những khoảng tường khác ở chỗ giá sách trên đó cao gần đến trần trong khi những giá sách khác chỉ cao lưng chừng. Một thang trượt, hay được sử dụng trong các cửa hàng giày và thư viện, chạy dọc theo một rãnh kim loại đặt dưới chân bức tường này, rõ ràng được đặt ở đây để chủ nhà trước có thể với đến các kệ cao quá tầm với. Phía trên tầng kệ trên cùng là một loạt các phù điêu chạm trên gỗ óc chó, giống như

những mảnh gỗ trên ba bức tường còn lại. Chúng khá mỏng và được chạm khắc theo phong cách *ginger-bread* của thế hệ trước. Thứ đã thu hút sự chú ý của Gordon Rowe là một miếng gỗ như thế. Nó đang vung vẩy khỏi tường, như thể đó là một cánh cửa.

“Giống như một căn hầm bí mật, của George,” chàng trai bật cười. “Trong khoảnh khắc, tôi đã nghĩ bá tước Monte Cristo sẽ nhảy bật ra khỏi lò sưởi.” Anh leo nhẹ nhàng lên các bậc thang, đứng ngay bên dưới khe hở gần trần nhà.

“Chúng tôi đang dính vào thứ quái quỷ nào đây?” Bolling rên rỉ. “Một căn hầm bí mật! Nghe như kiểu đây là một truyện trinh thám... Maxwell, ông có biết về thứ này không?”

Ông già nhìn chằm chằm lên ô cửa bí mật. “Không, thưa ông! Đây là lần đầu tiên tôi nhìn thấy nó. Ủa, đó là một cánh cửa nhỏ...”

“Trống không,” Rowe tuyên bố một cách dứt khoát. “Một nơi ẩn náu khá đấy! Thứ này là - xem nào - rộng tám in-sơ, cao hai in-sơ, sâu hai in-sơ... Ales hẳn đã tạo ra nó, và hẳn đã làm hết sức khéo léo! Thiết kế kiểu xưa, vết đục bên trong hẳn còn khá mới.” Anh liếc mắt, trong khi mọi người chăm chú quan sát anh. “Bất cứ ai đã phá tan nơi này đều không gặp may. Hẳn không tìm thấy miệng hang. Đây này?” Và anh chỉ vào một dải gỗ hẹp nằm trên kệ trên cùng. Chỗ này có vô số vết rìu chém đã man vào gỗ; nhưng khi Rowe đứng đưa tay trên cánh cửa nhỏ đang đóng mọi người có thể thấy rằng trên đó không có dấu vết nào. “Hẳn hoàn toàn bỏ sót nó! Thật thông minh, phải không! Bây giờ làm thế quái nào để mở nó ra lần nữa?”

“Hãy để tôi lên đó, chàng trai,” Bolling nói dứt khoát.

Rowe miễn cưỡng rút lui, và cảnh sát trưởng thận trọng leo lên. Ngăn kéo bí mật, như Rowe đã nói, được thiết kế hết sức khéo léo. Giờ khi cánh cửa nhỏ đã khép vào, dường như không thể phát hiện được dấu vết của nó. Khe hở được giấu quá khéo léo ở phần viền hình khắc nên không thể bị phát hiện. Bolling đẩy và kéo đến mức khuôn mặt anh càng lúc càng đỏ gấc; nhưng cánh cửa vẫn đóng và miếng gỗ đang gắn trên đó vẫn trơ ra, mặc dù có một âm thanh rỗng không khi viên cảnh sát trưởng dấm mạnh. Phần khung của miếng gỗ này, giống những cái khác, được viền nơ hoa

hồng bằng gỗ nhỏ xíu. Bolling thở hỗn hển: “Hắn phải có mẹo,” và bắt đầu mò mẫm mấy hình hoa hồng. Sau đó, ông lớn tiếng kêu lên. Ông đã chạm phải thứ gì đó. Ông xoay nó một lần, không có gì xảy ra. Ông xoay thêm một lần nữa; và cánh cửa chọt mở tung mạnh đến mức khiến ông gần như ngã xuống khỏi thang... Ông mở cửa ra và kiểm tra đồ bên trong. Bên trong là một cơ quan lò xo nhìn thô nhưng thiết kế khá thông minh. “Vâng,” Bolling nói, trèo xuống, “không cần lo lắng nữa. Dù thứ gì ở trong đó, nếu đã từng có thứ gì, đã mất rồi. Một không gian quá nhỏ, nhỉ? Hãy ngó nghiêng xung quanh ở tầng trên.”

Phòng ngủ của Tiến sĩ Ales cũng bị chém nát bươm như phòng làm việc ở tầng dưới. Chiếc giường bị tháo rời, nệm bị chém nát, các đồ đạc vỡ tan, sàn bị lõm - rõ ràng là gã cầm rìu không tìm được những gì hắn cần ở tầng dưới, đã vào phòng ngủ của Tiến sĩ Ales để tiếp tục tìm kiếm. Có một chiếc đồng hồ mạ vàng nhỏ trong phòng ngủ; và, thật kì quặc, cũng bị hư hại sau cơn bão càn quét căn phòng, đã rơi xuống sàn từ bàn đầu giường, có lẽ kẻ phá hoại đã lộn nhào cái bàn trong khi vội vã rạch nát chiếc giường phía ngoài. Kim đồng hồ dừng lại ở mười hai giờ hai mươi tư.

Đôi mắt Patience lấp lánh. “Cứ như anh bạn của chúng ta đang để lại thời gian biểu ấy nhỉ,” cô kêu lên. “Điều này chứng tỏ hắn đã tấn công phần dưới của ngôi nhà trước... Maxwell, ông có chắc chiếc đồng hồ này chạy đúng giờ không?”

“Vâng, thưa cô. Tất cả đồng hồ đều chạy tốt, dù là loại giá rẻ, và tôi luôn đều đặn lên dây cót cho chúng.”

“Thật may mắn,” Lane thì thầm. “Gã này thật ngu ngốc!”

“Cái gì?” Bolling to tiếng.

“Hử? Ồ, không có gì đâu, ngài Bolling. Tôi chỉ bình luận về những hành động vụng về của tên tội phạm.”

Một giọng trầm vọng lên phía trên. “Này, ngài cảnh sát trưởng! Hãy xem tôi tìm được những gì!”

Mọi người vội vàng nhao xuống cầu thang. Một viên cảnh sát đang đứng ở sảnh, rọi đèn pin vào một góc tối tăm và khá bẩn. Qua ánh đèn pin họ

nhìn thấy ba mảnh thủy tinh, một trong số đó gắn vào sợi dây vải đen dài, rách một đầu.

Lane nhặt các mảnh kính lên và mang chúng vào phòng khách. Ông ghép ba miếng lại với nhau; chúng tạo thành một mắt kính tròn hoàn hảo.

“Một cái mắt kính,” ông khẽ nói.

“Chúa ơi,” Rowe lẩm bẩm.

“Một mắt kính?” Maxwell chớp mắt. “Buồn cười thật, thưa ông. Tiến sĩ Ales không đeo kính, và tôi chưa bao giờ thấy cái nào trong nhà. Và tất nhiên tôi...”

“Tiến sĩ Sedlar,” Patience ảo não nói.

Giải Mã

Không còn gì cần làm ở nơi này nữa. Maxwell được khuyên rằng hãy quên đi ông chủ của mình và quay trở lại Tarrytown để tiếp tục cuộc sống tuy buồn tẻ nhưng yên bình. Bolling, một người luôn tràn đầy nhiệt huyết, sẽ trông coi ngôi nhà, bằng cách cắt cử hai người của mình theo dõi cả hai làn đường dẫn tới ngôi nhà và phía sau, mặc dù nơi đằng sau ấy là bất khả xâm phạm trừ khi băng qua một đám bụi cây mọc thấp và khó đi. Còn chàng trai trẻ Rowe dần dần im lặng hơn về việc phát hiện ra cái hốc bí mật trong phòng làm việc, đi đến kết luận: đêm đó Maxwell đã khóa chặt mọi cửa nẻo, như mọi khi. Rowe đã tự mình khám phá căn nhà, anh phát hiện rằng ngoại trừ cửa trước, mọi cửa sổ và cửa ra vào đều được khóa từ bên trong. Còn trần nhà, không cần thiết phải kiểm tra bởi không có lối nào để leo vào mặc dù có một cầu thang gần bếp trong nhà. Chuông treo trước cửa đã kêu vẳng lên ngay sau khi họ rời khỏi căn nhà.

Theo yêu cầu của Lane - Bolling đưa Maxwell đến Tarrytown bằng xe cảnh sát - Patience và Rowe đi theo sau xe limousine của Dromio đến Hamlet. Hai người đi đến căn phòng được sắp xếp sẵn cho mình, tắm rửa sạch sẽ và xuống lầu dùng bữa trưa muộn, cảm thấy khoan khoái cả về thể xác và tinh thần. Ba người cùng ăn trong bầu không khí thân mật tại căn phòng riêng. Không ai nói gì về những việc đã xảy ra, Patience dùng bữa một cách yên lặng, Rowe đang trầm ngâm suy nghĩ gì đó, còn Lane cố hết sức mình để giữ cho cuộc thảo luận được ôn hòa và không nói gì về sự kiện diễn ra buổi sáng. Sau bữa ăn, ông nhờ Quacey chăm sóc cho hai người, xin vắng mặt, rồi quay trở lại phòng làm việc của mình.

Patience và Rowe đi lang thang trong khuôn viên rộng lớn của Hamlet. Khi đi đến một khu vườn nhỏ dễ thương, họ thả mình trên bãi cỏ. Quacey

nhìn họ chăm chú, cười khúc khích và biến mất ngay sau đó.

Chim hót và mùi cỏ thơm mát ngọt ngào. Không ai nói gì. Rowe nằm xuống, quay sang ngắm nhìn gương mặt người bạn đồng hành của mình. Mặt cô đang đỏ lên dưới ánh mặt trời hay cô đang xấu hổ, thân hình mảnh khảnh đang duỗi ra thoải mái, phô bày những đường cong khỏe mạnh. Đối với Rowe, người đang nhìn cô hết sức háo hức và tò mò, cô thật vừa hấp dẫn nhưng vừa xa cách. Đôi mắt cô nhắm chặt và một nếp nhăn nhỏ giữa hai hàng lông mày như ngăn cản bất kì ai muốn trêu đùa hay tán tỉnh cô.

Rowe thở dài: “Em đang làm gì vậy, Pat? Vì Chúa, đừng nhăn nhó như vậy chứ! Anh muốn người phụ nữ của anh thật vô tư!”

“Em nhăn nhó ư?” cô thì thầm, mở mắt và mỉm cười với anh. “Anh cứ như một đứa trẻ vậy, Gordon ạ. Em đang suy nghĩ mà.”

“Anh đoán là anh sắp phải chịu đựng một cô vợ thông minh,” chàng trai trẻ nói một cách khô khan. “Vấn đề là, em cũng vậy - nên chúng ta có đôi.”

“Vợ ư? Điều đó không vui chút nào đâu! Em đang nghĩ rằng ngôi nhà của Tiến sĩ Ales tối qua đã bị đột nhập không chỉ bởi một mà hai người.”

“À,” Rowe nói, nằm ngửa ra và ngắt một ngọn cỏ. Cô ngồi dậy, mắt sáng lên. “Anh cũng nghĩ thế à, Gordon? Một người là chủ nhân của chiếc rìu. Hiện trạng của ngôi nhà cho ta thấy rằng hẳn ta đang tìm kiếm thứ gì đó nhưng không biết chính xác nó ở đâu - và đã tìm nó một cách tuyệt vọng - phá hủy mọi mọi đồ đạc bằng rìu. Điều quan trọng là đây không phải Tiến sĩ Ales.”

Rowe ngáp “Dĩ nhiên rồi. Nếu đó là Tiến sĩ Ales thì ông ta phải biết rõ đồ vật của mình nằm chỗ nào - chắc chắn Ales là người đã tạo ra khoang tường để giấu nó.” Rowe lại ngáp. “Thế còn người thứ hai?”

“Đừng có tỏ ra chán nản như thế,” Patience cười lớn. “Anh biết rằng anh đã nghĩ rất kĩ... Em cũng không biết nữa. Anh đúng về lý do. Tên đột nhập là một ẩn số; Tiến sĩ Ales sẽ không cần phải chém nát nơi ấy để nhóm lửa - ông ấy chắc chắn biết nơi cất giấu thứ mà tên đột nhập đang tìm kiếm. Tuy nhiên, thứ hẳn đang truy lùng lại được tìm thấy rồi - chúng ta đã nhìn thấy những ngăn kéo bí mật được mở ra bởi ai đó.”

“Điều đó khiến em nghĩ rằng có hai người ở trong ngôi nhà đêm qua à? Tại sao không phải là chính kẻ đột nhập - cái từ rắc rối chết tiệt! - đã tự tìm thấy cái ngăn ấy, sau khi hắn ta xong việc với cái rìu?”

“Ồ, thông minh đấy,” Patience cướp lời, “đầu tiên là chúng ta đã thấy cái ngăn đó được giấu rất khôn ngoan. Thực tế là Bolling đã biết rằng cái ngăn ấy ở đó khi nhìn vào cánh cửa mở khiến ông ta tìm được hoa văn hoa hồng. Với một cánh cửa đóng và cả bức tường trông trơn như thế, chỉ có một phần triệu cơ hội cho người tìm kiếm có thể tìm ra đúng cơ quan, đúng cái hoa văn ấy, rồi phải xoay nó hai lần, như Bolling đã làm để mở cửa. Nói cách khác, cái ngăn này không thể nào bị tìm thấy một cách tình cờ được. Nếu như kẻ đột nhập biết được cái hoa văn và ngăn rỗng ấy thì hắn ta cần gì phải tìm kiếm nữa. Vậy nên em mới nói kẻ đột nhập không phải người đã xoay hoa văn, mở ngăn rỗng, lấy thứ ở trong đó đi và để cửa mở. Nếu không phải kẻ đột nhập thì đó chắc chắn là người khác, và do đó có hai người, anh thân yêu ạ. *Q.E.D.**”

“Đúng là một quý cô thám tử,” Rowe vui sướng. “Pat, em đúng là một viên ngọc quý. Việc này thật vô cùng hợp lý. Và cũng có một kết luận khác nữa. Khi nào thì tên còn lại, nếu như hắn có thật, tìm thấy cái ngăn ấy? Hắn ta tới trước hay sau tên đột nhập?”

“Dĩ nhiên là sau rồi, thưa thầy. Nếu như người mở ngăn kéo tới trước, rồi sau đó mới là kẻ đột nhập, thì hẳn hẳn phải thấy cánh cửa ngăn này đang mở và do đó hẳn cũng biết luôn nơi cất giấu. Kết quả là: hẳn chẳng cần phải xẻ căn nhà ra từng mảnh để tìm nơi cất giấu... Gordon ạ, kẻ đột nhập đến trước, cũng như hắn ta là người đã giam cầm Maxwell và trói lão trong gara. Và tiếp theo người thứ hai đến, cái gì xảy ra sau đó chỉ có Chúa mới biết được.”

Họ yên lặng một lúc lâu. Cả hai cùng nằm trên bãi cỏ, ngược nhìn lên bầu trời mây bay lưa thưa. Rowe cầm lấy bàn tay cô. Nó vẫn ở đó, cô đã không rút tay lại.

Sau bữa tối sớm, cả ba trở lại thư phòng của Lane, một căn phòng kiểu Anh cổ với mùi da thuộc, mùi sách và mùi gỗ cháy. Patience ngồi xuống cái ghế của ông lão, xé một mẫu giấy và bắt đầu vẽ nguệch ngoạc. Lane và

Rowe cùng ngồi trước bàn làm việc, thư giãn trong ánh đèn mờ mờ trên bàn giấy.

“Bác biết không,” Patience chột nói, “trước khi ngủ, cháu thường viết ra một vài thứ... ừm, khiến cháu quan tâm. Chúng thường là những bí ẩn nhất định. Một số làm phiền cháu đến chết.”

“Thật hả?” Lane thì thầm. “Con ta, con có một sự quyết tâm đáng kể so với một người phụ nữ đấy.”

“Bác à, đây là đức tính nổi bật nhất của cháu. Cháu sẽ đọc những ghi chép của mình nhé?” Cô ấy lôi một cuộn giấy dài ra khỏi túi và bắt đầu mở nó ra. Cô bắt đầu đọc bằng một giọng rõ ràng:

_(1): Chính Tiến sĩ Ales đã bỏ cái phong bì dán kín cùng với các kí hiệu trong nó ở chỗ chúng ta - bằng chứng, bộ râu và cặp kính được tìm thấy trong tủ quần áo; bằng chứng, ông ấy là “một người mê sách bị mất tích”. Chính Tiến sĩ Ales đã cử Villa đi ăn trộm cuốn Jaggard năm 1599 trong nhà Saxon. Chính Tiến sĩ Ales đã tham gia vào đoàn người đi xe buýt và đột nhập căn phòng chứa cuốn Jaggard ở Britannic - lời thú tội của Villa đã chỉ ra vậy, và điều này được chứng minh bằng việc tìm thấy chiếc mũ xanh và bộ râu giả màu xám tại phòng ngủ của Ales. Nhưng ai là Tiến sĩ Ales? Liệu đó có phải là Hamnet Sedlar, như Crabbe và Villa khẳng định, hay là một ai đó hoàn toàn khác? Lẽ nào đã có sự nhầm lẫn ở đây?

(2): Ai là người được biết đến với cái tên Hamnet Sedlar? Có một Hamnet Sedlar mà chúng ta biết ở Scotland Yard và sự thực là một người như thế đã được thuê làm người quản lý mới của Bảo tàng Britannic. Nhưng liệu người đàn ông xuất hiện ở Britannic và tự xưng là Hamnet Sedlar có thực sự là Hamnet Sedlar, hay là ai khác đóng giả làm Hamnet Sedlar, như bố đã nghĩ? Ông ta hẳn có động cơ mờ ám; ông ta nói dối về ngày mình đến. Hamnet Sedlar thực sự đã chết chăng? Có phải người đàn ông này đã thế chỗ và cướp tên của ngài ấy? Đây là động cơ cho việc nói dối về ngày ông ta đến? Ông ta đã làm gì trong thời gian giữa ngày thực sự đến và ngày ông giả bộ đến trình diện?_

“Phù,” Rowe nói, “đúng là cách suy luận sắc sảo!” Patience lườm anh và tiếp tục:

_(3): Nếu Hamnet Sedlar không phải Tiến sĩ Ales, thì điều gì đã xảy ra với Tiến sĩ Ales? Tại sao ông ta lại biến mất?

(4): Điều gì đã thực sự xảy ra với Donoghue?

(5): Ai đã ngăn cản Gordon và tôi rồi lấy cắp chiếc phong bì?

(6): Ai là kẻ đột nhập? Đó không phải là Tiến sĩ Ales, mà là một người khác.

(7): Ai là người đã theo sau kẻ đột nhập và mở cái ngăn chứa? Đó có thể là chính Tiến sĩ Ales - bởi ông ta biết bí mật nơi ông ta cất giấu._

“Một điểm nữa, Patience.” Lane nói. “Làm sao cháu biết chủ nhân của cây rìu không phải Tiến sĩ Ales, hay hai người đàn ông trong nhà Ales tối hôm qua?” Patience giải thích lại. Lane nhìn chăm chăm vào môi cô, gật gù. “Đúng, đúng,” ông thì thầm khi cô ấy nói xong. “Thật phi thường. Phải không, Gordon? Và hoàn toàn đúng... Đó là tất cả à?”

“Không, còn một điểm nữa,” Patience nói tiếp, nhả mặt, “đây cũng là điểm quan trọng và khó hiểu nhất.” Cô tiếp tục:

(8): Những điều bí ẩn khó hiểu này xoay quanh điều gì? Không nghi ngờ gì đó chính là ‘bí mật đáng giá hàng triệu bảng’ mà Tiến sĩ Ales đã nhắc đến. Nhưng cái bí mật triệu đô ấy được gắn liền với kí hiệu Ales để lại cùng với những thứ bố đang giữ. Vì thế mọi thứ phụ thuộc vào câu hỏi cuối: Cái kí hiệu này có ý nghĩa gì?

Cô đặt tờ giấy xuống mặt bàn và lại bắt đầu vẽ nguệch ngoạc. Không ai nói gì vào thời điểm này. Rowe nhìn lơ đãng vào sự di chuyển nơi đầu bút Patience, ngồi thẳng dậy và hơi nhồm lên khỏi chiếc ghế. Patience và Lane nhìn anh ta một cách nghiêm túc.

“Em đang vẽ cái gì đấy?” Chàng trai hỏi.

“Gì cơ?” Patience nháy mắt. “Cái ký tự bí ẩn ấy. 3HS wM.”

“Ồ-rê-ka!” Rowe gào lên. Anh nháy căng lên, đôi mắt sáng rực. “Anh hiểu rồi, anh hiểu rồi! Tuyệt vời thật, nó dễ như trò trẻ con.”

Ngài Drury Lane đứng dậy và bước đến cạnh bàn. Khuôn mặt ông ló ra khỏi bóng tối, với những nếp nhăn như hằn sâu thêm. “Cuối cùng cậu cũng tìm ra nó,” ông thì thầm. “Ta thấy nó, ta biết nó, cái ngày chúng ta ngồi trong văn phòng của bố con, Patience, khi ông ấy mở ra tờ giấy nhớ gốc

của thư viện Saxon và tiết lộ những gì được viết trong đó. Nói với con bé đi, Gordon.”

“Thật chẳng hiểu hai người nói cái gì,” Patience phàn nàn.

“Anh đã ngồi thế nào khi em vẽ các biểu tượng xuống?” Rowe nói.

“Trước cái bàn, đối diện em.”

“Chính xác! Nói cách khác, anh nhìn thấy những chữ cái của kí hiệu giống hệt khi ông Lane nhìn chúng lúc ông ấy đứng đối diện bố em qua cái bàn khi ngài thanh tra mở tờ giấy. Anh nhìn nó ngược với em.”

Patience thét lên. Cô chộp lấy tờ giấy và xoay ngược nó lại. Kí hiệu ấy bây giờ được đọc là: *Wm SHE*.

Cô nhắc lại chậm rãi: “*Wm She*,” nghiền ngẫm từng từ như đang nếm thử hương vị của chúng. “Nó... nó trông như một từ viết tắt “W - m... William...” Hai người đàn ông nhìn cô chăm chú.

“*William Shakespeare*,” Cô kêu lên, hai chân nhún nhảy. “*William Shakespeare!*”

Một lúc sau, Patience ngồi xuống tấm thảm dưới chân ông già; những ngón tay dài, trắng của ông chơi đùa các lọn tóc của cô. Rowe ngồi sụp xuống đối diện họ.

“Ta đã hết sức đau đầu kể từ ngày hôm đó.” Lane mệt mỏi giải thích. “Có vẻ mọi việc đã khá rõ ràng từ những gì chúng ta phân tích. Tiến sĩ Ales đã không sao chép bản sao chữ kí của Shakespeare, một bản sao của bản thảo thời Elizabeth với những dấu hiệu tuyệt vời khiến mọi thứ rõ ràng hơn - những *chữ cái in hoa* này chính là chữ kí đặc biệt của Shakespeare. Điểm đặc biệt chính là chữ m viết thường và chữ e. Nhưng tại sao chữ H lại viết hoa? Có thể do Ales tự nhiên muốn vậy. Nó chẳng quan trọng.”

“Điều quan trọng ở đây,” Rowe lẩm bẩm, “là một biến thể chữ kí của Shakespeare. Thật kì lạ!”

Lane thở dài. “Bởi vì cậu biết nhiều hơn ta, Gordon, chỉ có sáu chữ kí thật của Shakespeare là còn tồn tại.”

“Hãy nói về sự kì lạ,” chàng trai trẻ chỉ ra. “Một trong số chúng được viết là *Willm Shak’p*’.”

“Đúng. Nhưng có hàng đồng những chữ ký đáng ngờ, và một trong số đó được viết giống các kí tự của Ales - một chữ W in hoa, một chữ m nằm ngang phần đầu chữ w, sau đó là chữ S in hoa, chữ H in hoa, và một chữ e viết tay cũng nằm phía trên.”

“Như là lỗi tiếng Anh cổ khi viết chữ ‘ye’ à?” Patience hỏi.

“Chính xác. Cái chữ kí đáng ngờ này xuất hiện trong các phiên bản Aldine của tác phẩm *Sự hóa thân của Ovid*, tại thư viện Bodleian ở Oxford.”

“Tôi đã thấy nó khi còn ở Anh.” Chàng trai trẻ cướp lời.

“Tôi đã kiểm tra với thư viện Bodleian,” ông già tiếp tục. “Và cuốn *Ovid* vẫn ở đó. Tôi đã nghĩ, cậu hiểu không, có lẽ toàn bộ chuyện này đã cũng có liên quan đến tên cướp tập sách đó. Thật là lỗi bịch, tất nhiên rồi.” Patience cảm nhận những ngón tay của ông trên đầu cô. “Để tôi giải thích rõ hơn. Tiến sĩ Ales nói là *bí mật đó đáng giá hàng triệu đô*, nên ông ta đã để lại bản sao chữ kí của Shakespeare như chìa khóa cho bí mật này: vì thế chúng ta sẽ bắt đầu từ đây. Bây giờ mọi người đã biết bí mật là gì chưa?”

“Có phải ông muốn nói,” Patience hỏi bằng một giọng kinh sợ, “rằng tất cả những vụ trộm, những bí ẩn và mọi thứ đều xoay quanh cuộc tìm kiếm chữ kí thứ bảy của Shakespeare?”

“Trông có vẻ là vậy, đúng không?” Rowe cười một cách cay đắng. “Tôi đã phung phí tuổi trẻ của mình ở đây - ha, ha! - loạn lên vì những bản ghi chép từ thời Nữ hoàng Elizabeth, và chưa từng bắt gặp một dấu hiệu nào của sự phi thường như thế này.”

“Gì nữa?” Lane thì thầm. “Nếu bí mật đó thực sự đáng giá hàng triệu, thì Tiến sĩ Ales hẳn phải có lý do để tin rằng đây là bản gốc. Vì sao nó đáng giá hàng triệu? Quả là một câu hỏi hay.”

“Bản thân nó,” chàng trai trẻ nói khẽ, “là vô giá. Nó có giá trị lịch sử và văn học không thể đo nổi.”

“Đúng, chữ kí thật thứ bảy mới được phát hiện ra của Shakespeare thậm chí sẽ đem lại một cuộc đấu giá, và tôi đã đọc được ở đâu đó, khoảng một triệu hoặc hơn. Và tôi không biết chuyên gia của mình đang nói về đồng

đôla hay bảng Anh nữa. Không có chữ kí nào tồn tại mà không có mục đích. Những chữ kì này thường đi liền với các văn bản.”

“Tờ giấy trong quyển sách!” Patience thét lên.

“Suýt, Pat. Điều đó đúng, mặc dù không phải lúc nào cũng vậy.” Rowe phản bác lại. “Dĩ nhiên sáu chữ kí gốc đã được ghi chép lại: một đã được chứng nhận pháp lý trong một phiên tòa có liên quan đến ông ấy, một trong một vụ chuyển nhượng mua bán nhà ông ấy đã thực hiện vào năm 1612, một cái nữa trong một khoản vay bất động sản liên quan đến căn nhà trên, và ba chữ kí cuối cùng nằm ở ba bản di chúc của ông ấy. Nhưng nó cũng có thể nằm ở bìa trong của cuốn sách.”

”Ta nghĩ không phải, bởi Patience đã nhìn rồi.” Lane nói. “Liệu chữ kí thứ bảy này có xuất hiện trong một tài liệu nào đó, giấy chuyển nhượng hay hợp đồng cho thuê mà ngay bản thân nó chỉ có giá trị lịch sử rất nhỏ. Có thể lắm chứ.”

“Không nhỏ đâu.” Rowe bác lại. “Nếu nó là giấy chuyển nhượng hay hợp đồng cho thuê thì nó phải rất quan trọng. Nó sẽ cho thấy nơi Shakespeare ở vào thời điểm cụ thể - làm rõ mọi vấn đề.”

“Đúng, đúng. Nhưng ý ta nó là nhỏ so với độ quan tâm của mỗi người ấy. Nhưng giả sử nó ở trong một bức thư thì sao?” Lane chồm lên trước, ngón tay ông ấy xoắn tóc Patience mạnh đến nỗi khiến cô suýt hét lên. “Nghĩ về mọi khả năng đi! Một chữ kí dưới bức thư, bởi Shakespeare bất tử!”

“Tôi đang suy nghĩ!” Rowe cắn nhần. “Thế thì gần như hơi nhiều. Bức thư sẽ gửi đến ai? Nó viết gì trong đó? Một thông điệp tự sự. Một bản viết tay của chính Shakespeare!”

“Rõ ràng điều đó hoàn toàn có khả năng.” Ông lão say mê nói tiếp. “Nếu nó xuất hiện ở cuối bức thư, bức thư này còn đáng giá hơn cả cái chữ kí. Chẳng ngạc nhiên khi các học giả lớn tuổi sẽ tức giận và không đồng tình. Nó giống như phát hiện ra bức thư của Thánh Pauls trên thiên đường!”

“Bức thư đó nằm trong cuốn Jaggard 1599.” Patience thì thầm quyết liệt. “Hiển nhiên Tiến sĩ Ales đã tìm kiếm hai bản sao của cuốn Jaggard 1599 và chẳng tìm thấy gì, và đã dồn hết sức để tìm ở cuốn thứ ba nằm trong bộ sưu

tập của Saxon. Và ông ta đã làm thế. Có khả năng điều này sẽ xảy ra chứ...?”

“Có vẻ như là vậy” Rowe cười nhếch mép, “lão ta đã tìm ra, đồ chó may mắn.”

“Và giờ thì ai đó đã đánh cắp nó. Ôi, tôi cá rằng nó nằm trong cái hộp tại thư phòng của Tiến sĩ Ales.”

“Có vẻ thế.” Lane nói. “Còn một điều khác nữa. Tôi phát hiện ra bản thứ ba này, bị đánh cắp và đã quay trở lại, thực chất là do Samuel Saxon mua lại từ ngài John Humphrey Bond, nhà sưu tập người Anh.”

“Người đã giới thiệu Hamnet Sedlar với ngài Wyeth ư?” Patience thốt lên kinh ngạc.

“Chính xác.” Lane nhún vai. “Humphrey Bond đã chết; ông ta mới chết vài tuần trước. Không, không.” Ông nói với một nụ cười khi cả hai nhìn chăm chăm. “Đừng có hoảng hốt. Đây là một cái chết tự nhiên, nghĩa là không có ai khác dính líu đến cả. Ông ta đã tám mươi chín tuổi và chết bởi bệnh viêm phổi. Nhưng người của tôi ở bên kia đã đánh điện rằng cuốn Jaggard, được Saxon mua từ Humphrey Bond, chính là thứ đã gây ra tất cả những rắc rối này, thuộc về gia đình của Humphrey Bond từ thời Nữ hoàng Elizabeth. Ngài John là người cuối cùng trong gia đình - không còn người thừa kế khác.”

“Ông ta hẳn không biết rằng có một bức thư được giấu ở mặt sau cuốn Jaggard.” Rowe chỉ ra, “nếu không ông ta đã không bán cuốn sách.”

”Dĩ nhiên là không. Có khả năng là nhiều thế hệ trong gia đình Humphrey Bond đều không biết đến sự tồn tại của thứ tài liệu như thế trong cuốn sách.”

“Nhưng tại sao?” Patience thắc mắc. “Bức thư đã được dán vào đường viền trong suốt những năm qua à? Ai đã giấu nó ở đấy?”

“Đó là một câu hỏi,” Lane nói. “Ta nghĩ rằng nó đã ở đấy hàng thế kỷ; có thể nó được gửi cho một ai đó cùng thời, ai biết được? Nhưng sự thật là nó đã được cất giấu qua nhiều thập kỉ nên có thêm giá trị hoặc có liên quan chặt chẽ đến bản thân bức thư đó. Ta tin là vậy.”

Lão Quacey bước vào phòng. Gương mặt đầy nếp nhăn, và mỗi nếp nhăn như mang theo một tin xấu. Ông kéo tay áo của ông chủ. “Có người đàn ông tên Bolling,” ông ta phàn nàn, “cảnh sát từ Tarrytown, thừa ngài Drury.”

Lane nhăn mặt, “Caliban bắt tử*! Ông ta thông báo gì vậy?”

“Ông ta gọi điện đến. Ông ấy nhờ nhắn với ngài là khoảng một giờ trước,” đồng hồ đang chỉ bảy giờ, “ngôi nhà của Tiến sĩ Ales đã bị phá hủy bởi một vụ nổ bất ngờ”.

Khám Phá Từ Vụ Nổ

Ngôi nhà đã trở thành một đống tan hoang đang bốc cháy và tỏa khói. Tấm màn khói màu vàng dày đặc vẫn bám quanh những thân cây đang cháy xém, mùi lưu huỳnh khó chịu sộc vào mũi lan đến họng. Cả căn nhà bằng gỗ cũ kĩ đã bị thiêu rụi đến tận móng; những mảnh tường vỡ và vụn mái nhà vương vãi khắp nơi; ngôi nhà sập xuống đè lên căn hầm và giờ chỉ còn lại một đống cháy âm ỉ giữa một khoảng trống đầy những bụi gỗ. Đội an ninh Bang đang vất vả ngăn đám đông tò mò xa khỏi khu nhà. Lính cứu hỏa từ Tarrytown đang cố gắng khống chế ngọn lửa nhằm ngăn đám cháy lan ra những thanh gỗ khô. Nhưng họ chỉ có những dụng cụ chữa cháy thô sơ, trong khi chờ đợi những xe cứu hỏa hiện đại đang gấp rút chạy đến từ Tarrytown và Irvington. Bình chứa nước bên trong những chiếc xe nhanh chóng cạn; và những người xung quanh đã được vận động cùng tham gia dập đám cháy kinh khủng.

Cảnh sát trưởng Bolling gặp Patience, Rowe và Lane ở một góc của bãi đất trống. Ông thở dốc với khuôn mặt đỏ ửng, lổm đổm những vết bụi cháy. “Khốn kiếp thật,” ông ta hét lên. “Hai người của tôi đã bị thương nặng. May mắn là không ai ở trong căn nhà đó khi mọi chuyện xảy ra. Tất cả nổ tung đúng vào lúc sáu giờ.”

“Không có bất cứ lời cảnh báo nào ư?” Lane thì thầm; ông trở nên lo âu một cách kì lạ. “Tôi đoán là không thể nào quả bom lại rơi xuống từ một chiếc máy bay được?”

“Hoàn toàn không. Không có một máy bay nào bay gần đây những ngày qua, và hai người của tôi đều nói rằng không có bất cứ gã nào bén mảng quanh khu này kể từ khi chúng ta rời đi.”

“Như vậy quả bom đã được gài trong ngôi nhà từ trước đó.” Rowe nói dứt khoát. “Ôi lạy Chúa, chúng ta đã thoát trong gang tấc.”

“Trời ơi, nó có thể đã nổ trong khi chúng ta...” Patience trở nên nhợt nhạt. “Đó chỉ là một chút do dự. Một quả bom!” Và cô rùng mình.

“Có thể nó đã được gài bên dưới tầng hầm.” Lane nói một cách lơ đãng. “Đó là nơi duy nhất trong căn nhà mà chúng ta đã không khám xét chiều hôm đó. Thật ngu ngốc!”

“Căn hầm - nhẽ ra tôi phải đoán ra chứ.” Bolling gầm lên. “Giờ thì tôi phải chứng kiến cảnh hai người của mình nằm chết dí trong bệnh viện. Thật may mắn! Họ đã có thể bị thổi tung thành từng mảnh. Chúng ta có thể quay trở lại đồng đồ nát này vào ngày mai. Khi ngọn lửa đã được dập tắt.”

Trên chiếc xe trở về lâu đài Hamlet, ba người ngồi trong im lặng, theo đuổi suy nghĩ của riêng mình.

“Em biết đấy,” bất chợt Rowe nói. “Anh đang suy nghĩ.”

“Gì vậy?” Patience hỏi.

“Có vẻ như có một nhóm người đã tham gia vào vụ này. Không nghi ngờ gì khi tài liệu đó của Shakespeare, dù nó là bất cứ thứ gì, là nguyên nhân sâu xa của mọi việc. Chúng ta đã đồng tình, rằng Tiến sĩ Ales đã tìm thấy nó trong cuốn Jaggard 1599 mà ông ta đã ăn trộm được từ viện bảo tàng. Vậy ta có nhân vật chính - Ales. Kẻ thứ hai là gã cầm rìu đêm hôm trước; hẳn đã tìm kiếm cái gì nếu không phải là tài liệu đó? Vậy là hai gã. Và có một kẻ bám theo tên cầm rìu, kẻ đã bỏ ngỏ cánh cửa bí mật; vậy là ba gã. Và giờ thì vụ nổ, một kẻ nào đó đã gài bom. Lạy Chúa vậy là bốn tên, quá đủ để khiến chúng ta phải vất vả.”

“Cũng không nhất thiết như vậy,” Patience lí luận. “Anh đã quá máy móc. Một hoặc hai vai diễn anh nói đến có thể là cùng một người. Kẻ thứ hai đến căn nhà có thể là Tiến sĩ Ales, điều đó sẽ khiến chúng ta còn ba nghi phạm. Kẻ đột nhập có thể chính là kẻ gài bom, điều này khiến chúng ta chỉ còn hai người... Chúng ta sẽ không đi quá xa về vụ án, Gordon. Nhưng có một vấn đề. Giờ em đã có đủ thời gian để nghĩ kỹ về vụ nổ, em đang có một ý tưởng hết sức kì lạ.” Cuộc tranh luận phôi ra trước đôi mắt Lane và sự tò mò đã len lỏi vào bên trong. “Chúng ta đang nghiêng về giả

thiết rằng kẻ theo đuổi tờ giấy vì muốn có nó - và đã cố gắng để đánh cắp, cất giữ hoặc bán lấy tiền — một cách phạm tội thông thường.”

Rowe cười khẩy, “Pat, em quả là một cô bé ngang ngược! Tất nhiên đó là những lời giải đáp thông thường cho một cuộc tranh giành thứ gì đó có giá trị!”

Patience thở dài. “Có lẽ em đã suy diễn thái quá, nhưng em không thể không nghĩ rằng quả bom đã đặt từ trước đêm hôm qua, có thể kẻ nào đó đã biết trong ngôi nhà có tờ giấy và gài bom!”

Ông lão nháy mắt. “Vậ ư, Patience?”

“Ô, cháu cho rằng điều đó thật điên rồ, nhưng chúng ta đang phải đối mặt với một loạt những phi vụ bạo lực - những vụ tấn công, trộm cướp, và bom nổ... Chỉ mỗi Maxwell đang sống trong căn nhà đó; chắc chắn kẻ gài bom biết điều này. Thật quá phi lý khi nghĩ rằng trái bom chỉ để làm hại một người hầu già. Vậy thì điều đó có nghĩa là gì? Chúng ta đều cho rằng một hoặc nhiều người theo đuổi và muốn chiếm đoạt tờ giấy đó; nhưng theo cháu có ai đó đang muốn tiêu hủy nó!”

Rowe ngạc nhiên mất mấy giây, rồi anh hất hàm và làu bàu: “Ồ, Pat, em làm tôi chết lặng. Nói về việc tranh luận với phụ nữ thì ...” Anh dụi mắt. “Kẻ quái nào lại muốn phá hủy một tài liệu có giá trị lịch sử và đáng giá đến thế? Thật sự là điên rồ nếu đi theo hướng đó!”

Patience bực tức. “Em nghĩ anh mới là người khốn khổ ở đây.”

“Phương án của Patience,” Lane nói một cách ngắn gọn, “thực sự vô cùng logic đấy Gordon. Cậu sẽ không đi đến đâu khi thách thức trí tuệ của phụ nữ, chàng trai của ta. Ta sẽ nói là nếu như chỉ mỗi chữ kí của Shakespeare liên quan trong vụ án này, thì chỉ có một thằng điên mới muốn tiêu hủy nó. Nhưng có gì đó dính líu nhiều hơn chữ kí đó; một tài liệu mà chữ kí trên nó chỉ là phần phụ. Kẻ đánh bom trước đó hẳn đã bị rung động bởi ý tưởng giữ nó lại, không muốn thông điệp mà nó chứa đựng được công chúng biết đến.”

“Đó, thế mới là thông thái.” Patience nói.

“Nhưng để phá hủy...!” Rowe cười gượng. “Cháu không thể tưởng tượng nổi có điều gì đó mà ngài Shake bí hiểm đã có thể viết ra khiến cho

một người ở thế kỉ XX mất từng ấy công sức để ngăn nó được công bố. Cái quái gì trên đời này có thể? Điều đó thực sự không đúng.”

“Đó chính là điểm mấu chốt.” Lane nói một cách khô khốc. “Đó có thể là điều gì? Nếu như cậu hiểu được... Và nếu nó không thực sự có ý nghĩa gì thì lại là câu chuyện khác.”

Nếu như Patience được hỏi, có lẽ cô hẳn nói rằng ngày hôm đó, ngày mà bắt đầu bằng một cuộc điện thoại quái dị, liên quan đến vụ tấn công một ông già, một ngôi nhà bí ẩn bị phá hủy, và tất cả kết thúc bằng một vụ nổ khủng khiếp, có thể không còn bí ẩn nào nữa. Nhưng hãy còn những điều đang đợi cô - Rowe và Lane - ở Hamlet.

Trời tối dần. Chỉ còn một vài tia sáng ánh lên trên cây cầu; Khuôn mặt già cả nhăn nheo của Quacey hiện ra trước ngọn đèn cổ kính.

“Ngài Drury!” Ông ta kêu lên. “Có ai bị thương không?”

“Không quá tệ. Có chuyện gì vậy Quacey?”

“Có một quý ông đang đợi ở sảnh. Ông ta gọi điện đến ngay sau khi ông rời đi. Rồi một giờ sau ông ấy đến. Ông ta có vẻ rất buồn bã, ngài Drury ạ.”

“Ông ta là ai?”

“Ông ta nói tên mình là Choate.”

Họ nhanh chóng bước vào sảnh lớn, giống như toàn bộ tòa nhà, khu sảnh này có kiến trúc đặc trưng của nước Anh thời Trung cổ. Mọi người đều thờ dài. Ở góc xa phía cuối sảnh, là người quản lý của Britannic với bộ râu rậm và hai tay chắp sau lưng, đứng lấp ló đằng sau chiếc mặt nạ khổng lồ diễn về Bi được Lane lắp ở đó.

Ba người tỏ ra phẫn khởi khi gặp ông ta. “Tiến sĩ Choate,” Lane nói một cách chậm rãi. “Rất xin lỗi vì đã để ngài đợi. Có một số chuyện bất ngờ đã xảy ra... Khuôn mặt ngài nhìn rất bi thảm. Có chuyện gì vậy?”

“Có sự cố bất ngờ à?” Tiến sĩ Choate tỏ ra lo lắng. “Vậy thì ông chắc là biết rồi?” ông ta do dự gật đầu với Rowe và Patience.

“Về vụ nổ?”

“Vụ nổ á? Vụ nổ nào cơ? Ôi lạy Chúa, không! Tôi đang nói về Tiến sĩ Sedlar.”

“Tiến sĩ Sedlar,” mọi người đồng thanh kêu lên.

“Ông ta đã biến mất.”

Người quản lý dựa vào một bàn gỗ sồi. Đôi mắt của ông ta nhìn rất u ám.

“Biến mất?” Patience nhíu mày. “Tại sao chứ, chúng ta mới gặp ông ta hôm thứ Bảy, phải không Gordon?”

“Đúng vậy,” viên quản lý bảo tàng nói gấp gáp. “Ông ta xuất hiện một lúc hôm thứ Bảy. Ông ta trông hoàn toàn ổn. Tôi hẹn ông ta trước lúc ông ta rời đi là hãy gọi điện đến nhà tôi vào Chủ nhật, tức tối hôm qua về mấy vấn đề liên quan đến viện bảo tàng. Ông ta đã hứa. Nhưng rồi ông ta biến mất.”

“Ông ta không gọi sao?” Lane lẩm bẩm.

“Không, tôi đã cố gắng tìm ông ta ở Seneca; ông ta đã không ở đó. Cả ngày nay tôi đợi ông ta, và trông đợi bất kể tin tức gì từ ông ta. Nhưng chẳng nhận được gì cả.” Tiến sĩ Choate nhún vai. “Thật là kì cục! Ông ta không nói gì cả và biến mất. Tôi nghĩ có thể ông ấy bị ốm. Tôi đã gọi lại vào chiều nay và phát hiện ra ông ấy không ở khách sạn từ sáng thứ Bảy!”

“Điều đó cũng không chắc chắn rằng ông ta bị mất tích từ sáng thứ Bảy.”

“Tôi cho là không phải. Nhưng thật kì lạ. Tôi không biết phải làm gì. Gọi cảnh sát hay là... tôi đã cố gắng liên lạc với bố cô, cô Thumm ạ, nhưng cô gái ở văn phòng nói là...” Viên quản lý ngồi sụp xuống ghế, hậm hực.

“Trước tiên thì Donoghue, rồi Tiến sĩ Ales và giờ là Sedlar,” Patience nói một cách bí mật. “Tất cả đều mất tích! Thật sự mờ ám!”

“Trừ phi Sedlar là Ales,” Rowe chỉ ra.

Tiến sĩ Choate nhòm cổ dậy. “Ôi, lạy Chúa”.

“Tôi cho là,” Patience nhướn mày. “Nếu Tiến sĩ Ales không phải Sedlar thì ông ta đã lấy mảnh giấy và bỏ trốn!”

“Thưa quý cô Thumm. Mọi người ở khách sạn đều nói là đồ đạc của ông ta vẫn ở trong phòng. Điều đó hiếm khi xảy ra với một kế hoạch bỏ trốn. Và tài liệu mà cô đang nói đến là gì thế?”

Lane có vẻ rất mệt mỏi; có những trũng sâu quanh mắt ông, làn da của ông trở nên nhợt nhạt. Ông lắc đầu một cách mệt mỏi. “Những suy luận này sẽ không đưa chúng ta đến đâu cả. Mọi thứ đều không thể lường trước...”

Điều duy nhất tôi có thể đưa ra là các vị nên tìm hiểu xem chuyện gì đã xảy ra với Sedlar.”

Khi Patience và Rowe quay về thành phố thì đã rất muộn. Họ đỗ xe ngoài khách sạn Seneca và tìm người quản lý. Sau một số nỗ lực, họ được phép khám phòng tiến sĩ Sedlar. Nó có vẻ khá là ngăn nắp; những bộ đồ may theo kiểu Anh quốc treo trong tủ quần áo, bàn làm việc hãy còn những quả vải tươi, và hai hòm hành lý cùng ba túi xách của ông ta vẫn chưa được mở. Viên quản lý đã cố gắng ngăn cản cảnh sát động đến những thứ đó, liếc vào thư giới thiệu của Patience, thứ tất nhiên thuộc về ngài thanh tra, - đành miễn cưỡng chấp nhận việc khám xét căn phòng.

Hành lý và quần áo đều kiểu Anh; có một số văn bản đóng dấu London và được đề địa chỉ đến *Tiến sĩ Hamnet Sedlar*. Lẽ tự nhiên chúng đến từ người quản lý đương nhiệm ở Britannic. Hộ chiếu, có lẽ đã được kiểm tra, được tìm thấy trong ngăn kéo bàn làm việc; nó có ghi thông tin của Tiến sĩ Hamnet Sedlar và dán một tấm ảnh nhỏ quen thuộc.

”Sedlar...thôi được rồi,” Rowe kêu lên. “Mọi thứ đang khiến anh phát bực. Không hề có dấu hiệu nào chứng tỏ người đàn ông này định bỏ trốn ra nước ngoài.”

“Thật mệt mỏi!” Patience rên rỉ. “Gordon, hãy đưa em về nhà và hãy... hôn em.”

Vụ Giết Người

Mặt trời đang lấp lánh và ngọn lửa đã bị dập tắt. Khói đã tan hết sau một đêm. Chỉ có những vết than còn đỏ rực, đống đổ nát chất cao như núi, và những cành cây cháy xém gợi nhắc về vụ nổ đã diễn ra vào tối hôm trước. Lính cứu hỏa và cảnh sát đang bận rộn đào bới đống đổ nát. Một người đàn ông bình dị mặc đồ tối màu có ánh mắt sắc sảo, đang chỉ đạo các hoạt động. Ông có vẻ đặc biệt quan tâm đến việc dọn dẹp các mảnh vỡ để ông có thể trèo xuống phần còn lại của căn hầm.

Mọi người nhìn lên tán cây, một làn gió ấm buổi sớm thổi quần áo bay phất phơ. Bolling đang chăm chú quan sát mấy người thợ.

“Thấy gã đang đứng đó với đôi mắt đại bàng kia không? Đấy là một chuyên gia về bom. Tôi nghĩ rằng đấy là một quyết định đúng đắn. Tôi muốn biết thứ chết tiệt gì đã xảy ra.”

“Ý ngài là ông ta sẽ tìm thấy một cái gì đó trong đống rác kia?” Rowe hỏi.

“Đó là lí do anh ta ở đây.”

Mấy người thợ đã làm được khá nhiều việc. Trong một thời gian ngắn, đống đổ nát đã được gỡ khỏi lỗ hổng trên mặt đất và được truyền tay nhau ném vào một đống rác rưởi khác cách đó ba mươi bộ. Khi căn hầm đã được dọn dẹp đủ để chui xuống, người đàn ông đứng đó im lặng chui tọt vào hố và biến mất. Ông ngoi lên sau mười phút, nhìn quanh như thể đo chu vi của vụ nổ, và biến mất một lần nữa, lần này vào rừng cây. Khi ông quay trở về, ông lại chui vào hầm lần nữa. Đến lần xuất hiện thứ ba của mình, ông nhìn có vẻ hài lòng và mang trong hai bàn tay của mình một mớ hỗn độn không đồng nhất của các mảnh vỡ nhỏ như sắt, cao su, thủy tinh, và dây điện.

“Thế nào?” Bolling hỏi.

“Đây là bằng chứng, ngài cảnh sát trưởng,” vị chuyên gia bom nói. Ông giơ lên một mảnh nhỏ thiết bị nhìn giống đồng hồ. “Bom hẹn giờ.”

“À,” Drury Lane nói.

“Thô, sản xuất trong nước. Được hẹn phát nổ lúc sáu giờ. Một lượng hiệu quả trinitrotoluel - TNT.”

Câu hỏi giống nhau được thốt ra từ miệng của Patience, Rowe, và Lane. Nhưng Lane, mới là người nói gay gắt: “Quả bom được hẹn giờ khi nào?”

“Sáu giờ tối Chủ nhật, nếu vụ nổ xảy ra vào tối hôm qua. Đây là một quả bom được hẹn nổ sau hai mươi bốn giờ.”

“Sáu giờ ngày Chủ nhật,” Patience lặp đi lặp lại từ từ. “Hẳn bom đã được gài trước khi Maxwell bị tấn công vào đêm Chủ nhật!”

“Có vẻ như em đã đúng, Pat,” Rowe lẩm bẩm. “Nếu kẻ đặt bom biết trước tài liệu đó đang ở trong nhà, hẳn đã gài bom để phá hủy các tài liệu. Điều đó có nghĩa là hẳn biết nó ở trong nhà nhưng không biết chính xác nơi cất. Thật khó để...”

“Điểm trung tâm của vụ nổ,” tay chuyên gia nói, nhổ nước bọt vào một tảng đá đen, “là hầm rượu.”

“À,” Lane lại nói.

“Vị khách thứ hai, là người đã lấy tài liệu ra khỏi ngăn bí mật,” Patience nói, ném cho Lane cái nhìn đầy ẩn ý, “không thể là người đặt bom. Chuyện hết sức rõ ràng. Vị khách thứ hai đó biết nơi cất tài liệu; kẻ đặt bom thì không, như anh vừa nói, Gordon...”

Cô đã bị gián đoạn bởi một tiếng hét lớn từ một trong những người thợ đang đào bới đống đổ nát của căn hầm. Mọi người đều nhanh chóng quay lại.

“Có chuyện gì vậy?” Bolling kêu lên, chạy nhanh đến.

Ba người đàn ông đang khom lưng quan sát một cái gì đó, phần đầu của họ chỉ lấp ló trên mép điểm đào bới. Một trong số họ quay mặt lại, trắng bệch và run rẩy. “Có... một thi thể ở đây, ngài cảnh sát trưởng,” ông cất giọng khàn khàn. “Và từ vẻ bên ngoài thì ông ta đã bị giết hại.”

Chàng trai chạy ừa qua lớp tro đen đến sát mép. Lane từ từ bám sát đằng sau, xanh xao và lo lắng.

Rowe nhìn xuống và quay sang xô Patience ra xa. “Không hay đâu, Pat,” anh nói giọng khàn khàn. “Em nên đi ra đó dưới những tán cây... Thứ này không đẹp mắt chút nào.”

“Ồ,” Patience thốt lên; mũi cô phập phồng đầy lo lắng. Không nói thêm một câu nào cô đành vâng lời.

Những người đàn ông đang nhìn chăm chăm, như bị thôi miên, xuống hố. Một người thợ, một cảnh sát trẻ cầm đèn, rón rén đi tới một góc của hầm và cúi gập người, run rẩy và mệt mỏi... Phần còn lại của cái xác đáng sợ bị cháy đen, không còn mang hình dạng con người; một cẳng chân và một cánh tay đã biến mất, còn quần áo bị đốt cháy hoàn toàn.

“Làm sao các anh biết,” Lane gay gắt hỏi, “rằng ông ta đã bị giết?”

Một người đàn ông lớn tuổi trong bộ đồng phục nhìn lên, môi mím chặt. “Ông ấy không bị cháy thui đến mức tôi không thể nhìn thấy các lỗ,” ông nói.

“Lỗ ư?” Rowe nghẹn họng.

Người đàn ông thở dài kì dị. “Ba lỗ thủng, xếp gọn gàng trên bụng ông ta. Đó là những lỗ đạn, thưa ông, và đừng quên chúng.”

Ba giờ sau, ngài Lane, Cảnh sát trưởng Bolling, Patience, và Rowe đang ngồi lặng lẽ trong văn phòng công tố viên tại White Plains. Một cuộc gọi khẩn cấp yêu cầu một chiếc xe đã được gửi đi và sắp xếp để mang xác chết đến phòng khám nghiệm pháp y ở White Plains. Bolling không cho phép ai được chạm vào cái xác ngoài một số công đoạn xử lý cần thiết để ghép nối các phần thi thể. Một cuộc tìm kiếm đã được thực hiện để tìm những mảnh quần áo, đặc biệt là các khuy áo, để có thể cung cấp một đầu mối rõ ràng hơn về danh tính người đàn ông đã bị sát hại trong trường hợp không có các manh mối cụ thể; nhưng cái xác ở ngay tâm vụ nổ và đội tìm kiếm nhanh chóng phải bỏ cuộc. Đây là một phép lạ, vị chuyên gia bom nói vui vẻ, rằng cái xác đã không bị nổ nát vụn đến từng mảnh nhỏ.

Họ ngồi vào bàn của ngài công tố viên hạt và nhìn chăm chăm vào vật đặt trên mặt bàn. Đó là một vật được lấy từ cơ thể người chết, có thể xem là

một đầu mối. Một chiếc đồng hồ đeo tay sản xuất ở Anh, một chiếc đồng hồ giá rẻ có dây đeo bằng da thuộc; sẽ là vô ích nếu cố gắng điều tra chiếc đồng hồ. Không còn dấu vết nào của thủy tinh, ngoại trừ một mảnh tam giác duy nhất còn bám vào khung. Khung hợp kim của chiếc đồng hồ có vẻ không bị hư hại nhiều vì vụ nổ, ngoại trừ có vết khói đen bám lên. Có duy nhất một điểm có vẻ kì lạ. Kim đồng hồ đang cố định lúc mười hai giờ hai sáu; và có một vết khắc sâu trên mặt đồng hồ, vết khắc này không chỉ cắt xuyên qua số mười mà còn ăn vào khung kim loại.

“Đây là một điểm kì lạ,” người công tố viên, một người trẻ tuổi với đôi mắt lo lắng nói. “Không phải anh đã nói với tôi, Bolling, rằng xác chết được tìm thấy úp mặt xuống và cánh tay đeo chiếc đồng hồ này gập lại dưới cơ thể?”

“Đúng.”

“Vậy thì, vết nứt này không phải gây ra bởi vụ nổ.”

“Có những điểm khác nữa,” Patience thì thầm. “Vụ nổ xảy ra vào lúc sáu giờ đúng; nếu nó khiến chiếc đồng hồ dừng lại thì kim đồng hồ sẽ hiển thị sáu giờ đúng. Nhưng không.”

Ngài công tố viên quan sát cô đầy ngưỡng mộ. “Đúng! Nói thật tôi không nghĩ đến điều đó. Con gái của thanh tra Thumm, như cô giới thiệu?”

Nhân viên khám nghiệm pháp y vội vã đến, một người đàn ông nhỏ, hói, mặt hồng hào. “Xin chào! Vâng, tôi nghĩ mọi người đang đợi những tin tức tốt lành. Tôi vừa hoàn thành việc nghiên cứu mớ hỗn độn đó.”

“Ông ta đã bị sát hại, phải không?” Rowe hỏi háo hức.

“Vâng, đúng vậy. Tất nhiên dựa trên tình trạng của cái xác cũng khó để nói chính xác, nhưng đây là ý kiến của tôi rằng ông ta đã chết được khoảng ba mươi sáu giờ, nên thời gian tử vong vào khoảng nửa đêm ngày Chủ nhật.”

“Nửa đêm ngày Chủ nhật!” Patience và Rowe nhìn nhau chăm chăm. Drury Lane hơi nháy mắt.

“Điều đó khá phù hợp với chiếc đồng hồ đeo tay,” ngài công tố viên nhận xét. “Mười hai - hai mươi sáu. Chiếc đồng hồ này đã dừng lại khi vụ

giết người xảy ra. Ông ta đã bị giết chết lúc mười hai giờ hai sáu phút sáng sớm thứ Hai.”

Người đàn ông nhỏ hỏi đầu tiếp tục: “Ông đã bị bắn từ phía trước, ở cự ly rất gần. Ba vết đạn.” Ông quăng ba viên đạn đã vỡ nát không hình thù trên bàn làm việc. “Đây là điểm đáng ngờ về vết rạch trên chiếc đồng hồ đó. Có một vết tương ứng trên cổ tay cắt khá sâu, vết thương cổ tay bắt đầu ngay nơi vết rạch trên chiếc đồng hồ kết thúc.”

“Nói cách khác,” Rowe hỏi, “ông có nghĩ rằng cùng một cú đánh đã gây ra các vết rạch trên cả cổ tay và chiếc đồng hồ không?”

“Đó là vấn đề.”

“Vậy thì gã cầm rìu của chúng ta,” Rowe lẩm bẫm, mắt long lanh. “Hoặc ít nhất một người nào đó sử dụng rìu... bác sĩ, có khả năng vết cắt đó được gây ra bởi một chiếc rìu nhỏ không?”

“Chắc chắn rồi. Không thể là một con dao. Bất cứ thứ gì có lưỡi rộng và một chiếc cán làm đòn bẩy.”

“Mọi thứ đã được giải quyết,” Bolling càu nhàu. “Ai đó đã dùng một chiếc rìu để tấn công người này, chém vào cổ tay, phá vỡ chiếc đồng hồ đeo tay khiến nó dừng lại, và đồng thời làm bị thương cổ tay; rồi sau đó, tôi cho rằng cuộc vật lộn đã khiến người chết đầy một bụng chì.”

“Có một thứ khác nữa,” vị bác sĩ nói. Ông lấy ra từ túi mình một chìa khóa nhỏ được bọc trong giấy lụa. “Một trong những người của ông, Bolling, vừa mang thứ này vào. Tìm thấy trong một mảnh túi quần mọi người đã nỗ lực đào lên từ đồng hồ nát gần cái xác. Nó được một người nhận ra...”

”Maxwell?”

“Người giúp việc? Vâng. Maxwell xác nhận đây là chiếc chìa khóa gốc của cửa trước.”

“Chìa gốc,” chàng trai kêu lên.

“Thật kì lạ!” Bolling lẩm bẫm. “Chờ một phút.” Ông nắm lấy điện thoại của công tố viên và gọi đến trụ sở ở Tarrytown. Ông nói ngắn gọn với một người khác, sau đó gác máy. “Khá chắc chắn. Người của tôi nói rằng Maxwell đã nói đây là chìa khóa của Tiến sĩ Ales. Cái mà người đàn ông

đeo mặt nạ đã lấy từ Maxwell đem hẳn trói ông ta trong hầm để xe chỉ là chìa dự phòng.”

“Chỉ có một chìa gốc thôi?” Patience thở dài.

“Đó là những gì Maxwell đã nói.”

“Vậy tôi nghĩ rằng không còn nghi ngờ gì nữa,” ngài công tố thở dài hài lòng. “Xác chết đó là của Tiến sĩ Ales.”

“Thật vậy sao?” Lane thì thầm.

“Ông không nghĩ như vậy ư?”

“Một chiếc chìa khóa, thưa ngài, không đại diện cho chủ sở hữu của nó. Tuy nhiên, tôi cho rằng suy luận đó về logic là hoàn toàn hợp lý.”

“Được rồi, tôi đang khá bận,” viên bác sĩ pháp y nói. “Có một điều khác nữa. Tôi nghĩ rằng ông muốn một biên bản khám nghiệm tử thi. Cao năm bộ mười một in-sơ, tóc màu cát hoặc màu vàng, nặng khoảng một trăm năm năm pao, và ông ta vào khoảng từ bốn năm đến năm năm tuổi. Tôi không tìm được điểm đặc biệt nào khác.”

“Sedlar,” Patience thì thầm.

“Chính xác.” Rowe nói cộc cằn. “Một trong những người dính líu đến vụ án này, một người Anh, Tiến sĩ Sedlar, đã biến mất khỏi khách sạn mình đang ở tại thành phố New York vào ngày thứ Bảy. Các mô tả phù hợp một cách hoàn hảo!”

“Anh đã không nói ra!” Bolling gầm gừ.

“Tôi có nói. Nhưng có vẻ đang có sự nhầm lẫn về danh tính. Người đàn ông này, Sedlar, đã bị cáo buộc đóng giả Tiến sĩ Ales...”

“Vậy đây là câu trả lời,” Bolling nhận xét đầy hy vọng. “Đừng quên rằng cái xác được tìm thấy đang mang chìa khóa của Tiến sĩ Ales. Nếu Sedlar là Ales, mọi thứ đều trùng khớp.”

“Tôi không chắc chắn như vậy, khi nghĩ kĩ lại,” Rowe lẩm bẫm. “Thực sự chỉ có hai khả năng, và chúng ta đang mắc kẹt ở đây bởi đã không thực sự phân tích kỹ lưỡng đầy đủ. Khả năng thứ nhất là Sedlar và Ales là cùng một người, như ngài đã nói, ngài Bolling, trong trường hợp này xác chết đó - đặc biệt giống cả hai người - sẽ xóa bỏ hoàn toàn các bí ẩn từ sự biến mất của cả hai người. Nhưng nếu Sedlar và Ales là hai người khác nhau, điều

này chỉ dẫn đến một kết luận: họ phải có một sự tương đồng kì lạ! Chúng ta đã né tránh kết luận này bởi nó có vẻ... ừm, èo uột và rẻ tiền như tiểu thuyết trinh thám ba xu; nhưng tôi không hiểu sao mọi người né tránh được phương án này.”

Lane không nói gì.

“Vâng,” Bolling càu nhàu, giậm chân, “hẳn những chuyện này có thể giúp mọi người tiến đến đâu đó, nhưng nó khiến tôi nhức đầu quá. Tất cả điều tôi muốn biết là: xác chết này là của ai, Tiến sĩ Ales hay gã người Anh tên Sedlar?”

Vào sáng thứ Tư hai việc quan trọng đã xảy ra. Thanh tra Thumm đã trở lại vinh quang từ Chillicothe, Ohio, kẻ trộm trang sức đã bị bắt và giờ đang bị nhốt sau song sắt; còn những bí ẩn của *sự giống nhau kì lạ* đã được giải quyết.

Phục Sinh

“Lý do chúng ta lại tập trung ở đây một lần nữa - Patty nói với tôi rằng nó và chàng thanh niên trẻ tuổi này giờ đã sống hẳn ở đây!” ngài thanh tra thân ái nói với Lane vào sáng hôm sau khi hai ông và đôi trẻ ngồi dưới một cây sồi đang tỏa bóng trong khu vườn thanh bình của Lane, “là chúng tôi có một số tin tức thú vị cho ngài.”

“Tin tức ư?” ông lão nhún vai; nhìn ông bơ phờ, mệt mỏi và thiếu sức sống. Ông mỉm cười yếu ớt; một chút sức sống từ những ngày xưa cũ vang vọng trong giọng nói của ông. “Nhét những kết quả thú vị đó vào tai tôi đi, nó đã cắn cỏi trong suốt thời gian dài. Tôi tin là chúng rất hữu ích phải không?”

Thanh tra cười; ông đang có tâm trạng tốt. “Ông hãy tự xem đi.” Ông thọc tay vào túi mình và rút ra một chiếc phong bì. “Tôi bất ngờ nhận được tin từ anh bạn Trench sáng nay.”

Thông điệp nói:

ĐÃ ĐIỀU TRA THÊM VỀ HAMNET SEDLAR. CÓ MỘT THÔNG TIN THÚ VỊ VỀ NGÀI HS. ÔNG TA CÓ MỘT NGƯỜI EM TÊN LÀ WILLIAM, KHÔNG RÕ ĐỊA CHỈ. CHÚNG TÔI ĐÃ PHÁT HIỆN RA RẰNG WILLIAM VÀ HAMNET LÀ ANH EM SINH ĐÔI. WILLIAM GẦN ĐÂY ĐÃ ĐẾN HOA KỲ, KHỞI HÀNH TỪ BORDEAUX ĐẾN NEW YORK TRÊN MỘT CON TÀU NHỎ VÀO CUỐI THÁNG BA. HẮN ĐANG BỊ TRUY NÃ BỞI SỞ CÔNG AN BORDEAUX Ở GIRONDE VÌ NHẬP CẢNH BẤT HỢP PHÁP VÀ TẤN CÔNG CÓ CHỦ ĐÍCH VÀO THƯ VIỆN TƯ NHÂN CỦA MỘT NGƯỜI MÊ SÁCH GIÀU CÓ TÊN BLAYE VÀ RÕ RÀNG CỐ GẮNG TRỘM MỘT CUỐN SÁCH HIẾM. MỘT

NGƯỜI PHÁP ĐÃ BỊ ĐÁNH ĐẬP TÀN NHỈNH DO BẮT GẶP HẮN ĐANG CỐ RẠCH PHẦN VÀI BỌC CUỐN SÁCH IN NĂM 1599 JAGGARD, CUỐN ‘KỂ HÀNH HƯƠNG MÊ ĐẮM’ CỦA WILLIAM SHAKESPEARE. ĐÂY LÀ HÀNH ĐỘNG KÌ LẠ BỞI WILLIAM CÓ VẼ LÀ MỘT NGƯỜI CÓ LÝ TRÍ, HẮN CŨNG LÀ MỘT NGƯỜI MÊ SÁCH NHƯ HAMNET VÀ ĐÃ VIẾT NHỮNG BÀI BÁO DƯỚI BÚT DANH TIẾN SĨ ALES TRƯỚC KHI BIẾN MẤT KHỎI ANH CÁCH ĐÂY BA NĂM. HẮN TA LÀ MỘT CHUYÊN GIA ĐẤU GIÁ SÁCH HIẾM, NGƯỜI BẢO TRỢ CỦA HẮN LÀ NGÀI JOHN HUMPHREY BOND GẦN ĐÂY ĐÃ CHẾT. KHÔNG CÓ DẤU VÂN TAY CỦA WILLIAM HOẶC HAMNET, HỒ SƠ HAY BẤT KÌ DẤU VẾT NHẬN DẠNG NÀO, WILLIAM GIỐNG HẾT ANH MÌNH. HY VỌNG THÔNG TIN NÀY SẼ GIÚP ANH, NẾU ANH TÌM THẤY DẤU VẾT CỦA WILLIAM SEDLAR HAY TIẾN SĨ ALES, HÃY THÔNG BÁO CHO PHÒNG CẢNH SÁT BORDEAUX. TRÂN TRỌNG VÀ CHÚC CUỘC ĐIỀU TRA THÀNH CÔNG!

TRENCH

“Điều đó giải thích mọi chuyện, mọi người không thấy sao?” Patience kêu lên. “Là hai anh em sinh đôi, hẳn Hamnet và William phải giống nhau như hai giọt nước. Đó là lý do tại sao mọi người lẫn lộn hai người với nhau!”

“Đúng vậy,” Lane nói nhẹ nhàng. “Đây là thông tin cực kỳ có giá trị. Vậy thì rõ ràng, Sedlar là Sedlar, còn tiến sĩ Ales là William, em trai của Sedlar, kẻ sống ngoài vòng pháp luật ở Pháp.” Ông đan những ngón tay dài của mình với nhau. “Nhưng *embarras de choix** hãy còn đó ám ảnh chúng ta. Chúng ta đã tìm thấy xác của ai - của Hamnet hay William?”

“Và còn chuyện William đã cố gắng trộm một bản in Jaggard 1599 của Blaye nữa,” Rowe nhận xét. “Chắc ông biết lão người Pháp đó rồi, ông Lane. Pierre Gréville. Thực tế, tôi có qua thăm ông ta vào năm ngoái.” Lane gật đầu. “Ông ấy là chủ sở hữu của bản in thứ hai. Saxon có bản thứ

ba, còn những bản khác chỉ Chúa mới biết chúng ở đâu. Rạch nát phần da bọc sách à? Rõ rồi. Hẳn ta đang tìm kiếm một bản viết tay của Shakespeare!”

“Thế là rõ rồi nhé, hai đứa,” ngài thanh tra cười. “Tôi vừa mới định tổng tiền vụ này. Nhưng bắt đầu có nhiều tiến triển, nhỉ?”

“Mọi người có muốn biết,” Patience đột nhiên cất lời, lơ đãng vuốt tay lên ve áo, “ai là người giết người đàn ông ở dưới hầm?” Tất cả tỏ ra ngạc nhiên, còn Patience phì cười, “ồ, cháu không thể đưa ra cái tên nào. Nhưng đây giống như một bài toán đại số có quá nhiều ẩn số. Nhưng có một điều cháu chắc chắn rằng: kẻ giết người là kẻ đã dùng rìu!”

”Ồ!” Rowe nói, và lại ngả người xuống cỏ.

“Chúng ta biết gã đã ở phòng làm việc lúc nửa đêm theo bằng chứng thu được từ chiếc đồng hồ cổ đó. Vào lúc mười hai giờ hai tư, gã đã ở trên lầu trong phòng ngủ, vẫn đang chặt chém - bằng chứng là chiếc đồng hồ phòng ngủ bị đập vỡ. Vụ giết người xảy ra vào lúc mười hai giờ hai sáu, chỉ hai phút sau đó! Và kẻ giết người đã dùng một chiếc rìu - bằng chứng là vết thương sắc lẹm cắt sâu vào đồng hồ đeo tay và cổ tay của nạn nhân. Điều này rất rõ ràng.”

“Ta hiểu,” Lane nói, và nhìn lên bầu trời xanh.

“Đúng vậy phải không ạ?” Patience lo lắng hỏi.

Nhưng Lane không nhìn cô; ông như đang muốn thoát khỏi bầu không khí ngột ngạt xung quanh bằng cách chú ý đến một đám mây kì lạ mới hình thành.

“Còn một điều khác nữa,” Rowe nói quả quyết. ”Đó là chiếc mắt kính chúng ta đã tìm thấy trong sảnh ngôi nhà. Đó là bằng chứng khá chắc chắn rằng Sedlar đã ở đó. Vậy ông ta là nạn nhân hay kẻ giết người? Có vẻ ông ta là nạn nhân. Cái xác có những đặc điểm nhận dạng tương đồng với một vài điểm đặc biệt...”

“Trừ phi,” Patience nói, “đó là xác là của Tiến sĩ Ales.”

“Nhưng ai đã đặt quả bom?” ngài thanh tra hỏi.

Quacey bỗng từ đâu lệt bệt bước tới, theo sau là một người đàn ông trong bộ cảnh phục.

“Ông là thanh tra Thumm?” Người lạ đó cất lời.

“Phải.”

“Tôi là người của cảnh sát trưởng Bolling ở Tarrytown.”

“Ồ, vâng! Tôi đã gọi cho ông ta sáng nay để nói rằng tôi sẽ trở lại.”

“Vâng, ông ta dặn tôi thông báo cho ngài và mọi người biết rằng, một người đàn ông có vẻ đang choáng váng khi bị bắt gặp lang thang trên con đường giữa Irvington và Tarrytown. Nhìn gần có vẻ ốm đói. Yếu ớt. Hơi gàn dở. Ông ta không nói được tên mình nhưng luôn lăm bằm điều gì đó về một chiếc mũ màu xanh.”

“Mũ màu xanh!”

“Đúng. Họ đã đưa ông ta đến bệnh viện ở Tarrytown. Ngài cảnh sát trưởng nói mọi người hãy đến đó nếu muốn gặp ông ta”

Họ tìm thấy Bolling sốt ruột đi qua đi lại trong phòng chờ của bệnh viện. Ông nồng nhiệt bắt tay Thumm. “Đã lâu không gặp ông rồi, ngài thanh tra! Vâng, ngày qua ngày mọi chuyện chỉ càng tồi tệ hơn. Muốn gặp ông ta không?”

“Tất nhiên. Ai đấy?”

“Chịu. Họ mới tóm được ông ta gần đây. Đó là một gã khá cao lớn, nhưng giờ rất gầy, đến mức có thể nhìn thấy xương sườn. Chết đói.”

Mọi người hồi hộp đi theo Bolling dọc hành lang.

Bolling mở cửa một phòng riêng. Một người đàn ông trung niên nằm yên lành trên giường bệnh viện. Một đồng quần áo dơ bẩn tả tơi nằm trên một chiếc ghế gần đó. Khuôn mặt của ông tả tơi, trũng sâu và bị phủ kín bởi chòm râu mọc rậm rạp; và đôi mắt hãy còn mở, đang trừng trừng nhìn vào bức tường.

Thanh tra Thumm há hốc miệng. “Donoghue!” Ông gầm lên.

“Đó có phải gã người Ai len đã mất tích không?” Bolling háo hức hỏi.

Ngài Drury Lane lặng lẽ đóng cửa lại. Ông đến gần chiếc giường và nhìn xuống người Ai len khốn khổ. Đôi mắt ông ta đột nhiên chứa đầy đau đớn, và từ từ đầu quay lại. Ông bắt gặp Lane đang ngậy người, rồi chuyển ánh nhìn sang khuôn mặt của viên thanh tra... Nhận thức có vẻ vừa quay lại với ông. Ông liếm môi. “Ngài thanh tra,” ông thì thầm.

“Đúng là anh rồi,” Thumm nói chân thành, đến gần giường bệnh. “Chà, Mick ích kỉ, anh đã dẫn chúng tôi qua cả một cuộc rượt đuổi hỗn loạn. Anh đã ở đâu? Chuyện gì xảy ra với anh vậy?”

Đôi gò má mỏng manh hơi ửng đỏ. Donoghue ho khan vài tiếng trước khi ông cất giọng. “Đó... đó là một câu chuyện dài.” Và ông cố gắng cười. “Ở đây họ cho tôi ăn bằng một mớ ống lùn nhùng, thật là! Tôi sẵn sàng hi sinh cả cánh tay phải đổi lấy một miếng thịt bò ướp thật ngon. Làm thế nào... Sao ngài lại tìm thấy tôi, ngài thanh tra?”

“Chúng tôi đã tìm kiếm anh kể từ khi anh biến mất*, Donoghue. Đủ khỏe để nói chuyện chứ?”

“Chắc chắn rồi, tôi cũng đang mong thế.” Donoghue xoa tay lên gò má đầy râu của mình, sức mạnh đã trở lại trong giọng nói của ông khi ông kể lại chuyến phiêu lưu của mình:

Vào chiều hôm đó, khi đoàn người từ Indiana đến thăm Bảo tàng Britannic, ông đã nhận thấy một người đàn ông để ria mép, dáng khá cao, mang một chiếc mũ mềm màu xanh khá kì lạ chuồn ra khỏi tòa nhà với một cái gì đó dưới cánh tay của mình, nó trông giống như một cuốn sách, cảm giác đây là một vụ trộm, Donoghue không kịp rung chuông báo động mà ngay lập tức bám sát người đàn ông. Con mồi của ông nhảy lên một chiếc taxi, và Donoghue ngay lập tức bám theo bằng một chiếc xe khác. Cuộc truy đuổi diễn ra qua nhiều tuyến phố, từ ngoại ô thành phố đến một ngôi nhà gỗ xiêu vẹo cách đường cao tốc chính giữa Tarrytown và Irvington chừng một dặm. Ông đã ẩn nấp sau bụi cây khi một ông già vận bộ quần áo màu đen rời khỏi căn nhà; và sau đó, ông đã bước lên thềm. Một biển tên đặt dưới chuông cửa cho anh biết đây là nhà của Tiến sĩ Ales. Ông đã rung chuông và chính người đàn ông đó đã ra mở cửa. Donoghue nhận ngay ra hần mặc dù thực tế hần đã bỏ mũ ra và không còn đeo bộ ria xám rậm. Bộ ria mép, vì vậy, rõ ràng là một trò ngụy trang! Donoghue đang ở trong một tình thế khó khăn. Ông không có bằng chứng chứng tỏ người đàn ông này là một tên trộm; có lẽ đó chỉ là trí tưởng tượng của mình. Tuy nhiên, việc thiếu mất bộ ria có vẻ khá hứa hẹn... Không có quyền đưa ra một lệnh bắt giữ, ông đành vào nhà hần khi hần lịch sự mời vào nhà. Ông được dẫn vào

một phòng làm việc đầy ắp sách. Điếc không sợ súng,* Donoghue đã thẳng thừng buộc tội vị chủ nhà đã đánh cắp một cuốn sách từ viện bảo tàng.

“Hắn ta là một tên ác quỷ máu lạnh,”* Donoghue mắt sáng rực, nói. “Hắn thừa nhận tội lỗi! Sau đó, hắn nói rằng mình sẽ hoàn trả đầy đủ, rằng hắn sẽ thanh toán chi phí mọi thứ. Tôi lấy ra ống tẩu của mình để châm thuốc, nghĩ rằng mình sẽ trêu chọc hắn đến khi túm lấy chiếc điện thoại gọi cho cảnh sát gần nhất đến tóm cổ hắn ta. Nhưng tôi quá lo lắng và đánh rơi ống tẩu trên sàn nhà. Rồi hắn chỉ tôi đi ra ngoài, giọng hết sức ngọt ngào, và khi tôi đang đi bộ trở về dọc theo con đường nhỏ vừa suy tư rất ác, thì đột nhiên một thứ gì đó đập lồm sọ tôi và đó là toàn bộ những gì tôi còn nhớ được trong suốt thời gian dài.”

Khi tỉnh dậy, ông thấy mình đang bị trói và bị bịt miệng trong một căn phòng tối. Ông nghĩ rằng lúc đó Tiến sĩ Ales đã đi theo và tấn công ông; ông đã chắc chắn như thế đến tận ngày hôm nay, khi trốn thoát khỏi đó sau nhiều nỗ lực, ông mới phát hiện ra rằng ông không bị giam ở nhà của Tiến sĩ Ales mà là một ngôi nhà hoàn toàn khác mà ông chưa bao giờ thấy trước đây.

“Anh chắc chắn về điều đó chứ? Nhưng, chắc chắn rồi. Nhà của Ales đã nổ tung,” ngài thanh tra lẩm bẩm. “Tiếp nào, Donoghue.”

“Tôi không biết mình đã bị trói như một con lợn trong bao lâu,” người đàn ông Ai len tiếp tục. “Hôm nay ngày bao nhiêu? Chà, chả có gì khác biệt. Tôi được cho ăn một lần một ngày bởi một người đàn ông đeo mặt nạ mang súng.”

“Đó có phải Tiến sĩ Ales không?” Patience kêu lên.

“Không, thưa cô, nhưng tôi không thể nói chắc chắn. Tối om om vậy. Nhưng giọng nói thì khá giống - nói giọng Anh, chính hắn, và tôi biết cái giọng đó, tôi đã nghe và thấy kha khá giọng đó ở cố quốc. Ngày này qua ngày khác hắn luôn miệng dọa tra tấn tôi, mẹ nó!”

“Tra tấn hả?” Patience há hốc miệng.

“Chỉ nói thôi, thưa cô. Chỉ dám đe dọa; không bao giờ thực sự làm. Hắn muốn tôi nói cho hắn biết *tài liệu đó ở đâu?*” Donoghue cười khúc khích.

“Nên tôi nói: ‘Mày là thằng đần’ thì hẳn càng đe dọa tôi nhiều hơn. Tôi không hiểu ý hẳn tài liệu nghĩa là gì.”

“Kì lạ,” Rowe nói.

”Có những ngày hẳn không cho tôi ăn gì cả,” Donoghue phàn nàn. “Chúa ơi, tôi muốn một cái đùi cừu!” Ông liếm môi và tiếp tục câu chuyện kì lạ. Một thời gian dài trước đây, mặc dù ông không thể nhớ chính xác ngày tháng bởi ông đã đánh mất nhận thức về thời gian - ông nghe thấy có tiếng động mạnh ở đâu đó trong tòa nhà. Ông nghe thấy âm thanh một cơ thể nặng nề bị kéo lê và có lẽ bị nhốt vào căn phòng cạnh ông; sau đó là tiếng rên rỉ của một người đàn ông. Một lát sau, ông nghe thấy tiếng đập cửa yếu ớt. Ông cố gắng gửi tín hiệu cho người hàng xóm của mình, người ông nghĩ rằng là cũng cùng cảnh ngộ, nhưng do bị trói và bịt miệng, ông không làm gì được. Đã ba ngày Donoghue không được ăn gì, cũng không nhìn thấy kẻ bắt cóc đeo mặt nạ. Sáng nay, sau nhiều ngày nỗ lực trong đau đớn, ông đã xoay sở thoát khỏi sợi dây trói; ông đập khóa cửa và thấy mình đang ở trong một sảnh lớn tối tăm, bẩn thỉu, hôi hám. Ông nghe ngóng động tĩnh, nhưng ngôi nhà dường như bị bỏ hoang. Ông cố gắng xác định vị trí căn phòng giam giữ người bạn tù, nhưng tất cả các cánh cửa đều bị khóa và ông không nhận được bất kì tín hiệu phản hồi nào. Yếu ớt, sợ kẻ bắt cóc có thể sẽ trở lại, ông đã bò ra khỏi nhà và trốn thoát.

“Anh có nghĩ rằng,” thanh tra Thumm nói dữ dội, “anh có thể nhận ra chỗ đó không, Donoghue?”

“Chắc chắn rồi, tôi sẽ không bao giờ quên nó.”

“Khoản đã,” một chàng trai mặc áo trắng đứng gần cửa phản đối. “Ông ấy vẫn còn rất yếu. Tôi đặc biệt khuyên ông không nên cố di chuyển.”

“Khuyên khuyên cái đầu anh ấy!” Donoghue hét lên, cố gắng ngồi dậy trên giường. Sau đó, ông rên lên và nằm xuống. “Tôi sẽ không được nhanh nhẹn như xưa. Hãy cho tôi uống thêm thìa thuốc nữa, bác sĩ, và tôi sẽ dẫn đội điều tra. Vậy đi, ngài thanh tra, như những ngày xưa.”

Theo hướng dẫn của Donoghue, xe của Lane, theo sau là Bolling cùng một đội khác, đến nơi mà ông được một cảnh sát tìm thấy sáng hôm đó.

Thumm đỡ ông ra khỏi chiếc limousine để người đàn ông Ai len có thể nhìn ra con đường.

“Hướng này,” ông nói, rồi hai người đàn ông quay vào xe. Dromio lái từ từ. Chưa đến một trăm yard*, Donoghue hét lên một câu gì đó, và Dromio rẽ vào một con đường hẹp. Đó là một con đường mòn cách con đường dẫn vào nhà Ales chừng một dặm.

Hai chiếc xe lăn bánh thận trọng. Họ đi qua ba căn nhà lụp xụp, cách xa mặt đường, rồi Donoghue đột nhiên kêu lên: “Đây!”

Đó là một ngôi nhà cũ nhỏ, trông giống một cái lán, nhìn cô đơn và đổ nát như một di tích khảo cổ. Không có dấu hiệu của sự sống; nơi này nhìn điêu tàn như thể không ai ở đây trong nhiều năm.

Người của Bolling nhanh chóng gỡ bỏ mấy cái rào chắn yếu đuối. Một mẫu gỗ thay cho tay nắm còn cánh cửa trước thì vẹo vọ như vỏ hạt thối. Họ tò ra khắp nhà, tay lăm lăm súng. Ngôi nhà trống rỗng, vắng tanh, dơ bẩn, và ngoại trừ phòng giam Donoghue, không có đồ đạc gì. Họ qua hết cánh cửa này đến cánh cửa khác. Và cuối cùng, họ đi đến một căn buồng đen đúa có mùi chua, bên trong có một chiếc giường, một bồn rửa, và một cái ghế. Nằm trên giường là một cơ thể đang bị trói chặt của một người đàn ông.

Ông ta đang bất tỉnh.

Người của Bolling mang ông ta ra ngoài ánh sáng mặt trời. Mọi người đều nhìn chăm chăm vào khuôn mặt vàng nhợt nhạt không sinh khí của ông ta. Trong mắt mọi người ánh lên cùng một câu hỏi: Nạn nhân của bầu không khí hôi hám và chết đói này là Hamnet hay William Sedlar? Họ tin chắc đây chỉ là một trong hai người đó.

Donoghue, đã hoàn thành nhiệm vụ, thốt ra một tiếng rên yếu ớt và đổ sụp trong vòng tay của ngài thanh tra. Một chiếc xe cấp cứu đi theo hai chiếc xe đã đến, và Donoghue được đưa vào bên trong. Một bác sĩ thực tập cúi người kiểm tra cơ thể gầy gò của người đàn ông người Anh đang bất tỉnh. “Ông ấy chỉ ngất đi. Dây trói quá chặt, thiếu thức ăn, thiếu dưỡng khí - nói chung là suy nhược. Chỉ cần chăm sóc một chút là ông ấy sẽ khỏe lại.”

Đôi má gầy gò được phủ một lớp râu tóc vàng mượt. Người bác sĩ trẻ cho ông uống thuốc và đôi mắt của người đàn ông hấp háy mở ra. Nhưng nhìn chúng hết sức mơ hồ, và ông ta lại đưa đôi mắt trống không nhìn khi ngài thanh tra lúc này đang bắt đầu hỏi dồn dập. Sau đó, ông lại nhắm mắt.

“Được rồi,” Bolling càu nhàu. “Hãy mang cả đội đến bệnh viện. Chúng ta sẽ tra hỏi gã này vào ngày mai.”

Khi xe cứu thương đi khỏi, một chiếc xe khác phóng đến, một chàng trai trẻ không đội mũ nhảy ra ngoài. Anh ta chính là tay phóng viên bị thu hút đến hiện trường bởi những tin đồn bí ẩn - món ưa thích của các quý ông làm báo. Bolling và Thumm bị choáng ngợp với những câu hỏi. Bất chấp Lane liên tục ra dấu, những dòng tin tức liên tục tuôn ra: tất cả những gì họ biết về Tiến sĩ Ales, về “kẻ chạy trốn khỏi công lý ở Pháp,” câu chuyện kịch tính của Donoghue, sự giống nhau về nhân dạng của cặp song sinh Sedlar... Tay phóng viên vọt đi, toe toét cười chiến thắng.

“Đó,” Lane lạnh lùng nói, “là một quyết định sai lầm, ngài thanh tra.”

Thumm đỏ mặt. Lúc đó, một người đàn ông đến gần Bolling và báo cáo rằng không tìm được dù là đầu mối nhỏ nhất dẫn đến danh tính của người đã giam cầm hai người trong căn nhà.

“Tôi cũng đã gọi về Tarrytown,” anh báo cáo, “và xác định được chủ sở hữu của tài sản này. Ông ta thậm chí còn không biết ai đang sống ở đây. Ông nói rằng nó đã bị ‘bỏ hoang’ trong ba năm.”

Cả hai đội leo vào xe ô tô của mình trong im lặng. Phải chừng mười phút sau đó Gordon Rowe mệt mỏi nói: “Hãy nói về câu đố!”

Tội Ác 300 Năm Trước

“Điều đầu tiên chúng ta cần giải quyết,” thanh tra Thumm nói một cách dứt khoát, “là xác định ông là ai”. Họ tụ tập lại bên giường của người đàn ông Anh quốc vào buổi sáng hôm sau tại bệnh viện Tarrytown. Phòng trị liệu đã thông báo rằng bệnh nhân đang ở trong tình trạng tốt, có thể nói chuyện; sự chăm sóc cẩn thận, thuốc an thần và một đêm ngon giấc đã có tác dụng kì diệu đối với ông ấy. Ông đã được cạo râu, và có một vết đỏ dưới chiếc cằm phẳng, đôi mắt nhìn xa xăm nhưng ánh lên vẻ thông minh. Họ vào phòng và thấy một người đàn ông đang ngồi trên giường, cạnh những tờ báo đặt trên bàn, vui vẻ trò chuyện một cách hòa nhã với Donoghue đang nằm giường bên.

Người đàn ông nhướn cặp lông mày màu cát. “Có nghi ngờ gì sao? Tôi e là tôi không hiểu.” Ông ta nhìn chăm chú vào từng người một, như thể đang đánh giá họ bằng chuẩn mực bí mật của riêng mình. Giọng nói yếu, nhưng âm điệu nghe rất quen tai, “Tôi là Tiến sĩ Hamnet Sedlar.”

“À,” Lane nói. “Đây sẽ là tin tuyệt vời đối với Choate.”

“Choate? Ồ, đúng rồi, Tiến sĩ Choate! Ông ta hẳn phải lo lắng lắm,” người đàn ông nhẹ nhàng nói. “Khoảng thời gian này thật kinh khủng! Anh bạn Donoghue của mấy người đây đã nghĩ tôi là gã đội mũ xanh. Ha,ha! Sự giống nhau này thật đáng giật mình.” Ông ta tỉnh táo. “Đó là em sinh đôi của tôi.”

“Vậy ông có biết ông ta đã chết?” Patience hét lên. Lane liếc nhanh qua viên thanh tra, và mặt ông ấy bắt đầu đỏ bừng.

“Tôi đã bị bao vây bởi cánh nhà báo cả buổi sáng. Và những tờ báo này - chúng cho tôi biết mọi thứ. Từ những mô tả của Phòng giám định pháp y về

cái xác, đây có thể là em trai tôi, William. Cậu ấy đã sử dụng bút danh Tiến sĩ Ales, ừm, trong những bài viết của mình.”

“Hừm,” Thumm nói. “Thế này nhé, Tiến sĩ Sedlar. Nhìn có vẻ như vụ án này đã được giải quyết. Nhưng lời giải là gì thì vẫn chưa ai biết cả. Như chúng tôi đã nói, chúng tôi đã điều tra, một vài điều đáng ngờ về ông - bây giờ là em trai ông - và chúng tôi muốn biết sự thật. Nếu như em trai ông đã chết, không có lý do gì để giữ im lặng nữa.”

Tiến sĩ Sedlar thở dài. “Tôi cũng cho là vậy. Được rồi, tôi sẽ nói cho các vị tất cả mọi chuyện.” Ông nhắm mắt, giọng run run. “Các vị và cánh báo chí đã hoàn toàn đúng về việc tôi nói sai về ngày tôi đến đất nước này. Sự thật là tôi đã bí mật đến đây trước khi đưa ra thông báo về sự có mặt của mình nhằm tránh khỏi một hành động đê tiện. Hành động của em tôi, William.” Ông dừng lại, không ai nói gì. Rồi lại mở mắt. “Có quá nhiều người ở đây.” Ông đột ngột nói.

“Ôi, thôi nào ngài tiến sĩ.” Rowe nói. “Tất cả chúng tôi đều làm vụ này. Và chính Donoghue có liên quan...”

“Tôi đang bị câm, điếc và mù.” Người đàn ông Ai len cười toét miệng.

Ngài tiến sĩ miễn cưỡng bắt đầu. Vài năm trước, khi William Sedlar còn hoạt động tích cực ở Anh dưới tư cách một nhà sưu tập sách, hắn đã kết bạn với ngài John Humphrey Bond, một người Anh mê sách. William đã góp phần quan trọng đến một thỏa thuận giữa Samuel và ngài John. Theo đó, Samuel đã mua từ thư viện của ngài John một trong ba bản in còn tồn tại cuốn *Kẻ hành hương mê đắm* ấn bản Jaggard 1599. Vài tháng sau, William, người được phép đi vào thư viện rộng lớn của ngài John, tình cờ bắt gặp một bản viết tay cũ đề năm 1758 - không chỉ có giá trị mà còn là bí mật với toàn giới yêu sách - ghi chú đó nói về một bức thư được viết và kí bởi William Shakespeare, trong đó ẩn giấu một bí mật.

Ghi chú này còn tiết lộ, vì bí mật ghê gớm của nó, nó đã được giấu ở bìa sau cuốn *Kẻ hành hương mê đắm* ấn bản Jaggard 1599. Quá phấn khích bởi sự khám phá của mình, William chắc chắn rằng ngài John chưa bao giờ đọc bức ghi chép ấy, và lòng ham muốn sưu tập của hắn trởi dậy, hắn đã mua nó từ người bảo hộ mà không nói gì về nội dung trong đó. Hắn đã lôi kéo

Hamnet, anh trai đồng thời người quản lý viện Bảo tàng Kensington, và đã cho ông xem bản viết tay đó. Hamnet đã cười nhạo và cho rằng đó là chuyện hoang đường. Nhưng William, say sưa với các giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, và cả giá trị vật chất của tài liệu đã mất tích từ lâu, nay được nhắc đến trong tờ ghi chú, đã tìm kiếm - mặc dù sự thật hẳn ta biết, hầu hết những ấn bản đầu tiên cuốn *Kẻ hành hương mê đắm* đã biến mất trong khoảng ba thế kỉ và chỉ còn lại ba bản. Hẳn ta tự thỏa mãn bản thân sau ba năm ròng tìm kiếm hai trong số ba bản in còn sót lại - bản thứ hai nằm trong tay của Pierre Gréville, nhà sưu tập người Pháp - chúng không chứa lá thư được nhắc đến. Chạy trốn khỏi Pháp khi bị cảnh sát đuổi sát gót, hẳn ta đến Hoa Kỳ trong nỗ lực gần như tuyệt vọng, nhưng vẫn tràn đầy ý chí tìm kiếm bản in thứ ba và là bản cuối cùng, mà trở trêu thay, chính hẳn đã góp phần đưa nó đến tay Samuel Saxon. Hẳn đã bí mật viết thư cho anh trai mình là Hamnet trước khi rời khỏi Bordeaux.

“Cậu ấy đã viết cho tôi về vụ tấn công ở Gréville,” Tiến sĩ Sedlar gần như kiệt sức, “và tôi nhận ra rằng việc cậu ấy theo đuổi tài liệu này đã trở thành một sự ám ảnh. May mắn thay, một thời gian ngắn đó trước tôi đã đồng ý lời đề nghị của ngài James Wyeth rằng sẽ đến Mỹ. Tôi nhìn thấy cơ hội để tìm thấy William và ngăn chặn một tội ác khác, nếu tôi có thể. Do đó tôi đã lên một chuyến tàu sớm, và khi đến New York tôi đặt một tin quảng cáo trên báo. William sớm đến gặp tôi, hẹn tôi ở một khách sạn rẻ tiền mà tôi đã đặt chỗ trước dưới một cái tên giả. Cậu ấy bảo tôi rằng mình đã thuê một ngôi nhà ở Westchester dưới bút danh cũ là Tiến sĩ Ales; rằng cậu ấy đang theo dõi bản sao của Saxon, nhưng cậu ấy đã rất xui xẻo khi quyển sách này cùng những quyển khác theo di chúc của Saxon sẽ được trao cho Bảo tàng Britannic và cậu ấy không thể lấy được nó. Cậu ấy cũng nói với tôi về việc thuê một tên trộm tầm thường có tên là Villa đột nhập vào dinh thự Saxon và đánh cắp cuốn sách; nhưng Villa đã khá vụng về, đánh cắp phải một bản giả vô giá trị, và William đã phải trả lại nó. Cuối cùng cậu ấy đã hoàn toàn mất kiên nhẫn, cái bảo tàng, cậu lại bảo tôi, đã sắp đến kì sửa chữa; cuốn *Kẻ hành hương mê đắm* cùng những quyển khác sẽ được chuyển đến; nên cậu ấy phải đột nhập vào viện bảo tàng! Tôi nhìn thấy em

tôi đang phát điên vì lòng tham và tôi đã cố khuyên ngăn; nhưng tình thế thật tuyệt vọng; bản thân tôi đã trở thành người quản lý viện bảo tàng. Nhưng William rất cứng đầu và cuộc nói chuyện đầu tiên của chúng tôi chẳng đi đến đâu cả, cậu ấy đã bỏ đi.”

“Tôi nghĩ rằng là ông là người đã bí mật đến thăm nhà em trai ông trong một đêm” Lane chậm rãi nói. “Là người đàn ông người giúp việc cho em trai ông đã kể với chúng tôi?”

“Đúng. Nhưng chuyện chẳng đi đến đâu. Bản thân tôi cũng thấy kinh ngạc và sợ hãi. Ừm, không thoải mái chút nào với vị trí của tôi.” Vị tiến sĩ người Anh hít một hơi thật sâu. “Khi bản Jaggard bị đánh cắp, tôi lập tức biết rằng William chính là người đàn ông đội mũ xanh. Nhưng dĩ nhiên tôi không thể nói ra. William đã bí mật liên lạc với tôi trong đêm đó, hơn hờ khoe với tôi cậu đã phát hiện được lá thư trong bìa sau của cuốn sách Jaggard của Saxon và đã trả lại cuốn sách cho viện bảo tàng, không làm gì thêm. Bởi vì sau tất cả, cậu ấy không phải một tên trộm vặt, cậu ấy còn để lại bản Jaggard 1606 của mình lại đó - tôi chưa từng mơ về sự tồn tại của nó và không biết cậu ấy lấy nó ở đâu - để bù lại cuốn Jaggard bị trộm và cho lương tâm khỏi cắn rứt và, tôi cho rằng, cậu ấy cũng nghĩ nó sẽ giúp trì hoãn việc bị phát hiện. Cuốn 1606 rất giống cuốn năm 1599.”

“Thế còn việc ông bị giam cầm là sao?” Thumm gào lên. “Sao lại xảy ra điều này?”

Tiến sĩ Sedlar cắn môi. “Tôi chưa bao giờ tưởng tượng cậu ta lại đi xa mức này. Nó đã bắt cóc tôi khi tôi không phòng bị. Chính em trai tôi!... Vào thứ Sáu tuần trước, tôi đã nhận được một lời nhắn trên bảng thông báo của khách sạn Seneca, hẹn gặp tại một điểm bí mật gần Tarrytown, không phải tại nhà của cậu ấy. Cậu ấy tỏ ra rất bí hiểm về chuyện này, và tôi đã không nghi ngờ bởi vì...” Ông dừng lại và ánh mắt trầm xuống. “Dù sao thì tôi đã đến nơi hẹn vào sáng thứ Bảy sau khi tạm biệt Tiến sĩ Choate ở viện bảo tàng. Chuyện... chuyện này thật cay đắng.”

“Hắn ta tấn công ông?” Bolling nói một cách gay gắt.

“Đúng thế.” Đôi môi người đàn ông run rẩy. “Gần như bắt cóc tôi - anh trai nó! Và nó trói tôi lại, bịt miệng và ném vào một cái hố bẩn thỉu... Các

ngài biết phần còn lại rồi đấy.”

“Nhưng tại sao?” Thumm hỏi. “Tôi thấy thật vô lý.”

Sedlar nhún đôi vai gầy. “Tôi cho rằng nó sợ tôi sẽ nói ra. Có lúc hết cách tôi đã từng dọa rằng sẽ khai với cảnh sát. Tôi đoán rằng nó muốn tôi biến mất cho đến khi nó có thể thoát khỏi đất nước này cùng với trang giấy đó.”

“Mắt kính của ông đã được tìm thấy tại nhà Tiến sĩ Ales sau những gì đã xảy ra, mà giờ đã là một vụ giết người,” Thumm nói nghiêm khắc. “Giải thích đi.”

“Cái kính của tôi ư? Ồ, phải.” Ông mệt mỏi vẫy tay. “Cánh báo chí đã nói một số điều về việc này. Tôi không thể giải thích. William hẳn đã lấy nó từ tôi khi... Cậu ấy nói rằng phải quay trở về nhà để lấy tài liệu, rồi cậu ấy bỏ đi. Nhưng tôi cho rằng cậu ấy đã đụng độ với tên sát nhân và bằng cách nào đó cái kính đã rơi khỏi túi rồi bị dẫm vỡ trong cuộc giằng co. Không nghi ngờ gì nữa, cậu ấy đã bị giết vì sở hữu tài liệu đó.”

“Và giờ nó ở trong tay kẻ giết em trai ông sao?”

“Chứ còn sao nữa?”

Khung cảnh thật yên tĩnh. Donoghue đã ngủ thẳng căng, và tiếng ngáy như tiếng súng trường của ông ta càng vang trong không gian yên tĩnh. Patience và Rowe nhìn nhau, rồi hai người đến đứng hai bên giường.

“Nhưng còn bí mật, Tiến sĩ Sedlar,” Rowe nài nỉ với ánh mắt sốt ruột.

“Ông không thể cứ để nó như vậy được.” Patience kêu lên.

Người đàn ông ngồi trên giường chào đón họ bằng nụ cười. “VẬY hai người cũng muốn biết?” Ông ta nhẹ nhàng nói. “Chắc là tôi sẽ kể hai người nghe về... cái chết của Shakespeare?”

“Cái chết của Shakespeare!”

“Ôi, Chúa ơi?” Rowe khàn khàn.

“Nhưng làm sao một người có thể viết về cái chết của chính mình?” Patience hỏi.

“Câu hỏi rất thích hợp.” Vị tiến sĩ người Anh cười mỉm. Ông bắt chọt ngồi dậy trên giường, đôi mắt rực lửa. “Shakespeare chết vì cái gì?”

“Không ai biết,” Rowe thì thầm. “Nhưng đã có những nghiên cứu và chẩn đoán khoa học. Tôi nhớ đã đọc một bài báo, một trong những bài báo cũ của Lancet đã đoán nguyên nhân cái chết của Shakespeare vì nhiều căn bệnh kì quái - bệnh sốt rét, động kinh, xơ cứng động mạch, nghiện rượu mãn tính, viêm thận và Chúa biết những bệnh gì khác. Tôi nghĩ có mười ba loại cả thảy.”

“Thật ư?” Tiến sĩ Sedlar thì thầm. “Thú vị thật. Vấn đề là theo bản ghi chú cũ ấy,” ông ta dừng lại. “Shakespeare đã bị ám sát.”

Mọi người im lặng kinh ngạc. Vị tiến sĩ người Anh tiếp tục với nụ cười nhợt nhạt kì cục. “Có vẻ như trong bức thư mà Shakespeare gửi cho ông William Humphrey.”

“Humphrey?” Rowe thì thầm. “William Humphrey? Cái người mang họ Humphrey duy nhất mà tôi nghe được có liên quan tới Shakespeare đó là Ozias Humphrey, người được Malone ủy nhiệm năm 1783 chuẩn bị một bức vẽ màu chân dung Chandos. Đã nghe thấy ông Humphrey kia bao giờ chưa, ông Lane?”

“Chưa từng.”

“Đó là một cái tên mới mẻ đối với những người hâm mộ Shakespeare.” Tiến sĩ Sedlar nói. “Là...”

“Ôi, thánh thần ơi!” Rowe gào lên, chỉ ra, “Đó là W.H.”

“Xin lỗi?”

“W.H. Chữ viết tắt W.H trong các bài sonnet!”

“Đó là một hướng khả quan đấy. Điều này rất có thể; chưa có kết luận chính xác nào về điều này. Dù sao chúng ta cũng biết điều này: Ngài John Humphrey Bond là hậu duệ của William Humphrey!”

“Ngài hãy giải thích đi,” Patience nói với giọng ảo não, “làm sao quyển sách với lá thư trong đó lại trở thành tài sản của gia đình Humphrey Bond?”

“Đúng. Rõ ràng Humphrey là một người bạn rất thân thiết của Shakespeare.”

Rowe lao đến chân giường. “Ông phải chắc chắn về việc này,” anh nói to. “Ngày đề trên bức thư là ngày nào? Nó được gửi khi nào?”

“Hai mươi hai tháng Tư năm 1616.”

“Chúa ơi! Ngay trước ngày Shakespeare chết! Ông đã... Ông đã xem bức thư ấy chưa?”

“Rất tiếc phải nói rằng tôi vẫn chưa. Nhưng em trai đã kể cho tôi về điều đó, cậu ấy không thể giữ kín chuyện này cho riêng mình.” Sedlar thở dài. “Kì lạ, nhỉ? Trong bức thư này Shakespeare viết cho bạn ông ấy là William Humphrey rằng ông ấy đang ‘yếu dần’, rằng ông ấy đang ‘đau khắp mình mẩy’ và ông ấy tin chắc rằng ai đó đang đầu độc mình. Ngày hôm sau - ông ấy chết.”

“Ôi, lạy Chúa!” Rowe lẩm bà lẩm bẩm, anh nới chiếc cà vạt của mình như thể nó làm anh ngột thở.

“Bị đầu độc, hử?” ngài thanh tra nói, lắc đầu. “Thế quái nào lại có người muốn đi đầu độc một lão già chứ?”

Patience nói một cách cứng nhắc “Thật khủng khiếp như thế chúng ta phải giải quyết vụ giết người từ ba trăm năm trước, trước khi...”

“Trước khi gì, Patience?” Lane hỏi với giọng lo lắng.

Cô rùng mình một chút, tránh ánh mắt của người nghệ sĩ già, và quay đi.

Bằng Chứng Từ Quả Chuông

Rõ ràng cô Patience Thumm khác hẳn so với trước. Ngài thanh tra lo lắng ra mặt. Cô chỉ ăn như một chú chim, ngủ ít, và ngày ngày đi từ nhà thanh tra Thumm đến văn phòng như một bóng ma héo hon, nhợt nhạt và luôn suy tư. Đôi khi cô phàn nàn về chứng đau đầu và trốn trong phòng mình trong nhiều giờ. Khi cô xuất hiện, vẻ mệt mỏi và chán nản càng hẳn sâu trên khuôn mặt.

“Có chuyện gì vậy?” Một hôm, ngài thanh tra khó chịu cất lời. “Gặp rắc rối với cậu bạn trai đó hả?”

“Với Gordon ư? Thật vớ vẩn, bố à. Bọn con - bọn con chỉ là đôi bạn tốt. Với lại, giờ anh ấy luôn bận rộn ở Bảo tàng Britannic, con cũng không gặp anh ấy nhiều.”

Viên thanh tra càu nhàu, nhưng ông vẫn quan sát cô một cách lo lắng. Chiều hôm đó, ông gọi điện đến bảo tàng và nói chuyện với Gordon Rowe. Nhưng chàng trai có vẻ cực kì bận rộn. Không, nó không hiểu - viên thanh tra gác máy, ông vẫn đang loay hoay cố gắng làm bố; và suốt phần còn lại của ngày ông đã khiến Brodie thêm khổ sở.

Khoảng một tuần sau sự kiện tại bệnh viện ở Tarrytown, Patience xuất hiện tại văn phòng của bố, cô mặc đồ vải gai tươi sáng và đã trở lại chính mình hơn so với mấy ngày trước. “Con nghỉ việc để đi dạo chơi chút,” cô thông báo, kéo đôi găng lưới màu trắng, “về miền thôn quê. Bố có phiền không bố yêu?”

“Hả, không!” ngài thanh tra vội nói. “Chúc con vui vẻ. Đi một mình à?”

Patience soi kỹ khuôn mặt mình trong gương. “Tất nhiên. Tại sao con không nên đi một mình?”

”À, ta nghĩ - cậu Rowe đó - Patty, nó đang lừa con đi, đúng không?”

“Bố! Anh ấy đang rất bận rộn mà. Với cả, tại sao con phải quan tâm chứ?” Cô hôn nhẹ lên sống mũi gãy của ông và sai bước ra khỏi văn phòng. Ngài thanh tra lăm bắm một lời nguyện dữ dội nhắm vào gã ngoan cố Rowe và bực tức gọi cô Brodie.

Sự thoải mái của Patience biến mất khi cô leo lên chiếc mui trần đậu dưới nhà và cho xe chạy. Các nếp nhăn giữa lông mày ngày càng sâu thêm. Cô đi qua Bảo tàng Britannic trên đại lộ thứ Năm mà không liếc mắt; nhưng khi cô phải dừng lại ở góc phố Thứ Sáu Mười Sáu vì đèn đỏ, cô không thể giữ lòng mà lén lút nhìn vào gương chiếu hậu. Ở đó, tất nhiên, không có gì hết; cô thở dài và tiếp tục lái xe.

Đó là một chặng đường dài, cô đơn đến Tarrytown. Cô nắm chặt vô lăng trong đôi tay đeo găng, lái xe nhưng đầu óc trống rỗng; đôi mắt cô đặt trên đường, nhưng tâm trí đang bay đi xa.

Cô dừng lại trước một cửa hàng thuốc ở trung tâm của thị trấn, đi vào, ngó qua cuốn danh bạ điện thoại, hỏi nhân viên bán hàng một câu hỏi, và bước ra. Cô lái xe đi tiếp, rẽ vào một con đường nhỏ và hẹp, đi chậm chậm dọc theo con đường ngó vào các số nhà. Trong năm phút, cô tìm thấy được thứ mình cần - căn nhà một tầng xiêu vẹo với một khu vườn lạo xạo ở phía trước và một hàng rào đáng kính ngạo bện lên bởi dây thường xuân.

Cô bước lên hiên và rung chuông, tiếng chuông nghe đục và yếu ớt vọng qua nhà. Một người phụ nữ trung niên với đôi mắt mệt mỏi mở cửa; bà mặc bộ đồ ở nhà nhăn nheo, bàn tay đỏ ửng và ướt nước xà bông. “Vâng?” bà lớn tiếng, nhìn Patience với vẻ thù địch.

“Ông Maxwell có ở nhà không ạ?”

“Maxwell nào?”

“Có hai ông Maxwell ạ? Ý cháu là quý ông gần đây đã chăm sóc ngôi nhà của Tiến sĩ Ales.”

“Ồ. Anh rể của tôi.” Người phụ nữ quan sát Patience. “Cô đợi ở ngoài cổng. Tôi sẽ xem anh ấy có ở quanh đây không.”

Người phụ nữ biến mất và Patience đành ngồi xuống trên một tảng đá bụi bặm với một tiếng thở dài. Một lát sau, thân hình cao gầy, khuôn mặt

trắng nhợt của Maxwell già cả hiện ra; ông đang kéo áo khoác qua bộ áo may-ô ướt đầm mồ hôi của mình, và cố gắng gọi vọng ra.

“Cô Thumm!” Ông gọi, đôi mắt nhỏ lướt nhìn dọc con phố như thể tìm kiếm những người khác. “Cô muốn gặp tôi à?”

“Xin chào, bác Maxwell,” Patience vui vẻ nói. “Không, cháu đi một mình. Mời bác ngồi?” Ông tự kiểm chỗ trên một chiếc ghế ọp ẹp đã tróc hết sơn và quan sát cô vẻ lo lắng. “Cháu cho rằng bác đã nghe tin về vụ nổ?”

“Ồ, vâng, thưa cô! Thật là một chuyện kinh khủng. Tôi đã kể với em trai và em dâu, rằng tôi đã may mắn làm sao. Nếu cô không đến ngày hôm đó và giải thoát tôi khỏi căn nhà, hẳn tôi đã bị nổ tung thành từng mảnh vụn.” Ông run rẩy. “Họ đã phát hiện ra ai là kẻ làm việc đó chưa?”

“Cháu tin là chưa.” Patience nghiêm trang nhìn lão. “Maxwell, cháu đã suy nghĩ kỹ về vụ này. Đặc biệt là về câu chuyện của bác. Cháu không thể bỏ qua được cảm giác rằng bác đã giấu giếm một điều gì đó!”

Ông già giật mình, “Ồ, không! Tôi đã nói sự thật. Tôi thề...”

“Cháu không nghĩ rằng bác cố tình nói dối. Cần thận con ông đó!... Cháu nghĩ bác đã quên không đề cập đến một cái gì đó có thể rất quan trọng.”

Những ngón tay xương xẩu vuốt vuốt mái đầu. “Tôi... tôi không biết.”

“Này nhé.” Patience thẳng lưng dậy. “Tất cả mọi người trừ cháu-dường như đã bỏ qua một thứ. Các bức tường của nhà để xe, nơi gã đàn ông đeo mặt nạ trói ông khá mỏng. Nhà để xe chỉ cách cửa trước của ngôi nhà chừng vài bộ. Đó là ban đêm ở miền quê và mọi âm thanh phải được nghe thấy hết sức rõ ràng.” Cô cúi người và hạ giọng. “Bác có nghe thấy tiếng chuông treo trên cửa reo lên không?”

“Judas!” Ông già thở hổn hển và nhìn cô chăm chăm. “Tôi có!”

Patience xông vào văn phòng của bố cô, nhận thấy ngài Drury Lane đang duỗi chân trên chiếc ghế tốt nhất, còn ngài thanh tra đang trong tình trạng căng thẳng. Bên cửa sổ Gordon Rowe đang đứng ủ rũ nhìn ra Quảng Trường Thời Đại.

“Gì đây, một hội thảo ư?” Patience hỏi, cời găng tay ra. Đôi mắt cô lấp lánh những tin tức mới.

Chàng Rowe quay ngoặt lại. “Pat!” Anh lao về phía trước. “Ngài thanh tra khiến anh lo lắng quá. Em có ổn không?”

“Hoàn hảo, cảm ơn anh,” Patience lạnh lùng nói. “Tôi...”

“Anh gặp toàn chuyện xui rủi,” chàng thanh niên chán nản nói. “Có vẻ anh đã lần đến cuối sợi thừng rồi. Công việc hoàn toàn bế tắc, Pat à.”

“Có vẻ thú vị.”

“Úi.” Anh ngồi xuống đối diện cô và đóng giả tư thế kinh điển của bức tượng Người suy tưởng. “Anh đã hoàn toàn sai. Đi sai đường. Những nghiên cứu khoa trương của anh về Shakespeare là vô ích. Ôi, Chúa ơi,” anh rên rỉ, “tất cả những tháng năm lãng phí đó...”

“Ồ,” Patience thốt lên; khuôn mặt cô dịu lại. “Em rất tiếc, Gordon. Em đã không nhận ra... Anh thật tội nghiệp.”

“Đẹp những thứ đó đi,” ngài thanh tra gầm gừ. “Con đã ở đâu thế? Chúng ta chuẩn bị đi mà không có con.”

“Đến đâu?”

“Đến gặp Sedlar. Ông Lane đây mới nghĩ ra một ý tưởng. Có lẽ ông nên phun ra đi chứ, Lane.”

Ông lão đang chăm chú quan sát Patience. “Chuyện đó có thể đợi được. Patience, gì thế? Cháu đang biểu lộ một niềm vui sướng hân hoan không giấu diếm.”

“Cháu ư?” Patience lo lắng cười. “Cháu luôn là một nữ diễn viên tồi. Vấn đề là, cháu vừa phát hiện ra một điều kỳ diệu nhất.” Cô cố tình rút ra một điều thuốc. “Cháu đã nói chuyện với Maxwell.”

“Maxwell á?” Thumm cau có. “Để làm gì?”

“Lần trước, chúng ta đã không thăm vấn đủ. Con nghĩ rằng đã có một điểm không ai hỏi ông ta... Ông ấy biết đã có bao nhiêu vị khách đến nhà Ales đêm xảy ra vụ giết người!”

“Thì sao?” Lane nói sau một khoảng lặng. “Thật thú vị nếu đó là sự thật. Chuyện như thế nào?”

“Ông ấy ở trong nhà để xe, hoàn toàn tỉnh táo trong suốt thời gian ngôi nhà bị lục soát bởi người đàn ông đeo mặt nạ và vụ giết người diễn ra. Cháu nhớ rằng cửa trước có được lắp một cái hệ thống - chịu không nhớ nổi tên - đã lỗi thời gồm một cái chuông gắn vào phía trên cánh cửa kêu đing đong mỗi khi cánh cửa mở ra.”

“À!”

“Cháu thấy rằng hẳn Maxwell phải nghe thấy tiếng chuông kêu - tất cả các tiếng chuông! Cháu đã hỏi ông ta, và ông nhớ rằng mình có. Nó dường như không quan trọng...”

“Ranh ma thật, con ta,” Lane thì thầm.

“Cháu thật ngốc khi không nghĩ ra chuyện đó lúc trước. Dù sao, Maxwell cũng đã nhớ lại những gì đã xảy ra. Sau khi người đàn ông đeo mặt nạ nhốt lão trong nhà để xe, sau khi hắn lấy chìa khóa của Maxwell để vào nhà - Maxwell rõ ràng nghe thấy hai tiếng chuông. Một khoảng thời gian ngắn giữa hai tiếng; chỉ một vài giây.”

“Hai ư?” Thumm nói. “Đó là khi hắn mở cửa và đóng cửa lại sau khi hắn bước vào.”

“Chính xác. Nghĩa là người đàn ông đeo mặt nạ ở trong nhà, một mình. Sau đó là sự im lặng hoàn toàn, trong hơn nửa giờ, Maxwell ước chừng vậy. Rồi lại hai tiếng đing đong ngắn khác. Và một lúc sau nữa lại hai tiếng chuông khác. Đó là lần cuối cùng ông ấy nghe thấy trong cả đêm hôm đó!”

“Theo như ta tưởng tượng,” Lane nói một cách kì lạ, “vậy là đủ rồi.”

“Thật đáng khen, em yêu,” Rowe kêu lên. “Chuyện đang phần nào tiến triển! Hai tiếng chuông đầu tiên, như em nói, là do người đàn ông đeo mặt nạ quay lại nhà. Hai tiếng chuông thứ hai là một người khác bước vào nhà. Đến tiếng thứ ba nghĩa là một trong hai bước ra. Không còn tiếng chuông nào nữa, tức chỉ có hai người đang ở trong nhà vào thời điểm vụ giết người - gã đàn ông đeo mặt nạ và vị khách!”

“Gordon, chính xác đến từng chữ,” Patience kêu lên. “Đó chính xác là những gì em nghĩ ra. Người đàn ông đeo mặt nạ như chúng ta biết là kẻ cầm rìu theo những bằng chứng trên chiếc đồng hồ, và tay đao phủ đó chính là kẻ giết người dựa vào những vết thương trên đồng hồ đeo tay và cổ

tay của xác chết. Vì vậy, vị khách chính là nạn nhân, xác chết bị bỏ lại trong hầm!”

“Giảm xuống còn hai,” Lane khô khan nói, “chắc chắn đã làm rõ vấn đề này, nhỉ, ngài thanh tra?”

“Chờ một phút,” Thumm gầm gừ. “Đừng nhanh nhẩu quá thế, cô nàng. Làm sao mà con biết rằng tiếng chuông thứ hai là do người thứ hai đi vào? Tại sao không phải do người đàn ông đeo mặt nạ đó đi ra ngoài, bỏ lại ngôi nhà trống rỗng? Và tiếng thứ ba gây ra bởi người đàn ông thứ hai bước vào...”

“Không. Bố không thấy điều đó không đúng sao?” Patience kêu lên. “Chúng ta biết ai đó đã bị giết chết trong nhà vào lúc đó. Đó là ai? Nếu người thứ hai bước vào sau khi người đàn ông đeo mặt nạ bỏ đi, bố sẽ có những gì? Một nạn nhân nhưng không có kẻ giết người. Người đàn ông thứ hai phải là nạn nhân; ông ta không rời khỏi nhà, không có âm thanh từ tiếng chuông treo trước cửa và tất cả các cửa ra vào và cửa sổ đều bị khóa từ bên trong. Nhưng nếu ông ta là nạn nhân và ở nhà một mình, ai đã giết ông ta? Không, đúng như Gordon nói. Người đàn ông bị bỏ lại đó đã bị giết chết, và kẻ sát nhân chính là người đàn ông đeo mặt nạ.”

“Và chuyện này sẽ đưa cháu đến đâu?” Lane chậm rãi thì thầm.

“Đến kẻ giết người.”

“Đúng!” Rowe kêu lên.

“Con sẽ chỉ cho bố - suýt, Gordon! Có hai người đàn ông ở trong nhà đêm đó. Một trong hai, nạn nhân, là một trong hai anh em nhà Sedlar - mọi thứ quá phù hợp để có thể là một sự trùng lặp ngẫu nhiên. Bây giờ, một trong hai người đến thăm căn nhà biết chính xác nơi giấu tờ giấy: hẳn đến thẳng ngăn bí mật trong phòng nghiên cứu; kẻ còn lại thì không: hẳn chặt vụn căn nhà để tìm ngăn bí mật đó. Bây giờ ai sẽ là người có khả năng nhất biết được nơi cất giấu tài liệu?”

“Chính là gã Ales đó - William Sedlar,” thanh tra nói.

“Đúng vậy, thưa bố. Bởi hẳn là người tạo ra nơi giấu đồ đó và cất tờ giấy đi. Vì vậy, người khách thứ hai biết nơi cất đồ nên kẻ đầu tiên là tên cầm rìu, kẻ không hề biết - bởi thế Tiến sĩ Ales chính là vị khách thứ hai. Điều

này hoàn toàn hợp lý bởi thực tế là vị khách thứ hai đã vào nhà mà không gặp khó khăn; khóa cửa tự động; bản sao chìa khóa của Maxwell đang nằm trong tay vị khách đầu tiên; nhưng người đàn ông thứ hai vẫn vào được nhà. Bằng cách nào nếu không phải từ chiếc chìa khóa gốc của Tiến sĩ Ales?”

“Theo con, người đàn ông đeo mặt nạ là ai?” bố cô hỏi.

“Có những bằng chứng dẫn đến kết luận. Chúng ta tìm thấy những mảnh vỡ của một mắt kính trong gian hầm. Tiến sĩ Sedlar là người duy nhất có liên quan đeo kính một mắt. Maxwell chưa bao giờ nhìn thấy chiếc mắt kính đó trong nhà trước đây. Điều này chỉ ra rằng Hamnet Sedlar đã ở trong nhà vào đêm xảy ra án mạng! Nếu Hamnet ở trong nhà thì ông là một trong hai người, người kia sẽ là em trai của ông, William hay chính là Tiến sĩ Ales. Nhưng do William là nạn nhân, như con chỉ ra ở trên, thì Hamnet phải là kẻ đã giết chết em trai mình!”

“Ta sẽ bị nguyên rủa mất,” Thumm nói.

“Không, không, Patience,” Rowe nói, dợm đứng lên. “Đó là...”

“Một lát thôi, Gordon,” Lane lặng lẽ nói. “Dựa trên cơ sở nào cháu nghĩ Tiến sĩ Hamnet Sedlar là kẻ thủ ác trong vụ án này, Patience?”

Ném một cái nhìn đầy thách thức về phía chàng thanh niên, Patience nói, “Dựa trên nhiều dữ kiện, cháu cho rằng Hamnet chính là người đã theo đuổi lá thư của Shakespeare. Một là, ông ta là một người ham sách; ông ta thừa nhận William đã kể cho ông ta nghe mọi thứ về bản ghi chú; cháu khẳng định rằng dòng máu học giả trong người ông ta sẽ không bỏ lỡ một cơ hội đặt ngón tay của mình lên một lá thư đích thực từ Shakespeare. Một lý do khác là hành động kì lạ của ông ta, khi đột nhiên từ bỏ vị trí phụ trách tại một bảo tàng ở London để nhận một công việc tương tự ở Mỹ với mức lương thấp hơn - một vị trí, tình cờ thay, cho phép ông ta tiếp cận hợp pháp đến Saxon Jaggard! Và cuối cùng, ông ta đã bí mật đến New York trước ngày dự kiến.”

Lane thở dài. “Thật hoàn hảo, Patience.”

“Bên cạnh đó,” Patience háo hức, ”suy đoán Hamnet chính là kẻ cầm rìu được khẳng định thêm bởi thực tế là trong hai anh em, ông ta là kẻ không

biết nơi cất giấu bức thư, và do đó sẽ tìm kiếm một cách mù quáng như người sử dụng chiếc rìu thực sự đã làm... với hai anh em Sedlar trong căn nhà thật dễ dàng để tái dựng lại hiện trường. Trong khi Hamnet đang tàn phá phòng ngủ của William trên lầu, William đã đến và lấy bức thư ra khỏi nơi cất giấu trong phòng nghiên cứu. Một lát sau, họ gặp nhau và Hamnet, nhìn thấy tờ giấy trong tay của William, đã vung rìu, gây ra các vết cắt trên đồng hồ và cổ tay. Khi vật lộn mắt kính của Hamnet đã rơi ra và bị vỡ. Hamnet bắn William, rồi mang cái xác...”

“Không!” Rowe kêu lên. “Patience, yên lặng. Ông Lane, hãy nghe tôi. Tôi đồng ý với tất cả mọi điều đến luận điểm rằng William và Hamnet là hai người đàn ông trong ngôi nhà, mà William là người đã lấy tài liệu còn Hamnet là người đàn ông đeo mặt nạ và mang rìu. Nhưng trong cuộc vật lộn sau đó, không phải là William đã bị giết bởi Hamnet mà chính Hamnet mới là người bị William giết chết! Cái xác trong đồng hồ nát đó có thể là của một trong hai người. Tôi tin rằng người đàn ông tự nhận mình là Hamnet, người chúng ta phát hiện bị ‘bỏ đói’ trong ngôi nhà đó, chính là William!”

“Gordon,” Patience cướp lời, “chuyện đó thật ngớ ngẩn. Anh quên rằng bản gốc chiếc chìa khóa nhà được tìm thấy trên xác chết. Chuyện này khẳng định cái xác là của William.”

“À, không, Patience,” Lane lẩm bẩm. “Điều đó là không hợp lý. Tiếp tục nào, Gordon. Điều gì khiến cậu nghĩ rằng suy đoán tài tình này là chính xác?”

“Yếu tố tâm lý, thưa ngài; tôi thừa nhận có rất ít bằng chứng làm sáng tỏ quan điểm này. Nhưng tôi tin rằng người đàn ông trong bệnh viện đang nói dối về thân phận của mình bởi vì, William Sedlar, ông ta là mục tiêu của cảnh sát Pháp. Đương nhiên, là người sống sót, ông ta chính là người đang nắm giữ tài liệu và muốn tự do đi lại để vứt bỏ nó. Đừng quên rằng ông ta đã nắm được tất cả các sự kiện; những lời ngài thanh tra nói với các phóng viên vào tối hôm trước đã tiết lộ toàn bộ sự thật lên báo, và phần còn lại các phóng viên tự thêm thắt vào sáng hôm sau.”

Lane mỉm cười bí ẩn. “Tôi thừa nhận tính đúng đắn của động cơ, Gordon, theo lý thuyết; và đó là một lý thuyết vô cùng thông minh. Nhưng ai là người đã đặt bom?”

Patience và Rowe nhìn nhau. Sau đó, cả hai đều vội vàng đồng ý rằng quả bom đã được đặt hai mươi bốn giờ trước khi vụ án mạng xảy ra bởi một người thứ ba nào đó, với mục đích duy nhất là tiêu hủy bức thư với lý do không rõ; và kẻ thứ ba này, sau khi đặt bom, đã biến mất khỏi hiện trường vì nghĩ rằng việc của mình đã xong.

Ông lão càu nhàu. “Thế còn vụ bắt cóc? Tại sao người sống sót, dù đó là William hay Hamnet, lại cố tình dính líu đến một vụ rắc rối khác để rồi được cảnh sát tìm thấy đang ‘kiệt sức’? Người đàn ông chúng ta tìm được thực tế đã bị bỏ đói và kiệt sức, hãy nhớ điều đó.”

“Điều đó rất dễ dàng,” Patience bắt bẻ. “Không quan trọng đó là William hay Hamnet, mục đích là giống nhau: đổ lỗi vụ bắt cóc hư cấu này cho người đàn ông đã chết, do đó làm tăng vẻ vô tội của kẻ chủ mưu.” Và Rowe gật đầu, mặc dù thấy nghi ngờ.

“Thế còn Donoghue thì sao?” ngài thanh tra hỏi.

“Nếu người sống sót là Hamnet,” Patience nói, “thì chính ông ta là người bắt cóc Donoghue vì hẳn đã nhìn thấy Donoghue rời khỏi nhà Ales và đã nghĩ rằng ông ấy có thể là đồng bọn của William. Bằng cách bắt cóc ông ấy, Hamnet nghĩ rằng có thể moi được từ ông ấy - hãy nhớ lại những lời đe dọa tra tấn - bí mật nơi cất giấu bức thư.”

“Trong khi đó nếu William là người sống sót,” Rowe mạnh mẽ chỉ ra, “hẳn là người bắt cóc Donoghue vì Donoghue đã theo sát ông ta và là một mối đe dọa tiềm tàng đến kế hoạch.”

“Vậy thì, câu hỏi đặt ra là,” Lane lẩm bẩm, “xoay quanh vấn đề này: mọi người đồng ý rằng Hamnet Sedlar và William Sedlar đều có dính líu đến vụ án; nhưng cả hai không đồng ý mấu chốt ở điểm ai đã giết ai. Ta phải nói rằng, suy luận rất tuyệt!”

“Ờn Chúa,” ngài thanh tra giật giọng, mắt như lồi ra, “chuyện này xảy ra thật quá đúng lúc.”

“Ý bố là gì vậy, thưa bố?”

“Được rồi, Patty, trước khi con đến, Lane đang nói với chúng ta rằng có khả năng tay người Anh đã nói dối về bản thân mình, và có một cách để xác định xem hắn đã nói dối hay không!”

“Có cách phát hiện ư?” Patience cau mày. “Con không hiểu...”

“Nó thực sự rất đơn giản,” Lane nói, và ông vươn người dậy. “Chúng ta cần một chuyến đi đến Bảo tàng Britannic. Gordon, cậu đã đưa người đàn ông tự xưng mình là Hamnet Sedlar lại đó chưa?”

“Rồi, thưa ngài.”

“Thật hoàn hảo. Hãy cùng đi nào. Chuyện này chỉ mất năm phút thôi.”

Ảo Ảnh Thị Giác

Họ tìm thấy người đàn ông tự xưng là Hamnet Sedlar tại nơi làm việc cùng với Tiến sĩ Choate trong văn phòng của người quản lý bảo tàng. Viên quản lý trông có vẻ hơi giật mình khi họ bước vào; nhưng ông nhanh chóng bước ra phía trước với một nụ cười trên môi.

“Thật quá vinh dự,” ông nói với một nụ cười chân thành. Sau đó, nụ cười tắt dần khi ông nhìn thấy sự trang nghiêm trên nét mặt mọi người. “Tôi nghĩ rằng không có gì không ổn chứ?”

“Chúng tôi đều tin thế,” ngài thanh tra gầm gừ. “Tiến sĩ Choate, liệu ông có thể cho chúng tôi ngồi riêng với Tiến sĩ Sedlar một lúc không? Đây là một chuyện bí mật.”

“Bí mật?” Người cựu quản lý bảo tàng mới nhóm người dậy, đứng yên và nhìn chăm chăm vào họ từ người này qua người khác. Sau đó, ông nhìn xuống và mò mẫm với mấy giấy tờ trên bàn. “À... tất nhiên.” Mặt ông đỏ dần, bắt đầu lan ra từ những sợi râu dê của ông. Ông đi vòng quanh bàn và nhanh chóng rời khỏi phòng. Tiến sĩ Sedlar không di chuyển, và trong khoảnh khắc không ai nói lời nào. Sau đó, Thumm gật đầu với Lane, và Lane bước về phía trước. Hơi thở nặng nề của ngài thanh tra là âm thanh duy nhất trong căn phòng.

“Tiến sĩ Sedlar,” Lane nói không chút biểu cảm, “điều này là cần thiết, vì lợi ích của - chúng tôi sẽ nói là nghiên cứu khoa học - để ông làm một thử nghiệm rất đơn giản... Patience, hãy đưa túi xách của cháu ra đây.”

“Một thử nghiệm ư?” Nét cau có xuất hiện trên khuôn mặt của vị tiến sĩ, và ông thọc tay sâu vào túi mình.

Patience nhanh chóng đưa cho Lane túi xách của mình. Ông mở nó ra, nhìn vào bên trong, lấy ra một chiếc khăn sặc sỡ, rồi đóng túi lại. “Bây giờ,

thưa ngài,” ông khẽ nói, “xin vui lòng cho tôi biết chiếc khăn này có màu gì.”

Patience thở hỗn hển, đôi mắt mở to như thể đột ngột hiểu ra điều gì đó. Những người khác chỉ nhìn chăm chăm một cách ngớ ngẩn.

Tiến sĩ Sedlar đỏ mặt. Sự kết hợp của nhiều thái cực cảm xúc dường như đang tranh đấu để hiện diện trên khuôn mặt cứng rắn của ông. Ông bước một bước lùi. “Đây là thứ rác rưởi ghê sợ nhất,” ông nói cay nghiệt. “Tôi có thể hỏi mục đích của trò trẻ con này là gì không?”

“Chắc chắn rồi,” Lane lẩm bẩm, “nhưng chẳng phải xác định màu sắc của một chiếc khăn vô tội không gây hại gì cho ông hay sao?”

Im lặng. Rồi, người đàn ông đến từ Anh trả lời, mà không quay người lại, bằng một giọng lạnh lẽo: “Xanh da trời.”

Chiếc khăn có màu xanh lá cây, vàng và trắng. “Thế còn chiếc cà vạt của anh Rowe đây, Tiến sĩ Sedlar?” Lane tiếp tục, không thay đổi nét mặt.

Ngài tiến sĩ cử động chậm chạp, đôi mắt của ông như thể bị tra tấn. “Nâu”.

Nó có màu xanh ngọc.

“Cảm ơn ông.” Lane trả lại chiếc khăn tay và túi cho Patience. “Ngài thanh tra, người đàn ông này không phải là Tiến sĩ Hamnet Sedlar. Ông ta là William Sedlar, đôi khi được gọi là Tiến sĩ Ales.”

Vị tiến sĩ người Anh đột nhiên ngồi sụp xuống ghế và vùi mặt vào hai lòng bàn tay.

“Bằng cách kì diệu nào* mà ông biết được?” Thumm thở hỗn hển.

Lane thở dài. “Hết sức cơ bản, ngài thanh tra à. Ông thấy đấy, đây là Tiến sĩ Ales, hay William Sedlar, người đã đến thăm văn phòng của ông vào ngày mùng sáu, và gửi lại chiếc phong bì trong két sắt của ông. Người đàn ông này không thể là Hamnet Sedlar, như chính ông ta vừa chỉ ra; Hamnet Sedlar đã ở London vào ngày bảy tháng Năm để tham dự một bữa tiệc vinh danh mình. Bây giờ thì Tiến sĩ Ales, người đã mang đến chiếc phong bì dán kín, tất nhiên là người đàn ông đã viết ra các kí tự đó trong phong bì - đó là những điều ông ta thừa nhận với ông vào sáng hôm đó trong văn phòng. Tờ giấy và kí hiệu cho chúng ta thấy những gì?”

“À... à, chỉ là một... trời, tôi không biết,” ngài thanh tra nói.

“Ờ giấy,” Lane mệt mỏi giải thích, ”có màu xám trung tính, và dòng chữ đề tên *Thư viện Saxon* ở phía trên cùng của tờ giấy được in bằng mực màu xám sẫm. Điều đó, kết hợp với cách mà các kí tự được viết, tôi chợt nhận ra mọi thứ.”

“Ý ông là gì? Chúng ta đều nhìn nó sai cách, vậy thôi. Và nhờ may mắn ông đã nhìn nó theo đúng cách.”

“Chính xác. Nói cách khác, William Sedlar đã viết đúng các ký tự *Wm She* nhưng ngược chiều giấy! Vì vậy, khi đọc đúng các kí tự, phần tiêu đề lại ở phía dưới cùng của tờ giấy. Điều này là cực kì rõ ràng. Khi một người nhặt một mẫu giấy với ý định viết gì đó lên nó, theo bản năng anh ta sẽ dùng đúng chiều giấy, và viết xuống dưới sau tiêu đề ở đầu trang. Tuy nhiên, tác giả của những kí tự này đã nhặt lấy tờ giấy và lộn ngược lại! Tại sao?” Lane dừng lại, lấy chiếc khăn mùi soa ra, và thắm lên môi mình. Gã người Anh đã bỏ tay khỏi khuôn mặt của mình và bây giờ đang ngồi lún sâu vào ghế, nhìn chăm chăm một cách cay đắng xuống sàn.

“Cháu biết rồi,” Patience thở dài. “Trừ khi đó thuần túy là một sơ suất, hẳn ta chỉ đơn giản là không thấy dòng chữ in đó!”

“Đúng, cháu yêu, chính xác là như vậy. Mặc dù chuyện này mới nhìn qua là không thể. Hoàn toàn có thể xảy ra rằng, Tiến sĩ Ales đã quá vội vàng và đơn giản là viết các ký tự lên một tờ giấy lộn ngược, không để ý rằng những người đọc sau đó có thể đọc sai. Nhưng có một khả năng khác hợp lý hơn tồn tại, và ta đã không thể bỏ qua nó. Ta tự hỏi mình: Điều kì diệu nào đã khiến hiện tượng này, nếu đó là sự thật, có thể xảy ra? Tại sao Tiến sĩ Ales không thấy dòng chữ in đậm màu xám trên tờ giấy ghi chú của Saxon? Ông ta có mù không? Chuyện đó không cần bàn cãi; người đã đến thăm văn phòng của ngài thanh tra, có đầy đủ mọi bằng chứng chứng minh mình sở hữu thị lực tốt. Sau đó, tôi nhớ ra một điều, và tôi chợt nhìn thấy câu trả lời lóe lên... bộ râu.”

Tay tiến sĩ người Anh ngược đôi mắt đau đớn; có một sự tò mò thoáng qua. “Bộ râu ư?” gã lẩm bẫm.

“Ngài thấy không?” Lane mỉm cười. “Đến tận lúc này, ông ta vẫn không biết có gì sai với bộ râu giả mình đang đeo! Ông Sedlar, bộ râu ông chưng diện ngày hôm đó thật kinh khủng, một con quái vật thực thụ! Nó có sọc xanh da trời và xanh lá cây, có Chúa mới biết còn gì khác.”

Miệng Sedlar mở to; ông rên rỉ. “Chúa ơi. Tôi mua nó từ một người thợ may. Tôi nghĩ rằng mình đã không nói rõ ràng và gã đó đã nghĩ tôi muốn có một - một bộ râu hoạt họa để hóa trang, hoặc một cái gì đó điên điên kiểu vậy...”

“Thật không may,” Lane nói khô khốc. “Tuy nhiên, bộ râu và mảnh giấy ghi chú hoàn toàn phù hợp. Tôi đã cảm thấy có một khả năng lớn là người viết ra các kí tự đó bị mù màu hoàn toàn. Tôi đã nghe nói về trường hợp này và đã hỏi ý kiến bác sĩ riêng, bác sĩ Martini. Ông ấy nói với tôi rằng trường hợp mù màu hoàn toàn là rất hiếm; nhưng khi chúng xảy ra bệnh nhân sẽ nhìn các màu dưới những tông màu xám khác nhau, như một bản vẽ bút chì. Ông ấy đã nói rằng vì hoàn toàn mù màu, bệnh nhân không có nhận thức về màu sắc; trường hợp mù màu hoàn toàn này còn tệ hơn khi chữ in và màu của giấy giống hệt nhau, lúc đó chữ in sẽ gần như hoàn toàn vô hình. Khi bác sĩ Martini kiểm tra mẫu giấy ghi chú của thư viện Saxon, ông khá chắc chắn rằng những điều kiện quang học trong trường hợp này sẽ ảnh hưởng đến người viết các kí tự.”

Người Anh lắc đầu. “Tôi chưa bao giờ,” ông nói giọng khàn khàn, “nhìn thấy một màu nào hết.”

Tất cả đều im lặng một lúc. “Tiến sĩ Ales, do vậy,” Lane tiếp tục với một tiếng thở dài, “đã bị mù màu, trong thâm tâm tôi tin chắc vậy. Ông, thưa ông, vừa chứng minh rằng mình đang bị ảnh hưởng dưới các điều kiện tương tự; ông đã đoán bừa màu khăn tay cô Thumm và cà vạt của Rowe, mà không có khái niệm mờ nhạt nào về màu sắc thật sự của chúng. Bây giờ, ông tự xưng mình là Hamnet Sedlar. Nhưng Hamnet Sedlar không mù màu! Ngày đầu tiên tôi gặp ông ta, tại Phòng Saxon của bảo tàng này, ông đã xem qua chiếc hộp kính trưng bày mới được sửa lại chứa bản in Jaggard 1599 đã bị đánh cắp và đã nhận ra một cách rõ ràng và chính xác không chỉ những màu khác nhau trên lớp bọc sách; mà cả những sắc thái khác nhau

của cùng một màu, bởi ông ta đã nói một cách hết sức chính xác màu nâu vàng, một nhận xét tinh tế không thể đến từ một người bị mù màu. Vì ông phải là một trong hai, hoặc William hoặc Hamnet, và bởi Hamnet có thị lực bình thường trong khi William bị mù màu, và ông bị mù màu, rõ ràng là ông phải là William. Đây là loại đơn giản nhất của phép tam đoạn luận. Tôi đề nghị thử nghiệm để xác định xem ông có nói dối hay không. Ông đã nói dối. Câu chuyện ông kể trong bệnh viện là giả mạo, mặc dù tôi nghi ngờ nhiều phần trong đó là sự thật. Bây giờ, xin ngài hãy kể cho những người bạn của tôi một câu chuyện hoàn chỉnh.”

Ông ngồi xuống ghế, lại lấy tay chấm nhẹ lên môi.

“Vâng,” vị tiến sĩ người Anh thấp giọng nói: “Tôi là William Sedlar.”

Lần đầu tiên đến gặp ngài thanh tra dưới danh nghĩa Tiến sĩ Ales, ông ta đã để lại các kí tự trong két sắt của ngài thanh tra như đầu mối nếu có bất cứ điều gì xảy ra với ông trong quá trình truy đuổi bức thư của Shakespeare - tại thời điểm đó ông nghĩ chuyện còn rất xa vời. Lý do khiến ông không gọi điện thoại vào ngày hai mươi tháng Năm là do đã xảy ra biến cố. Anh trai của ông là Hamnet, như William mới biết, đã nhận vị trí quản lý Bảo tàng Britannic cho mục đích duy nhất là, đến gần hơn với bản in Jaggard 1599. Hamnet đã bắt cóc ông vào buổi tối cùng ngày William đánh cắp bản in Jaggard từ bảo tàng. Chuyện diễn ra ngay sau chuyến thăm của Donoghue, và cùng trong đêm đó, Donoghue cũng đã bị bắt cóc, nhận thức về thời gian của anh chàng Ai len bị bẻ cong bởi chính anh cũng không biết mình bất tỉnh bao lâu... William không thể tham gia vào cuộc đua này, kể từ ngày ăn trộm tại bảo tàng cho đến tận ngày cảnh sát giải cứu ông khỏi cái lán biệt lập nơi ông bị giam giữ như một tù nhân!

Bất chấp tất cả những lời đe dọa từ Hamnet, William từ chối tiết lộ nơi cất giấu bức thư; Donoghue, tất nhiên, không biết chút gì về sự tồn tại của nó, không thể nói với Hamnet điều gì. Hamnet, mỗi lần đến phòng giam đều hết sức vội vã và gấp gáp, do vừa phải đến bảo tàng và duy trì một vẻ ngoài vô tội, cuối cùng đã trở nên tuyệt vọng. Vào một ngày, gã nói với William, rằng đấng nào thì bức thư cũng đang được cất trong nhà của William, nên gã sẽ đặt một quả bom dưới hầm, khi nó sẽ phá hủy ngôi nhà

cùng với bức thư luôn! - một quả bom tự tạo nhờ sự giúp đỡ của một tay chế bom nghiệp dư. Đến lúc đó, William mới nhận ra mục đích thực sự của anh trai mình là theo đuổi bức thư của Shakespear; không phải để lưu giữ mà là để phá hủy.”

“Nhưng tại sao?” Rowe gầm lên, hai tay nắm chặt. “Đó là... đó là sự phá hoại dã man nhất! Tại sao lại phá hủy nó, vì Chúa?”

“Ông ta bị điên à?” Patience kêu lên.

Đôi môi của vị tiến sĩ người Anh mím chặt; ông liếc nhanh qua phía Lane, nhưng ông lão chỉ nhìn lạng lẽ vào khoảng không. “Tôi không biết,” ông nói.

Hamnet đã đặt quả bom hẹn giờ phát nổ trong hai mươi bốn giờ. Nhận ra rằng nếu mình để quả bom phát nổ bức thư sẽ biến mất vĩnh viễn, William cuối cùng cũng đầu hàng, lý luận rằng dù muộn còn hơn không; ông có thể tự giải thoát chính mình và cứu lấy bức thư. Vì vậy, ông đã nói với Hamnet vị trí ngăn bí mật và cách mở nó. Tuy nhiên, ông đã không thể thoát ra được. Hamnet đã kêu lên hả hê rằng gã có ý định quay trở lại ngôi nhà của William và tự mình hủy nó đi; rồi hãy còn rất nhiều thời gian. Gã sẽ hủy kíp nổ của quả bom... Hamnet đã rời đi với chìa khóa của William, chìa gốc, và William không gặp gã nữa. Ông ta không biết gì về những chuyện đã xảy ra cho đến khi ông được giải cứu bởi các cảnh sát sau khi Donoghue trốn thoát. Trong bệnh viện, ông đọc báo và nghe phóng viên; đến lúc đó ông mới biết vụ nổ đã xảy ra và việc phát hiện trong đồng đồ nát một thi thể được cho là của một trong hai anh em Sedlar. Ngay lập tức ông nhận ra mọi chuyện: trong khi Hamnet ở nhà tìm kiếm bức thư gã đã gặp tên đao phủ của mình, một người thứ ba cũng đang tìm kiếm bức thư, chính người thứ ba này đã giết Hamnet để chiếm quyền sở hữu bức thư, không biết gì về quả bom được cài dưới hầm rượu và đã bỏ đi với tờ giấy quý giá đó. Do Hamnet đã chết nên không ai biết về quả bom ngoại trừ William, người đang bị giam cầm bất lực trong nhà; vụ nổ xảy ra đúng như kế hoạch, phá hủy ngôi nhà.

“Tôi ngay lập tức hiểu ra,” vị tiến sĩ phẫn nộ nói, “rằng vẫn có một người thứ ba đang thực sự sở hữu bức thư đó. Tôi đã hy sinh rất nhiều, rất nhiều

năm cuộc đời theo đuổi bức thư đó... Tôi đã nghĩ rằng nó đã bị phá hủy, nhưng giờ đây tôi có thể chắc chắn rằng nó vẫn còn tồn tại, không hề hấn gì! Tôi phải bắt đầu lại một lần nữa, giải quyết bí ẩn về kẻ đã giết anh trai mình, và lấy lại bức thư. Việc thừa nhận bản thân mình là William Sedlar sẽ đặt dấu chấm hết cho kế hoạch này; tôi đang bị cảnh sát Bordeaux truy nã. Khi đó, tôi sẽ bị dẫn độ sang Pháp và phải đối mặt với hình phạt, bức thư hẳn sẽ rời xa tôi mãi mãi. Vì vậy, lợi dụng thực tế là cảnh sát đã không chắc chắn cái xác được tìm thấy trong đồng đồ nát là của ai, và thực tế là anh trai và tôi nhìn khá giống nhau, ngay cả về giọng nói - tôi quyết định nhận mình là Hamnet. Tôi chắc rằng Tiến sĩ Choate đã nghi ngờ; tôi nhận thấy điều đó suốt cả tuần qua.”

Khi William nói xong, mọi người đã nhận ra kẻ truy đuổi Patience và Rowe trên đường đến lâu đài Hamlet chính Hamnet. Sau khi đi theo Lane và đọc bản điện tín Lane gửi cho Thumm yêu cầu mang tài liệu đó đến lâu đài Hamlet, hẳn ta đã nghĩ rằng đó chính là bức thư quý giá.

Ngài thanh tra cúi kính mím chặt môi, còn Patience nhìn có vẻ hết sức mệt mỏi. Rowe bước quanh, cau mày. Chỉ Lane ngồi lặng lẽ.

“Nghe đây,” cuối cùng Thumm nói. “Tôi sẽ cho ông biết ngay bây giờ rằng tôi không tin ông. Tôi sẵn sàng tin rằng ông là William, nhưng điều đó không chứng minh ông không phải là người đàn ông thứ hai đã bước vào nhà đêm đó! Tôi nghĩ rằng có khả năng là ông đang nói dối. Tôi nghĩ rằng không có gì chứng minh ông đã không thoát khỏi nơi anh trai ông giam giữ, bám theo ông ta đến ngôi nhà, và giết ông ta vì bức thư. Tôi khẳng định chuyện một người thứ ba giết Hamnet và đang cầm bức thư là chuyện nhằm nhí - tôi không tin rằng có một người thứ ba hay thế nào đó!”

William Sedlar nhợt nhạt dần. “Ồ, tôi nói...” ông bắt đầu bằng giọng sừng sốt.

“Không đâu, bố,” Patience nói mệt mỏi. “Bố đã sai về chuyện đó. Ông Sedlar không giết anh trai và con có thể chứng minh điều đó.”

“À,” Lane nói, mắt chớp chớp. “Con có thể ư, Patience?”

“Chúng ta biết bây giờ ông ta là William; bây giờ chúng ta cũng biết rằng người đàn ông đã chết là một trong hai anh em Sedlar nên người chết

phải là Hamnet. Câu hỏi là: Hamnet là người đàn ông đầu tiên hay thứ hai đã đến ngôi nhà vào đêm xảy ra vụ giết người? Chúng ta biết rằng người đàn ông đầu tiên buộc phải lấy chìa khóa của Maxwell để quay trở lại nhà sau khi nhốt ông già trong nhà để xe. Người đàn ông đầu tiên này, do đó, đã không mang chìa khóa. Nhưng Hamnet Sedlar đã có chìa khóa khi hắn đến, do lấy từ em mình William, thứ sau đó chúng ta tìm thấy trên cái xác. Vậy Hamnet phải là vị khách thứ hai. Hamnet là người đến thứ hai, đã bị giết chết bởi người đầu tiên, do chỉ có hai người trong nhà theo tiếng chuông làm chứng của Maxwell. Vậy ai là người đến đầu tiên, người đàn ông đeo mặt nạ?” Mối Patience cử động đầy háo hức. “Chúng ta đã chứng minh từ lâu là người đàn ông đầu tiên là chủ của chiếc rìu, kẻ chặt chém. Sau đó, Hamnet đã bị giết bởi kẻ này. Liệu William có thể là kẻ đó không, như bố vừa nhìn thấy, thừa bố? Con nghĩ là không, vì không ai khác ngoài William biết về ngăn bí mật; ông ta không cần chém nát ngôi nhà thành từng mảnh vụn trong bất kỳ hoàn cảnh nào! Vì vậy, con nói rằng William Sedlar không phải là kẻ mang rìu, không ở căn nhà cả đêm đó, không giết chết anh trai của mình, và đã có một người đàn ông thứ ba trong trường hợp này, chủ nhân của chiếc rìu, người đàn ông không biết nơi cất bức thư, người đã giết Hamnet sau khi Hamnet lấy nó từ ngăn bí mật, người đàn ông đã đặt xác Hamnet xuống hầm và trốn thoát cùng bức thư!”

“Tuyệt hảo,” Rowe nói nhanh. “Nhưng hắn ta là ai?”

“Chúng ta sẽ phải bắt đầu lại từ đầu, em sợ là thế,” Patience nói, nhún vai. Cô đột nhiên im lặng, nhăn mày. Đột nhiên, cô thốt ra một tiếng kêu khô khốc và khuôn mặt cô trở nên trắng bệch, “Ồ!” cô nói, và chân cô có vẻ run run. Cô hơi loạng choạng, và Rowe ngay lập tức nhảy đến bên cạnh cô.

“Pat, vì Chúa. Có chuyện gì vậy? Chuyện gì đã xảy ra?”

Ngài thanh tra gạt anh ngay sang một bên. “Patty, con thấy không ổn à, con yêu?”

Patience rên rỉ yếu ớt: “Con... Cảm giác thật kì lạ. Con... con thực sự nghĩ rằng mình đang bị bệnh...” Giọng cô nhỏ dần. Cô loạng choạng và ngã vào cánh tay bố mình.

Lane và người đàn ông đến từ Anh bật dậy về phía trước. “Ngài thanh tra!” Lane nói gay gắt. “Con bé sẽ... coi kìa!”

Rowe lao về phía trước và kịp bắt lấy cô khi cô bắt đầu trượt xuống sàn.

Khi Thumm và Rowe rời đi cùng với Patience, cùng trên một chuyến taxi đến căn hộ của Thumm, Patience vẫn còn run rẩy. Drury Lane và William Sedlar nhìn nhau trong văn phòng của người quản lý.

“Hắn là do sức nóng,” Sedlar lẩm bẩm. “Tội nghiệp cô gái.”

“Không nghi ngờ gì nữa,” Lane nói. Ông đứng lên, cao lớn như một cây thông tuyết phủ trên đỉnh; và đôi mắt như hai hố sâu không đáy, tối tăm và sâu hoắm.

Sedlar đột ngột rung mình. “Tôi cho rằng đó là tất cả, hả? Nhiệm vụ đã kết thúc,” ông chua chát nói. “Tôi đã không quan tâm quá nhiều như thế nếu như...”

“Tôi hoàn toàn hiểu được cảm xúc của ông, ông Sedlar.”

“Vâng. Tôi cho rằng ngài sẽ giao tôi cho nhà chức trách...”

Lane nhìn ông ngạc nhiên. “Vì sao ông lại nghĩ thế? Tôi không phải là cảnh sát, thanh tra Thumm cũng không còn quan hệ với cảnh sát nữa. Chúng tôi chỉ là những người duy nhất biết chuyện này. Thực sự không có tội danh nào chống lại ông; đồ ăn trộm ông đã trả lại; ông cũng không phải là kẻ giết người.” Vị tiến sĩ nhìn chăm chăm vào Lane với một niềm hy vọng bùng lên trong đôi mắt hốc hác của mình. “Tôi không thể nói thay cho ngài thanh tra, nhưng với tư cách một trong những người bảo trợ của Bảo tàng Britannic, tôi đề nghị ông gửi đơn từ chức ngay đến James Wyeth và...”

Đôi vai gầy của người đàn ông rũ xuống. “Tôi hoàn toàn hiểu rõ. Nó có vẻ khó khăn... Tôi biết tôi phải làm gì, ông Lane.” Ông thở dài. “Tôi không bao giờ nghĩ đến chuyện này khi chúng ta tiến hành cuộc chiến trí tuệ trên các trang báo của tờ Stratford Quarterly.”

“Rằng nó sẽ dẫn tới một kết cục ấn tượng đến mức này?” Lane nhìn ông một lúc và sau đó càu nhàu không rõ tiếng. “Được rồi, một ngày tốt lành,” ông nói, và nhặt mũ cùng cây gậy của mình, bước ra khỏi phòng.

Dromio kiên nhẫn chờ đợi bên lề đường cùng chiếc xe. Ông già khó khăn chui vào xe, các khớp xương đau nhức. Xe chạy, ông nhắm mắt lại một lúc, đắm chìm trong suy tư rồi nhanh chóng ngủ thiếp đi.

Lời Giải Của Ngài Drury Lane

Ngài thanh tra không phải là một người đàn ông tinh tế; cảm xúc của ông là thô ráp và tự nhiên, giống như nước ép chảy ra từ một trái chanh vắt. Ông làm nhiệm vụ người cha với tâm trạng vừa hoang mang, vừa vui sướng vừa e dè. Càng sống cùng con gái, ông càng yêu cô hơn nhưng lại hiểu cô ít hơn. Cô luôn khiến ông đắm chìm trong cảm giác hỗn độn; người đàn ông khốn khổ không bao giờ thành công, dù ông có cố gắng đến mức nào, để dự đoán tâm trạng tiếp theo của cô hoặc hiểu rõ được tâm trạng bí ẩn gần đây nhất.

Trong sâu thẳm trái tim đầy sóng gió và đau khổ của mình, ông đã đột nhiên vui mừng khi trao cho Gordon Rowe nhiệm vụ làm yên lòng người phụ nữ trẻ hết sức khó hiểu đang mắc chứng rối loạn.

Và Gordon Rowe, người trước nay chỉ từng yêu mỗi sách, nhận ra với một tiếng rên tuyệt vọng rằng yêu một người phụ nữ nghĩa là thế nào.

Patience hãy còn là một câu đố, không phải để nắm bắt và cũng không thể giải quyết được. Khi hết nước mắt, cô lau mặt vào khăn tay của chàng trai, mỉm cười với anh, và lui về phòng mình. Dù đe dọa hay cầu xin cũng không làm cô lay chuyển. Cô khuyên Gordon Rowe đi về. Không, cô không muốn gặp bác sĩ. Đúng, cô hoàn toàn khỏe mạnh; chỉ hơi đau đầu. Không một lời đáp lại những tiếng rên ầm ĩ của ngài thanh tra. Gordon Rowe và ông bố vợ tương lai ủ rũ nhìn nhau, và sau đó Rowe đành miễn cưỡng bỏ đi.

Patience không xuất hiện trong bữa tối. Cô chỉ thốt ra một câu ghen ngào ‘chúc ngủ ngon’ mà không mở cửa phòng. Trong đêm, ngài thanh tra nhận thấy trái tim già nua của mình đang đập thành thạch kì lạ, ông trèo ra

khỏi giường và đi sang phòng cô. Ông nghe thấy một tiếng thốn thức hoang dại. Ông giơ tay định gõ cửa nhưng rồi lại bỏ đi một cách bất lực. Ông trở lại giường và nhìn chăm chăm một cách cay đắng vào bức tường tối đen cho đến nửa đêm.

Đến buổi sáng, ông chăm chú nhìn vào phòng của cô; cô đang thiếp ngủ, những dấu nước mắt hầy còn trên má, mái tóc màu mật ong đang xõa trên gối. Cô hầy còn trần trở, nghe được cả tiếng thở dài trong giấc ngủ; và ông vội vàng quay về với bữa sáng cô đơn và văn phòng của mình.

Ông bơ phờ, bước đi đầy mỗi mệt. Patience không xuất hiện ở văn phòng. Lúc bốn giờ ba mươi, ông buột miệng một câu rủa, nắm lấy chiếc mũ của mình, cho Brodie nghỉ đến hết ngày, và quay trở về căn hộ.

“Pat!” Ông lo lắng gọi từ tiền sảnh.

Ông nghe thấy tiếng động trong phòng của cô, và nhanh chóng băng qua phòng khách. Trong bộ đồ chỉnh tề, chiếc băng-đô màu đen cuốn gọn những lọn tóc, cô đang đứng ở cánh cửa phòng ngủ với dáng vẻ mệt mỏi.

”Con định đi ra ngoài à?” ông vội vàng tiến đến, hôn cô.

“Vâng, thưa bố.”

“Tại sao con đóng cửa lại như vậy?”

“Con đang...” Cô cắn môi. “Bố à, con đang đóng đồ.”

Ông ngạc nhiên. “Pat! Con yêu! Có chuyện gì thế? Con định đi đâu?”

Cô từ từ mở cửa phòng. Ngài thanh tra thấy một chiếc vali đặt trên giường của cô. “Con sẽ đi xa vài ngày,” cô nói bằng một giọng run rẩy. “Con... đó là việc rất quan trọng.”

“Nhưng cái...”

“Không, bố à.” Cô đóng sập vali lại và thắt dây đai. “Xin đừng hỏi con đi đâu hay tại sao. Hoặc bất cứ thứ gì. Làm ơn đi bố. Chỉ một vài ngày thôi. Con... Con muốn...”

Ngài thanh tra ngồi xuống một chiếc ghế trong phòng khách và nhìn cô chăm chăm. Cô vội lấy vali và chạy băng qua phòng. Sau đó, cô nhặt lấy túi xách với một tiếng kêu khe khẽ, chạy lại chỗ ông, quàng cánh tay lên cổ và hôn ông. Trước khi ông kịp bình tâm, cô đã biến mất.

Ông ngồi đó, yếu ớt, trong căn hộ trống rỗng, điều xì gà ngậm trong miệng đã tắt và mũ hầy còn đội trên đầu. Tiếng sập cửa vang lên như sấm bên tai ông. Ông chậm chạp ngồi dựa vào ghế, bình tĩnh nghĩ về mọi chuyện. Càng nghĩ càng thấy khổ sở hơn. Cả đời đối phó với tội phạm và cảnh sát đã cho ông một cái nhìn sâu sắc, khôn ngoan nhất định vào bản chất con người. Khi ông không chỉ coi Patience là cô con gái bé bỏng, ông đánh giá cao sự đặc biệt trong hành động của cô. Con gái của ông là một phụ nữ mới trưởng thành. Nó không có các cơn giận dữ nữ tính hay những cơn bão cảm xúc thông thường. Sự kì lạ trong những hành động... Ông ngồi yên trong phòng tối nhiều giờ. Cho đến nửa đêm, ông đứng dậy, bật đèn, và pha cho mình một tách cà phê mạnh. Rồi ông cố gắng chớp mắt.

Hai ngày trôi qua thật chậm chạp đến đau đớn. Gordon Rowe tự làm cho cuộc sống mình trở nên khổ sở. Chàng trai đã gọi điện thoại, nhảy bổ vào văn phòng vào những giờ giấc quái quỷ, bám lấy ngài thanh tra với sự kiên trì dữ tợn của một con đĩa. Anh không thỏa mãn với lời giải thích càu nhàu của Thumm rằng Patience đã biến mất trong vài ngày qua *để nghỉ ngơi*.

“Vậy tại sao cô ấy không gọi cho tôi, hoặc để lại một lời nhắn, hoặc một cái gì đó?”

Thanh tra nhún vai. “Tôi không muốn làm tổn thương cảm xúc của cậu, chàng trai, nhưng cậu có là cái gì của nó đâu?”

Rowe đỏ mặt. “Cô ấy yêu tôi, chết tiệt!”

“Có vẻ như vậy hả, phải không?”

Nhưng khi sáu ngày trôi qua mà không vẫn không một lời nào, không một dấu hiệu dù là nhỏ nhất, từ Patience, ngài thanh tra sụp đổ hoàn toàn. Ông đã không còn sự cứng rắn thông thường và lần đầu tiên trong đời trải qua cảm giác hoảng sợ thực sự. Ông không thể che giấu được cảm xúc khi đi làm; ông liên tục đi quanh văn phòng với những bước chân chậm rãi; và cuối cùng vào ngày thứ sáu, ông không thể chịu đựng sự thống khổ thêm nữa. Ông nhặt lấy chiếc mũ của mình và rời khỏi tòa nhà. Patience không lái chiếc mui trần của mình; nó vẫn đứng đó trong nhà để xe công cộng gần căn hộ của Thumm. Ngài thanh tra bước từng bước mệt mỏi và hướng mũi giày về phía Westchester.

Ông thấy Drury Lane đang phơi nắng ở khu vườn nhỏ được cắt tỉa cẩn thận của lâu đài Hamlet; và ngay lập tức ông bị sốc trước vẻ ngoài của người nghệ sĩ. Lane trông già sọm đi chỉ sau một tuần. Da màu vàng sáp và nhăn nheo kinh khủng chẳng khác gì vỉa đá vôi; ông ngồi bọc trong một tấm chăn Ấn Độ, mặc dù trời nắng nóng, như thể ông đang rất lạnh. Cơ thể của ông dường như teo lại; chỉ một vài năm trước, người đàn ông này vẫn khỏe mạnh, tràn trề sức sống, điều này khiến Thumm phải rùng mình và ngồi xuống với đôi mắt trôn trối.

“À, ngài thanh tra,” Lane nói bằng một giọng yếu ớt, gần như vỡ vụn. “Thật tốt khi ông đến đây... Tôi cho rằng ông đang phát hoảng bởi vẻ ngoài của tôi?”

“Ờ, không, không,” ngài thanh tra vội nói. “Ông có vẻ ổn.”

Lane mỉm cười. “Ông nói dối tệt lắm, ông bạn à. Tôi nhìn như chín mươi và cảm thấy mình đã trăm tuổi. Mọi thứ đến hết sức đột ngột. Ông có nhớ Cyrano trong màn thứ năm đã ngồi dưới gốc cây? Không biết bao nhiêu lần tôi đã đóng cảnh đó, một tay cao bồi héo úa, nhưng dưới lớp da nhăn nheo đó là trái tim nhiệt huyết của tuổi trẻ! Còn bây giờ...” Ông nhắm mắt lại. “Martini đã công khai lo lắng. Những vị bác sĩ! Họ sẽ không nhận ra thực tế rằng tuổi già, như Seneca đã nói, là một căn bệnh không thể chữa trị.” Ông lại mở mắt ra. Sau đó, ông đột ngột nói: “Thumm, ông bạn của tôi! Có gì đã xảy ra? Có chuyện gì vậy?”

Ngài thanh tra vùi mặt vào hai bàn tay và rơm rớm nước mắt. “Đó... đó là Patty,” ông lầm bầm. “Nó đã biến mất - Lane, vì tình yêu của Chúa, ông phải giúp tôi tìm thấy nó!”

Ông lão nhìn có vẻ xanh xao kinh hãi. Ông chậm rãi nói: “Con bé biến mất?”

“Đúng. Ý tôi là không. Nó ra ngoài một mình.” Ngài thanh tra kể lại chuyện. Những nếp nhăn xuất hiện trên đôi mắt kiên định của Lane khi quan sát đôi môi của thanh tra. “Tôi không biết phải làm gì. Đó là lỗi của tôi. Tôi đang thấy những điều sẽ phải xảy ra,” Thumm khóc. “Con bé có một đầu mối, những điều chết tiệt đó đã đưa con bé vào một cuộc rượt đuổi hoang dã. Có thể rất nguy hiểm, Lane. Đã khoảng một tuần nay rồi. Có

lẽ...” Ông ngấp ngừng và dừng lại, không tìm được từ nào diễn đạt nỗi khiếp sợ mơ hồ trong tâm trí mình.

“VẬY ông có nghĩ rằng,” Lane thì thầm, “rằng con bé, bằng cách nào đó, đang gặp nguy hiểm vì quá gần với sự thật. Rằng nó đang theo dấu kẻ thứ ba, tên giết người. Rằng hắn có thể đã chạm trán con bé...”

Ngài thanh tra gật đầu ngớ ngẩn. Năm tay xương xẩu lớn của ông đập thành thịch xuống chiếc ghế gỗ sét.

Hai người im lặng một lúc lâu. Một chú chim cổ đỏ đang đậu trên cành cây gần đó đột nhiên cất tiếng hót; vang phía sau họ là giọng nói cũ kĩ của Quacey đang lớn tiếng tranh cãi với một người làm vườn. Nhưng Lane không nghe thấy gì; ông đang ngồi mân mê những ngọn cỏ dưới chân mình. Rồi ông thở dài và đặt bàn tay gân guốc của mình lên tay Thumm, ngài thanh tra nhìn ông với chút hi vọng.

“Ông bạn cũ tội nghiệp của tôi. Tôi không thể nói ông biết tôi thấy thương cho ông đến mức nào. Patience... Shakespeare từng nói một câu rất hay: *Hỡi những con quái vật tinh tế nhất! Liệu mấy ai hiểu nỗi đàn bà?* Ông quá chân thực và thẳng tuột như con bò đực, bạn của tôi, nên không thể hiểu được những gì đã xảy ra với Patience. Phụ nữ có một năng lực vô tận là tra tấn cánh đàn ông bằng sự tinh tế của mình, mà hầu hết chính họ cũng không biết.” Đôi mắt hốc hác của Thumm nhìn ông chăm chăm. “Ông có mang bút chì và giấy theo không?”

“Bút chì... có, có đây!” ngài thanh tra vội vàng lục túi và lấy ra giấy bút! Ông quan sát người bạn của mình kĩ lưỡng. Lane viết một mạch, rồi nhìn lên.

“Hãy đưa nó lên cột tin nhắn của tất cả các tờ báo ở New York, ngài thanh tra,” ông khẽ nói. “Có lẽ... ai biết được? - nó sẽ có tác dụng.”

Thumm sững sốt liếc xuống tờ giấy.

“Hãy thông báo cho tôi ngay khi có điều gì đó xảy ra.”

“Chắc chắn, chắc chắn rồi.” Giọng nói của ông vỡ vụn. “Cảm ơn rất nhiều, Lane.”

Một cơn đau làm ông lão nhăn nhó rồi ông lại nở một nụ cười hết sức lạ kì. “Không có gì.” Ông đưa tay ra. “Tạm biệt.”

“Tạm biệt.” Thumm lẩm bẩm, siết chặt Lane. Rồi Ngài thanh tra sai bước vội vã về phía xe của mình. Trước khi khởi động xe, ông đọc lại thông điệp Lane đã viết: *Pat. Ta đã biết tất cả. Hãy trở về. D.L.*

Ông thở dài nhẹ nhõm, cười toe toét, khởi động động cơ, vẫy tay và biến mất cùng một đám mây sỏi nhỏ và bụi đường. Lane đã đứng dậy và mỉm cười hết sức khác thường cho đến khi chiếc xe biến mất. Sau đó, ông rùng mình một chút và ngồi xuống, một lần nữa quăn chặt hơn tấm chăn quanh người.

Buổi chiều hôm sau, ngồi đối diện nhau trong căn hộ là hai người đàn ông, một già một trẻ; cả hai đều hốc hác và đang nghiên cứu sàn nhà. Căn hộ mát mẻ và yên tĩnh. Chiếc gạt tàn đặt giữa hai người đã đầy đầu mẩu thuốc lá. Trên sàn nhà là một đồng hồ hỗn độn các tờ báo sáng.

“Ông có nghĩ rằng cô ấy sẽ...?” Gordon Rowe rên rỉ lần thứ hai mươi.

“Ta không biết, con trai.”

Sau đó họ nghe thấy tiếng lách cách của chìa khóa tra vào ổ. Họ đứng bật dậy và lao thẳng vào phòng chờ. Cánh cửa mở ra. Đó là Patience. Với một tiếng kêu nhỏ cô ngã vào vòng tay của ngài thanh tra. Rowe chờ đợi lặng lẽ. Không ai nói một lời. Ngài thanh tra vỗ về bằng những lời vô nghĩa, còn Patience thì khóc nức nở. Cô dường như vô cùng mệt mỏi, kiệt sức; khuôn mặt trắng bệch và đau đớn, như thể cô mới trải qua một nỗi đau tột cùng. Chiếc vali nằm chắn ngay trên bệ cửa, giữ cửa mở.

Patience ngược lên, mắt cô mở to.

“Gordon!”

“Pat.”

Ngài thanh tra quay người đi vào phòng khách.

“Pat, anh đã không bao giờ biết được, cho đến tận bây giờ...”

“Em hiểu, Gordon.”

“Anh yêu em, em yêu... Anh không thể chịu đựng thêm được nữa...”

“Ôi, Gordon.” Cô đặt tay lên vai anh. “Anh là chàng trai ngọt ngào nhất. Em thật ngu ngốc khi làm thế.” Anh ôm chầm lấy cô và chặt đến mức cô có thể thấy trái tim anh đang áp sát vào ngực mình. Họ đứng như vậy một lúc lâu, và sau đó họ hôn nhau.

Rồi không nói một lời nào, cả hai đi vào phòng khách.

Ngài thanh tra xoay người lại; ông đang nở một nụ cười, và một điều gì đó mới đang nhả khỏi từ miệng ông. “Làm hòa rồi hả?” ông cười khúc khích. “Thế là tốt, tốt quá rồi. Gordon, cậu bé của tôi, xin chúc mừng. Đến bây giờ, chết tiệt, chúng ta sẽ có khoảnh khắc bình yên...”

“Bố,” Patience thì thầm; ông dừng lại, niềm vui hiện rõ trên khuôn mặt. Rowe nắm chặt bàn tay lạnh lẽo của cô; cô chỉ nắm lại yếu ớt. “Ông ấy đã biết tất cả mọi thứ? Thật không?”

“Tất cả mọi thứ? Ai... à, Lane! Đúng, đó là những gì ông ấy nói, Patty”. Ông bước về phía trước và đưa cánh tay dài như vượn của mình về phía cô. “Có khác biệt quái gì không? Vấn đề là con đã trở lại, và chuyện đó mới là tất cả với bố.”

Cô nhẹ nhàng đẩy ông ra. “Không. Có một cái gì đó...”

“Ông ấy nói với bố,” Thumm cau mày, “thông báo ngay cho ông ấy khi con quay trở lại. Có lẽ ta nên gọi điện thoại...”

“Ông ấy bảo vậy ư?” đôi mắt xanh của Patience trống rỗng như thể cô đang lên cơn sốt. Còn hai người đàn ông nhìn chăm chăm vào cô như nhìn một người mất trí. “Không, bố nghe này! Sẽ tốt hơn nếu chúng ta nói trực tiếp với ông ấy. Ôi, con thật là một con ngốc ngu dốt, nổi loạn, hay than vãn!” Cô đứng đó, cắn mạnh môi dưới rồi lao về phía tiền sảnh. “Ông ấy đang trong tình trạng nguy hiểm nhất!” Cô kêu lên. “Đi nào.”

“Nhưng, Pat...” Rowe phản ứng.

“Thôi nào, anh nghe này. Lẽ ra em phải biết... Ô, chúng ta có thể đến quá muộn!” Cô quay lại và chạy nhanh ra khỏi căn hộ. Rowe và Thumm cùng nhìn nhau, khuôn mặt của họ rối bời; hai người chỉ kịp lấy mũ rồi lao theo cô.

Mọi người nhảy vào chiếc mui trần và nổ máy. Rowe lái xe; và nếu như anh ta chỉ là một con mọt sách hiền lành dưới ngọn đèn thì sau vô-lăng lại là một tay đua. Trong một lúc lâu - cho đến khi họ đã thoát khỏi chỗ tắc đường - tất cả đều im lặng; Rowe hoàn toàn tập trung vào con đường trước mặt, mặt Patience trắng bệch, và trông mặt cô có vẻ nôn nao, còn thanh tra Thumm ngồi lặng lẽ như một bức tượng Nhân sư.

Khi thành phố bị bỏ lại phía sau, ông lên tiếng, “Nói cho ta nghe đi, Patty, rõ ràng Lane gặp rắc rối. Ta không hiểu ý con. Con nên nói với ta...”

“Vâng,” cô ngập ngừng. “Đó là lỗi của con... Thật không công bằng cho bố, bố à. Cả anh nữa, Gordon. Điều quan trọng là bây giờ cả hai cần phải biết. Gordon, anh phải nhanh hơn! Sẽ có chuyện xảy ra, bố à.”

Rowe mím chặt môi; chiếc mũi trần lông lên như một con thỏ đang bị truy đuổi.

“Điểm còn sót của vụ án,” Patience nói, mũi cô run run một cách khó hiểu, “nhưng hẳn mọi người đã phát hiện ra rồi chứ. Chúng ta đã kết luận rằng nạn nhân và kẻ sát nhân là anh em nhà Sedlar. Chúng ta đã nghĩ rằng người này đã giết người kia trong căn nhà đó. Nhưng sự thực không phải thế. Tuần trước - ở viện bảo tàng - giả thiết của chúng ta phải thay đổi. Chúng ta biết cái xác trong đồng hồ nát là của Hamnet, William là người sống sót, và William không thể là bất cứ ai có mặt trong ngôi nhà đêm đó; hẳn mọi người cũng nhớ con đã chứng minh chuyện đó; do chiếc chìa khóa. Vì vậy, giả thuyết của chúng ta không đứng vững nữa; chúng ta biết nạn nhân là Hamnet Sedlar, nhưng chúng ta vẫn không biết người khách đầu tiên đã đến nhà đêm đó, người đã trói Maxwell, kẻ chặt phá... Con đã suy nghĩ kỹ lại, dò xét từng sự việc mà lúc mới nhìn con chưa hiểu được. Và ý nghĩ đó đến như một tia sét.”

Cô nhìn thẳng về con đường phía trước. “Danh tính vị khách đầu tiên bước vào nhà đã được xác định và vấn đề được giải quyết. Chuyện gì đã xảy ra? Sau khi bỏ lại Maxwell, bị trói và bịt miệng trong nhà để xe, người đàn ông này vào nhà bằng chìa khóa của Maxwell. Do khóa lò xo, cánh cửa tự động đóng lại. Gã lấy chiếc rìu từ hộp dụng cụ trong nhà bếp và tấn công phòng làm việc, nghĩ rằng đây là nơi có khả năng cất giấu thứ gã muốn tìm kiếm, nhưng cũng không hề biết nó có thể được giấu ở vị trí nào. Gã tìm trong những cuốn sách, rạch nát đồ nội thất, ván gỗ trên tường và sàn. Chính xác lúc nửa đêm, gã đã đập vỡ đồng hồ, có thể vì nghĩ rằng đây là nơi cất là thư. Lá thư không nằm trong phòng làm việc cũng như trong phần còn lại của tầng trệt. Vì vậy, gã đã đi lên lầu vào phòng ngủ của William Sedlar vì đây là nơi tiếp theo có khả năng nhất cất giấu bức thư.”

“Chúng ta đều biết tất cả những điều đó, Pat,” Thumm nói, nhìn cô kì lạ.

“Chờ chút bố... Chúng ta biết gã ở trong phòng ngủ lúc mười hai giờ hai tư từ chiếc đồng hồ bị đập vỡ. Và Hamnet đã bị giết trong ngôi nhà đó vào lúc mười hai giờ hai sáu, dựa vào chiếc đồng hồ đeo tay cũng bị đập vỡ. Vậy là chỉ hai phút sau khi kẻ cầm rìu phá vỡ chiếc đồng hồ trong phòng ngủ trên lầu. Câu hỏi là: Hamnet đã bước vào nhà khi nào? Hẳn chắc chắn đã phải mở khóa cửa trước, bước vào phòng làm việc, nhìn thấy đồng hồ nát ở đó, tìm đến ngăn giấu đồ bí mật phía trên kệ sách, lấy bức thư ra, leo xuống thang, có lẽ đã xem qua bức thư, sau đó gặp phải kẻ giết người, vật lộn, và rồi bị giết. Chắc chắn chuyện này phải kéo dài hơn hai phút! Do đó, chắc chắn rằng, Hamnet phải đi vào nhà trong khi kẻ giết người vẫn còn đang ở trong nhà. “

“À... ừm, sao nữa?” Thumm càu nhàu.

“Con sắp nói đến đó,” Patience nói một cách thần thờ. “William Sedlar cho chúng ta biết rằng Hamnet chính là kẻ muốn có lá thư để thiêu hủy nó. Vậy Hamnet sẽ làm gì khi có được nó? Lập tức thiêu hủy nó ngay. Bằng cách nào? À, dùng lửa là nhanh chóng và chắc chắn nhất. Hẳn đánh diêm và bắt đầu đốt lá thư.” Cô thở dài. “Tất nhiên đó chỉ là giả thiết, và không chỉ ra được gì ngoài một điểm. Nó giải thích vết chém trên chiếc đồng hồ đeo tay và cổ tay của Hamnet. Khi Hamnet định đốt lá thư thì kẻ đột nhập đã ở trên lầu đi xuống và nhìn thấy, gã muốn cứu bức thư chứ không phải hủy nó đi. Gã muốn ngăn lá thư khỏi bị thiêu hủy. Vì vậy gã lập tức vung rìu đập vào tay Hamnet, khiến hẳn đánh rơi cả que diêm và lá thư. Hamnet nhất định sẽ đánh trả; và trong lúc ẩu đả thì kẻ đột nhập đã bắn chết hẳn. Có thể vụ ẩu đả đã xảy ra ở phòng làm việc, nơi kẻ đột nhập đánh rơi chiếc rìu, và dọc theo lối đi ra đại sảnh, nơi chúng ta tìm thấy những mảnh vỡ của chiếc kính mắt và cũng có thể là nơi Hamnet bị bắn chết... Kẻ đột nhập kéo xác Hamnet xuống hầm mà không biết rằng quả bom đã được cài trong đó, và mang bức thư đi trong trường hợp bức thư chưa bị thiêu trụi trước đó. Điểm mấu chốt trong vụ tấn công và ẩu đả chính là, gã đột nhập đó sẵn sàng làm bất cứ điều gì kể cả giết người để bảo vệ bức thư đó.”

Rowe tập trung lái chiếc xe lên con dốc dẫn vào lâu đài Hamlet; và Patience bỗng im bặt khi anh khéo léo lượn xe quanh khúc ngoặt. Sau đó, họ qua ngôi làng bao quanh tòa dinh thự; băng qua cây cầu nhỏ kì quái. Bánh xe lạo xạo trong đất sỏi.

”Anh vẫn không hiểu?” Rowe nhíu mày “Cho dù tất cả những điều đó là thật, thì những điều đó dẫn em đi tới đâu hả Pat? Em cũng vẫn không biết được danh tính của kẻ giết người.”

“Anh nghĩ thế à?” Patience kêu lên. Cô nhắm mắt lại nhăn nhó, tựa như đứa trẻ nuốt phải viên thuốc đắng vậy. “Em chắc chắn với anh là mọi thứ đều vô cùng rõ ràng! Nhân dạng của gã đàn ông đó - chính nhân dạng của hắn, Gordon ạ. Những điều xảy ra trong ngôi nhà đó đã phản bội hắn.”

Hai người đàn ông ngây ngô nhìn cô. Họ đang băng qua cánh cổng chính nằm cuối khúc cua ngoằn ngoèo. Quacey cùng vẻ ngoài quý quái với đồng bườu trên vai xuất hiện giữa một bụi cây sơn mai hoa, nhìn chăm chăm rồi bật thành tràng cười vang dội, vẫy tay và bước ra con đường. Rowe dừng xe. “Quacey!” Patience bần thần gọi to. “Ngài Lane có... ổn không?”

“Xin chào, cô Thumm,” Quacey vui vẻ. “Hôm nay ông ấy khỏe hơn, cảm ơn cô. Trông hoạt bát hơn hẳn. Ngài thanh tra, tôi đang định đi gửi thư này cho ông.”

“Thư à ? Lạ nhỉ, đưa tôi xem nào.”

Quacey đưa cho ông chiếc một phong bì to hình vuông.

“Thư ư?” Patience mơ màng nói, ngồi xuống cạnh hai người đàn ông và ngược nhìn bầu trời trong xanh. Rồi cô thốt lên, “ơn Chúa, ngài ấy vẫn ổn.”

Viên thanh tra lặng lẽ đọc lá thư; và với một cái chau mày, ông hăng giọng:

ÔNG BẠN THÂN MẾN!

Tôi tin là Patience đã trở về có thể cùng với những kí ức đau đớn của cô bé. Tôi biết rằng lời nhắn của tôi sẽ mang cô bé trở về an toàn với ông. Trong khi mọi người chờ đợi, có lẽ ông sẽ không phiền bỏ một chút tâm trí để biết được lời giải đáp cho phi vụ bí hiểm mà ông đã gặp phải trong khi phá án.

Ngài thanh tra chắc còn bối rối, trong khi Patience và Gordon chắc hẳn đều đã nghi ngờ về điều này: tại sao một người hoàn toàn tỉnh táo, có trí tuệ và văn hóa như Hamnet Sedlar lại muốn phá hủy một kiệt tác viết tay quý hiếm, không gì có thể thay thế được, như một bức thư được viết bởi bàn tay bất tử của William Shakespeare? Tôi có thể nói cho ông biết câu trả lời mà tôi đã tự khám phá bằng cách của tôi.

Bức thư được viết cho tổ tiên của ngài John Humphrey Bond, một người bạn vô cùng thân thiết của nhà văn, ngoài ra nó còn viết rằng Shakespeare nghi ngờ là ông ấy đã bị đầu độc, một cách từ từ, thậm chí trong đó còn nêu cả tên nghi phạm đã bỏ thuốc độc... Điều đó thật kì lạ, vô cùng kì lạ. Kẻ bị Shakespeare cáo buộc đầu độc ông ấy tên là Hamnet Sedlar. Hamnet Sedlar, ngài thanh tra, người mà hai anh em Hamnet và William Sedlar chính là hậu duệ!

Thật kì lạ phải không? Giờ chúng ta đã hiểu được tại sao vị học giả này, một người đàn ông có văn hóa, một người sưu tầm đồ cổ nghiêm túc và say mê, một người Anh kiêu hãnh, lại có thể hành động trái với những bản năng khoa học, kiến thức được giáo dục, lại muốn phá hoại một trong những thứ có thể coi là di sản vô giá của nhân loại, tri thức của Shakespeare bất tử, thi nhân của Avon, người được Carlyle đánh giá là trí tuệ vĩ đại nhất và được Ben Johnson nhắc đến như người sống mãi qua các thế hệ, người đã được ngưỡng mộ trong suốt ba thế kỉ của tri thức nhân loại, đã bị mưu sát bởi chính tổ phụ của Hamnet Sedlar, người được xã hội coi trọng và cũng vinh dự mang chính cái tên đấy. Một số người sẽ cho rằng suy nghĩ của gã thật điên rồ, những người khác có thể không tin, nhưng niềm tự hào về tổ tiên, từ thời xa xưa, đã là một chứng bệnh không thể chữa khỏi, và nó sẽ tự thiêu rụi bản thân ông bằng ngọn lửa lạnh lẽo.

William đã không bị căn bệnh đó truyền nhiễm, đức tin khoa học của ông ta đã chiến thắng. Nhưng ông cũng đã quá vất vả trong cuộc sống, nên ông ta không muốn để lại bức thư cho con cháu mình mà để cho chính ông ta. Người đàn ông thứ ba, tham gia vào vụ án chính là kẻ thủ ác thật sự, kẻ đầu tiên và duy nhất dính đến vụ giết người, kẻ

sẵn sàng đánh đổi mạng sống của con người để gìn giữ một tài liệu quý giá cho thế giới.

Hãy nói với Patience, Gordon, hay bất kể ai quan tâm rằng sự thật sẽ nhanh chóng được sáng tỏ, ông bạn của tôi, và họ không cần lo sợ về sự an toàn của bức thư nữa. Tôi đã tận mắt nhìn thấy nó đang trên đường trở về Anh quốc nơi mà nó nên thuộc về, để trở thành tài sản hợp pháp của vương quốc Anh và thành di sản tinh thần cho thế giới; khi mà người chủ sở hữu cuối cùng của nó, ngài Humphrey Bond đã qua đời mà không có người nối dõi và những gia sản của ngài ấy sẽ được chuyển cho Hoàng gia. Nếu tôi có đóng góp nào vào việc bảo tồn lá thư này, thì thưa ngài thanh tra, tôi biết rằng những người bạn của tôi sẽ luôn nghĩ tốt về tôi. Và tôi mong muốn với sự ích kỉ cố hữu của con người, rằng cho dù tôi đã ở tuổi xế chiều thì tôi vẫn có thể giúp ích được gì đó cho nhân loại.

Patience và Gordon, nếu ta có thể được phép đưa ra một chút quan điểm cổ hủ về mối quan hệ mật thiết của hai cháu, thì ta nghĩ hai cháu sẽ hạnh phúc. Hai cháu có chung nhiều sở thích, đều là những thanh niên thông minh, và ta biết cả hai sẽ trân trọng nhau. Mong Chúa sẽ phù hộ cả hai. Và tôi cũng không quên ngài, ngài thanh tra thân mến. Tôi đã quá già cả và mệt mỏi cũng như không còn nhiều thời gian nữa... tôi sẽ ra đi rất nhanh chóng thôi; trong một chuyến đi dài, đó là động lực chính để tôi viết bức thư kì cục này. Và vì tôi không còn tham gia vào vụ án, và chưa kịp thông báo cho ngài, tôi sẽ tự nói với chính mình những lời tạm biệt trang trọng này:

Họ nói là ông ta đã ra đi một cách tốt đẹp, trả những món nợ của mình; và Chúa sẽ phù hộ ông ta.*

Hẹn ngày gặp lại...

DRURY LANE

Viên thanh tra nhăn cái mũi to của mình. “Tôi không thể hiểu nổi...”

Rowe nhanh chóng nhìn quanh. Nhưng khung cảnh thật tĩnh lặng; những ngọn tháp và chóp của lâu đài Hamlet lơ mờ nhô lên bình thản qua những

ngọn cây. Patience nói với một giọng điệu kì lạ: “Ngài Lane đang ở đâu vậy, Quacey?”

Đôi mắt nhỏ của Quacey lấp lánh. “Sưởi nắng đâu đó trong khu vườn ở phía tây, thưa cô Thumm. Ông ấy chắc sẽ rất ngạc nhiên nếu thấy cô. Tôi đoán ông ấy không biết là mọi người đến.”

Hai người đàn ông rẽ vào khu vườn cùng Patience bước lên lối đi rải sỏi. Quacey thở dốc trên mỗi bước đi, họ bắt đầu băng qua vạt cỏ ẩm ướt dẫn đến khu vườn ở phía Tây.

“Mọi người thấy đấy.” Cô cố ý nói nhỏ đến mức mọi người phải căng tai lên nghe. “Kẻ đột nhập đã tự phản bội. Gã không phạm sai lầm nào, gã không biết mình đã mắc sai lầm. Định mệnh đã an bài cho gã. Định mệnh nằm trong chiếc đồng hồ báo thức rẻ tiền.”

“Đồng hồ báo thức ư?” viên thanh tra thì thầm.

“Khi chúng ta kiểm tra phòng làm việc, ta tìm thấy chiếc đồng hồ báo thức của Maxwell để trên lò sưởi, chúng ta thấy rằng chuông báo thức vẫn bật. Điều đó có nghĩa là gì? Tiếng chuông báo thức đã kêu vào giờ nó được định - mười hai giờ đêm, chính là đêm trước đó. Cái cần gạt vẫn chỉ vào nút Báo thức khi chúng ta khám xét căn phòng. Nếu chuông đã đặt tối hôm trước thì đồng hồ phải reo rồi. Nhưng điều gì khiến cho việc chuông báo thức reo lại quan trọng đến vậy? Đó là nếu nó reo, mà sau đó cần gạt vẫn ở chế độ báo thức thì hẳn là nó đã reo hết mấy hồi chuông. Khi chuông reo, người ta thường tắt chuông bằng cách gạt cần vào nút Im lặng, nếu không nó sẽ kêu đến hết chuông. Vậy nên đã không ai tắt nó đi; chuông báo thức đã kêu, kêu mãi cho đến khi nó tự dừng lại, lò xo báo thức bung ra và chết, trong khi cần gạt vẫn ở mức báo thức...”

“Nhưng điều quái quỷ đó nghĩa là gì hả, Patty?” Rowe gào lên.

“Tất cả mọi thứ. Chúng ta biết rằng kẻ đột nhập đã ở trong căn phòng chính xác vào lúc nửa đêm. Cho nên, gã đã ở trong phòng khi chuông báo thức kêu. Chúng ta biết điều này từ hai dữ kiện: Maxwell nói rằng ông ta giữ cho mọi chiếc đồng hồ chính xác và chiếc đồng hồ báo thức bị hỏng lúc mười hai giờ.”

Rowe lúi lùi một chút, trầm ngâm. Nhìn anh có vẻ căng thẳng.

“Thôi được rồi, đến đây thì ta đã hiểu.” Viên thanh tra càu nhàu. “Tại sao gã cầm rìu của con không tắt chuông đi khi nó bắt đầu kêu? Nó chả khiến hần phải giật bản mình lên ấy chứ. Bất cứ kẻ nào đột nhập nhà người khác mà nghe thấy tiếng chuông reo hần đã giật mình và tắt chuông đi, dù có ai khác ở nhà hay không.”

Họ dừng lại trước một cây sồi cổ và Patience im lặng nghe lời phản bác của bố cô. “Chính xác,” cô thì thầm. “Vấn đề là, dù gã ở trong căn phòng đó, dù nếu theo đúng bản năng gã phải tắt chuông báo thức đi, hần đã không làm vậy.”

“Ồ, thật quá sức ta rồi,” Thumm nói khẽ. “Nào, nào đi thôi, Gordon,” và ông đi ngang qua rặng cây. Tất cả mọi người theo sau một cách chậm rãi. Không xa đó, phía dưới bức tường thấp có rặng thủy lạp, họ nhìn thấy bóng dáng lạng lẽ của Lane trên một chiếc ghế dài cũ kỹ, đang quay lưng lại.

Patience khẽ phát ra một âm thanh yếu ớt khiến viên thanh tra quay phắt lại. Rowe với ánh mắt chết chóc, liền bước đến đỡ cô.

“Chuyện gì vậy?” Viên thanh tra hỏi một cách chậm chạp.

“Bố, đợi đã.” Patience bật khóc. “Đợi đã, bố không hiểu, không thấy được vì sao kẻ đột nhập không phát hiện ra quả bom hẹn giờ khi gã kéo xác Hamnet Sedlar xuống căn hầm? Tại sao gã rạch nát các bức tường trong phòng làm việc? Rõ ràng gã đi tìm một khoang giấu đồ sau tường. Vậy sao gã không làm theo cách thông thường? Gã chỉ rạch, cắt, chém, sao hần không thử gõ tay lên ván ốp tường?”

Thumm lom lom nhìn hai đứa, thở khó nhọc, giọng căng thẳng. “Tại sao?”

Patience đặt bàn tay run rẩy lên cánh tay cơ bắp của Thumm. “Xin bố, trước khi chúng ta đến gặp Lane. Kẻ đột nhập đã không tắt chuông báo thức, không biết có bom gài trong căn hầm, gã đã không dò tường rỗng - đều cùng một lý do, bố ạ. Bố không thấy sao? Chuyện đó đã hạ gục con như một cú đấm trời giáng khiến con muốn bỏ chạy... Gã không thể nghe thấy tiếng chuông báo thức. Gã không thể nghe tiếng tích tắc của quả bom hẹn giờ. Gã cũng không thể nghe được tiếng lộp bộp nếu gõ vào bức tường rỗng, vì gã bị điếc.”

Mọi người chết lặng. Ngài thanh tra há hốc mồm như thể một tấm cửa sắt vừa sập xuống sàn; một sự thật kinh hoàng bao trùm đôi mắt ông. Rowe đứng yên, cánh tay quàng qua Patience đang run rẩy. Quacey đột nhiên rít lên như một con vật đang kêu gào và đổ rạp xuống bãi cỏ.

Ngài thanh tra khó nhọc bước lên, chạm vào bờ vai yên lặng của Lane. Patience òa khóc và vùi mặt vào áo choàng của Rowe, khóc như thể trái tim cô đang vỡ vụn.

Đầu của ông lão gục xuống ngực, lặng yên như không cảm thấy bàn tay của Thumm.

Ngài thanh tra lập tức vòng ra trước chiếc ghế dài và nắm lấy bàn tay của Lane.

Nó đã lạnh ngắt, và một chiếc lọ rỗng rơi khỏi những ngón tay trắng toát của ông xuống thảm cỏ xanh mướt.



Thánh Joseph (hay còn gọi là Thánh Guise): là chồng của Đức mẹ Maria, cha của Đức Giesu là vị thánh được tôn sùng, yêu quý với hình ảnh một ông già râu tóc uy nghi, một người cha nhân lành. (Trong tác phẩm gốc không có chú thích, mọi chú thích trong cuốn sách này đều do Ban Biên tập Huy Hoàng bookstore thực hiện.)

Arsène Lupin: là một nhân vật hư cấu trong loạt truyện thám tử, tiểu thuyết trinh thám của nhà văn Pháp Maurice Leblanc (1864-1941). Ra đời cùng thời với Sherlock Holmes, Arsène Lupin nổi tiếng ở các nước nói tiếng Pháp, giống như Sherlock Holmes ở các nước nói tiếng Anh.

Nguyên văn: “trái táo trong mắt bố cô”.

Thanh tra Thumm: trong các tập trước của loạt truyện này, Thumm làm việc với tư cách thanh tra của Sở cảnh sát New York, nay đã về hưu và mở văn phòng thám tử, nên những người quen biết ông vẫn quen gọi ông là “ngài thanh tra”.

Nguyên văn: “highbrow joint” chỉ nơi dành cho các học giả, dân trí thức (có vẻ xa rời thực tế).

Pao (Pound): đơn vị đo, 1 pound = 0,454kg, 175 pao bằng khoảng 80kg.

Bộ (foot), in-sơ (inch): đơn vị đo, 1 foot = 0.304m, 1 inch = 2,54cm; 5 bộ 10 in-sơ khoảng 1m7.

Maitre d’hôtel (Tiếng Pháp): Viên quản lý.

Salle à manger (Tiếng Pháp): Phòng ăn.

Beau Brummell: George Bryan ”Beau” Brummell (1778 - 1840) là một biểu tượng thời trang ở Anh cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX. Ông cũng là bạn của hoàng tử Regent, người sau này trở thành vua George IV. Ông đưa ra tiêu chuẩn mới về trang phục cho đàn ông, thay thế những bộ đồ diêm dúa bằng những bộ đồ cắt may vừa vặn cơ thể. Ông được xem là người khai sinh ra trang phục hiện đại của đàn ông - với chiếc cà vạt.

Mais oui, m’sieu’ (Tiếng Pháp): Vâng, đúng vậy, thưa ngài.

Mesdames (Tiếng Pháp): Các quý bà.

Lafayette: Marie-Joseph Paul Yves Roch Gilbert du Motier, Marquis de Lafayette (1757 - 1834) - mà người Mỹ thân mật gọi là Lafayette, một sĩ quan quân đội Pháp đã cống hiến cho cả 2 quốc gia Pháp và Mỹ. Ông là bạn chiến đấu của George Washington trong Chiến tranh giành độc lập của Mỹ; và là bạn của Alexander Hamilton và Thomas Jefferson.

Ý Tiến sĩ Choate muốn nói mình cũng sắp nghỉ hưu.

Darling: Nghĩa là “Em yêu” hoặc cũng có thể hiểu đây là một họ của người Anh.

Bacchus: Vị thần La Mã bảo trợ nông nghiệp và rượu vang.

Thomas Hardy (1840-1928): là nhà văn, nhà thơ người Anh. Ông là một trong những văn hào tiêu biểu dưới thời Nữ hoàng Victoria.

Will: ở đây ám chỉ William Shakespeare.

John Milton (1608 -1674): nhà thơ, soạn giả, nhà bình luận văn học người Anh.

Stratford: thị trấn bên bờ sông Avon nằm ở phía Nam nước Anh nơi Shakespeare sinh ra và ông cũng được chôn cất nơi này. Hàng triệu lượt người vẫn đến đây hàng năm để tưởng nhớ ông và các tác phẩm của ông.

Nguyên văn “không thể đàm luận về quartos và octavos với anh.” quartos và octavos chỉ những khổ sách khác nhau.

Vesta Virgin: nữ tư tế của nữ thần Vesta, nữ thần lò sưởi, người bảo vệ tổ ấm gia đình. Những nữ tư tế này được giải thoát khỏi các nghĩa vụ xã hội thông thường như kết hôn và sinh con, và giữ lời thề hiến mình cho việc nghiên cứu và thực hiện các nghi lễ.

Thánh Michael: một trong các Tổng lãnh thiên thần được biết đến qua nhiều tôn giáo, truyền thống khác nhau, trong đó có Do Thái giáo, Kitô giáo và Hồi giáo. Thường thì mọi người đều tôn trọng gọi đầy đủ tên thánh là Michael, chỉ có thanh tra Thumm là gọi thánh bằng tên thân mật, Mike!

Balm of Gilead: một loại thuốc chiết xuất cây cỏ ở khu vực Gilead - một vùng rộng lớn bên bờ đông của sông Jordan, nổi tiếng về hương liệu và tinh dầu. Ngoài ra, nhựa cây từ Gilead, trong một số ngữ cảnh, được ví von với sự phục sinh của Chúa Jesus.

Sonnet: Bài thơ xô-nê, là những bài thơ trữ tình ngắn, gồm 14 câu.

Barnum’s Freakshow: một kiểu triển lãm những thứ kì quái, bất thường như đầu khi đuôi cá, người dị dạng, người lùn... một hình thức giải trí khá phổ biến ở cả Anh và Mỹ vào thế kỷ 19, thật ra là những trò lừa bịp nhưng vẫn có những ông bầu thành công và trở nên giàu có như Barnum.

Sir John Oldcastle: Là một vở kịch của William Shakespeare.

B.V.D: Tên một nhãn hiệu đồ lót nam.

Nguyên văn “making a storm in a teacup”: tạo ra một cơn bão trong tách trà.

Frangois Villon (tên thật là Prangois de Montcorbier hoặc Frangois des Loges - sinh khoảng năm 1431 hoặc 1432, mất khoảng sau năm 1463, trước năm 1491) là nhà thơ lớn cuối cùng của thơ ca Trung cổ Pháp. Frangois Villon còn nổi tiếng là một tên đạo chích, một kẻ lãng du, là nhà thơ thiên tài của nhiều bài thơ nổi tiếng.

Reliure: Gáy sách.

Người Do Thái lang bạt: chuyện kể rằng có một người Do Thái đã trêu chọc Chúa Jesus trên đường ra pháp trường, nên bị nguyên rủa phải bước đi trên Trái Đất mãi mãi cho đến khi Chúa trở lại.

Ahasuerus: Trong một số dị bản của chuyện Người Do Thái lang bạt, tên ông ta là Ahasuerus. Tuy nhiên, đây cũng là tên của vua Ba Tư - Xerxes I.

Gia đình Stratford: Một gia tộc lâu đời nhất ở nước Anh.

Stone: đơn vị đo, 1 stone = 14 pound = 6,35kg, 11 stone bằng khoảng 70kg.

Louis-Quinze: hay Louis XV, là phong cách trang trí nội thất theo trường phái Rococo của Pháp, khung tranh, bàn ghế, tủ nhỏ... đều được chạm khắc rất cầu kì, màu sắc tươi sáng.

Nguyên văn: "Limey": giọng miệt thị.

Đoạn này Thumm chơi chữ khá nhiều. Tiểu lãnh chúa Fauntleroy là nhân vật chính trong tiểu thuyết cùng tên của Francis-Hogson Burnett (một nhà văn người Anh mặc dù Thumm ghét cay ghét đắng dân Anh). Fauntleroy có kiểu cách ăn mặc chải chuốt, đến mức trở thành một trường phái thời trang riêng - ám chỉ Rowe luôn ăn vận tươm tất; đồng thời, thì Fauntleroy cũng được thừa kế một gia sản khổng lồ, giống như Rowe đang chịu trách nhiệm với số sách mà ngài Saxon quyên góp cho Bảo tàng Britannic.

Đây là ngày Julius Ceasar bị ám sát.

Malvolio: Nhân vật phản diện chính trong vở Đêm thứ 12 của Shakespeare.

Nguyên gốc tiếng latin: Alarum.

Falstaff: tên người bạn đồng hành của hoàng tử Hal trong vở Henry IV do Shakespeare sáng tác, ngài Lane là nghệ sĩ chuyên diễn kịch Shakespeare nên thích đặt tên của người quản gia theo nhân vật trong vở kịch.

Friedrich Schiller (1759-1805): một nhà thơ lớn của dòng văn học cổ điển Đức.

Nguyên văn: Highbrows.

Nguyên văn: Deus ex Machina. Trong sân khấu kịch, Deus ex machine ám chỉ thiết bị cơ khí giúp hạ thấp sân khấu trong các trường đoạn kịch tính. Hiện nay, cụm từ trên dùng để ám chỉ các sự kiện phi lí, không thể xảy ra.

Nguyên văn: Huzza-ing và Banzai-ing.

Tiến sĩ Ales: nguyên văn "Dr. Ales".

Patience: Sự kiên nhẫn.

Chính là trò đánh bài Solitaire - sắp xếp các quân bài được rút ra ngẫu nhiên theo một thứ tự nhất định, có thể chơi 1 người.

Q.E.D: viết tắt của cụm từ Latinh “quod erat demon-strandum”, nghĩa là “điều đó đã được chứng minh”.

Caliban là nhân vật phản diện chính trong vở kịch The Tempest của Shakespeare, nửa người nửa quái vật, con của phù thủy Sycorax.

Tạm dịch: việc không thể phân biệt.

Nguyên văn: runout powder.

Nguyên văn: Taking the bull by the horn - Nắm sừng bò tốt.

Trong suốt đoạn này, Donoghue sử dụng thứ tiếng Anh hết sức khó nghe của người Ai len.

Ông thậm chí còn phát âm sai khá nhiều từ trong đó.

100 yard:tương đương với 91,44 mét.

Nguyên văn: The Great Horn Spoon - chiếc thìa làm từ sừng cừu, có nguồn gốc xa xưa nhất bắt nguồn từ một truyện kể dân gian Mỹ.

Trích vở Macbeth: Cảnh 5, hồi 8. Đoạn này là lời nói dành cho cái chết của Macbeth.

Table of Contents

LỜI TÁC GIẢ

NHÂN VẬT TRONG CÂU CHUYỆN

MỞ ĐẦU

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

14

15

16

17

18

19

20

21

22

23

24

25

26

[27](#)

[28](#)

[29](#)

[30](#)